

[daotieuuu.blogspot.com](http://daotieuuu.blogspot.com)

# DARKNESS AT NOON

A NOVEL BY

**Arthur Koestler**

A MODERN LIBRARY BOOK

*A Book of the Month Club Selection*

## Thông tin ebook:

**Tên truyện:** Vòng tròn ma thuật

Nguyên tác: Darkness at Noon

Tác giả: Arthur Koestler

Dịch giả: Phạm Minh Ngọc

Thể loại: Văn học nước ngoài

---

Convert (TVE): MarcDull

Ngày hoàn thành: 30/11/2008

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Nguồn: [thuvien-ebook.com](http://thuvien-ebook.com)

Ebook: <http://daotieuvu.blogspot.com>



## Mục lục

## Lời giới thiệu

Đợt thẩm vấn thứ hai

Đợt thẩm vấn thứ ba

Vĩ thanh

Thay lời bạt – Bi kịch của những con người gang thép

## Lời giới thiệu

**Sonnenfinsternis** (Nhật thực) là tên bản gốc tiếng Đức tác phẩm quan trọng nhất của Arthur Koestler. Với việc xuất bản Nhật thực trong bản dịch tiếng Anh *Darkness at Noon*, tác giả đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa cộng sản. Bản dịch tiếng Pháp *Le Zéro et l'Infini* năm 1946 với 400.000 bản gây tiếng vang lớn và khiến Đảng Cộng sản Pháp phải ra những biện pháp đối phó. Từ đó đến nay, Nhật thực trở thành một tác phẩm kinh điển của văn học thế giới thế kỉ 20, thường được nhắc chung với *Trại súc vật* và *1984* của George Orwell. Tại miền Nam trước 1975, Nhật thực được Nhà xuất bản Đen Trắng xuất bản năm 1973 với nhan đề *Tội công thành*, qua bản dịch từ tiếng Pháp của Quốc Ấn [0] . Tại miền Bắc trước 1975 và tại Việt Nam từ 1975 đến nay, tác phẩm này chưa bao giờ được ra mắt độc giả trong bản tiếng Việt.

Giới thiệu Nhật thực qua bản dịch từ tiếng Anh của dịch giả Phạm Minh Ngọc với nhan đề *Vòng tròn ma thuật* kì này, chúng tôi mong muốn gửi đến độc giả Việt Nam hi vọng về một tương lai trong đó chúng ta vĩnh viễn không bao giờ phải trải qua những kinh nghiệm như được miêu tả trong tác phẩm cay đắng này nữa.

Lời người dịch

Đây là bản dịch tác phẩm *Darkness at Noon*, một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Arthur Koestler, đã được nhà xuất bản Random House xếp thứ 8 trong 100 cuốn tiểu thuyết hay nhất

trong thế kỷ XX. Người dịch cho rằng sẽ rất hợp lý nếu chuyển ngữ tên tác phẩm này thành Đêm giữa ban ngày nếu như trước đó chưa có một tác phẩm đã rất nổi tiếng cùng tên của nhà văn Vũ Thu Hiền. Nhưng những độc giả có đủ kiên nhẫn đọc hết tác phẩm cũng như lời bạt thì sẽ thấy rằng Vòng tròn ma thuật hoàn toàn không phải là ngẫu hứng của người dịch, đây là tên nguyên bản bằng tiếng Đức (đã thất lạc) do chính A. Koestler chọn, còn tên của bản tiếng Anh lại do nữ dịch giả Daphne Hardy đặt ra sau này (bản tiếng Pháp tác phẩm này lại có tên là Số không và vô cực, còn trong bản tiếng Nga lại là Tôi đến loá mắt).

Xin được nói thêm đôi lời về tác giả A. Koestler. Ông là người gốc Do Thái, sinh năm 1905 tại Budapest, thời thanh thiếu niên ông sống và học tập ở Hung, Áo và Đức. A. Koestler tham gia tích cực vào những cuộc xung đột xã hội và tư tưởng chủ yếu của thời đại mình. Trở thành đảng viên cộng sản trong những năm 1930 và đã đi thăm Liên Xô một thời gian, thất vọng và ra khỏi Đảng vào năm 1938. Cuối năm đó ông bị lực lượng phát-xít Tây Ban Nha bắt và bị kết án tử hình. Được tha vào phút chót nhờ sự can thiệp của chính phủ Anh, ông đến Pháp và năm sau thì lại bị bắt vì quan điểm chính trị. Sau khi được tha vào năm 1940 ông đến Anh và sống ở đây đến cuối đời. Những cuốn tiểu thuyết, những bài phóng sự cũng như các tác phẩm viết về văn hoá và chính trị đã đưa tên tuổi ông thành một trong những nhà bình luận quan trọng nhất về những nan đề của thế kỷ XX. Ông mất năm 1983.

Tất cả các ghi chú đều của người dịch.

ARTHUR KOESTLER

Vòng tròn ma thuật

Phạm Minh Ngọc dịch

Kẻ thiết lập nên chế độ chuyên chế mà không giết Brutus cũng như kẻ lập nên nền cộng hoà mà không giết các con của Brutus thì chỉ có thể cầm quyền trong một thời gian ngắn. - Machiavelli (Discorci)

Thưa đại nhân, thưa đại nhân, mỗi người tất phải có một nơi mà người ta thương hại mình chứ! - Dostoevski (Tội ác và hình phạt)

Các nhân vật trong cuốn sách này đều là hư cấu. Nhưng hoàn cảnh lịch sử quyết định hành vi của họ thì chân thực. Nhân vật N. S. Rubashov được tạo ra từ cuộc đời của một số nạn nhân của cái gọi là những vụ án ở Moskva. Tác giả có quen biết một vài người trong số đó. Cuốn sách này được viết nhằm tưởng nhớ hương hồn họ.

Paris, tháng 10 năm 1938 – tháng 4 năm 1940

Đợt thẩm vấn thứ nhất

Tất cả các nhà cầm quyền đều có tội. - Saint-Just **I.**

Cửa phòng giam rít lên ken két rồi đóng sập lại.

Rubashov dựa lưng vào tường, anh đứng như thế một lúc rồi lấy thuốc lá ra hút. Bên phải anh, trên một cái giường hẹp là hai cái chăn đã nhàu nát và một cái nệm nhồi rom còn mới, căng phồng. Bên trái có một vò nước và một cái chậu rửa bằng sắt tây đã han rỉ

lỗ chỗ. Bên dưới chậu rửa là một cái thùng dùng làm hố xí bằng gỗ, người ta vừa mới sát trùng xong: mùi clor vẫn còn vương vất đâu đây. Tường gạch cách âm, nhưng có thể truyền tin bằng cách gõ vào ống dẫn nước nóng. Cửa sổ cao đúng tầm mắt, anh có thể nhìn ra sân nhà giam mà không cần phải kiễng lên nhòm qua khung chấn song sắt phía trên. Tạm ổn cả, anh nghĩ như thế.

Rubashov ngáp, anh cởi áo bành tô rồi gập lại và để lên đầu giường. Sau đó anh chăm chú nhìn khắp sân trại giam. Tuyệt, dưới ánh sáng của những ngọn đèn pha, ánh lên một màu vàng nhạt. Dọc theo các bức tường có một con đường hẹp, nghĩa là ở đây được đi dạo. Còn lâu mới sáng; dù có ánh đèn nhưng vẫn nhìn thấy những ngôi sao xa lấp lánh ánh bạc. Dọc theo bức tường phía bên ngoài, đối diện với phòng giam của anh có một người lính đang đi tuần, anh ta bước như đang duyệt binh, đúng một trăm bước thì quay lại.

Anh tháo ủng ngay bên cạnh cửa sổ. Sau đó anh uể oải ngồi xuống chiếc giường sắt rồi để mẫu thuốc lá hút dở bên chân giường và cứ ngồi yên lặng như thế một lúc. Rồi anh lại đi đến bên cửa sổ. Sân trại trống vắng và cực kì yên tĩnh; người lính gác tiếp tục bước như cũ; bên trên hàng rào nhấp nhô của tháp canh là những vì sao của dải Ngân hà lấp lánh, nhấp nháy.

Cuối cùng thì anh cũng đi nằm, anh duỗi thẳng hai chân và vén chăn thật kỹ. Đồng hồ chỉ năm giờ, chắc là ở đây người ta không bắt dậy trước bảy giờ, nhất là lại đang mùa đông. Chập chờn nửa thức nửa ngủ, anh nghĩ rằng ít nhất phải ba bốn ngày nữa mới bị gọi

lên lấy cung. Anh tháo chiếc kính không gọng và để xuống sàn nhà rồi khẽ nhoèn miệng cười và nhắm mắt lại. Ấm áp và bình tĩnh đến lạ lùng, đã nhiều tháng nay anh không được ngủ một cách yên tĩnh như thế này.

Khi người giám thị bật đèn và nhìn vào qua cửa sổ thì cựu Dân uỷ Rubashov vẫn còn ngủ, lưng quay vào tường, đầu gối lên tay trái, tay phải buông thõng xuống sàn, chỉ có bàn tay là khẽ động đậy.

Một tiếng đồng hồ trước đây, Rubashov đã mơ thấy mình bị bắt trước khi hai nhân viên của Bộ Dân uỷ Nội vụ đập cửa phòng.

Tiếng đập càng lúc càng to, Rubashov vươn vai, cố gắng thoát khỏi giấc mộng thường nhật. Anh đã biết cách thoát khỏi những cơn ác mộng hằng đêm vì giấc mơ về vụ bắt giữ thứ nhất cứ thường xuyên quay trở lại, chính xác như lò xo đồng hồ. Đôi khi anh phải vận tất cả ý chí để làm cho chiếc lò xo ngừng chuyển động, nhưng nay thì anh đã bất lực: mấy tuần gần đây anh thấy người rất mệt, trán lúc nào cũng lấm tấm mồ hôi, khó thở nữa, tiến trình như thế cứ tiếp tục, mộng mị ngày càng kéo dài hơn.

Thường thì anh mơ thấy tiếng gõ cửa và ngoài cầu thang có ba người, họ đến để bắt anh. Anh nhìn thấy họ đằng sau cánh cửa đóng chặt, anh còn nghe thấy tiếng họ cười to đến rung cả tường. Họ vận những bộ đồng phục còn mới tinh, đây là những bộ quân phục vệ binh của nền Đế tam Đế chế, ve áo và cổ tay áo có thêu huy hiệu



của nền chuyên chính non trẻ dưới dạng những cây thập tự trông như những con nhện độc; còn trên tay họ là những khẩu súng lục quá khổ; ủng, thắt lưng và bao kiếm nồng nặc mùi da thuộc còn mới. Thế mà bây giờ họ đã có mặt ở đây, ngay trong phòng anh: hai anh chàng có dáng nông dân cao ngồng, mắt hí và một người thấp béo. Họ đứng ngay cạnh đầu giường, anh cảm thấy cả hơi thở gấp gáp trên mặt họ và nghe thấy tiếng thở khò khè vì bệnh hen của anh chàng béo, trong không khí yên ắng của căn phòng lúc đó, tiếng thở như vậy quả là rất to. Một người nào đó ở tầng trên bất thình lình giật nước trong phòng vệ sinh, tiếng nước chảy ồ ồ trong đường ống làm rung chuyển cả căn nhà.

Thời gian như ngừng hẳn; tiếng đập cửa ngày càng to hơn; hai người đến bắt Rubashov thay nhau đâm vào cánh cửa, trong khi người này đâm thì người kia thổi vào các ngón tay cho đỡ cóng. Nhưng Rubashov không thể dậy được, mặc dù anh biết rằng điều tồi tệ nhất đã bắt đầu: họ đã đứng ngay sát giường, thế mà anh vẫn cố mặc chiếc áo khoác màu trắng. Ông tay áo, như cổ tình trên người, bị lộn trái, không thể nào lặn ra. Rubashov làm một cố gắng cuối cùng, nhưng vô ích và bất thình lình người anh bỗng cứng đờ ra: anh không thể cử động được, anh hốt hoảng nhận ra rằng muốn sống còn thì anh phải tìm cho ra cái ống tay áo đáng nguyên rủa này ngay lập tức. Sự bất lực kéo dài dường như bất tận, Rubashov vừa thở hên hên vừa lặn lộn trên giường, những giọt mồ hôi lạnh ướt đầm hai bên thái dương, còn tiếng đập cửa thì vẫn như cũ, nghe như những tiếng trống bị nén lại vậy; cánh tay anh vẫn lục đục mò mẫm bên dưới cái gối, cố tìm cái ống tay áo và cuối cùng, một cú

đánh như trời giáng vào đầu đã làm anh thoát khỏi cơn ác mộng.

Hôm nay cũng thế, trong mấy năm gần đây chuyện đó đã xảy ra cả trăm lần rồi và đây chính là lý do làm cho Rubashov bị điếc, anh mở mắt ra với cảm giác như vừa bị người ta đập báng súng lục vào mang tai. Vẫn còn run, cánh tay vẫn tiếp tục lần mò dưới gối để tìm cái ống tay áo, bởi vì trước khi tỉnh ngủ hẳn anh phải trải qua một thách thức cuối cùng nữa: tin rằng mình vừa tỉnh cơn ác mộng, còn khi thức thì anh sẽ lại ở trong một phòng giam, nền phòng bằng đá ẩm và lạnh, với chiếc thùng gỗ đặt dưới chân giường và lọ nước với mấy mẩu bánh mì khô, rắn như đá ở trên đầu giường.

Và lần này cũng vậy, cơn hoảng loạn không tha Rubashov ngay vì anh không thể đoán được là bàn tay vừa chạm vào cái bình nước hay cái công tắc của chiếc đèn ngủ để trên cái tủ nhỏ ở đầu giường. Đèn bật sáng và nỗi sợ hãi lập tức tan dần. Anh hít thở sâu mấy lần, như uống bầu không khí tự do rồi lấy khăn mặt lau cái trán và phàn hoi trên đỉnh đầu lấm tấm mồ hôi. Tính khôi hài đã quay trở lại, anh nháy mắt với bức ảnh của Anh Cả treo trên đầu giường, những bức ảnh như thế treo khắp nơi: trên đầu giường, trên nóc tủ...trong tất cả các căn hộ ngôi nhà Rubashov đang ở, cũng như trong tất cả các phòng, các căn hộ trong thành phố của anh, trong tất cả các thành phố của đất nước vô cùng rộng lớn này, bức ảnh của con người từng đòi hỏi anh những chiến công và hi sinh vô bờ bến, còn bây giờ nó đang giang vòng tay rộng vô bờ bến che chở cho anh. Rubashov đã tỉnh hẳn nhưng tiếng gõ cửa thì vẫn vang lên đều đều như cũ.

### 3.

Hai người đến bắt Rubashov hội ý trên cái chiếu nghỉ thiếu ánh sáng của cầu thang. Còn Vasily, người lao công, được gọi đến làm chứng thì đứng trước cánh cửa vẫn còn mở của chiếc thang máy, ông cảm thấy khó thở vì hoảng quá. Đây là một ông lão gầy còm, ốm yếu; trên cái cần cổ đầy gân xanh, nhô ra từ chiếc áo đại cán sòn cũ vừa khoác vội lên trên chiếc áo sơ mi mà lão dùng làm áo ngủ, có một vết sẹo khá rộng màu vàng trông giống như một cái trảng nhạc. Đây là một vết thương từ thời nội chiến, lúc đó ông chiến đấu trong trung đoàn lừng danh do Rubashov chỉ huy. Sau đó Rubashov được ra nước ngoài công tác, Vasily chỉ còn biết tin tức của anh qua những bài báo mà con gái đọc cho nghe mỗi buổi tối. Những bài diễn văn của Rubashov tại những kì đại hội Đảng thì vừa dài vừa khó hiểu, nhưng cái chính là Vasily đã không còn nghe thấy âm hưởng của người chỉ huy râu ria, chửi tục khủng khiếp, đến Đức Bà nhà thờ ở Kazan trên cao xanh kia cũng phải mỉm cười. Thường thì Vasily ngủ gục ngay giữa chừng bài diễn văn của Rubashov và chỉ thức giấc khi cô con gái long trọng đọc những câu cuối cùng, bao giờ cũng kèm theo những tràng vỗ tay như sấm dậy. Sau những câu khẩu hiệu: “Đảng cộng sản muôn năm! Cách mạng muôn năm! Lãnh tụ và người Thầy vĩ đại sống mãi!”, bao giờ Vasily cũng nói “Amen!”, nhưng nói khê đến mức cô con gái không nghe thấy; ông cởi áo khoác rồi bí mật làm dấu và đi nằm. Từ trên tường, Anh Cả vẫn nhìn Vasily như mọi khi, còn bên cạnh Anh là một bức ảnh đã ố

vàng vì năm tháng của người chỉ huy trung đoàn Nikolai Rubashov. Họ mà nhìn thấy bức ảnh này thì ông cũng sẽ bị bắt.

Trên chiếu nghỉ cầu thang trước phòng Rubashov mọi vật đều yên ắng, tối và lạnh. Một nhân viên của Bộ Dân uỷ Nội vụ, tay trẻ hơn, đề nghị bắn vài phát vào ổ khoá. Vasily, chân trần trong đôi ủng rộng, dựa hẳn người vào cánh cửa cầu thang máy; khi bị đánh thức ông sợ đến nỗi không quán nỗi xả cạp nữa. Tay nhân viên già hơn không cho nổ súng: vụ bắt giữ phải được tiến hành trong trật tự. Thình thoảng họ lại phả hơi vào các ngón tay đã lạnh cóng rồi tiếp tục gõ cửa, người trẻ hơn còn lấy cả báng súng mà gõ nữa. Có tiếng phụ nữ la hét ở bên dưới. “Bảo bà ta cầm miệng đi!” người trẻ tuổi hơn nói với Vasily. “Này,” Vasily gào lên “nhân viên an ninh đây!”. Tiếng la hét ngừng hẳn. Người trẻ hơn đập mạnh vào cánh cửa. Tiếng động vang khắp hành lang. Cuối cùng thì khoá cửa bị gãy và bung ra.

Ba người đứng sát nhau ngay bên cạnh giường: tay trẻ hơn cầm khẩu súng lục, tay già hơn thì đứng thẳng như đang “chào cờ” vậy; còn Vasily thì đứng sau một chút, lưng tựa vào tường. Rubashov đưa tay lau cái trán lấm tấm mồ hôi và khẽ nheo mắt, theo thói quen của người cận thị, nhìn ba người vừa mới vào. “Công dân Nikolai Zalmanovitch Rubashov,” người trẻ tuổi đồng dục tuyên bố, “nhân danh Cách mạng, tôi tuyên bố anh đã bị bắt!”. Rubashov đưa tay tìm cái kính không gọng ở bên dưới gối, anh cầm lấy kính và đứng lên. Bây giờ, sau khi đã đeo kính anh mới có vẻ giống với Rubashov mà lão Vasily và tay nhân viên già hơn thường thấy trong

các bức ảnh vẫn thường xuất hiện trên báo chí. Tay nhân viên già còn đứng nghiêm hơn trước; nhưng người trẻ tuổi, vốn lớn lên dưới thời những nhân vật mới, bước đến cạnh giường - cả Vasily, Rubashov và tay nhân viên có tuổi đều nhận thấy rằng hắn chuẩn bị nói, mà cũng có thể làm, một hành động lỗ mãng không thể chấp nhận được: sự chậm trễ làm hắn sốt ruột.

“Này đồng chí, cất súng đi,” Rubashov lên tiếng, “rồi cho tôi biết các anh đến đây có việc gì.”

“Ông chưa nghe rõ à? Ông đã bị bắt,” người trẻ tuổi nói. “Mặc quần áo nhanh lên.”

“Các anh có lệnh không?”, Rubashov hỏi. Người nhiều tuổi rút từ trong túi áo ra một tờ giấy, sau khi đưa cho Rubashov anh ta lại đứng nghiêm như cũ.

Rubashov yên lặng đọc.

“Thôi được,” anh lẩm bẩm. “Già vẫn đại, mẹ kiếp....”

“Mặc quần áo nhanh lên,” người trẻ tuổi nói. Thái độ lỗ mãng của hắn không phải là giả tạo, thường ngày hắn vẫn có thái độ như thế. “Chúng ta đã tạo ra thể hệ kế thừa như vậy đấy,” Rubashov chợt nghĩ. Trong đầu anh lại hiện lên những bức tranh cổ động với những chàng thanh niên toe toét cười. “Đưa cho tôi cái áo khoác,” Rubashov bảo, “đủ rồi, cất súng đi”. Mặt đỏ lên, nhưng anh chàng

không trả lời. Người nhiều tuổi hơn đưa áo khoác cho Rubashov, anh luồn cánh tay vào ống áo. “Được rồi,” anh vừa nói vừa gượng cười. Ba người kia không hiểu anh nói gì, vẫn giữ thái độ im lặng nặng nề như cũ. Rubashov từ từ đứng lên và bắt đầu thu nhặt quần áo vương vãi khắp phòng. Sau tiếng thét dứt đoạn, ngôi nhà lại chìm vào yên lặng nhưng cả bốn người đều có cảm giác như trong nhà này chẳng có ai ngủ cả, họ chỉ nằm im, thậm chí nín thở, trên giường. Rồi có ai đó ở tầng trên giặt nước trong nhà vệ sinh, tiếng nước chảy ồn ào, lục đục sôi réo trong đường ống.

Dưới chân cầu thang có một chiếc ô tô đời mới nhất do Mỹ sản xuất. Đường phố vẫn còn tối lắm; dân cư các khu nhà bên cạnh vẫn còn ngủ hay giả vờ ngủ; người lái xe bật đèn pha và họ lần lượt bước vào trong xe: đầu tiên là tay nhân viên trẻ hơn, sau đó đến Rubashov và cuối cùng là tay nhân viên có tuổi hơn. Người lái xe cũng mặc đồng phục của Bộ Dân uỷ, anh ta mở máy và bật đài phát thanh. Con đường rải nhựa chấm dứt ngay sau góc phố và mặc dù họ đi qua trung tâm thành phố, xung quanh là những toà nhà hiện đại cao tám, chín, thậm chí mười tầng nhưng con đường lát đá thì lại gồ ghề, bị xẻ thành rãnh sâu hoắm phủ đầy băng và tuyết. Xe chạy chậm không khác gì đi bộ thể mà vẫn rung và kêu ầm ầm như một chiếc ba gác cũ.

“Chạy nhanh lên một tí,” người trẻ tuổi hơn, có vẻ không chịu nổi sự yên lặng bao trùm trong xe, lên tiếng.

Người lái xe chỉ khẽ nhún vai nhưng không quay lại. Anh ta đã

liếc nhìn một cách thiếu thiện cảm khi Rubashov chui vào xe. Một lần, khi Rubashov bất ngờ lăn ra ốm, người lái xe cấp cứu cũng đã nhìn anh hệt như thế. Đi trên một chiếc xe rung bần bật lại chạy quá chậm qua những dãy phố không người, như những dãy phố chết, tạo cho người ta cảm giác thật khó chịu.

"Còn lâu nữa không?" Rubashov vừa hỏi vừa nhìn ra con đường bị bầm nham nhở. Xuýt nữa thì anh buột miệng hỏi thêm "Bệnh xá ở đâu?". "Khoảng ba mươi phút," người có tuổi đáp.

Rubashov lôi thuốc lá ra, anh rút lấy một điếu rồi chìa bao thuốc cho những người khác. Người trẻ hơn lắc đầu, còn người có tuổi hơn thì rút hai điếu và đưa về phía trước một điếu cho người lái xe. Tay lái xe gục đầu xuống cổ áo, sau đó chỉ để một tay trên vô lăng còn tay kia thì đưa que diêm đang cháy về phía sau. Rubashov cảm thấy yên tâm phần nào, nhưng ngay sau đó anh lại cảm thấy ngượng. "Góm, dễ xúc động thế," anh thầm nghĩ. Dù sao mặc lòng, anh vẫn muốn nói chuyện nhằm xua tan sự xa cách bao trùm lên cả bốn người.

"Tiếc cho cái xe quá," anh khẽ nói. "Ô tô nước ngoài phải mua bằng vàng, thế mà đường như thế này thì chỉ mấy tháng là hỏng."

"Đúng như thế. Đường của chúng ta còn xấu lắm," người có tuổi hơn hưởng ứng. Bằng vào giọng nói có thể thấy rằng anh ta đã nhận thấy sự lúng túng của Rubashov. Rubashov cảm thấy mình như một con chó hoang được người ta thương hại ném cho mẩu

xương nên quyết định không tiếp tục chuyện trò nữa. Nhưng người trẻ hơn đã hần học hỏi:

“Bọn tư bản thì đường tốt hơn à?”

Rubashov khẽ mỉm cười.

“Thế anh đã ra nước ngoài bao giờ chưa?”

“Tôi biết chúng thế nào rồi. Trò tuyên truyền tư sản không tác động được tôi đâu.”

“Không biết anh cho tôi là người thế nào nhỉ?” Rubashov bình tĩnh hỏi. Nhưng rồi không giữ được nên nói thêm: “Anh nên học lại lịch sử Đảng đi.”

Người trẻ tuổi không trả lời, anh ta nhím chăm chăm vào lưng người lái xe. Từ đấy trở đi không ai nói thêm câu nào nữa. Xe bị chết máy lần thứ ba, người lái xe vừa văng tục vừa khởi động lại. Xe nhảy chồm chồm trên những con đường gồ ghề ngoại ô. Hai bên đường là những căn nhà gỗ chen vai thích cánh bên nhau, mặt trắng mờ mờ, lạnh lẽo lững lờ trôi trên những mái nhà gù gù, xiêu vẹo.

## 5.

Hành lang của cái nhà tù mới xây này có những chiếc đèn rất sáng. Một luồng ánh sáng thiếu sinh khí, sáng đến loá mắt dội lên



những bức tường màu trắng, những cửa sổ phòng giam với những tấm bìa các tông ghi tên tù nhân, những lỗ nhòm màu đen và khung sắt của tầng hai. Cái ánh sáng chói chang, nhạt nhẽo và tiếng bước chân trên nền đá lát không có tiếng vọng này có vẻ quen thuộc với Rubashov đến nỗi ảo giác của cơn ác mộng kéo dài hồi đêm như chợt hiện về trong tâm trí. Anh tìm mọi cách thuyết phục mình rằng tất cả những chuyện đang diễn ra đều không thực. “Nếu ta tin rằng mình đang ngủ,” anh nghĩ, “thì tất cả những cái này sẽ như một giấc mơ.” Anh đã tự thuyết phục mình một cách ráo riết đến nỗi đầu tự nhiên choáng váng và anh cảm thấy xấu hổ vô cùng. “Đã tự nhận là cứu tinh thì hãy mang lấy cây thập giá,” anh nghĩ. “Đến phút chót”. Chẳng bao lâu sau viên giám thị đã dừng bước, cửa phòng bốn trăm linh tư. Bên trên lỗ nhòm có treo một cái biển màu trắng với hàng chữ: Nikolai Zalmanovitch Rubashov. “Bài bản đây,” anh tự nhủ; phòng giam có sẵn tên tuổi treo ngoài cửa làm anh choáng váng. Anh định bảo viên giám thị mang cho thêm một cái chăn, nhưng cửa đã rít lên ken két và đóng sập lại.

## 6.

Viên giám thị thỉnh thoảng lại nhìn qua lỗ nhòm. Rubashov vẫn nằm im trên giường, chỉ có lòng bàn tay buông xuống sát nền nhà là khẽ động đậy; ở dưới chân giường có những mẩu tàn thuốc lá và cái kính không gọn.

Bảy giờ, tức là hai tiếng đồng hồ sau khi Rubashov được đưa

vào phòng giam, anh bỗng giật mình thức giấc bởi một hồi còi kéo dài. Không bị những giấc mơ thường nhật hành hạ, anh cảm thấy phần chân hơn. Tiếng còi báo thức rúc lên ba lần. Sau hồi còi thứ ba, buồng giam lại chìm vào im lặng nặng nề.

Một ngày mùa đông vừa mới bắt đầu, ánh bình minh nhợt nhạt làm nhòa đi hình thù của cái thùng gỗ, cái chậu rửa cùng cái vòi nước. Tấm lưới thép màu đen như được in vào khung cửa sổ hình vuông mờ ảo; phía trên, về bên trái có một tấm kính vỡ nhưng đã được ai đó cuộn tờ báo nhét vào. Rubashov nhặt cái kính và đầu mẩu thuốc lá lên nhưng sau đó lại nằm dài ra giường. Anh đeo kính và bật diêm. Căn phòng vẫn yên ắng như cũ. Trong tất cả các tầng quét vôi của cái tổ ong to lớn xây bằng đá này mọi người đã được đánh thức, cùng vùng dậy và bước vào ngày mới với những lời rửa xả. Nhưng những người trong phòng biệt giam thì không nghe thấy gì hết, ngoại trừ tiếng bước chân của cai ngục bên ngoài hành lang. Rubashov biết rằng anh sẽ phải ở trong những phòng biệt giam như thế này cho đến ngày ra pháp trường. Rubashov nằm ngửa, vừa chậm rãi nhả khói vừa lấy tay mân mê chòm râu ngắn.

“Nghĩa là đòm,” Rubashov tự nhủ. Mắt lúc lúc lại chớp chớp, nhưng anh vẫn nằm yên nhìn mấy ngón chân trên cái bàn chân dựng đứng trước mặt. Anh cảm thấy bình thản; lúc ấy anh đã mệt lắm và chỉ muốn ngủ để trượt dần vào cái chết, như trượt vào giấc mơ mà không phải chui ra khỏi cái chốn tù này. “Nghĩa là người ta sắp bắn nhà ngươi.” Rubashov nhủ thầm với mình như thế. Anh khẽ cử động mấy ngón chân bên trong tất và chợt nhớ đến bài thơ ví những

ngón chân của Chúa như những con hoẵng trắng trong một khu rừng nhỏ. Anh tháo kính và lau vào ống tay áo với một động tác mà tất cả đàn em đều biết rõ. Anh cảm thấy ấm cúng và có thể nói là hạnh phúc, anh sợ mỗi một việc, đây là phải dậy và đi. “Nghĩa là người ta sắp tiêu diệt nhà ngươi,” anh lẩm bẩm và lại lấy một điều thuốc nữa ra hút mặc dù anh biết rằng chỉ còn tất cả ba điều nữa thôi. Điều thuốc đầu, khi dạ dày còn rỗng bao giờ cũng làm anh ngầy ngất; còn lúc này, chính anh cũng đang thấy phấn chấn, một trạng thái tình cảm luôn dâng trào trong anh mỗi khi đối diện với cái chết. Đã có thời anh cho thế là không tốt, thậm chí hoàn toàn không chấp nhận được, nhưng lúc này anh không nghĩ như thế. Anh lại nhìn mấy ngón chân đang động dậy trong tất. Và mỉm cười. Tình thương đối với chính cơ thể của mình, cái cơ thể mà lâu nay anh vẫn tỏ ra bàng quan, bỗng trào dâng trong lòng; nhưng khi nghĩ đến cái chết không thể tránh khỏi thì anh lại thấy cay đắng. “Đội vệ binh già sẽ chết,” anh thì thầm. “Chúng ta là cuối cùng”. “Chúng ta rồi sẽ chết”. “Sẽ thành tro bụi...tương lai”. Anh cố gắng ôn lại nhạc điệu câu “Sẽ thành tro bụi...”, nhưng chỉ nhớ được lời thôi. “Đội vệ binh già sẽ chết,” anh nhắc lại và cố gắng tưởng tượng hình ảnh của những vệ binh già đó. Nhưng chỉ nhớ được vài người. Ông chủ tịch đầu tiên của Quốc tế, người bị tử hình vì tội phản bội, chỉ còn để lại trong tâm trí anh hình ảnh cái bụng bự sau tấm áo gilê kẻ ô. Ông luôn mang thắt lưng da chứ không bao giờ đeo dây. Ông Thủ tướng thứ hai của Nhà nước Cách mạng, cũng đã bị hành quyết, thì luôn cắn móng tay mỗi khi gặp nguy hiểm.... Lịch sử sẽ biện hộ cho các vị, Rubashov nghĩ, nhưng anh cũng chẳng tin chuyện này lắm. Lịch

sử thì liên có liên quan gì với những kẻ cần móng tay? Anh vừa rít thuốc vừa nghĩ đến những người đã chết và cảnh đoạ đầy mà họ phải chịu trước khi chết. Anh không căm thù Anh Cả mặc dù ông ta đáng bị như thế. Anh vẫn thường nhìn lên bức chân dung ông ta treo ngay trên đầu giường và cố gắng tạo trong lòng tình cảm thù địch với ông ta. Họ đã gọi ông ta bằng nhiều tên khác nhau nhưng cuối cùng thì cái tên Anh Cả đã được giữ lại. Nỗi kinh hoàng mà ông ta gây ra cho họ trước hết là vì ông ta có thể đúng, tất cả những người ông ta giết, ngay cả khi viên đạn đã nằm trong gáy, cũng phải công nhận rằng ông ta có thể đúng. Không ai dám chắc như thế; chỉ có cái mà họ gọi là Lịch sử nhưng Lịch sử lại chỉ đưa ra lời phán quyết sau khi tất cả những người bị kết án đã thành tro bụi từ lâu.

Rubashov bỗng cảm thấy có người đang quan sát mình qua lỗ nhòm. Không cần nhìn anh cũng biết rằng có một con mắt đang áp sát vào lỗ nhòm để theo dõi buồng giam; rồi có tiếng tra chìa khoá vào ổ. Phải một lúc sau cánh cửa mới mở. Giám thị, một lão già thấp bé, chân đi xăng đan, đứng ngay cạnh cửa, hỏi:

“Tại sao anh không dậy?”

“Tôi bị ốm,” Rubashov đáp.

“Mai anh mới được gặp bác sĩ. Mà bệnh gì thế?”

“Đau răng,” Rubashov nói.

“Răng à?” viên giám thị hỏi rồi đóng sập cửa lại.

Bây giờ thì mình có thể ngủ được, Rubashov tự nhủ, nhưng tâm trí đã không còn được bình tĩnh như trước nữa. Hơi ẩm mốc meo của cái chăn tù làm anh khó chịu. Anh tung chăn ra và lại tiếp tục quan sát cử động của mấy ngón chân, nhưng cảm giác bức bối lại càng tăng thêm. Cả hai cái tất đều có lỗ thủng ở gót. Anh muốn vá tất, nhưng nghĩ rằng phải gõ cửa và phải xin viên giám thị kim chỉ thì anh thối chí; chắc chắn là họ không cho kim đâu. Giá có một tờ báo lúc này thì tuyệt biết mấy. Anh rất muốn được ngửi mùi mực in, rất muốn được nghe tiếng sột soạt của trang giấy. Có thể một cuộc cách mạng đã nổ ra đêm qua, có thể người đứng đầu một nhà nước nào đó đã bị giết hay người Mỹ đã tìm được cách vượt qua được lực trọng trường. Vụ bắt giữ anh có thể chưa được đăng; trong nước nó có thể được giữ kín một thời gian, nhưng tin tức sẽ lọt ra nước ngoài ngay lập tức, người ta sẽ cho đăng những bức ảnh lấy từ những tờ báo ra cách đây mười năm và họ sẽ viết đủ thứ nhảm nhí về quan hệ giữa anh và Anh Cả. Lúc này thì anh không còn muốn đọc báo nữa, nhưng anh lại rất muốn biết trong đầu Anh Cả đang nghĩ gì. Anh như trông thấy ông ta ngồi cạnh một cái bàn dài, nặng nề và nhẵn nhọt, khuỷu tay chống lên mặt bàn và đang chậm rãi đọc cho một người thư ký chép. Khi đọc như thế những người khác thường đi đi lại lại, thả những vòng khói tròn hoặc mân mê một cái thước. Nhưng Anh Cả không đi lại, không mân mê thước, không nhả khói.... Thế rồi bỗng nhiên Rubashov thấy mình cũng đang đi đi lại lại, hoá ra anh đã đứng lên khoảng năm phút rồi mà không biết. Anh nhận ra thói quen cũ của mình là không bao giờ

bước lên cạnh của những viên gạch lát nền, anh đã nhớ nằm lòng cách lát nền từ lâu. Nhưng ý nghĩ về Anh Cả vẫn lờn vờn trong đầu, và dần dần cái người ngồi bên chiếc bàn dài và đang đọc một cách bất động đó đã biến thành bức chân dung của chính ông ta, một bức chân dung với đôi mắt lạnh lùng mà ai cũng biết và được treo ngay trên đầu giường trong tất cả mọi gia đình.

Rubashov tiếp tục đi đi lại lại trên con đường nằm giữa chiếc thùng gỗ bên cạnh chậu rửa mặt và giường ngủ, từ cửa sổ đến cửa đi, vào rồi lại ra, bao giờ cũng đúng sáu bước rưỡi. Theo thói quen từ khi ở tù những lần trước, gần cửa đi anh quay sang phải còn khi đến gần cửa sổ thì quay sang trái; nếu anh không đổi hướng thì thế nào cũng bị chóng mặt. Anh Cả đang nghĩ gì trong óc nhỉ? Trong tâm trí anh bỗng hiện ra bức tranh về một lát cắt xuyên qua bộ não đó, đây là bức tranh màu xám trên một tờ giấy trải căng ra và được ghim trên giá vẽ. Những đường cong màu xám phồng lên như những khúc ruột và quấn vào nhau như những con rắn, sau đó chúng trở nên nhạt nhòa giống như những tinh vân trên các bản đồ thiên văn... Điều gì đang diễn ra trong những đường cong màu xám đang trương phồng lên thế kia? Con người đã biết rõ những tinh vân xa xôi kia nhưng chẳng biết gì về những đường cong nọ. Có lẽ chính vì thế mà lịch sử vẫn có nhiều bí ẩn hơn khoa học. Có thể sau đây, rất lâu sau đây, lịch sử sẽ được dạy bằng các con số thống kê cùng với những mặt cắt giải phẫu học như thế này cũng nên. Lúc đó thầy giáo sẽ vừa viết lên bảng công thức toán học biểu hiện điều kiện sống của dân chúng tại một nước cụ thể, trong một giai đoạn cụ thể, vừa nói: “Công thức này cho chúng ta thấy các yếu tố khách quan

quyết định tiến trình lịch sử này”. Sau đó ông ta sẽ lấy thước chỉ vào khoảng xám mờ ảo giữa thủy hai và thủy ba của óc Anh Cả và nói thêm: “Còn đây là biểu hiện chủ quan của các yếu tố đó. Chính điều này đã dẫn đến việc thiết lập chế độ toàn trị tại Đông Âu trong nửa đầu thế kỷ XX”. Khi lịch sử chưa trở thành khoa học thì chính trị vẫn sẽ chỉ là loại hoạt động nghiệp dư đẫm máu, chỉ là trò mê tín dị đoan và bịp bợm...

Rubashov nghe thấy tiếng chân đều bước ngoài hành lang. Ý nghĩ đầu tiên vụt hiện trong óc: bắt đầu tra tấn đây. Anh đứng lại giữa phòng giam, tai căng lên nghe ngóng. Tiếng chân bỗng ngừng lại trước cửa phòng bên cạnh, mệnh lệnh được ban ra, rồi có tiếng chìa khoá xoay trong ổ. Sau đó tất cả trở lại im lặng như cũ.

Rubashov đứng như trời trồng, nín thở và chờ đợi tiếng thét đầu tiên. Anh nhớ rằng chính tiếng thét đầu tiên, đấy là lúc người ta thét lên vì sợ là chính chứ không phải vì đau, là khủng khiếp nhất. Sau đó thì nhẹ nhàng hơn, người nghe sẽ quen ngay, thậm chí còn có thể đoán được cách thức tra tấn qua tiếng rên la. Trước khi kết thúc, đa số người, dù tính cách và giọng nói có khác nhau đến đâu, cũng đều hành xử giống nhau: tiếng la hét nhỏ dần và biến thành tiếng rên tắc nghẹn trong cổ họng. Thường thì ngay sau đó sẽ có tiếng đóng cửa. Rồi lại có tiếng vặn chìa khoá và tiếng la hét của nạn nhân tiếp theo thường vang lên trước cả khi bị tra tấn, vừa thấy bóng dáng bọn đao phủ là họ đã thét lên rồi.

Rubashov đứng giữa phòng và căng thẳng chờ đợi tiếng thét đầu

tiên. Anh chậm rãi lau kính vào ống tay áo và tự nhủ rằng lần này, dù bị tra tấn thế nào anh cũng không la. Anh nhắc đi nhắc lại câu đó như đang vừa lần tràng vừa cầu kinh vậy. Anh đứng đợi như thế một lúc nhưng vẫn không nghe tiếng kêu. Chỉ nghe tiếng tra chìa khoá, tiếng người thăm thì và tiếng đóng cửa. Tiếng chân bước lại vang lên, họ đi sang phòng kế tiếp.

Rubashov bước lại phía cửa sổ và ghé mắt nhìn. Có mấy người đàn ông đang đứng cạnh cửa phòng 407, đối diện với phòng anh. Đây là người giám thị già và ba tạp vụ, hai người xách bình trà, người thứ ba thì xách một cái giỏ bánh mì đen, bên cạnh còn có hai người lính súng lục lăm lăm trong tay. Hoá ra không phải tra tấn mà là họ đang phát bữa ăn sáng...

Người ta đưa bánh mì cho 407. Nhưng Rubashov không nhìn thấy anh ta. Chắc là theo qui định, anh ta phải đứng cách cửa ra vào một bước chân; Rubashov chỉ nhìn thấy hai bàn tay và hai cánh tay của anh ta mà thôi. Hai cánh tay để trần và rất gầy, y như hai cái que thò ra bên ngoài hành lang. Hai bàn tay thì khum lại vì đang giữ cái bát. Anh ta nắm chặt lấy phần ăn và rút tay vào ngay lập tức. Cửa buồng giam đóng sập lại.

Rubashov không nhìn nữa. Anh đeo kính lên rồi hít một hơi thật dài, thâm tâm cảm thấy nhẹ nhàng hơn. Rồi, trong khi chờ bữa ăn sáng đầu tiên, anh tiếp tục vừa đi vừa huýt sáo. Nhưng anh lại cảm thấy hơi lo, dù không biết tại sao, khi nhớ lại đôi cánh tay gầy và bàn tay khum khum của người tù trong buồng giam 407. Cảnh



tượng hai bàn tay giơ ra và ngay cả những cái bóng mờ trên đó cũng có vẻ như rất thân thuộc với anh, rất thân thuộc nhưng đã tuột khỏi trí nhớ của anh, giống như một đoạn nhạc xưa cũ hay mùi của một đoạn phố hẹp gần hải cảng vậy.

## 7.

Cánh cửa các phòng giam bên cạnh cứ lần lượt mở rồi đóng, nhưng phòng anh thì không. Rubashov bước lại gần cửa để nhìn xem họ đã đến chưa; không hiểu sao anh lại thêm một ly trà nóng đến thế. Lúc này anh đã nhìn thấy bình trà đang bốc khói và mấy lát chanh nổi lều bều trên mặt nước. Anh tháo kính và ghé sát mắt vào lỗ nhòm. Anh có thể nhìn thấy bốn buồng giam đối diện, từ số 401 đến số 407. Phía trên có một hàng lan can thép, đằng sau nó là các phòng giam tầng hai. Đoàn người đang quay trở lại, lần này theo phía bên phải; thì ra họ phát bữa sáng cho dãy bên trái trước, bây giờ đến lượt dãy phải. Lúc này họ đã đứng ngay trước buồng 408; Rubashov chỉ nhìn thấy lưng của hai người mặc sắc phục có đeo súng lục bên hông, những người khác đứng xa hơn, anh không nhìn thấy họ. Cánh cửa đã đóng lại; lúc này họ đi sang phòng 406. Rubashov lại trông thấy bình trà và người tạp vụ với cái giỏ chỉ còn vài lát bánh mì. Họ không dừng lại trước buồng 406, phòng này còn trống. Đoàn người đến gần rồi đi ngang qua cửa phòng anh rồi dừng lại trước buồng 402.

Rubashov lấy tay đập ầm ầm vào cánh cửa. Hai người tạp vụ

cầm bình trà nhìn nhau rồi nhìn về phía cửa buồng anh. Còn người giám thị thì đang mở khoá buồng 402 và làm ra vẻ như không nghe thấy gì. Hai người mặc đồng phục đứng quay lưng lại cửa sổ buồng Rubashov. Bánh mì đã được đưa qua cửa buồng 402; đoàn người chuẩn bị đi tiếp. Rubashov đập cẳng dùi dõ hơn. Anh tháo giày và rồi cứ để giày mà nện liên hồi vào cánh cửa.

Anh chàng mặc đồng phục cao lớn hơn ngoài đầu lơ đãng nhìn cửa buồng Rubashov. Người giám thị đóng cửa buồng 402. Hai người tạp vụ xách bình trà lưỡng lự trong giây lát. Không biết anh chàng mặc đồng phục vừa ngoài lại nói gì đó với người giám thị già, chỉ thấy người này nhún vai rồi chậm chạp đi về phía buồng Rubashov. Hai người tạp vụ mang trà đi theo ông ta, còn người xách bánh mì thì đứng lại nói gì đó với người tù buồng 402.

Rubashov lùi lại, anh bỗng không còn thấy thèm ăn, cũng không có nhu cầu uống trà nữa. Bình nước đã không còn bốc khói, mấy lát chanh nổi lều bều trên mặt nước màu vàng nhạt trông như đã rũ ra và dúm đó đến thảm hại.

Có tiếng chìa khoá quay trong ổ, một con mắt ghé sát lỗ nhòm trong vài giây rồi lập tức biến mất. Cánh cửa bật mở. Rubashov ngồi trên giường và đang đi giày. Người giám thị giữ cửa để cho anh chàng mặc đồng phục cao lớn bước vào buồng giam. Anh ta có một cái đầu tròn, cạo trọc và đôi mắt trống rỗng, vô hồn. Bộ đồng phục còn cứng kêu sột soạt, khi anh ta bước đôi giày đinh cũng kêu cọt két; Rubashov có cảm giác như ngửi thấy mùi da thuộc còn mới.

Anh ta dừng lại trước cái thùng gỗ rồi đưa mắt nhìn khắp lượt buồng giam, cái buồng giam có vẻ như nhỏ lại sau khi anh ta bước vào.

“Anh chưa dọn phòng,” anh ta nói. “Chắc anh biết nội qui buồng giam chứ?”

“Tại sao tôi lại không được ăn sáng?”, Rubashov vừa nói vừa nhìn viên sĩ quan qua chiếc kính không gọng.

“Nếu anh muốn đề đạt gì thì phải đứng dậy,” viên sĩ quan bảo.

“Tôi chẳng có gì để nói hay đề đạt với anh,” Rubashov vừa đáp vừa buột dây giày.

“Thế thì đừng đập cửa nữa, nếu không những biện pháp kỷ luật trại giam sẽ được áp dụng đấy,” viên sĩ quan đáp. Anh ta lại nhìn buồng giam một lần nữa. “Tù nhân không có giẻ lau buồng,” viên sĩ quan vừa nói vừa quay lại phía người giám thị.

Không biết người giám thị nói gì đó với anh chàng tạp vụ chuyên xách bánh mì, chỉ thấy người này lập tức chạy dọc hành lang. Hai người tạp vụ còn lại đứng trước cửa tò mò nhìn căn phòng. Người sĩ quan thứ hai đứng chống nạnh, lưng quay về phía phòng Rubashov.

“Tù nhân còn không có cả bữa sáng nữa,” Rubashov vừa thất

giây giầy vừa nói. “Các anh định bắt tôi nhin đói chứ gì? Biện pháp của các anh tuyệt vời đấy nhĩ.”

“Anh lầm rồi,” viên sĩ quan vẫn nói một cách đều đều như cũ. Rubashov nhìn thấy một vết sẹo rộng trên cái đầu trọc và cuống chiếc Huân chương Cách mạng trên ngực. “Hoá ra mày cũng từng tham gia nội chiến đấy,” Rubashov tự nhủ. Nhưng chuyện đó đã qua lâu rồi, bây giờ thì có ý nghĩa gì....

“Anh lầm rồi. Anh không được ăn sáng vì chính anh nói là bị ốm.”

“Anh ta bị đau răng,” người giám thị, lúc đó đang đứng tựa lưng vào cánh cửa, nói. Anh ta vẫn đi đôi dép và mặc bộ đồng phục nhàu nát, đầy vết dầu mỡ như cũ.

“Thôi được,” Rubashov nói. Anh rất muốn hỏi liệu việc buộc bệnh nhân nhin đói có phải là biện pháp chữa bệnh mới nhất của chế độ hay không, nhưng đã kìm lại được. Câu chuyện đã làm anh chán ngấy rồi.

Người tạp vụ chuyên giữ bánh mì chạy vào và đưa cho người giám thị một cái chiếc giẻ lau bàn. Viên giám ngục vứt chiếc giẻ lau vào góc buồng, ngay cạnh cái thùng gỗ.

“Anh còn có đề nghị nữa không?” viên sĩ quan hỏi, giọng nói tỏ ra cực kì nghiêm túc.

“Hãy để cho tôi yên và thôi trò đóng kịch này đi,” Rubashov đáp. Viên sĩ quan quay ra, còn người giám thị thì giờ chùn chìa khoá lên. Rubashov quay vào và đi đến bên cửa sổ. Khi cánh cửa vừa đóng sập lại thì cũng là lúc Rubashov hiểu rằng mình vừa quên một việc quan trọng nhất, anh lao về phía cánh cửa và lấy tay đập thật mạnh.

“Cho xin mấy tờ giấy và một cái bút chì,” Rubashov gào lên. Rồi anh gỡ kính và dán mắt vào lỗ nhòm để nhìn xem họ có dừng lại hay không. Mặc dù anh đã gào đến vỡ họng nhưng đám người vẫn tiếp tục đi như không có gì xảy. Đoàn người đi xa dần, cuối cùng anh chỉ còn nhìn thấy lưng của viên sĩ quan có cái đầu trọc và chiếc thắt lưng da rộng bản với khẩu súng lục lủng lẳng ngang hông. '

## 8.

Rubashov tiếp tục đi bách bộ; sáu bước rưỡi đi ra, rồi sáu bước rưỡi đi vào. Sự kiện vừa rồi đã làm anh lo lắng; vừa lau kính vào ống tay áo anh vừa hồi tưởng lại toàn bộ câu chuyện. Anh căm thù cái tay sĩ quan có vết sẹo ở trên đầu, nếu có thể giữ mãi trong lòng mối thù này thì tốt biết mấy, nó sẽ làm cho anh cứng rắn hơn trong cuộc đấu tranh sẽ diễn ra nay mai. Nhưng anh lại có một thói quen tai hại là luôn đặt mình vào vị trí của người đối diện và xem xét mọi vật theo quan điểm của họ. Hãy tưởng tượng một tay Rubashov nào đó, dáng người nhỏ thó, râu ria sồm soàm, vẻ mặt bất cần đời, vẫn ngồi trên giường khi người lạ bước vào, rồi lại còn cố tình trưng

ra đôi giày với mấy cái tất ướt nữa! Dĩ nhiên tay Rubashov này đã có nhiều công hiến và một quá khứ oai hùng; nhưng đứng trên diễn đàn đại hội là một việc còn ngồi trong buồng giam thì lại là việc hoàn toàn khác rồi. “Lão Rubashov huyền thoại đấy,” chắc tay sĩ quan với đôi mắt đờ đẫn, vô hồn đã nghĩ như thế. “Kêu khóc đòi ăn chẳng khác gì một thằng học trò, thật không biết xấu hổ là gì. Phòng thì bẩn. Tất thì rách. Đúng là loại dài lưng tốn vải. Lại còn định làm loạn: vì lý tưởng hay vì tiền thì cũng thế cả thôi. Chúng ta không làm cách mạng vì những loại người như thế. Đúng là hắn đã từng giúp đỡ cách mạng; nhưng đây là ngày xưa, khi hắn còn ra hồn người cơ; còn bây giờ hắn đã trở thành một lão già tự mãn vô tích sự, chết là đáng rồi. Mà có thể ngay lúc đó hắn đã như thế rồi; thời cách mạng thiếu gì bọn hăng tiết vệt, rã đám ngay ấy mà. Nếu có lòng tự trọng thì hắn đã dọn buồng giam.”

Rubashov lưỡng lự không biết có cần lau sàn nhà không. Anh đứng giữa phòng giam như thế một lúc, sau đó anh đeo kính lên rồi đi lại gần cửa sổ.

Trời đã sáng rõ, ánh ngày màu xám nhạt làm dịu đi phần nào cái màu vàng gay gắt của đèn pha trong sân trại; hôm nay chắc là sẽ có tuyết. Bây giờ là gần tám giờ, nghĩa là anh vào đây mới có ba tiếng đồng hồ. Mấy bức tường xung quanh sân trông như những bức tường doanh trại quân đội; các cửa sổ được chắn lưới thép tối om om, không thể nào nhìn vào trong được. Có thể sau mỗi cái cửa sổ đó đều có một người đang đứng và nhìn ra sân, như anh, nhưng anh không thể nào nhận ra được. Tuyết trên sân trắng và đẹp quá, bề

mặt có một lớp băng mỏng, nếu ta bước lên đó thì sẽ có tiếng lạo xạo dưới chân. Dọc con đường cách tường chừng mười bước chân xung quanh sân thỉnh thoảng lại có những chỗ tuyết được vun thành đống. Người lính gác vẫn đi đi lại lại như cũ. Một lần, khi quay lại anh hơi ngửa mặt và nhổ nước bọt, làm thành một hình vòng cung rộng trước khi rơi xuống sân tuyết trắng, người lính tò mò cúi xuống, nhìn theo.

“Một chứng bệnh cũ,” Rubashov chột nghĩ. “Người cách mạng không thể đặt mình vào vị trí của người khác.”

“Hay có thể? Thậm chí họ còn cần phải làm như thế?

Cải tạo làm sao được thế giới nếu suốt ngày đặt mình vào vị trí của kẻ khác?

Người ta còn có thể cải tạo thế giới bằng cách nào?

Một người hiểu biết và sẵn sàng tha thứ - liệu có dám kiên quyết hành động hay không?”

“Họ sẽ bắn mình thôi,” Rubashov tự nhủ như thế. “Chẳng ai thèm quan tâm đến động cơ của mình.” Anh gục đầu vào thành cửa sổ. Mảnh sân vẫn ánh lên một màu trắng lấp lánh và yên tĩnh như cũ.

Anh đứng như thế một lúc, để mặc cho cái lạnh của tấm kính

xâm nhập vào trán, lòng tỉnh không nghĩ đến một điều gì khác. Dường như có tiếng động, đúng là có tiếng gõ nhẹ nhưng gấp gấp đang vang lên đâu đây, ngay trong buồng giam này.

Anh quay lại và chăm chú lắng nghe. Tiếng gõ nhẹ đến nỗi ban đầu anh không biết nó xuất phát từ mé tường bên trái hay mé tường bên phải. Anh vừa chú tâm lắng nghe thì tiếng gõ chợt ngừng. Thế là anh bắt đầu tự gõ, ban đầu anh gõ vào bức tường ngay cạnh cái thùng gỗ, bên kia là buồng 406, nhưng không thấy trả lời. Anh quay sang bức tường đối diện, cạnh cái giường ngủ, bên kia là buồng 402. Có tiếng đáp. Rubashov ngồi xuống chiếc giường sắt, mắt nhìn chăm chăm vào lỗ nhòm, tim đập thình thịch. Tiếp xúc đầu tiên bao giờ cũng hồi hộp như thế cả.

402 bắt đầu gõ một cách đều đặn, ba tiếng cách nhau một quãng ngắn, ngưng, rồi lại ba tiếng nữa, ngưng và ba tiếng nữa. Rubashov trả lời bằng cách nhắc lại đúng ba nhịp như thế để tỏ ra rằng anh đã nghe thấy. Anh sốt ruột chờ đợi, liệu người kia có biết cách truyền tín hiệu kiểu này hay không, nếu anh ta không biết thì mất công lắm. Bức tường dày và cách âm khá tốt thành ra để nghe rõ anh phải ghé sát tai vào tường đồng thời không được rời mắt khỏi lỗ nhòm. Nhưng hoá ra 402 là người có nhiều kinh nghiệm; anh ta gõ bằng một cái gì đó khá cứng, có thể là một cái bút chì, tiếng gõ dứt khoát, chậm rãi. Đã lâu Rubashov không phải làm như thế này, anh phải vừa nghe vừa cố nhớ lại cái bảng hình vuông có năm ô nằm ngang, mỗi ô là một chữ cái. 402 gõ năm tiếng, nghĩa là hàng thứ năm: từ V đến Z; sau đó lại gõ hai tiếng, nghĩa là chữ cái thứ hai



trong hàng này: W. Ngừng một lúc lại gõ hai tiếng, hàng thứ hai đây, từ F đến J, rồi lại ba tiếng gõ nữa, nghĩa là chữ thứ ba trong hàng này: H. Sau đó lại gõ ba tiếng và năm tiếng; chữ thứ năm trong hàng thứ ba: O. Tiếng gõ ngừng hẳn.

WHO [1] ?

“Một người thực tế,” Rubashov tự nhủ. “Anh ta muốn biết ngay là mình đang nói chuyện với ai.”. Đúng ra, theo qui ước thì phải hỏi xem người đối thoại thuộc đảng phái nào, sau đó thì đến tin tức, rồi tới thuốc lá, thức ăn; mãi sau này, nhiều ngày sau, nếu chuyện đó có thể tiếp tục, thì người ta mới xưng tên tuổi với nhau. Nhưng Rubashov cũng biết rằng tại những quốc gia khi mà Đảng còn bị săn đuổi chứ chưa nắm quyền thì các đảng viên chỉ được biết bí danh của nhau, mà bí danh lại thay đổi thường xuyên đến nỗi chẳng còn ý nghĩa gì. Nhưng đây là trường hợp khác hẳn. Rubashov lưỡng lự, không biết nên làm thế nào. 402 có vẻ sốt ruột; anh ta nhắc lại: WHO?

Tại sao phải dấu? Rubashov tự nhủ. Anh gõ đầy đủ tên mình: NICOLAS SALMANOVITCH RUBASHOV và ngồi đợi.

Mãi vẫn không thấy trả lời. Rubashov khẽ mỉm cười, anh mừng tượng được sự lúng túng của người bạn tù. Một phút, rồi hai phút, vẫn không thấy trả lời; Rubashov nhún vai và đứng dậy. Anh tiếp tục đi bách bộ trong phòng, nhưng mỗi lần đổi hướng anh đều dừng lại một chút và chú ý lắng nghe. Không thấy gì hết. Anh

lấy kính lau vào ống tay áo rồi từ từ đi về lỗ nhòm để nhìn ra hành lang.

Hành lang vắng ngắt. Chỉ có ánh đèn vàng vọt, nhạt dần, xung quanh không một tiếng động nhỏ. Tại sao 402 không trả lời?

Có thể anh ta sợ; anh ta sợ Rubashov tố cáo. Có thể anh ta chỉ là một giáo sư hay kỹ sư chưa tham gia hoạt động chính trị bao giờ nên sợ đủ thứ. Chắc chắn là không có kinh nghiệm hoạt động chính trị, nếu có anh ta đã không hỏi tên ngay từ đầu. Bị bắt vì một vụ phá hoại nào đó. Chắc chắn là anh ta bị bắt lâu rồi nên mới gỡ tháo như thế, nhưng anh ta vẫn tin là có thể chứng minh rằng mình vô tội. Và vẫn ngây thơ tin rằng số phận một con người, việc anh ta có tội hay không là quan trọng mà không biết rằng trong một cuộc chơi thì có những thứ còn quan trọng hơn rất nhiều. Có thể là lúc này anh ta đang ngồi trên giường và đang viết bản tường trình thứ một trăm, một bản tường trình chẳng ai thèm đọc hoặc đang viết cho vợ bức thư thứ một trăm mà vợ anh ta cũng chẳng được nhận; rồi vì tuyệt vọng mà anh ta đã để râu, chòm râu đen giống hệt như Pushkin, cũng chẳng thèm rửa mặt và còn thêm thói quen cắn móng tay cũng như bị những giấc mơ tình dục hành hạ nữa. Trong tù sự dần vật dũ dội nhất chính là nhận thức rằng mình là một người vô tội, nó làm người ta không thể quen được với hoàn cảnh, nó làm cho người ta nghi ngờ chính đức hạnh của mình.... Tiếng gõ vừa đột ngột vang lên đầu đây.

Rubashov ngồi xuống giường và chú ý lắng nghe, nhưng anh đã

bỏ mất hai chữ cái đầu tiên. Lần này 402 gõ nhanh hơn và kém dứt khoát hơn lần trước, chắc là anh ta quá hồi hộp:

...NG ĐỜI

“ĐÁNG ĐỜI”

Thật không ngờ. Hoá ra 402 là một người theo quan điểm chính thống. Anh ta căm thù phe đối lập và tin rằng lịch sử đang chạy trên con đường do Anh Cả sáng suốt lựa chọn. Anh ta tin rằng vụ bắt giữ mình chỉ là một sự hiểu lầm, anh ta tin rằng tất cả những tai hoạ trong mấy năm vừa qua, từ Tây Ban Nha cho đến Trung Quốc, từ những vụ chết đói cho đến việc giết hại đội cận vệ già của cách mạng cũng chỉ là những sai lầm đáng tiếc hoặc là do những kẻ như Rubashov và những tên đối lập quỷ quyệt gây ra mà thôi. Hình ảnh chòm râu đen biến mất, thay vào đó là một người hoàn toàn khác: râu ria nhẵn nhụi, mặt mũi nghiêm trang, buồng giam sạch bóng, theo đúng nội qui trại. Đây là loại người “bất tri lý”, tranh luận làm gì cho tốn công. Nhưng cắt đứt mối liên hệ duy nhất, mà cũng có thể là cuối cùng, với thế giới cũng không nên.

AI? Rubashov gõ một cách chậm rãi và dứt khoát.

Tiếng gõ đáp lại nghe vội vã như díu lại với nhau:

KHÔNG PHẢI VIỆC CỦA TÔI

TUỖY ANH, Rubashov trả lời và đứng lên tiếp tục đi bách bộ vì cho rằng cuộc nói chuyện đã chấm dứt. Nhưng tiếng gõ lại vang lên, lần này to hơn và rõ hơn nhiều, chắc là anh chàng 402 đã dùng đế giày đập vào tường cho chắc ăn:

HOÀNG ĐẾ VẠN TUẾ!

Hoá ra là như thế, Rubashov tự nhủ. Hoá ra vẫn còn những tên phản cách mạng thật sự chứ không phải như chúng ta nghĩ, không phải là Anh Cả bịa ra để biện hộ cho những thất bại của ông ta. Bên kia bức tường có một tên phản cách mạng thật sự, một nhân chứng sống của Anh Cả, một kẻ đang gào như đáng lẽ hẳn phải gào: Hoàng đế vạn tuế....

AMEN, Rubashov vừa gõ vừa khẽ mỉm cười. Lời đáp vang lên ngay lập tức, lần này còn to hơn nữa.

THĂNG KHỐN!

Rubashov cảm thấy vui vui. Để thay đổi âm vực, anh tháo kính và lấy rìu kim loại gõ vào tường, tiếng gõ còn chậm rãi hơn và rõ ràng hơn mấy lần trước:

KHÔNG HIỂU RÕ LẮM

402 đã hoá điên. Anh ta liền gõ “ĐỒ CHÓ”, nhưng bỏ quên chữ H. Con tức giận bùng phát, anh ta gõ tiếp:

## VÌ SAO BỊ BẮT?

Thật là thơ ngây, Rubashov tự nhủ. 402 lại đã có một khuôn mặt khác. Bây giờ trông anh ta giống một sĩ quan cận vệ trẻ, đẹp trai nhưng hơi dần. Có thể anh ta còn đeo cả kính một tròng nữa. Rubashov lại lấy kính gõ vào tường:

## LỆCH LẠC VỀ CHÍNH TRỊ

Ngừng một lúc. Chắc là tay sĩ quan đang tìm một câu trả lời thật cay độc. Rồi anh ta gõ:

## TUYỆT! BỌN CHÓ BẮT ĐẦU LÀM THỊT NHAU

Rubashov không trả lời. Thôi, đủ rồi; anh đứng lên và tiếp tục đi. Nhưng 402 lại thích tâm sự. Anh ta gõ tiếp:

## RUBASHOV...

Anh chàng đã tỏ ra suồng sã rồi đây.

CÓ, Rubashov đáp.

Có vẻ như 402 có lưỡng lự một chút, sau đó anh ta gõ một câu dài:

## ANH NGỦ VỚI ĐÀN BÀ LẦN CUỐI CÙNG KHI NÀO?

Chắc là anh ta đeo kính; có thể là anh ta dùng kính để gõ và đôi mắt trần đang chớp lia lịa. Nhưng Rubashov không cảm thấy khó chịu. Ít nhất anh ta cũng thể hiện rõ con người thật của mình, điều đó còn thú vị hơn việc anh ta hô khẩu hiệu tôn vinh hoàng đế. Rubashov lưỡng lự vài giây rồi gõ tiếp:

## BA TUẦN TRƯỚC

Câu trả lời tiếp liền lập tức:

## KÊ ĐI

Quá quắt hết chỗ nói. Rubashov đã định chấm dứt câu chuyện, nhưng sau đó anh nghĩ lại và cho rằng người này có thể hữu ích khi cần liên hệ với người tù ở buồng 400 và những tù nhân khác. Buồng bên trái không có người ở; cắt đứt với anh này thì sẽ mất liên lạc luôn. Rubashov không biết trả lời như thế nào. Sau đó anh chợt nhớ một bài hát tiền chiến, được nghe từ thời sinh viên trong một quán ăn có cả vũ nữ đi tất đen nhảy múa minh họa. Anh khẽ thờ dài và lấy kính gõ:

## NGỰC TRẮNG NHƯ BỌT LI SÂM BANH ĐẦY...

Anh hi vọng rằng 402 thích. Quả đúng như thế, anh ta giục:

TIẾP TỤC. CỤ THỂ VÀO.

Không nghi ngờ gì rằng lúc này anh ta đang hồi hộp vật râu cằm của mình. Râu anh ta rõ ràng là thừa, phần cuối hơi vểnh lên. Quí tha ma bắt hấn đi, hấn là mất xích duy nhất, cần phải chiều hấn vậy. Bọn sĩ quan thường bàn chuyện gì khi ăn? Gái và ngựa chứ còn gì nữa. Rubashov lau kính vào ống tay áo rồi gõ một cách đầy ý thức:

ĐUÌ TO NHƯ ĐUÌ NGỰA HOANG.

HẾT. Chịu, không thể nào bịa thêm được nữa. Nhưng 402 có vẻ khoái.

TUYỆT!, hấn vui vẻ đáp. Chắc chắn là hấn đã phá lên cười, nhưng Rubashov không thể nào nghe được; chắc chắn là hấn đã vỗ đùi và vui vẻ xoắn chòm râu thừa và vểnh lên của mình, nhưng Rubashov không trông thấy gì. Trước mặt anh chỉ là một bức tường câm lặng.

TIẾP TỤC, 402 lại giục.

Nhưng anh không thể bịa thêm được nữa. HẾT, Rubashov lạnh lùng gõ, nhưng rồi anh hồi hận ngay lập tức. Không được làm hấn giận. May là 402 không giận. Hấn tiếp tục gõ:

TIẾP TỤC ĐI...

Rubashov đã thành thạo đến nỗi không cần đếm các tiếng gõ, chúng tự động chuyển hoá thành lời. Anh có cảm giác như nghe rõ

lời cầu khẩn của 402. Hắn lại đòi:

## TIẾP ĐI – TIẾP ĐI

Rõ ràng là 402 còn khá trẻ, có thể hắn được sinh ra trong một gia đình sĩ quan lâu đời, đã lưu vong và được gửi về nước với một hộ chiếu giả và đang khổ sở lắm. Có lẽ hắn đã đeo kính lên, tay liên tục xoắn râu cằm và nhìn chăm chăm một cách tuyệt vọng vào bức tường trắng trước mặt.

## KÊ NỮA ĐI.

Nhìn chăm chăm một cách tuyệt vọng vào bức tường trắng, cảm lặng trước mặt; nhìn chăm chăm vào những vết loang lỗ trên tường, rồi dần dần từ những vết loang lỗ đó bỗng hiện lên hình ảnh người đàn bà ngực như li sâm banh đây, còn đùi thì không khác gì đùi ngựa cái.

## KÊ NỮA ĐI. XIN ÔNG KÊ NỮA ĐI.

Có thể lúc này hắn đang quì trên giường, tay khum lại như hai bàn tay người tù buồng 407 lúc nhận bánh mì cũng nên.

Và Rubashov sức nhớ lại hình ảnh tương tự như thế, đây là đôi cánh tay cầu khẩn gầy gò đang giơ ra. Pietà [2] ...





9.

*Pietà...* Đây là một buổi chiều, thứ hai đầu tuần, trong một phòng tranh ở miền Nam nước Đức. Gian phòng vắng ngắt, chỉ có Rubashov và một thanh niên đã hẹn gặp từ trước; họ ngồi nói chuyện cạnh một cái bàn tròn giữa căn phòng trống, các bức tường xung quanh treo đầy những bức tranh phụ nữ hờ hang do các họa sĩ

Flemish nổi tiếng một thời vẽ. Chuyện xảy ra vào năm 1933, những tháng đầu tiên của vụ khủng bố, trước khi Rubashov bị bắt không lâu. Phong trào ở Đức đã bị dẹp tan, các đảng viên bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bị truy lùng và đánh đập cho đến chết. Đảng đã tan rã, nó giống như một con vật ngàn đầu, ngàn tay nhưng đang mất máu một cách nghiêm trọng. Trong những chi bộ riêng lẻ, hoạt động vẫn còn diễn ra nhưng thực ra đây chỉ là những cú co giật của một con thú đã bị tử thương. Các nhóm nhỏ may mắn sống sót sau tai hoạ vẫn có mặt khắp nơi và đã đi vào hoạt động bí mật. Họ hẹn gặp nhau khi thì dưới tầng hầm, khi thì ở trong rừng, khi thì ở ga xe lửa, viện bảo tàng và câu lạc bộ thể thao. Họ phải thường xuyên thay đổi chỗ ở, thay đổi họ tên và cả thói quen nữa. Họ chỉ biết nhau qua bí danh và không bao giờ được hỏi địa chỉ của nhau. Số phận người này phụ thuộc vào người kia nhưng chẳng ai dám tin ai. Họ bí mật in truyền đơn để tự khẳng định và thuyết phục người khác rằng họ vẫn còn sống. Ban đêm họ luôn lượn lờ trong những khu phố vắng ngoại ô và viết lên tường những khẩu hiệu cũ để chứng tỏ rằng họ vẫn tiếp tục hoạt động. Họ treo lên ống khói nhà máy và treo lên đó những lá cờ cũ để chứng tỏ rằng họ vẫn còn hiện diện đâu đây. Chẳng có mấy người đọc truyền đơn, chỉ nhìn thấy chúng là người ta đã phát run lên rồi; khẩu hiệu thì bị xoá ngay, cờ thì bị xé bỏ, nhưng chúng lại xuất hiện, khi chỗ này, khi chỗ khác. Vì những nhóm nhỏ vẫn có mặt khắp nơi, họ tự gọi mình là “tử sĩ biết đi” và dành toàn bộ cuộc đời còn lại để chứng minh rằng mình vẫn còn sống.

Các nhóm này không thể liên lạc được với nhau vì đầu não của

Đảng đã bị tiêu diệt, họ phải hoạt động một cách độc lập. Nhưng rồi các nhóm bắt đầu đưa người đi bắt liên lạc với các nhóm khác. Từ nước ngoài các thương nhân có vẻ giàu có với hộ chiếu giả và va li hai đáy với những tài liệu hướng dẫn bắt đầu thâm nhập khắp nơi. Họ thường bị bắt, bị tra tấn và bị giết. Người này chết thì có người khác đến thay. Đảng đã chết, nhưng con hắp hổi thì vẫn tiếp tục, các lãnh tụ ở nước ngoài vẫn đưa vào cơ thể đã cứng ngắc của Đảng dòng điện kích hoạt để chân tay của nó tiếp tục lên những con co giật.

*Pietà...* Rubashov đi đi lại lại trong phòng, sáu bước rưỡi ra rồi sáu bước rưỡi vào, anh đã quên 402 rồi. Anh thấy mình đang ngồi bên chiếc bàn tròn trong phòng tranh, nồng nặc mùi bụi và mùi véc ni. Anh đã đi thẳng từ nhà ga đến đây, trước giờ hẹn mấy phút. Anh tin rằng không có cái đuôi nào bám theo cả. Anh đã cất chiếc va li đựng dụng cụ chữa răng đời mới nhất do một công ty Đan Mạch chế tạo trong tủ chứa đồ của phòng tranh. Anh ngồi cạnh chiếc bàn tròn, say sưa ngắm những bức vẽ phụ nữ hở hang treo đầy trên tường và đợi.

Chàng trai mang tên Richard, cầm đầu tổ chức Đảng trong thành phố đến muộn mất mấy phút. Anh ta chưa gặp Rubashov bao giờ, dĩ nhiên là Rubashov cũng chưa bao giờ gặp anh ta. Rubashov đặt trên đầu gối cuốn Faust của Goethe, đây là tín hiệu nhận dạng. Vừa nhận ra cuốn sách, người thanh niên lập tức nhìn quanh rồi đến ngồi bên cạnh Rubashov. Anh ta có vẻ ngượng nên ngồi cách xa Rubashov, mũ đặt trên đầu gối. Anh ta vốn là thợ chữa khoá nhưng lúc này lại diện bộ com lê màu đen vì nếu mặc đồng phục bảo hộ mà

vào bảo tàng viện thì bị nghi ngờ ngay.

“Xin lỗi, tôi đến muộn,” anh ta bảo.

“Không sao,” Rubashov đáp. “Trước hết cho xem qua người của anh. Anh có mang theo danh sách chứ?”

Chàng trai mang tên Richard vừa lắc đầu vừa nói: “Tôi không có danh sách. Tôi nhớ hết mọi người, cả họ tên lẫn địa chỉ.”

“Thôi được,” Rubashov bảo. “Nhưng nếu chúng bắt được anh thì sao?”

“Danh sách thì có,” Richard nói “nhưng tôi đưa cho Anny giữ rồi. Cô ấy là vợ tôi, anh ạ.”

Richard ngừng lời và nuốt nước miếng, cục yết hầu giật lên giật xuống liên hồi. Sau đó, đây là lần đầu tiên kể từ lúc hai người gặp nhau, anh ta nhìn thẳng vào mặt Rubashov. Hai con ngươi anh ta hơi lồi, đỏ đẫm, với những tia máu chằng chịt; đôi gò má và cằm lún phún râu.

“Chúng bắt được cô ấy đêm hôm qua, anh ạ,” anh ta vừa nói vừa nhìn Rubashov như thể Rubashov, một phái viên của Ban Chấp hành Trung ương, thì triển được phép lạ và cứu được vợ anh ta vậy. “Thế à?” Rubashov vừa hỏi vừa lau kính vào ống tay áo. “Bản danh sách rơi vào tay cảnh sát rồi chứ?”

“Không,” Richard đáp, “vì khi chúng tới thì trong nhà còn có một người chị dâu của tôi nữa, Anny đã kịp đưa bản danh sách cho chị ấy. Chị ấy thì theo chúng ta nhưng chồng lại là cảnh sát nên không sao đâu.”

“Tốt rồi,” Rubashov nói. “Thế lúc vợ bị bắt thì anh đang ở đâu?”

“Chuyện là thế này,” Richard trả lời. “Đã ba tháng nay tôi không

ngủ ở nhà rồi. Chả là tôi có một người bạn làm nghề chiếu phim, khi rạp phim đóng cửa thì tôi có thể ngủ ở trong buồng chiếu phim. Có thể trèo từ ngoài phố, theo cầu thang cứu hoả. Còn được xem phim miễn phí nữa...” Anh ta lại ngừng để nuốt nước bọt. Anny cũng được anh ta cho vé miễn phí, khi đèn tắt thì cô ấy có thể quay lại, nhìn lên buồng chiếu. Cô ấy không nhìn thấy tôi, nhưng đôi khi tôi có thể nhìn rõ mặt cô ấy, nhất là khi màn ảnh có nhiều ánh sáng...” Richard lại ngừng. Trước mặt họ là bức tranh “Ngày phán xử cuối cùng”: những tiểu thiên thần tóc quăn, mũm mĩm vừa thổi kèn vừa bay vào những đám mưa đông. Bên trái là một bức tranh của một họa sĩ Đức; phần lớn bức tranh bị đầu Richard và thành ghế che khuất, Rubashov chỉ nhìn thấy một phần, đây là đôi bàn tay gầy guộc của Đức Mẹ Đồng Trinh đưa ra phía trước và hơi khum lại như một cái bát cùng với một khoảng trời nhỏ không một gợn mây. Richard ngồi bất động như thế trong suốt buổi nói chuyện.

“Thế hả?” Rubashov nói. “Cô ấy bao nhiêu tuổi?”

“Mười bảy,” Richard đáp.

“Thế hả? Còn anh bao nhiêu?”

“Mười chín.”

“Có mấy cháu rồi?” vừa hỏi Rubashov vừa ngẩng cổ lên nhưng anh vẫn không nhìn thấy phần còn lại của bức tranh.

“Đây là cháu đầu,” Richard đáp. Anh vẫn ngồi bất động như một pho tượng.

Họ ngồi yên lặng một lúc, sau đó Rubashov yêu cầu cung cấp tên tuổi các đảng viên. Có khoảng ba mươi người. Rubashov hỏi thêm vài câu và ghi tên một số người vào cuốn sổ đặt hàng của hãng chế

tạo dựng cụ chữa răng Đan Mạch. Anh ghi tên những người này xen giữa danh sách những bác sĩ chữa răng và những người nổi tiếng trong thành phố mà anh đã ghi từ một cuốn danh bạ điện thoại. Sau đó Richard nói:

“Bây giờ tôi xin báo cáo công tác của chúng tôi.”

“Được,” Rubashov đáp, “nói đi.”

Richard báo cáo. Anh ta vẫn ngồi bất động như thế, người hơi cúi về phía trước, hai bàn tay thô ráp và ửng đỏ đặt trên đầu gối. Anh kể về việc treo cờ trên ống khói nhà máy, về những khẩu hiệu viết trên tường, về những tờ truyền đơn dán trong phòng vệ sinh với một giọng đều đều và mệt mỏi như một nhân viên kế toán báo cáo sổ sách với ông chủ. Trước mặt anh ta là các thiên thần vừa thổi kèn vừa bay vào những đám mây đông, còn đầu anh thì che mất một phần bức tranh Đức Mẹ Đồng Trinh với đôi bàn tay gầy guộc đang đưa ra phía trước; còn trên tất cả các bức tường xung quanh là những phụ nữ da thịt, đùi vế ngồn ngồn đang nhìn xoáy vào họ.

Ngực trắng như bột li sâm banh đầy, Rubashov chợt nhớ lại. Anh đứng trên hàng gạch đen thứ ba kể từ cửa sổ và chú ý lắng nghe xem 402 còn gõ nữa không. Không một tiếng động nhỏ. Anh đến gần lỗ nhòm để nhìn sang buồng 407 nơi ban nãy có người tù đưa bàn tay gầy gò ra nhận mấy mẩu bánh mì. Nhưng tất cả chỉ là một tấm cửa bằng thép xám với một lỗ nhòm màu đen bé tí. Hành lang vẫn chìm trong ánh điện vô hồn và yên ắng như cũ, thật khó tin rằng đằng sau những cái cánh cửa kia lại có con người đang sống.

Rubashov bình thản lắng nghe Richard báo cáo. Trong số ba mươi người được Richard xâu chuỗi sau thảm họa chỉ còn mười bảy

người hoạt động. Hai người, một là công nhân và vợ anh ta đã nhảy ra khỏi cửa sổ và hi sinh trước khi bị bắt. Một người đào ngũ, và không ai biết hiện nay anh ta đang ở đâu. Hai người bị nghi là mật vụ, nhưng cũng không chắc lắm. Ba người ra khỏi Đảng để phản đối chính sách của Ban Chấp hành Trung ương. Năm người, kể cả Anny bị bắt đêm qua, trong đó ít nhất có hai người đã chết. Như vậy là chỉ còn lại mười bảy người tiếp tục tham gia rải truyền đơn và viết biểu ngữ lên tường.

Richard thuật lại một cách tỉ mỉ nhằm giúp Rubashov hiểu rõ tất cả các mối liên hệ cá nhân và những vụ việc quan trọng; anh không biết rằng Ban Chấp hành Trung ương đã cài người của mình vào trong nhóm và người này đã báo cáo với Rubashov từ trước rồi. Anh cũng không biết rằng người này chính là bạn anh, tức là anh chàng nhân viên rạp chiếu bóng mà đêm đêm anh vẫn ghé ngủ nhờ; anh cũng không biết rằng người này chính là tình nhân của Anny. Richard không biết, nhưng Rubashov thì biết. Phong trào đã tan rã, nhưng Cục Bảo vệ và Cục Phản gián thì vẫn còn hoạt động và Rubashov chính là người đứng đầu tổ chức này. Chuyện này Richard cũng không biết, anh chỉ biết rằng Anny đã bị bắt, nhưng việc rải truyền đơn và kẻ khẩu hiệu thì vẫn phải tiếp tục làm; anh chỉ biết rằng Rubashov là phái viên của Trung ương, anh phải tin yêu như cha ruột mình nhưng đồng thời không được hé lộ bất cứ biểu hiện tình cảm hay sự dao động nào, dù là nhỏ nhất. Vì những kẻ uy mê và dao động thì không thể thực hiện được nhiệm vụ, sẽ bị khai trừ và rơi vào bóng tối cô đơn.

Có tiếng chân bước ngoài hành lang. Rubashov bước lại phía cửa,

tháo kính và ghé sát mắt vào lỗ nhòm. Hai bảo vệ có đeo súng lục trên thắt lưng da đang dẫn giải một thanh niên có dáng nông dân, phía sau là người giám thị tay cầm một chùm chìa khoá. Nét mặt người tù mới không có một chút biểu hiện tình cảm nào, nhưng một con mắt thì sưng húp còn môi thì có một vết máu khô; khi đi ngang buồng Rubashov anh ta bỗng giơ tay lên quệt vết máu đang rỉ ra ở mũi. Đoàn người khuất dần, phía xa có tiếng cửa mở rồi đóng lại. Chỉ có hai bảo vệ và người giám thị quay lại.

Rubashov tiếp tục đi bách bộ trong phòng. Trí tưởng tượng lại đưa anh trở về quá khứ, anh thấy mình như đang ngồi bên cái bàn tròn, Richard vừa báo cáo xong, xung quanh thật là yên tĩnh. Anh ta vẫn ngồi bất động như cũ, hai tay để trên đầu gối, chờ đợi. Như một con chiên vừa xưng tội xong. Rubashov yên lặng hồi lâu. Sau đó mới khẽ hỏi:

“Hết rồi hả?”

Richard gật đầu, cục yết hầu lại giật mạnh.

“Có một vài chỗ chưa rõ lắm,” Rubashov bảo. “Anh đã nói đến các khẩu hiệu và những tờ truyền đơn mà các anh tự làm. Chúng tôi đã phê bình nội dung những cái này nhiều lần rồi. Có một số câu Đảng không thể nào chấp nhận được.”

Richard hốt hoảng nhìn Rubashov, mặt anh ta đỏ lựng lên, những vết máu trong con ngươi càng rõ hơn và dày thêm.

“Mặt khác,” Rubashov tiếp tục, “chúng tôi vẫn thường xuyên gửi cho các đồng chí tài liệu để phân phát cho quần chúng, trong đó có những văn bản của Ban Chấp hành Trung ương. Các đồng chí có nhận được không?”



Richard gật đầu, mặt anh ta vẫn còn chưa hết đỏ.

“Nhưng các đồng chí đã không cho phân phát tài liệu do chúng tôi cung cấp; trong báo cáo không thấy nói gì đến chuyện đó cả. Trong khi đó các đồng chí lại cho phân phát những tài liệu chưa được Đảng chấp thuận.”

“Chúng...chúng tôi buộc...buộc phải làm...làm như...như thế,” khó khăn lắm Richard mới nói được câu đó.

Rubashov chăm chú ngắm chàng thanh niên, trước đó anh không hề biết rằng chàng ta có tật nói lắp. “Kỳ nhỉ,” anh chợt nghĩ, “đây là tay nói lắp thứ ba mình gặp trong hai tuần qua. Hoàn cảnh đã làm người ta như thế hay là bản thân phong trào chỉ thu hút được những kẻ bất thành nhân thể này...?”

“Các...các đồng...đồng chí phải...phải thông...thông cảm,” Richard tiếp tục một cách tuyệt vọng. “Tài...tài liệu của...của các đồng...đồng chí nặng...nặng nề quá....”

“Nói nhỏ thôi,” Rubashov gắt, “đừng quay đầu ra ngoài cửa.”

Một chàng trai mặc đồng phục màu đen của quân cận vệ tay ôm ngang eo cô bạn gái tóc vàng, còn tay cô ta thì đặt trên vai anh chàng vừa bước vào phòng tranh. Họ dừng lại trước bức tranh các tiểu thiên thần thổi kèn, lưng quay về phía Rubashov và người đồng sự.

“Nói tiếp đi,” Rubashov nói như ra lệnh rồi lấy bao thuốc lá ra. Nhưng sau đó chợt nhớ rằng không được hút thuốc trong viện bảo tàng, anh lại cho thuốc lá vào túi. Richard ngồi yên như thể bị thôi miên, anh ta nhìn trừng trừng hai người mới vào. “Nói tiếp đi,” Rubashov nhắc lại. “Anh nói lắp từ bé à? Nói đi. Đừng nhìn họ

như thế.”

“Đôi...đôi...đôi khi,” phải cố gắng lắm Richard mới nói xong được mấy từ.

Đôi trai gái tiếp tục ngắm tranh. Họ dừng lại trước bức tranh vẽ người phụ nữ khoả thân đang nằm trên giường, mặt hướng về phía người xem. Chàng trai thì thào cái gì đó, chắc là buồn cười, chỉ thấy cô gái khúc khích cười và đưa mắt liếc nhanh về phía Rubashov và Richard. Họ bước đến trước bức tranh vẽ tĩnh vật là mấy con gà lôi đã chết với vài quả táo.

“Chúng ta đi chứ?” Richard thì thào.

“Không,” Rubashov đáp. Anh sợ rằng trong lúc bối rối như thế, nếu đứng lên Richard nhất định sẽ bị lộ. “Họ sẽ ra bây giờ đây. Họ đứng sau chúng ta, không nhìn thấy đâu. Anh hãy thở thật chậm và sâu mấy lần. Tốt lắm đấy.”

Cô gái vẫn còn khúc khích cười trong khi hai người đang bước dần ra ngoài. Khi đi ngang, cả hai đều quay đầu nhìn về phía Rubashov và Richard. Sau đó, khi đã gần bước ra khỏi phòng cô gái bỗng đưa tay chỉ vào bức tranh *Pietà* và họ dừng lại cạnh bức tranh.

“Tôi nói lắp khó nghe lắm à?” Richard khẽ hỏi, mắt nhìn xuống dưới sàn nhà.

“Hãy cố gắng tự chủ,” Rubashov đáp. Anh không muốn câu chuyện tỏ ra thân mật.

“Không sao. Chỉ một lúc là hết mà,” Richard nói, cục yết hầu lại giật lên giật xuống không ngừng. “Anny vẫn thường điều tôi chuyện này đấy.”

Trong khi hai người kia chưa đi ra thì Rubashov không thể lái câu

chuyện theo đúng hướng được. Anh chàng mặc đồng phục đen đang tỉ mỉ lắng vào thành ghế của Rubashov. Nhưng mỗi hiểm nguy lại làm cho chàng thanh niên bớt ngại ngùng, anh ta thậm chí còn xích lại gần Rubashov thêm một chút.

“Nhưng dù sao thì cô ấy vẫn yêu tôi,” anh ta thì thầm, gần như không còn nói lắp nữa. “Tôi chẳng hiểu thế nào hiểu được cô ấy. Cô ấy không thích có con, nhưng không làm thế nào được. Có thể bọn chúng sẽ không hành hạ vì cô ấy đang có mang cũng nên. Tuy chưa trông rõ lắm. Chả lẽ chúng đánh cả đàn bà chưa à?”

Richard hắt hàm về phía anh chàng mặc đồng phục. Đúng lúc đó anh chàng kia cũng ngoái lại, bốn mắt nhìn nhau trong giây lát. Anh chàng mặc đồng phục thì thầm gì đó với cô bạn gái; cô ta cũng quay đầu lại. Rubashov bóp chặt bao thuốc lá, nhưng lần này không rút ra. Cô gái cũng ghé tai anh chàng thì thầm gì đó rồi kéo bạn trai theo mình. Hai người chậm rãi bước ra khỏi phòng, sau khi họ đã ra đến bên ngoài người ta vẫn còn nghe thấy tiếng cô cười. Tiếng bước chân xa dần, xa dần rồi tắt hẳn.

Richard xoay người và nhìn theo cho đến khi họ đi khuất hẳn. Lúc anh ta xoay nghiêng, Rubashov có điều kiện nhìn rõ bức tranh hơn; thì ra đây là đôi tay Đức Mẹ Đồng Trinh gầy guộc, nhỏ như bàn tay của một đứa trẻ, đang hướng về phía cây thánh giá nắm khưất bên trong.

Rubashov nhìn đồng hồ. Chàng thanh niên vô tình ngồi dịch ra xa một chút.

“Chúng ta thống nhất thế này,” Rubashov nói. “Nếu tôi không làm thì các anh cố tình không phân phát các tài liệu do chúng tôi cung

cấp vì không đồng ý với nội dung của chúng. Nhưng chúng tôi cũng hoàn toàn không đồng ý với nội dung các tờ truyền đơn của các anh. Hậu quả chắc chắn là phải có.”

Richard ngược đôi mắt đầy những tia máu đỏ nhìn Rubashov.

“Chính đồng chí cũng biết rằng các tài liệu đó nói toàn những chuyện nhảm nhí,” Richard chán nản trả lời. Anh ta không còn nói lắp nữa.

“Không, tôi chẳng biết gì cả,” Rubashov đáp cộc lốc.

“Các anh làm như chưa có chuyện gì xảy ra vậy,” Richard vẫn nói với giọng mệt mỏi như cũ. “Chúng đã đánh cho Đảng tôi tả thế mà các anh vẫn viết về ý chí quyết thắng giống hệt báo chí thời Đại chiến vậy. Người ta sẽ nhổ vào những tài liệu như thế. Các anh phải biết điều đó chứ.”

Rubashov nhìn xéo chàng trai, anh ta hơi cúi về phía trước, khuỷu tay đặt lên đầu gối, cầm chống lên hai nắm tay.

“Đây là lần thứ hai anh định gán cho tôi quan điểm của anh. Tôi đề nghị chấm dứt kiểu đó đi,” Rubashov nói.

Richard ngược nhìn, trong tròng mắt đỏ đẫm của anh ta ánh lên mỗi ngời vực. Rubashov vẫn tiếp tục nói:

“Đảng đang trải qua giai đoạn thử thách khắc nghiệt. Các đảng cách mạng khác cũng đã từng phải vượt qua những giai đoạn còn khó khăn hơn. Nhân tố quyết định là ý chí quyết thắng của con người. Những kẻ uỷ mị và dao động thì không thể đứng trong hàng ngũ của chúng ta được. Những kẻ cố tình gây ra cảnh hoảng loạn là tay sai của kẻ thù đấy. Động cơ là gì thì cũng vậy thôi. Họ đang phá hoại phong trào và sẽ bị xử lý thích đáng.”

Richard quay mặt về phía Rubashov, cầm vẫn chống lên hai nắm tay như cũ.

“Hoá ra tôi đã phá hoại phong trào,” anh ta nói. “Hoá ra tôi là tay sai của kẻ thù. Hay là tôi được chúng trả tiền để làm chuyện đó? Cả Anny cũng thế à ...?”

“Trong các tờ truyền đơn mà anh nói là do anh viết,” giọng Rubashov vẫn khô khan như cũ “có những câu như: Chúng ta đã bị thất bại, Đảng đã gặp phải tai hoạ, chúng ta phải khởi sự từ đầu và phải thay đổi đường lối một cách toàn diện. Đây gọi là thất bại chủ nghĩa, làm giảm sức chiến đấu của Đảng.”

“Tôi chỉ biết một điều,” Richard nói, “đây là phải nói cho quần chúng biết sự thật, cái sự thật mà mọi người đều đã biết rồi. Lúc này mà còn che dấu thì thật là lố bịch.”

“Trong đại hội vừa rồi,” Rubashov tiếp tục “Đảng đã tuyên bố là không gặp thất bại mà chỉ là tạm thời rút lui về mặt chiến lược và không có lý do gì mà phải thay đổi chính sách cả.”

“Nhưng đây cũng là nói dối,” Richard đáp.

“Nếu anh còn tiếp tục như thế,” Rubashov đáp, “thì tôi cho rằng chúng ta nên kết thúc câu chuyện ở đây.”

Richard không trả lời. Trời bắt đầu tối, đường nét của những thiên thần và phụ nữ trong những bức tranh trên tường trở nên mờ ảo hơn.

“Xin lỗi,” Richard nói, “ ý tôi là lãnh đạo Đảng đã làm. Các đồng chí nói về rút lui chiến lược trong khi một nửa đảng viên của chúng ta đã bị giết, những người thoát nạn thì chỉ mong sống nên đã chạy sang phía kẻ thù. Những nghị quyết mà các anh soạn ra ở ngoại

quốc chẳng mang lại lợi ích gì hết....”

Bóng tối làm cho đường nét của Richard cũng trở nên mờ ảo. Anh ta ngừng vài giây rồi nói tiếp:

“Việc của Anny đêm qua cũng là ‘rút lui chiến lược’ đấy. Xin đồng chí hiểu cho là chúng tôi đang bị săn đuổi chẳng khác gì thú vật....”

Rubashov chờ xem anh ta còn nói gì nữa không, nhưng Richard ngồi yên. Bóng đêm đổ xuống rất nhanh. Rubashov cầm kính lên và lau vào ống tay áo.

“Đảng không bao giờ sai,” Rubashov bình thản nói. “Đồng chí có thể sai, tôi có thể sai, mỗi người chúng ta đều có thể sai. Nhưng Đảng thì không. Đảng là hiện thân của lý tưởng cách mạng trong tiến trình lịch sử. Lịch sử không biết dao động là gì. Nó chỉ có tiến, tuy chậm chạp nhưng bao giờ cũng hướng đến mục đích đã xác định. Trên mỗi khúc quanh của lịch sử đều có vô số xác của những kẻ chậm tiến và lầm lạc. Lịch sử không bao giờ lầm lẫn và không gì có thể ngăn chặn được. Chỉ những ai tin tưởng tuyệt đối vào tiến trình Lịch sử mới có thể đứng trong hàng ngũ của Đảng.”

Richard không nói gì, cầm anh vẫn chống trên hai nắm tay, mặt quay về phía Rubashov, bất động. Thấy anh ngồi im, Rubashov tiếp tục:

“Các anh đã không phân phát tài liệu do chúng tôi cung cấp; các anh đã chặn đứng tiếng nói của Đảng. Các anh đã rải những tờ truyền đơn với những lời lẽ sai lầm và có hại. Các anh viết: ‘Các lực lượng còn lại của phong trào cách mạng phải tập hợp lại và tất cả những lực lượng thù địch với chính thể chuyên chế phải thống nhất lại, chúng ta phải chấm dứt cuộc đấu tranh trong nội bộ và bắt đầu

cuộc chiến đấu mới’. Thế là sai. Đảng không thể liên kết với bọn cải lương. Họ đã phản bội phong trào nhiều lần rồi và nhất định sẽ còn phản bội nhiều lần nữa. Liên minh với họ cũng có nghĩa là chôn vùi cách mạng. Các anh viết: ‘Khi nhà cháy thì mọi người phải tham gia dập lửa, nếu cứ tranh luận về phương pháp thì nhà sẽ cháy ra tro’. Thế là sai. Chúng ta thì phun nước cứu hỏa, trong khi những kẻ khác lại đổ dầu vào. Cho nên trước khi đoàn kết phải nói đến phương pháp chữa cháy đã. Không thể làm chính trị theo kiểu đó. Không thể vội vàng, hấp tấp được. Đường lối của Đảng đã được xác định một cách cực kỳ chính xác, như một con đường hẹp giữa hai sườn núi. Trượt chân một cái, dù tả hay hữu cũng là xong. Cần phải kiên định, chỉ một phút dao động là hỏng.”

Trời càng lúc càng tối thêm, Rubashov đã không còn nhìn thấy hai bàn tay Đức Mẹ nữa. Hai hồi chuông ré lên một cách đột ngột, mười lăm phút nữa viện bảo tàng sẽ đóng cửa. Rubashov nhìn đồng hồ, chỉ còn một việc: tuyên án và buổi gặp sẽ kết thúc. Richard ngồi yên lặng, gần như bất động, khuỷu tay tì lên đầu gối.

“Vâng, tôi chẳng biết nói thế nào nữa,” cuối cùng anh ta lên tiếng, giọng vẫn mệt mỏi và chán nản như cũ. “Anh nói hoàn toàn đúng. Con đường hẹp giữa hai sườn núi cũng hoàn toàn đúng. Nhưng dù sao thì chúng ta cũng bị đánh toi tả rồi. Những người còn sống thì đã đào ngũ hết. Có thể là con đường của chúng ta lạnh lẽo quá chăng. Còn đường của người ta thì có tiếng kèn, tiếng sáo; có cờ hoa và lửa sưởi. Có phải vì thế mà họ thắng? Và vì thế mà tất cả chúng ta thất bại chăng?”

Rubashov không trả lời. Anh muốn nghe tiếp, rồi sau đó mới tuyên

án. Dù Richard có nói gì thì bản án cũng đã được định đoạt rồi, nhưng anh vẫn kiên nhẫn đợi.

Bóng tối làm cho thân hình vạm vỡ của Richard càng trở nên mờ ảo hơn. Anh ta đã ngồi dịch ra xa thêm một chút; hai vai so lại, đôi bàn tay gần như chụp kín lấy mặt. Rubashov cũng ngồi bất động, yên lặng chờ đợi. Anh cảm thấy hơi đau ở hàm trên, chắc là tại cái răng sâu. Một lúc sau Richard mới lên tiếng:

“Tôi phải làm gì bây giờ?”

Rubashov lấy lưỡi tìm cái răng sâu. Anh cảm thấy cần phải đưa ngón tay lúc lắc cái răng sâu trước khi nói, nhưng kìm lại được và lạnh lùng bảo:

“Tôi phải thông báo rằng, theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, từ nay anh không còn là đảng viên nữa.”

Richard không có phản ứng gì. Rubashov ngồi thêm một lúc rồi đứng lên. Richard vẫn ngồi. Anh chỉ khẽ ngược mắt lên và hỏi:

“Anh đến đây vì việc này à?”

“Chủ yếu là thế,” Rubashov nói. Cần phải đi ngay, nhưng anh vẫn đứng trước mặt Richard và đợi.

“Tôi phải làm gì bây giờ?” Richard lại hỏi. Thấy Rubashov không trả lời, Richard tiếp tục:

“Từ nay tôi không được ngủ ở phòng chiếu phim của bạn tôi nữa à?”

Sau vài giây lưỡng lự, Rubashov đáp:

“Tốt nhất là không.”

Anh lập tức cảm thấy ân hận vì đã nói câu đó, đồng thời anh cũng không tin rằng Richard đã hiểu đúng ý mình. Anh cúi nhìn chàng



thanh niên một lần nữa và bảo:

“Tốt nhất là chúng ta nên đi tách ra. Thôi, xin chào.”

Richard ngồi thẳng lên nhưng vẫn không đứng dậy. Trong bóng tối chập choạng, Rubashov chỉ có thể đoán được những ý nghĩ đang loé lên trong đôi mắt đỏ ửng và hơi lồi của chàng trai trẻ mà thôi, nhưng hình ảnh của chàng công nhân tuyệt vọng, chìm trong bóng đêm thì sẽ còn ở lại trong tâm trí anh suốt đời.

Rubashov bước ra khỏi phòng đó và một phòng nữa, cả hai phòng đều tối và vắng lặng như nhau. Không một tiếng động nhỏ, tiếng bước chân trên mặt sàn gỗ nghe rõ mồn một. Chỉ sau khi đi ra ngoài rồi anh mới sực nhớ là mình chưa kịp xem bức tranh *Pietà*. Hai bàn tay Đức Mẹ gầy guộc, khum khum đang giơ lên; đây là tất cả những gì còn lại trong đầu.

Anh dừng lại ngay trên tam cấp lối ra. Cái răng sâu càng đau hơn, trời lạnh. Anh quấn chặt cái khăn màu xám cũ quanh cổ. Đèn điện trên quảng trường trước mặt viện bảo tàng đã bật sáng, giờ này ở đây rất vắng, một chiếc tàu điện vừa đi vừa rung chuông trên con phố hẹp hai bên trồng đầy những cây du nhỏ. “Không biết có taxi không?” Rubashov vừa tự hỏi vừa bước xuống đường.

Richard đuổi kịp Rubashov khi anh vừa đặt chân xuống phố và lầm lũi đi theo. Rubashov tiếp tục bước, không nhanh hơn và cũng không chậm hơn, mắt vẫn nhìn thẳng. Richard vừa cao hơn, vừa to hơn, nhưng lúc này, đi bên cạnh Rubashov anh ta phải so vai lại và bước chậm hơn. Đi được mấy bước và sau khi lấy hết can đảm Richard mới dám lên tiếng:

“Có phải khi tôi hỏi liệu tôi có được đến ngủ ở chỗ người bạn và

anh nói rằng tốt nhất là không là một lời cảnh báo không?”.

Rubashov nhìn thấy một chiếc taxi, anh đứng đợi ngay khúc quanh. Richard cũng dừng lại ngay bên cạnh.

“Tôi đã nói hết rồi, Richard ạ,” Rubashov vừa nói vừa giơ tay ra hiệu cho taxi dừng lại.

“Đồng...đồng...chí không...không thể coi.. coi tôi là kẻ thù được....” Richard nói. Chiếc taxi đã giảm tốc độ, nó chỉ còn cách họ chừng hai mươi bước chân. Richard nhìn thẳng vào mắt Rubashov và nắm lấy ống tay áo anh. Rubashov cảm thấy cả hơi thở và luồng không khí vừa ấm vừa nóng phả thẳng vào trán mình.

“Tôi không phải là kẻ thù của Đảng,” Richard nói. “Đồng chí không được làm thế. Bọn chó ấy sẽ giết tôi....”

Chiếc xe đã dừng hẳn, chắc chắn là người tài xế đã nghe được mấy lời cuối cùng. Đuổi Richard đi là việc vô ích, hơn nữa, ngay đằng trước, chỉ cách vài chục mét đang có một viên cảnh sát. Người lái xe, một lão già nhỏ thó, mặc một chiếc áo khoác da, lạnh lùng liếc xéo Rubashov.

“Ra ga,” Rubashov vừa nói vừa bước vào xe. Người tài xế ngoái lại và vòng tay đóng chiếc cửa sau. Richard đứng trên hè phố, tay vẫn giữ khư khư cái mũ, yết hầu chạy lên chạy xuống không ngừng. Taxi lấy đà và tăng tốc, rồi chạy ngang qua viên cảnh sát. Rubashov cố tình không ngoái cổ lại, nhưng anh biết rằng Richard vẫn đứng trên hè phố, mắt không ngừng dõi theo ánh đèn đỏ phía sau xe của anh.

Họ đi qua những khu phố đông đúc, thỉnh thoảng người lái xe lại quay đầu nhìn, dường như ông ta muốn khẳng định rằng ông khách

vẫn còn ngồi trên xe. Rubashov chẳng hiểu gì phở xá ở đây cho nên cũng không biết chắc là họ có đi theo hướng ra ga hay không. Phở xá thừa dần, rồi cuối đường có một ngôi nhà khá to với một chiếc đồng hồ sáng rực, xe dừng lại. Đến ga rồi.

Ở đây taxi chưa có máy tính tiền, Rubashov vừa bước ra vừa hỏi:

“Tôi phải trả bao nhiêu?”

“Không cần,” người tài xế đáp. Mặt ông ta đầy vết nhăn. Ông ta rút từ trong túi áo ra một chiếc khăn mùi xoa màu đỏ và xỉ mũi ầm ỹ.

Rubashov chăm chú quan sát người tài xế. Anh chưa từng gặp ông ta bao giờ, chắc chắn là như thế. Người tài xế cho khăn mùi xoa vào túi.

“Không bao giờ chúng tôi lấy tiền của những người như các ông,” ông ta vừa nói vừa lúc lắc tay phanh. Rồi bất ngờ ông ta đưa tay ra ngoài. Hai bàn tay già nua, gân nổi sần sùi, móng tay cẩu bần.

“Chúc ông vạn sự như ý,” ông ta vừa nói vừa cười ngượng ngịu.

“Nếu người bạn trẻ của ông cần gì thì xin nhớ: tôi luôn đậu trước viện bảo tàng. Ông có thể cho anh ta số xe của tôi.”

Rubashov bỗng nhìn thấy ở bên phải đường có một người phụ khuôn vác đứng tựa lưng vào cột điện và đang chăm chú quan sát họ. Anh không bắt tay người lái xe mà chỉ đặt vào bàn tay đang giờ ra một đồng xu rồi im lặng bước vào nhà ga.

Một giờ sau tàu mới chạy. Anh uống một li cà phê rẻ tiền, cái răng sâu càng đau hơn. Vừa lên tàu là anh đã ngủ ngay lập tức, anh mơ thấy mình đang chạy ngay trước mặt đoàn tàu. Richard và người lái xe taxi đang lái tàu, họ muốn cán chết anh vì anh không trả đủ tiền vé. Bánh xe ngày càng gần hơn, mà chân thì không nhấc lên được.

Khi tỉnh dậy anh thấy buồn nôn, trán lấm tấm mồ hôi lạnh; mấy người ngồi cùng khoang nhìn anh tỏ vẻ ngạc nhiên. Bên ngoài, trời tối như hũ nút, con tàu đang lao đi trong màn đêm của đất nước thù địch; cần phải giải quyết xong việc của Richard; rằng nhức không thể chịu nổi. Ba tuần sau Rubashov bị bắt.

## 10.

Rubashov gục đầu vào cửa sổ và nhìn ra sân trại. Chân mỗi nhừ, đầu thì váng vất vì đi lại. Anh nhìn đồng hồ, đã mười hai giờ kém mười lăm, nghĩa là anh đã đi đi lại lại liên tục như thế gần bốn tiếng đồng hồ, kể từ lúc sức nhớ tới bức tranh *Pietà*. Đối với anh đây không phải là chuyện lạ, anh đã biết rằng những người bị biệt giam thường có những giấc mơ giữa ban ngày như thế, cũng như đã biết tác dụng thôi miên của những bức tường màu trắng. Một đảng viên trẻ, thợ cắt tóc, đã kể cho anh nghe rằng một lần, đây là năm tù thứ hai, năm khó khăn nhất trong đời anh ta, anh ta từng mơ như thế liên tục bảy tiếng đồ hồ liền: mắt vẫn mở trong khi chân thì cứ bước và anh ta đã đi như thế tổng cộng hai mươi tám cây số trong căn phòng dài có năm bước chân, đến nỗi hai bàn chân phồng rộp lên mà không biết.

Nhưng lần này, thế là hơi sớm; những lần trước chuyện đó chỉ xảy ra sau khi đã bị biệt giam mấy tuần lễ liền. Một điều lạ nữa là anh đã mơ về quá khứ, trong khi các tù nhân biệt giam thường mơ về tương lai, mà nếu có mơ về quá khứ thì cũng là quá khứ tương tượng chứ không phải là quá khứ đã từng hiện hữu như giấc mơ vừa rồi của anh. “Trí óc ta còn bày đặt thêm những trò gì nữa

đây?” Rubashov tự hỏi. Kinh nghiệm cũng cho anh biết rằng đối diện với cái chết thì tâm lý và phản xạ của người ta nhất định sẽ thay đổi, sẽ hỗn loạn hết, như chuyển động của kim la bàn khi đem đến gần cực cái nam châm vậy.

Trời vẫn đầy mây, tuyết chắc chắn sẽ rơi; hai người tù đang đi dạo trong sân trại. Một trong hai người thỉnh thoảng lại nhìn về phía cửa sổ buồng Rubashov, chắc tin anh bị bắt đã loang ra rồi. Mặt anh ta hốc hác, da vàng bệch, môi trên có rãnh như môi thỏ, co ro trong chiếc áo mưa mỏng. Người thứ hai trông già hơn, quần xung quanh người bằng một chiếc chăn tù. Họ không nói gì trong suốt buổi đi dạo và sau khoảng mười phút thì bị một người mặc đồng phục tay cầm dùi cui, lưng đeo súng bắt đi vào. Cửa buồng họ đối diện với cửa sổ buồng Rubashov; trước khi bước vào, anh chàng có môi như môi thỏ còn ngoái lại nhìn về phía Rubashov một lần nữa. Chắc chắn là anh ta không trông thấy Rubashov vì bên ngoài trông vào sẽ thấy rất tối, nhưng rõ ràng anh ta có ý tìm kiếm. “Tôi trông thấy anh nhưng không biết anh là ai; còn anh không trông thấy tôi nhưng lại biết tôi” Rubashov tự nhủ. Anh ngồi xuống giường và gõ cho phòng 402:

HỌ LÀ AI?

Anh nghĩ 402 đã tự ái và sẽ không trả lời. Nhưng hoá ra 402 trả lời liền:

## CHÍNH TRỊ PHẠM...

Rubashov giật mình, anh vẫn nghĩ anh chàng gầy gò, môi như môi thỏ là tù hình sự.

NHU ANH? Rubashov hỏi.

KHÔNG, NHU ANH, 402 đáp. Nhiều khả năng là anh ta vừa gõ vừa mỉm cười. Câu thứ hai nghe to hơn, có thể anh ta lấy kính để gõ.

MÔI THỎ, CẠNH TÔI, 400, BỊ TRA TẤN HÔM QUA.

Rubashov lấy kính lau vào ống tay áo dù anh không định đeo mà chỉ dùng nó để gõ. Anh định hỏi: “TẠI SAO?” nhưng lại gõ:

THẾ NÀO?

TẮM HƠI, 402 lạnh lùng đáp.

Rubashov đã từng bị tra khảo nhiều lần, nhưng cách này thì anh mới nghe chứ chưa biết ra sao. Nếu người ta biết đích xác chuyện gì sẽ xảy ra thì mọi đau đớn về thể xác đều có thể chịu được, thí dụ có thể coi đây là một ca mổ không có thuốc tê, một vụ nhổ răng chẳng hạn. Những điều chưa biết mới đáng sợ vì người ta sẽ không biết sẽ phản ứng ra sao, không biết mức độ chịu đựng của mình sẽ như thế

nào. Và điều kinh khủng nhất, nỗi sợ hãi tái tê nhất chính là lúc đó người ta có thể nói hay làm những việc mà sau này sẽ không thể nào sửa chữa được.

VÌ SAO?, Rubashov hỏi.

LỆCH LẠC CHÍNH TRỊ, 402 gõ một cách chế giễu.

Rubashov đeo kính lên và đút tay vào túi tìm bao thuốc lá. Chỉ còn hai điếu. Sau đó anh gõ tiếp:

CÒN ANH THÌ SAO?

CÁM ƠN, KHÔNG SAO.... 402 trả lời rồi bỏ lửng câu chuyện ở đây.

Rubashov nhún vai; anh châm điếu thuốc lá và tiếp tục đi bách bộ trong phòng. Thật lạ là ôn lại chuyện cũ làm anh phần chán hơn. Tâm trạng buồn chán đã không còn, đầu óc sáng sủa hơn, thần kinh không còn căng thẳng nữa. Anh rửa tay, rửa mặt, súc miệng rồi lau cổ bằng chiếc khăn mùi xoa. Anh húyt sáo, nhưng chỉ nhớ được mấy từ; anh chẳng nhớ được trọn vẹn một bài hát nào. Cách đây vài ngày có người đã bảo: “Nếu Anh Cả mà là nhạc sĩ thì cậu đi đút lâu rồi”.

“Rồi ông ta sẽ cho đi thôi,” Rubashov đáp, mặc dù không tin

chuyện đó lắm.

Anh châm điều thuốc cuối cùng và bắt đầu suy tính cách hành xử nếu bị đưa đi thẩm vấn. Anh cảm thấy bình tĩnh và tự tin như hồi còn là sinh viên trước mỗi kỳ thi khó. Anh cố nhớ lại tất cả những gì từng được nghe về cách tra tấn gọi là “tắm hơi”. Anh tưởng tượng ra những tình huống cụ thể, cố gắng đi sâu vào những đau đớn mà thân thể sẽ phải chịu đựng để loại bỏ tất cả những điều huyền hoặc. Điều quan trọng là không để mình bị bất ngờ. Anh tin chắc rằng trước đây mình đã không bị bất ngờ thì nay mình cũng sẽ không để cho chuyện đó xảy ra được; họ không thể bắt anh nói những điều mà anh không muốn. Mong sao mọi chuyện bắt đầu càng sớm càng tốt.

Người lái xe và Richard lại hiện lên trong đầu: họ đang đuổi theo vì cho rằng anh đã lừa dối họ.

"Bây giờ thì ta sẽ thanh toán hết," anh tự nhủ và mỉm cười một cách ngượng ngịu.

Điều thuốc lá đã cháy gần hết, ngón tay bỏng rát, Rubashov vát mẩu còn lại xuống đất. Anh đã định lấy chân dẫm cho tắt, nhưng sau đó nghĩ lại, anh cúi xuống nhặt mẩu thuốc lá lên rồi chà nhẹ tàn lửa vào giữa hai tĩnh mạch màu xanh trên mu bàn tay trái. Vừa làm như thế anh vừa nhìn đồng hồ trên cánh tay phải: đúng nửa phút sau tàn thuốc mới tắt hẳn. Anh cảm thấy hài lòng: bàn tay không hề



giật lên lần nào trong suốt ba mươi giây vừa qua. Sau đó anh lại tiếp tục bước.

Con mắt ghé sát vào lỗ nhòm để quan sát anh trước đó vài phút đã bỏ đi.

## 11.

Đoàn người đưa cơm trưa đi qua hành lang, lần này họ cũng không vào phòng Rubashov. Nhìn qua lỗ nhòm là việc chẳng hay ho gì cho nên anh không biết bữa trưa tù nhân được ăn gì, chỉ thấy mùi bay khắp phòng, mà mùi thì có vẻ ngon.

Thèm thuốc lá quá. Dù thế nào cũng phải tìm cho bằng được thuốc lá, nếu không thì không thể nào tập trung suy nghĩ được; đối với anh hút quan trọng hơn ăn. Sau khi người ta phát thức ăn chừng nửa tiếng thì anh bắt đầu đâm vào cánh cửa. Phải mười lăm phút sau người giám thị già mới tới

“Cái gì thế?” lão ta hỏi một cách cẩu kinh.

“Tôi muốn mua thuốc lá.”

“Anh có phiếu không?”

“Người ta tịch thu hết tiền của tôi rồi.”

“Thế thì phải đợi để người ta đổi phiếu cho.”

“Trong cái cơ sở mẫu mực này thì phải đợi bao lâu?”

“Anh có thể làm đơn.”

“Ông cũng biết là tôi làm gì có giấy bút gì đâu,” Rubashov bảo.

“Giấy bút cũng phải có phiếu mới được mua.”

Con tức giận dâng lên trong đầu, hơi thở gấp gấp, hòng như nghẹn lại, nhưng anh đã kịp trấn tĩnh. Người giám thị già bỗng nhìn thấy ánh mắt sáng quắc qua cặp kính; điều đó làm lão nhớ lại những bức chân dung của Rubashov mà cách đây chưa lâu vẫn được treo khắp hang cùng ngõ hẻm; lão cười khẩy và bước ra.

“Đồ thôi tha,” Rubashov vừa nói vừa quay vào và đi về phía cửa sổ.

“Tôi sẽ báo cáo là anh lăng mạ tôi,” lão già nói với vào rồi đóng đóng sập lại.

Rubashov lấy kính lau vào ống tay áo và đứng đợi cho đến khi hơi thở trở lại đều đặn như cũ. Không có thuốc thì chịu làm sao được. Sau khi đứng đợi như thế chừng mười phút thì anh bắt đầu gõ để nói chuyện với 402:

## CÓ THUỐC LÁ KHÔNG?

Phải đợi một lúc 402 mới trả lời:

## KHÔNG PHẢI CHO ANH

Rubashov quay lại cửa sổ. Anh mừng tượng viên sĩ quan trẻ phòng bên có ria mép, đeo chiếc kính một tròng, ánh mắt dò dẫm, mi mắt đỏ lựng, đang nhìn chằm chằm vào bức tường phân chia giữa hai phòng và cười khẩy. Hẳn ta đang nghĩ gì nhỉ? Có thể hẳn đang nghĩ: “Ta đã cúng cho các người tất cả rồi còn gì.” Mà cũng có thể: “Đồ khốn, bao nhiêu người của chúng ta đã bị người cho ăn đạn rồi?” Rubashov đứng nhìn bức tường trắng toát; anh cảm thấy rằng đằng sau bức tường này cũng có một người đang đứng nhìn như anh; thậm chí anh còn nghe thấy cả hơi thở của anh ta. “Ta đã bắn bao nhiêu người rồi?” Rubashov tự hỏi. Nhưng anh không thể nào nhớ được. Đã lâu lắm rồi, từ thời nội chiến cơ; có thể là bảy mươi, mà cũng có thể cả một trăm. Thế thì sao? Lúc đó phải thế, nó khác hẳn với trường hợp của Richard, bây giờ anh cũng sẵn sàng làm như thế. Ngay cả nếu anh biết rằng trước sau gì thì Anh Cả cũng sẽ cười lên đầu cách mạng. Ngay cả nếu biết như thế anh cũng vẫn làm.

“Vớ người,” Rubashov vừa nhìn vào bức tường mà phía sau cũng có một người đang đứng - có thể lúc đó anh còn đang hút thuốc và phả khói vào tường nữa - vừa nghĩ “vớ nhà người, ta chẳng có nợ

nần gì. Tuyệt đối không nợ gì. Người còn muốn gì nữa?”

402 lại bắt đầu gõ. Rubashov quay lại gần bức tường:

...GỬI THUỐC, anh nghe thấy 402 gõ như thế. Rồi lại nghe anh ta đâm vào cửa để gọi giám thị.

Rubashov đứng lặng, nín thở. Sau vài phút thì nghe có tiếng chân người giám thị già bước ngoài hành lang. Lão ta không mở cửa mà chỉ đứng bên ngoài hỏi vọng vào:

“Cần gì?”

Rubashov không nghe thấy câu trả lời mặc dù anh rất muốn nghe giọng nói của 402. Nhưng viên giám thị lại cố tình nói to nên anh nghe rất rõ:

“Không được, nội qui không cho phép.”

Vẫn không nghe được câu trả lời. Rồi viên giám thị bảo:

“Tôi sẽ báo cáo là anh lảng mạ tôi.” Tiếng chân lão giám thị bước ngoài hành lang xa dần rồi mất hẳn.

Sau vài phút 402 lại gõ:

## HỌ THEO DÕI Kử ĐẦY

Rubashov không trả lời. Anh lại đi bách bộ, cơn thềm thuốc tiếp tục dâng lên, như có cái gì cào xé trong họng. Anh nghĩ đến 402. “Nhưng ta cũng sẽ vẫn làm như thế,” anh tự nhủ. “Lúc đó cần và đúng là phải làm như thế. Nhưng dù sao ta vẫn mắc nợ nhà người. Người ta phải trả giá cho cả những việc cần và đúng ư?”

Cổ họng khô rát, các mạch máu trên trán căng lên, Rubashov vẫn không ngừng đi đi lại lại như cũ và môi anh bắt đầu mấp máy theo ý nghĩ.

“Người ta phải trả giá cho cả những hành vi đúng đắn ư? Liệu có tiêu chuẩn đánh giá nào khác không?”

Liệu cái người được coi là đúng đắn đó có mắc tội nặng hơn khi anh ta được đánh giá bằng cái tiêu chuẩn kia hay không? Liệu anh ta có phải chịu tội gấp đôi, tức là chịu cho mình và cho cả những kẻ không biết mình đã làm gì hay không...?”

Rubashov đứng như trời trồng trên viên gạch đen thứ ba, tính từ cửa sổ.

Cái gì thế? Loạn trí à? Anh nhận ra là mình đã tự nói thành tiếng được vài phút rồi. Nhận ra nhưng không ngưng được.

“Ta sẽ phải trả hết.”

Và đây là lần đầu tiên kể từ lúc bị bắt Rubashov thấy sợ. Anh rút tay vào túi tìm thuốc lá. Không còn điều nào.

Có tiếng gõ nhẹ ngay bên cạnh chiếc giường ngủ, đây là tín hiệu của 402:

MÔI THỎ GỬI LỜI CHÀO

Anh mừng tượng trong đầu khuôn mặt vàng vọt đang ngược lên nhìn: lời nhắn làm anh cảm thấy bất an. Anh gõ:

TÊN ANH TA LÀ GÌ?

402 trả lời:

ANH TA KHÔNG NÓI. CHỈ GỬI LỜI CHÀO.

## 12.

Buổi chiều Rubashov còn cảm thấy khó chịu hơn. Thịnh thoảnh anh lại rùng mình. Cái răng sâu lại bắt đầu đau, cái răng này nằm ở bên phải hàm trên, có liên quan đến hệ thần kinh mắt. Từ lúc bị bắt đến bây giờ anh chưa được ăn gì nhưng vẫn không cảm thấy đói. Anh muốn tập trung suy nghĩ, nhưng những cơn run vì lạnh, sự ngứa ngáy ở trong cổ làm anh bức bối không chịu được. Trong đầu quanh đi quẩn lại vẫn chỉ có hai câu: “phải có thuốc ngay không thì

ta điên mất” và “ta sẽ trả hết”.

Trí nhớ cũng không để cho anh được yên. Những khuôn mặt, những giọng nói cứ lần lượt hiện lên rồi lại nhoè đi, nhưng hễ anh muốn giữ lại một hình ảnh nào đó thì lại thấy đau nhói trong tim, quá khứ của anh vẫn còn sưng tấy và chảy máu mỗi khi chạm vào. Quá khứ của anh là phong trào, là Đảng; hiện tại cũng như tương lai của anh là thuộc về Đảng, gắn bó không tách rời với số phận của Đảng, nhưng trước đây anh với Đảng đã là một. Thế mà nay quá khứ đó bị đặt thành vấn đề. Anh bỗng phát hiện ra rằng cái cơ thể sống động và ấm áp của Đảng hoá ra lại đầy những mụn nhọt kinh tởm, sưng tấy và rướm máu. Đã bao giờ có những ông thánh thối tha như thế chưa? Những kẻ đê tiện đã bao giờ làm được những điều tốt đẹp chưa? Nếu Đảng là hiện thân của tiến trình lịch sử thì lịch sử cũng chẳng ra gì.

Rubashov nhìn chăm chăm vào những vệt nước trên tường buồng giam. Anh lấy chân quần quanh vai và đi đi lại lại thật nhanh, mỗi khúc quanh anh cũng quay người rất nhanh. Nhưng vẫn không hết run. Trong đầu, tiếng ù ù không dứt, thỉnh thoảng còn nghe thấy những giọng nói nhẹ nhàng và mập mờ nữa; anh không biết đấy là từ ngoài hành lang truyền vào hay chỉ là ảo giác. “Đấy là do cái răng sâu, mai phải đi bác sĩ mới được. Bây giờ phải nghĩ đến bao việc khác,” anh tự nhủ như thế. Cần phải tìm cho ra lý do vì sao Đảng lại thoái hoá đến như thế. Tất cả các nguyên lý của chúng ta đều đúng, vậy thì tại sao kết quả lại sai. Đây là một thời đại bệnh

hoạn. Chúng ta đã chẩn đoán bệnh tật và nguyên nhân của nó một cách chính xác không chệch vào đâu được, nhưng con dao mổ của chúng ta động vào chỗ nào là chỗ ấy không những không khỏi mà lại sưng tấy lên thêm. Chúng ta là những người cứng rắn và trong sạch, đáng lẽ ra chúng ta phải được nhân dân yêu mến mới phải. Nhưng nhân dân lại căm thù chúng ta. Tại sao chúng ta lại bị khinh bỉ và căm thù đến như thế?

Chúng ta nói sự thật nhưng nghe vẫn như là nói dối. Chúng ta đem lại tự do cho nhân dân nhưng tự do trong tay chúng ta lại trông như một cái dùi cui. Chúng ta làm cho dân ấm no hạnh phúc nhưng chúng ta đi đến đâu thì cây khô lá úa đến đấy. Chúng ta nói về tương lai bằng giọng cà lăm và hách dịch....

Người anh bỗng run lên. Trong đầu anh lại hiện lên bức ảnh chụp các đại biểu Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Họ ngồi bên một cái bàn gỗ dài, một số người chống khuỷu tay lên bàn, một số để tay lên đầu gối; hầu như ai cũng để râu và rất nghiêm túc, tất cả đều nhìn vào ống kính. Phía trên đầu mỗi người đều có một vòng tròn nhỏ ghi một con số tương ứng với họ tên ở bên dưới. Tất cả đều trông rất nghiêm nghị, chỉ có ông chủ tịch, già nhất hội, với đôi mắt Tac-ta-ti hí hí là có ánh mắt cười cợt một cách tinh quái mà thôi. Rubashov ngồi bên cạnh ông ta, kính xệ xuống trên hai cánh mũi. Anh Cả, vai nở và đầy đà, ngồi ở cuối bàn. Họ, những người đang chuẩn bị một cuộc cách mạng vĩ đại nhất, trông chẳng khác gì các cố vấn của một hội đồng hàng tinh. Lúc đó họ chỉ là một nhóm nhỏ, một giống loài



hoàn toàn mới: triết gia-chiến sĩ. Nếu các doanh nhân biết nhiều khách sạn thì họ lại biết hầu hết các nhà tù ở châu Âu. Họ mơ ước cướp chính quyền để vĩnh viễn xóa bỏ quyền lực, họ ước mơ cai trị nhân dân để giúp dân từ bỏ thói quen của những kẻ bị trị. Họ đã biến tất cả các dự định của mình thành hành động, họ đã biến tất cả ước mơ thành hiện thực. Họ đi đâu cả rồi? Tất cả những bộ não thông tuệ từng làm thay đổi cả tiến trình lịch sử đều đã được “xoi” một viên đạn. Người thì tự bắn vào trán, kẻ thì bị bắn vào gáy. Ngoài anh và Anh Cả ra thì chỉ có hai hay ba người đang lưu vong tận phương trời nào, không nhà không cửa, thân tàn ma dại, là còn sống.

Rubashov cảm thấy lạnh và thêm thuốc lá quá. Anh bỗng thấy mình đang đi trên một bến cảng ở nước Bỉ, bên cạnh là anh chàng Levy Còi vui tính, lưng hơi gù, miệng ngậm tẩu thuốc. Anh ngửi thấy mùi của bến cảng, một cái mùi hỗn hợp giữa dầu xăng và rong biển chết, anh nghe thấy tiếng chuông đồng hồ trên tháp toà thị chính, rồi anh đi qua những con phố hẹp với những ngôi nhà mà tầng trên được xây nhô ra với các ô cửa sổ trông như chuồng gà treo đầy quần áo của các cô gái điếm. Chuyện này xảy ra sau khi anh giao thiệp với Richard được hai năm. Họ không tìm được chứng cứ gì để chống lại anh. Anh không khai một lời nào, dù bị đánh đến chết lên chết xuống, dù bị đánh gãy mấy cái răng, dù bị đánh đến ù tai, có lần bị đánh vỡ kính, mảnh thuỷ tinh suýt đâm vào mắt, nhưng anh vẫn không hé răng nói nửa lời. Anh không nói mà nếu có nói thì cũng phủ nhận hết hoặc nói dối một cách cực kì khéo léo.

Anh đi đi lại lại trong phòng giam, anh bò trên đá lạnh trong phòng tra tấn, anh rất sợ nên luôn chuẩn bị cách đối phó, mỗi khi tỉnh lại vì bị dội nước lạnh vào người anh lại xin thuốc hút và tiếp tục nói dối. Anh không ngạc nhiên khi thấy những tên đao phủ đối xử độc ác và tỏ thái độ căm ghét mình đến thế. Bộ máy độc tài đang hoạt động hết công suất, nhưng chúng không tìm được một chứng cứ nào. Sau khi được tha, anh được đưa lên máy bay để trở về nước, trở về quê hương của Cách mạng. Anh được mọi người chào đón, được tham gia vào những cuộc mít tinh quần chúng, có cả những cuộc duyệt binh chào mừng nữa. Ngay Anh Cả cũng thường đứng bên anh trong những buổi mít tinh như thế.

Anh đã sống ở nước ngoài nhiều năm, mọi thứ đã thay đổi nhiều quá. Một nửa số người chụp trong bức ảnh ngày xưa đã không còn. Tên tuổi của họ đã không còn được nhắc tới mà nếu có nhắc thì bao giờ cũng kèm theo những lời rửa xả - trừ một người, đấy là ông già có đôi mắt neho một cách tinh quái, vị lãnh tụ của những ngày xa xưa, ông đã tỏ ra thức thời và đã chết đúng lúc. Ông được gọi là Cha Già, còn Anh Cả là Con; nhưng người ta vẫn đồn là Anh Cả đã thừa di chúc của ông để giành vị trí kế thừa. Những người còn sống thì đã thay đổi đến không thể nhận ra được nữa. Họ đã cạo râu, đã già yếu, hom hem và không còn ảo tưởng nữa, người nào cũng có vẻ chán chường, yếm thế. Thình thoảng Anh Cả lại đưa một người trong số họ ra làm nạn nhân. Tất cả đều đấm vào ngực thùm thụp và đều đồng thanh sám hối về những tội lỗi mà họ đã phạm. Ở nhà chưa được nửa tháng Rubashov đã xin được ra nước ngoài công tác.

“Anh có về vội đấy nhỉ,” Anh Cả vừa nói vừa nhìn anh qua làn khói thuốc lá. Sau hai mươi năm nằm trong ban lãnh đạo Đảng nhưng khi nói chuyện với nhau họ vẫn sử dụng các đại từ nhân xưng “anh, tôi” như cũ. Trên đầu Anh Cả là ảnh Ông Cụ; trước đây, ở bên cạnh còn có bức ảnh chụp các triết gia-chiến sĩ, nhưng nay bức ảnh này bị bỏ đi rồi. Cuộc gặp chỉ kéo dài có mấy phút, nhưng khi sắp bước ra thì Anh Cả bỗng đứng hẳn lên và bắt tay một cách rất trịnh trọng. Sau này Rubashov vẫn thường suy nghĩ về ý nghĩa của cái bắt tay cũng như ánh mắt giễu cợt của Anh Cả sau làn khói thuốc lá trong lần gặp gỡ đó. Rồi anh rón rén đi ra khỏi phòng, Anh Cả không đứng lên tiễn. Sáng hôm sau anh xuống tàu đi Bỉ.

Ngay sau khi đỡ mệt anh liền nghĩ đến nhiệm vụ được giao. Levy Còi, bí thư chi bộ cảng với chiếc tàu bất ly thân, đón anh khi tàu vừa cập bến. Anh thấy mến anh ta ngay từ lần gặp đầu tiên. Anh ta dẫn Rubashov đi xem khu vực bến tàu và các con phố hẹp ngoằn ngoèo trong thị xã với sự nhiệt tình và lòng tự hào như thể một mình anh ta xây dựng nên tất cả vậy. Quán xá nào anh ta cũng có người quen; công nhân bốc xếp, thủy thủ và cả các cô gái điếm, ai cũng muốn mời anh một ly, còn anh thì chào họ bằng cách giơ cái tàu thuốc lên ngang mang tai. Ngay cả viên cảnh sát giao thông ở gần chợ cũng nháy mắt với anh ta khi họ đi ngang, còn các thủy thủ nước ngoài, những người không nói được tiếng Pháp thì thân mật vỗ vai anh ta. Rubashov hơi lấy làm ngạc nhiên. Không, Levy Còi không hề bị quần chúng căm thù hay ghét bỏ. Chi bộ của các công nhân bốc xếp là một trong những chi bộ điển hình trên toàn thế giới.

Buổi chiều Rubashov, Levy Còi và mấy người nữa tụ tập trong một quán ăn trên bến cảng. Một người tên là Paul, bí thư chi bộ, cũng có mặt. Anh ta vốn là một đô vật, đầu đã hói, mặt đỏ hoa vì bệnh đậu mùa với đôi tai to, vểnh lên. Anh ta mang trên đầu một chiếc mũ đen, bên ngoài chiếc áo len thủy thủ còn khoác thêm một chiếc áo ấm nữa. Anh ta có khiếu vẩy tai, mỗi khi vẩy cái mũ trên đầu cũng nâng lên hạ xuống theo. Một người nữa tên là Bill, vốn là thủy thủ và có viết một cuốn tiểu thuyết về cuộc đời thủy thủ nổi tiếng suốt mấy năm nhưng sau đó thì bị rơi vào quên lãng, hiện nay anh ta viết cho cơ quan ngôn luận của Đảng. Những người còn lại đều là công nhân bốc xếp, chậm chạp, uống nhiều nhưng ít nói. Thịnh thoảng lại có một đám người đi vào, nhóm thì ngồi, nhóm thì đứng; uống xong là họ ra liền. Ông chủ quán, một người to béo, hể rảnh là lại đến ngồi cùng với họ. Ông ta biết thổi kèn acmônica. Khá nhiều người uống đến say khướt.

Levy Còi giới thiệu Rabashov là một “Đồng chí từ Bên Nớ” sang mà không giải thích gì thêm. Chỉ có mình anh ta biết rõ Rubashov mà thôi. Thấy Rubashov không muốn nói chuyện, họ chỉ hỏi vài câu, chủ yếu là về điều kiện sống ở “bên nớ”, về lương bổng, về đất đai và sự phát triển công nghiệp. Họ có những hiểu biết rất cụ thể về kỹ thuật, nhưng hầu như không biết gì về tình hình chung cũng như tình hình chính trị “bên nớ”. Họ hỏi về sự phát triển của ngành than cứ y như trẻ con hỏi về kích thước của quả nho ở vùng Đất Thánh vậy. Một công nhân bốc xếp đã có tuổi, vẫn đứng bên cạnh

quầy rượu ngay từ đầu nhưng không đặt món gì, được Levy Còi gọi tới, sau khi bắt tay đã nói với Rubashov: “Trông ông rất giống ông Rubashov ngày xưa.” “Cũng nhiều người nói với tôi như thế,” Rubashov đáp. “Rubashov ngày xưa đúng là một người giỏi,” người công nhân già nói và dốc ngược ly lên. Tính đến hôm nay, Rubashov được trả tự do chưa đầy một tháng và chưa đến ba tháng kể từ ngày anh biết rằng mình sẽ không bị giết. Ông béo, chủ quán chơi một bản nhạc bằng đàn acmônica. Rubashov châm thuốc rồi gọi cho mỗi người một li. Họ nâng cốc chúc mừng sức khoẻ anh và sức khoẻ của tất cả những người ở “bên nớ”, bí thư Paul vẫy tai, mũ của anh nhảy lên nhảy xuống nhịp nhàng.

Sau khi mọi người đã về hết, Rubashov và Levy Còi còn ngồi lại khá lâu. Chủ quán hạ cánh cửa và xếp chồng ngược chân ghế lên các bàn rồi ra sau quầy đánh một giấc ngon lành, trong khi Levy Còi kể cho Rubashov nghe về cuộc sống mình. Chuyện này thì Rubashov không yêu cầu: nếu tất cả các đồng chí đều bắt anh phải nghe chuyện đời họ thì sẽ rắc rối to. Anh đã định đi ngay, nhưng sau thấy mệt quá - có lẽ anh đã không lượng đúng sức lực của mình, nên đành ngồi lại.

Hoá ra Levy Còi không phải người Bỉ, mặc dù giọng anh giống hệt người địa phương và biết hầu như tất cả mọi người ở đây. Anh sinh ra ở miền nam nước Đức, đã có nghề mộc, từng chơi ghi ta và giảng lý thuyết Darwin trong các câu lạc bộ thanh niên cách mạng. Trong cái tháng hỗn loạn trước khi nền Độc Tài được thiết lập, đây là lúc

Đảng rất cần vũ khí thì trong thành phố nơi Levy Còi sống đã diễn ra một sự kiện độc đáo có một không hai: một buổi chiều chủ nhật, năm mươi khẩu súng trường, hai mươi khẩu súng lục và hai khẩu tiểu liên cùng với rất nhiều đạn dược được chở thẳng từ một đồn cảnh sát giữa khu phố đông đúc trên hai xe tải chở đồ gỗ. Hai cảnh sát mặc đồng phục đi trên xe có giấy tờ với đầy đủ dấu má ra lệnh xếp lên xe để vận chuyển số vũ khí đó đi nơi khác. Số vũ khí này sau đó được tìm thấy trong một vụ khám xét ga ra ô tô của một đảng viên ở thị trấn bên cạnh. Cảnh sát không tìm ra đầu mối vụ việc, nhưng ngày hôm sau Levy Còi phải rút vào hoạt động bí mật. Đảng hứa cung cấp cho anh ta căn cước và các giấy tờ tùy thân khác, nhưng việc không thành vì người giao liên cùng với giấy tờ và tiền đã không đến điểm hẹn.

“Bao giờ cũng như thế cả,” Levy Còi nói, giọng đầy vẻ triết lý. Rubashov im lặng.

Mặc dù vậy, Levy Còi đã trốn thoát và cuối cùng vượt qua được biên giới. Vì đã có lệnh truy nã và ảnh của anh với một bên vai lệch có dán ở tất cả các đồn cảnh sát nên anh phải sống chui sống lủi suốt mấy tháng liền. Thế mà khi anh ta chuẩn bị đi gặp giao liên thì trong túi chỉ còn đủ tiền ăn trong ba ngày. “Trước đây tôi cứ nghĩ rằng chuyện nhai vỏ cây chỉ có trong sách vở. Gặp được cây non thì còn khá,” Levy Còi nhận xét như thế. Rồi anh ta đi về phía quây, có thể cái đói trong tiềm thức đã buộc anh ta làm thế, và đem đến hai cái xúc xích. Rubashov nhớ lại những bát canh “toàn quốc”,

những vụ tuyệt thực trong tù và cùng ăn với Levy Còi.

Levy Còi vượt biên giới Pháp. Vì không có căn cước nên anh bị bắt ngay lập tức, người ta bảo anh phải sang nước khác rồi thả cho muốn đi đâu thì đi. “Họ làm như tôi có thể leo lên mặt trăng không bằng” Levy Còi trầm ngâm nói. Anh tìm gặp Đảng đề nhờ giúp đỡ, nhưng ở đây không có đảng viên nào biết anh thành ra người ta nói phải tìm hiểu ở bên Đức trước đã. Anh lại đi lang thang; sau đó mấy ngày thì bị bắt lại và bị kết án ba tháng tù giam. Khi ngồi tù anh làm quen với một người vốn là dân bụi đời và giải thích cho anh ta các nghị quyết của kì đại hội Đảng vừa qua. Để trả công, người này lại dạy cách giết rồi lột da mèo hoang để bán lấy tiền. Sau ba tháng tù, một đêm canh sát đem anh đến khu rừng biên giới với Bỉ rồi đưa cho một ít bánh mì, pho mát và một bao thuốc lá Pháp và bảo: “Đi đi. Chừng nửa tiếng thì sang đến Bỉ. Chúng tao mà bắt được lần nữa thì coi chừng đấy.”

Anh lang thang ở Bỉ mấy tuần. Anh lại yêu cầu Đảng giúp đỡ, nhưng họ cũng trả lời y như ở Pháp. Khi đã chán vỏ cây anh quay sang nghề bán da mèo. Bắt mèo không khó, một tấm da mèo không ghê lở có thể đổi được nửa cái bánh mì và gói thuốc lá quần. Nhưng bắt thì dễ mà lột da thì khó hơn nhiều. Phải túm thật nhanh lấy tai và đuôi rồi lấy đầu gói đề lên mình nó. “Lúc đầu buồn nôn lắm. Sau này thì quen” Levy Còi nói. Đáng tiếc là Levy Còi lại bị bắt vì ở đây người ta cũng đòi phải có giấy tờ tùy thân. Mọi chuyện cứ thế tái diễn: trục xuất, bắt lại, tù. Một đêm nọ, hai người canh sát Bỉ

đem anh đến khu rừng biên với Pháp rồi đưa cho một ít bánh mì, phó mát và bao thuốc lá Bỉ và bảo: “Đi đi. Chừng nửa tiếng thì sang đến Pháp. Chúng tao mà bắt được lần nữa thì coi chừng đấy.”

Suốt năm sau anh bị, khi thì cảnh sát Pháp, lúc thì cảnh sát Bỉ, đẩy qua đẩy lại biên giới đến ba lần. Hoá ra có hàng trăm người bị hành xử theo kiểu “bắt cóc bỏ đĩa” như thế suốt mấy năm trời. Đã nhiều lần anh tìm cách liên hệ với tổ chức Đảng địa phương vì anh lo nhất là bị mất liên lạc với phong trào. “Tổ chức cũ của đồng chí chưa chuyển sinh hoạt cho đồng chí,” những người có trách nhiệm đã nói với anh như thế. “Chúng tôi phải đợi công văn phúc đáp. Nếu là đảng viên thì đồng chí hãy tuân thủ kỷ luật Đảng”. Anh tiếp tục kiếm sống bằng nghề lột da mèo và để mặc cho cảnh sát đẩy qua đẩy lại trên biên giới giữa Pháp và Bỉ. Một năm trôi qua, Levy Còi đã cảm thấy yếu, anh ho ra máu và cứ nằm ngủ là mơ thấy mèo. Lúc nào anh cũng ngửi thấy mùi mèo: thức ăn, thuốc lá, thậm chí cả phòng ngủ của mấy cô gái điểm già, họ thường cho anh tá túc qua đêm, cũng có mùi mèo. “Chúng tôi vẫn chưa nhận được giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt của đồng chí,” các cán bộ Đảng vẫn nói với anh như thế. Sang đến năm sau nữa thì tất cả những người từng biết Levy Còi đều đã bị giết, bị bắt tù hoặc mất tích hết. “Chúng tôi không thể giúp gì cho đồng chí được,” các cán bộ Đảng bảo anh. “Đáng lẽ khi chưa có giấy giới thiệu thì đồng chí không nên đi. Hay là đồng chí đã bỏ đi mà không báo cáo với Đảng? Làm sao chúng tôi biết được? Tội gián điệp và *khieu khích* thì nhiều lắm. Đảng phải luôn luôn cảnh giác.”



“Anh kể với tôi tất cả những chuyện đó để làm gì?” Rubashov hỏi, thâm thâm lấy làm tiếc là đã ở lại.

Levy Còi ra quầy và tự rót lấy một ly bia rồi đưa cái tẩu thuốc lên ngang tai.

“Đây là một bài học,” anh ta nói. “Vì đây là một trường hợp điển hình. Có hàng trăm người như tôi. Những đảng viên trung kiên nhất đã hi sinh như thế suốt mấy năm qua. Càng ngày Đảng càng giống như một lão già hết hơi. Một lão già lợm khộm, chân run, mắt mờ. Làm cách mạng thế nào được.”

“Tôi còn có thể nói cho anh nghe nhiều chuyện nữa,” Rubashov tự nhủ, nhưng lại ngồi im.

May là câu chuyện của Levy Còi kết thúc có hậu. Trong một lần ngồi tù, mà Levy Còi đi tù như cơm bữa, anh được nhốt chung một buồng với cựu đô vật Paul. Lúc đó Paul đã là công nhân bốc xếp; anh bị bắt là vì đã đem một miếng võ gọi là “Nelson đúp” ra để chống lại cảnh sát trong một vụ đình công. Muốn ra đòn này thì phải đứng sau đối thủ, luồn hai tay qua nách đối thủ rồi vòng ra sau gáy và ghì đầu đối thủ xuống cho đến khi cổ hắn ta kêu răng rắc mới thôi. Trên sàn đấu anh luôn nhận được những tràng pháo tay khi sử dụng miếng võ này, nhưng đáng tiếc là trong cuộc đấu tranh giai cấp thì không ai làm như thế cả. Levy Còi và Paul trở thành đôi bạn

thân thiết từ đây. Hoá ra Paul là bí thư trực của chi bộ Đảng của công nhân bốc xếp; sau khi mãn hạn anh ta đã kiếm được giấy tờ tùy thân và sắp xếp việc làm cũng như phục hồi Đảng tịch cho Levy Còi. Từ đó Levy Còi lại tiếp tục giảng lý thuyết Darwin và các nghị quyết được thông qua tại Đại hội gần đây của Đảng, lần này là cho các công nhân bốc xếp, như chưa có chuyện gì xảy ra. Anh rất vui và lập tức quên hết những chuyện liên quan đến mèo cũng như sự khó chịu mà các cán bộ quan liêu của Đảng từng gây ra với anh. Nửa năm sau anh được bầu làm người đứng đầu chi bộ Đảng của các công nhân bốc xếp. Thế là may mắn rồi.

Rubashov nhiệt liệt chúc mừng Levy Còi vì câu chuyện đã kết thúc một cách có hậu như thế. Nhưng anh vẫn rõ nhớ nhiệm vụ của mình, chỉ có một điều anh chưa học được, đây là tự dối mình, mặc dù biết rằng đây cũng là một phẩm chất cần thiết của người cách mạng. Anh nhìn chăm chăm vào Levy Còi. Trong khi Levy Còi tỏ ra lúng túng vì không hiểu tại sao Rubashov lại nhìn mình như thế và vừa mỉm cười vừa đưa cái tẩu thuốc lên như có ý chào thì Rubashov lại nghĩ đến những con mèo tội nghiệp. Anh kinh ngạc nhận ra rằng đầu óc mình có vấn đề, có thể anh đã uống quá nhiều. Anh không thể nào gạt bỏ được ý nghĩ rằng mình phải tóm lấy hai tai và hai chân Levy Còi rồi lấy gối đè lên người anh ta. Cảm thấy như đang lên cơn sốt, Rubashov đứng lên và đi ra ngoài. Levy Còi tiễn anh đến tận khách sạn; vì thấy Rubashov bỗng nhiên bị trầm cảm, anh cũng không nói gì thêm. Một tuần sau Levy Còi treo cổ tự tử.

Trước đó đã có mấy cuộc họp chi bộ. Các vấn đề đem ra thảo luận cũng không có gì phức tạp.

Hai năm trước Đảng đã từng kêu gọi giai cấp công nhân toàn thế giới đứng lên đấu tranh chống lại một chế độ độc tài vừa được thành lập ở Trung Âu bằng cách bất hợp tác cả về chính trị lẫn kinh tế. Nghĩa là không bốc dỡ hàng hoá xuất khẩu cũng như ngăn chặn không cho các thiết bị, vật tư nhập khẩu dành cho công nghiệp quốc phòng của nước này đi qua. Các tổ chức Đảng đã nhiệt tình thực hiện chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương. Công nhân bốc xếp trên cái hải cảng nhỏ này đã kiên quyết không chịu bốc dỡ hàng hoá đến và đi khỏi đất nước độc tài nọ. Họ được các tổ chức công đoàn ủng hộ. Đã xảy ra vài cuộc đụng độ với cảnh sát, có cả người chết và bị thương. Kết quả cuộc đấu tranh còn chưa ngã ngũ thì có một đoàn tàu lạ gồm năm chiếc tàu chở hàng đã cũ, màu đen cặp cảng. Lá cờ của Cách mạng phần phật bay trên boong, còn thân mỗi con tàu đều có tên một vị lãnh tụ được viết bằng những chữ cái lạ lẫm được sử dụng ở “bên nớ”. Các công nhân đang bãi công nhiệt liệt chào đón đoàn tàu. Họ tham gia ngay lập tức vào việc dỡ hàng. Mấy giờ sau mọi người mới biết rằng đây là một số loại quặng hiếm dùng cho nền công nghiệp quốc phòng của cái đất nước đang bị tẩy chay kia.

Ban chấp hành Đảng bộ công nhân bốc xếp nhóm họp ngay sau đó; cãi nhau chán không xong, các đồng chí phải dùng đến nắm đấm để

giải quyết. Các cuộc tranh luận diễn ra khắp nơi. Báo chí phản động được dịp tha hồ chế nhạo. Cảnh sát không can thiệp, để mặc cho công nhân cảng tự quyết định việc bốc dỡ hàng hoá của đoàn tàu lạ. Ban lãnh đạo Đảng tuyên bố chấm dứt bãi công và hạ lệnh bốc hàng. Họ đã giải thích rất khéo léo đường lối của nhà nước Cách mạng, nhưng ít người tin. Tổ chức bị phân hoá, đa số đảng viên cũ bỏ sinh hoạt. Suốt mấy tháng liền tổ chức hầu như chỉ tồn tại trên giấy; nhưng sau đó, do nền công nghiệp trong nước suy thoái nên Đảng lại giành được sự ủng hộ và tăng cường được sức mạnh.

Hai năm trôi qua. Một chế độ độc tài cực kì tham lam khác ở Nam Âu bắt đầu gây chiến nhằm cướp bóc và xâm lược châu Phi. Đảng lại kêu gọi tẩy chay. Quần chúng tham gia còn nhiệt tình hơn cả lần trước. Chính phủ hầu hết các nước trên thế giới cũng quyết định tham gia tẩy chay nhằm chặn đứng nguồn cung cấp nguyên liệu cho kẻ xâm lược.

Không có nguyên liệu, nhất là dầu hoả, kẻ xâm lược nhất định sẽ thất bại. Đoàn tàu lạ màu đen lại nhổ neo. Chiếc tàu lớn nhất mang tên một người phản chiến nổi tiếng và đã bị giết. Với lá cờ cách mạng phất phới trên cột buồm, lần này đoàn tàu có nhiệm vụ chở dầu cho quân xâm lược. Đoàn tàu mới nhổ neo được một ngày, Levy Còi và các đồng chí của anh chưa biết gì. Rubashov được giao nhiệm vụ làm công tác tư tưởng cho các đảng viên ở đây.

Ngày thứ nhất Rubashov không nói gì, anh chỉ nghe ngóng và quan

sát. Cuộc họp chi bộ của công nhân bốc xếp được tổ chức vào sáng ngày thứ hai.

Giống như tất cả các văn phòng khác của Đảng trên toàn thế giới, đây là một căn phòng rộng, gần như trống không và rất bừa bộn, được bài trí một cách sơ sài. Một phần là do kinh phí hạn hẹp, nhưng chủ yếu là do quan niệm sống khắc khổ và tẻ nhạt đã trở thành truyền thống. Trên tường dán đầy các áp phích của những cuộc vận động bầu cử trước đây, cùng các khẩu hiệu chính trị và những bản thông báo đã ngả màu. Trong một góc phòng người ta thấy một máy in phủ đầy bụi bặm, còn góc bên kia là một đồng quần áo cũ giành cho gia đình các công nhân tham gia đình công, bên cạnh đó là những cuốn sách mỏng và những tờ truyền đơn cũng đã bạc màu vì năm tháng. Giữa phòng là một cái bàn dài, thực ra đây chỉ là hai tấm ván đặt trên hai cái ghế ngựa mà thôi. Cửa sổ thì đầy các vệt vôi, y như một căn nhà còn đang xây dựng dở. Ngay phía trên cái bàn là một bóng đèn tròn treo trên sợi dây điện, một tấm bìa có dán tờ giấy dính để bẫy ruồi cũng treo lủng lẳng ngay bên cạnh như thế. Ngồi xung quanh bàn là Levy Còi, cự đồ vật Paul, nhà văn Bill và ba người nữa mà Rubashov không biết tên.

Rubashov nêu lý do cuộc họp. Anh đã quen với khung cảnh này, cái sự luộm thuộm đã thành truyền thống làm cho anh cảm thấy như đang ở nhà mình. Rõ ràng anh được giao một nhiệm vụ cực kì quan trọng và cần thiết, anh thật không hiểu vì sao đêm hôm trước, trong cái nhà ăn công cộng ồn ào anh lại cảm thấy bồn khoăn như thế.

Anh giải thích tình hình một cách khách quan và mạch lạc nhưng không đề cập đến lý do của chuyển công tác này. Vụ tẩy chay kẻ xâm lược đã bị thất bại vì sự phản bội và lòng tham của chính phủ các nước châu Âu. Một số nước chỉ giả vờ tẩy chay, số khác thì hoàn toàn dừng dừng. Trước đây Nhà nước Cách mạng cung cấp phần lớn nhu cầu về nhiên liệu cho nước này. Nếu nay ngừng cung cấp thì các nước khác sẽ nhảy vào ngay: trên thực tế họ không mong gì hơn là đẩy Nhà nước Cách mạng ra khỏi thị trường thế giới. Những hành động mang tính lãng mạn chỉ đem lại những tác động tiêu cực đối với sự phát triển ngành công nghiệp ở “Bên Nór” và phong trào cách mạng trên toàn thế giới mà thôi. Mọi người có thể tự rút ra kết luận.

Paul và ba công nhân bốc xếp có chân trong chi uỷ cùng gặt đầu. Họ là những người chậm hiểu; tất cả những lời của đồng chí từ Bên Nór đối với họ đều có lý cả, đối với họ đây chỉ là một bài lý thuyết suông, không có ảnh hưởng trực tiếp nào. Họ không biết anh ta đang đưa họ đi đâu, không ai đoán được rằng có một đoàn tàu đang sắp sửa cập cảng. Chỉ có Levy Còi và nhà văn là nhìn nhau tỏ vẻ lo lắng mà thôi. Nhưng Rubashov đã nhận ra. Anh kết thúc bài nói chuyện một cách lạnh lùng:

“Tôi đã trình bày với các đồng chí tất cả các vấn đề thuộc về nguyên tắc. Các đồng chí có trách nhiệm thực hiện tất cả các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương và giải thích bản chất của vấn đề cho các đồng chí chậm tiến hơn. Đây là toàn bộ vấn đề tôi cần

phải báo cáo với các đồng chí.”

Phòng họp lặng đi một lúc. Rubashov bỏ kính ra và châm thuốc hút. Levi nói như vô tình:

“Xin cảm ơn đồng chí diễn giả. Có ai có ý kiến gì không?”

Không ai có ý kiến gì. Mãi một lúc sau mới có một công nhân bốc xếp phát biểu một cách gượng gạo:

“Có gì mà nói. Các đồng chí ở Bên Nớ phải biết họ cần phải làm gì chứ. Còn chúng ta, dĩ nhiên là chúng ta phải tiếp tục tẩy chay. Các đồng chí có thể tin chúng tôi. Hàng cho bọn lợn đó đừng hòng qua được cảng của chúng tôi.”

Hai người đồng nghiệp của anh ta cùng gật đầu. Đô vật Paul khẳng định: “Đừng hòng qua,” mặt anh đánh lại, còn hai tai thì vẩy ra ý pha trò.

Lúc đó Rubashov tưởng như đang gặp phải một lực lượng chống đối có tổ chức, nhưng dần dần anh mới nhận ra rằng mấy người kia không hiểu ý mình. Anh đưa mắt nhìn Levy Còi, hi vọng anh này sẽ giải thích cho mọi người. Nhưng Levy Còi vẫn ngồi im, mắt nhìn xuống sàn. Đúng lúc đó thì nhà văn đứng lên, mặt anh co rúm lại, giọng lạc đi:

“Chả lẽ các đồng chí không tìm được cảng nào khác để thực hiện vụ áp phe này à? Tại sao lần nào chúng tôi cũng phải chịu trận vậy?”

Mấy công nhân bốc xếp ngạc nhiên nhìn Bill, họ không hiểu anh định nói gì khi dùng từ “áp phe”, không ai có thể tưởng tượng được rằng có một đoàn tàu màu đen đang sắp cập cảng của họ. Nhưng Rubashov đã chuẩn bị sẵn từ trước:

“Cảng này thuận lợi cả về mặt địa lý lẫn chính trị,” anh nói. “Từ đây hàng hoá sẽ được vận chuyển bằng đường bộ. Chẳng có lý do gì để phải che giấu cả, nhưng thận trọng thì vẫn hơn, làm sao càng ít ồn ào càng tốt, không để bọn báo chí phản động lợi dụng vụ này.”

Bill lại đưa mắt cho Levy Còi. Các công nhân bốc xếp chẳng hiểu chuyện gì, họ nhìn chằm chằm vào Rubashov. Paul bỗng gào lên:

“Anh đang nói gì vậy?”

Tất cả đều quay về phía Paul. Đôi mắt anh ta trừng trừng nhìn Rubashov như muốn bắt hắn ra ngoài, còn cổ thì đầy các mạch máu phồng lên như những chiếc đũa. Levy Còi chen vào:

“Hiểu rồi hả?”

Rubashov đưa mắt hết nhìn người nọ đến người kia rồi nhẹ nhàng bảo:



“Tôi quên chưa nói cụ thể. Năm chiếc tàu chở hàng của Bộ Dân ủy Ngoại thương sẽ cập cảng vào sáng ngày mai, thời tiết hiện nay khá thuận.”

Thế mà phải mấy phút sau mọi người mới hiểu hết. Không ai nói một lời nào. Tất cả mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía Rubashov. Một lúc sau thì Paul từ từ đứng lên, anh ném cái mũ xuống sàn nhà rồi đi ra. Hai người đồng nghiệp dõi mắt nhìn theo. Vẫn không ai nói câu nào. Phải một lúc lâu sau Levy Còi mới hắng giọng và phát biểu:

“Đồng chí diễn giả đã giải thích cặn kẽ cho chúng ta lý do của vụ áp phe: nếu họ không làm thì sẽ có người khác. Ai muốn phát biểu nữa không?”

Người công nhân bốc xếp đã hứa tiếp tục tẩy chay nói một cách chán nản:

“Vẫn một giọng điệu cũ. Khi đình công thì bao giờ cũng có người nói: nếu tôi không làm thì người khác sẽ làm. Chúng tôi đã chán nghe giọng đó lắm rồi. Bọn phá hoại đình công chuyên môn nói như thế.”

Không khí cuộc họp thật nặng nề. Người ta nghe rõ tiếng Paul đóng cửa phía bên ngoài cầu thang. Rubashov nói:

“Các đồng chí, Nhà nước Cách mạng cần phải phát triển nền công nghiệp của mình, ủng hộ cách mạng là nhiệm vụ vinh quang của các đồng chí. Thói đa sầu đa cảm không có ích gì hết. Xin các đồng chí hãy nghĩ cho kỹ.”

Người công nhân bốc xếp đưa hủn cầm ra đằng trước và nói một cách dứt khoát:

“Chúng tôi đã nghĩ kỹ rồi. Chúng tôi cũng đã nghe phát chán rồi. Các đồng chí phải nghĩ đi mới đúng. Toàn thế giới đang trông vào các đồng chí. Các đồng chí nói đến tinh thần đoàn kết, sự hi sinh và kỷ luật, trong lúc đó các đồng chí lại sử dụng đội tàu vận tải như một phương tiện phá hoại.”

Đúng lúc đó thì Levy Còi đứng lên, mặt tái đi; anh giơ cái tẩu lên như có ý chào Rubashov và nói rất nhanh:

“Tôi đồng ý với ý kiến vừa rồi. Có ai muốn nói gì nữa không? Cuộc họp kết thúc ở đây.”

Rubashov chống nạng chậm chạp bước ra khỏi phòng. Các sự kiện tiếp theo diễn ra đúng như kế hoạch đã định, không một lực lượng nào có thể ngăn chặn được. Trong khi đoàn tàu tiến vào cảng thì Rubashov gửi cho các đồng chí ở Bên Nớ mấy bức điện khẩn. Ba ngày sau tất cả các lãnh đạo chi bộ Đảng của các công nhân bốc xếp

bị khai trừ, Levy Còi bị báo chí của Đảng tố cáo là tên gián điệp – khiêu khích. Anh treo cổ tự sát sau đó ba ngày.

### 13.

Ban đêm tình hình còn tệ hại hơn nữa. Suốt đêm hôm đó anh không thể nào chợp mắt được. Chốc chốc anh lại run bắn người lên, cái rãng sâu nhức không thể nào chịu nổi. Anh có cảm giác như tất cả các trung tâm thần kinh đều nhức nhối và sưng tấy lên, các hình ảnh và lời nói từ quá khứ xa xôi cứ liên tục đập vào óc não. Đây là Richard mặc bộ áo vét màu đen đang nhìn anh với đôi mắt đỏ: “Các đồng chí không được làm như thế. Bọn chó ấy sẽ giết tôi...” Đây là Levy Còi với một bên vai hơi bị lệch: “Có ai muốn nói gì nữa không?”. Có rất nhiều người muốn nói. Nhưng cách mạng lại không chấp nhận bất kỳ sự lưỡng lự nào, nó luôn tiến về phía trước, luôn hướng đến mục tiêu đã chọn và để lại bên mỗi khúc quanh trên đường đi của nó xác của những kẻ chậm tiến, những kẻ không theo kịp phong trào. Đường đi của cách mạng có nhiều bước ngoặt và khúc quanh, đây là qui luật sinh tồn của nó. Trên mỗi khúc quanh lại có vô số xác người, đây cũng là qui luật của nó. Đối với nó, động cơ của từng cá nhân chẳng có giá trị gì. Nó cũng chẳng quan tâm đến lương tâm, lý trí hay tình cảm của từng cá nhân. Những kẻ có tội, nghĩa là những kẻ đi chệch khỏi đường lối của Đảng sẽ bị hất sang bên đường, sẽ bị trừng phạt, mà hình phạt thì chỉ có một: chết. Chết không phải là bí mật của phong trào, chẳng có gì là cao quý ở đây cả: mọi sự lệch lạc đều đáng bị trừng phạt như thế.

Kiệt sức, Rubashov lăn ra ngủ ngay trước khi trời sáng hẳn. Anh

chỉ thức giấc khi nghe thấy tiếng còi báo thức, ngay sau đó anh được viên giám thị già và hai lính canh đưa đến gặp bác sĩ.

Rubashov tưởng có thể đọc được tên người tù ở buồng 402 và tên anh chàng Môi Thỏ, nhưng hoá ra họ dẫn anh theo hướng ngược lại. Buồng 406 còn trống. Đây là phòng cuối cùng, đi quá một chút thì gặp một cánh cửa bằng bê tông dày, người giám thị già ỉ ạch mãi mới mở được. Họ bước vào một hành lang dài khác, người giám thị già đi trước rồi đến Rubashov, hai người lính áp giải theo sau. Ở đây, tấm thẻ trước mỗi cửa buồng đều có ghi tên mấy người; có tiếng nói chuyện, tiếng cười và cả tiếng hát vọng ra hành lang, chắc chắn đây là khu giam các tên tội phạm hình sự không nguy hiểm. Họ đi ngang qua một cái buồng dùng làm chỗ cắt tóc cho tù nhân. Cửa buồng mở, hai người tù có dáng nông dân đầu cạo trọc lóc, người thứ ba, già hơn có cái mặt nhọn như mỏ chim thì đang cạo râu: cả ba người cùng tò mò nhìn theo Rubashov và đoàn tùy tùng của anh. Rồi đến một cái buồng có vẽ hình thập tự màu đỏ trên cánh cửa. Người giám thị gõ cửa, ông ta cùng bước vào phòng với Rubashov, hai người lính đứng đợi bên ngoài.

Phòng khám quá chật và rất ngột ngạt, mùi thuốc lá và mùi phenol xông lên nồng nặc. Cả một cái xô lẫn hai cái đĩa đều đầy cứng gạch và bông băng bẩn. Viên bác sĩ ngồi quay lưng ra cửa, vừa xem báo vừa nhai nhồm nhoàm khúc bánh mì kẹp mỡ lợn muối. Tờ báo phủ lên đồng dụng cụ để trên bàn. Mãi đến khi viên giám ngục đóng cửa tay bác sĩ mới từ từ quay người lại. Trên cái đầu bé một cách bất

thường loe hoe một vài sợi tóc, trông chẳng khác gì đầu một con đà điểu.

“Anh ta bảo bị đau răng,” người giám thị già nói.

“Răng à,” viên bác sĩ nói, trong khi mắt vẫn nhìn đi đâu. “Há miệng ra.... Nhanh lên....”

Rubashov nhím chăm chăm vào mặt anh ta.

“Tôi có một đề nghị,” anh bình tĩnh nói. “Tôi là tù chính trị, đề nghị đối xử với tôi cho phù hợp.”

Tay bác sĩ quay sang phía người giám thị và hỏi:

“Con gà này ở đâu ra thế?”

Sau khi người giám thị già cho biết tên tuổi, Rubashov nhận thấy cặp mắt tròn như mắt đà điểu của anh ta nhìn mình một cách chăm chú hơn. Sau đó anh ta bảo:

“Má ông bị sưng. Há miệng ra xem nào.”

Đúng lúc đó cái răng lại không đau nữa. Rubashov há miệng ra.

“Phía bên trái hàm trên của ông chẳng còn một cái răng nào,” tay

bác sĩ vừa nói vừa lấy tay sờ vào hàm Rubashov. Rubashov bỗng giật bắn người lên vì đau, mặt tái mét, anh phải dựa lưng vào tường.

“Đây rồi!” tay bác sĩ nói. “Chân của một cái răng hàm trên bị vỡ nhưng chưa rụng hẳn.”

Rubashov phải đứng thờ một lúc mới hoàn hồn. Con đau chạy xuyên từ hàm lên mắt rồi chạy thẳng lên đỉnh đầu. Mạch máu trên thái dương giật từng hồi. Tay bác sĩ đã lại ngồi xuống ghế và giờ tờ báo ra.

“Nếu ông muốn thì tôi sẽ nhổ cái chân răng cho,” vừa nhồm nhoàm nhai bánh mì kẹp thịt lợn muối anh ta vừa nói. “Nhưng thuốc tê thì không có. Việc này kéo dài từ ba mươi phút đến một tiếng.”

Rubashov đứng dựa vào tường, tai vẫn còn ù, tiếng tay bác sĩ nghe như từ đâu vọng lại.

“Cám ơn,” Rubashov đáp. “Để lúc khác,” anh nói thêm.

Anh chợt nghĩ đến anh chàng Mối Thỏ cùng từ “tắm hơi” và nhận thấy việc mình lấy đầu thuốc lá đang cháy gì vào tay là một hành động kì quặc. “Khó khăn đây,” anh tự nhủ.

Vừa về đến buồng là anh nằm vật ra giường và ngủ thiếp đi ngay lập tức.

Từ bữa trưa hôm đó Rubashov được ăn như mọi người. Răng đã đỡ đau hơn, có thể chịu đựng được. Anh tin rằng rồi cái chân răng sẽ tự rụng.

Ba ngày sau anh bị đưa đi thẩm vấn.

## 14.

Anh được dẫn đi vào lúc mười một giờ sáng. Chỉ cần nhìn thấy thái độ trang nghiêm của viên giám thị là Rubashov đã biết họ định đưa mình đi đâu. Cũng như mọi khi, trước hiểm nguy bao giờ anh cũng tỏ ra bình tĩnh, có thể nói đây là một tặng phẩm hiếm hoi mà số phận đã dành cho anh.

Ba ngày trước họ cũng đã đi theo con đường này. Cái cánh cửa bê tông mở ra rồi nặng nề khép lại phía sau. “Lạ thật,” Rubashov tự nhủ, “người ta có thể nhanh chóng thích nghi với mọi hoàn cảnh.” Anh có cảm giác như đã thở hít không khí nặng nề của cái hành lang này suốt mấy năm rồi, dường như không khí của tất cả các nhà tù mà anh từng đi qua đều ngưng tụ lại ở đây.

Họ đi ngang qua phòng cắt tóc, còn cửa phòng khám bệnh thì đóng, có ba người tù và một giám thị ngái ngủ canh chừng họ đang đứng đợi ở bên ngoài.

Bên dưới phòng khám bệnh hoá ra còn một tầng nữa. Họ đi xuống theo một cầu thang xoắn như cái lò xo. “Dưới đó là nhà kho hay phòng tra tấn?”, Rubashov tự hỏi. Anh bỗng có linh cảm không hay khi nhìn thấy cái cầu thang này.

Họ đi qua một khoảng sân hẹp, hai bên là những bức tường cao, không có một chiếc cửa sổ nào, nhưng bầu trời phía trên thì sáng sủa, không một gợn mây. Sau đó lại đến một hành lang, nhưng ở đây sáng sủa hơn, không còn cửa bê tông nữa, trên những cánh cửa gỗ là những tay nắm bằng đồng đỏ sáng bóng, các nhân viên điều tra đi đi lại lại nhộn nhịp, có cả tiếng nhạc của đài phát thanh lẫn tiếng máy chữ. Nghĩa là họ đã đi đến khu vực hành chính của nhà tù.

Họ dừng lại trước một phòng nằm ở cuối hành lang, người giám thị gõ cửa. Trong phòng có người đang gọi điện thoại; anh ta nói vọng ra “Đợi một chút” rồi lại tiếp tục nói chuyện, chỉ nghe thấy những câu như: “Vâng..”, “Chính thế ạ..”. Giọng nói nghe có vẻ quen, nhưng Rubashov không xác định được đây là ai. Đây là một giọng đàn ông, hơi khàn, chắc chắn là anh đã nghe ở đâu rồi. “Vào đi,” tiếng nói từ trong phát ra; người giám thị mở cửa cho Rubashov vào rồi đóng lại ngay. Anh trông thấy Ivanov, một người bạn học cũ và cũng là đại đội trưởng dưới quyền chỉ huy của anh, đang ngồi sau một cái bàn viết khá rộng. Ivanov vừa đặt ống nghe xuống vừa mỉm cười nhìn Rubashov.

“Thế là chúng ta lại gặp nhau,” Ivanov nói.



Rubashov vẫn đứng cạnh cửa.

“Vui thật,” anh đáp.

Ivanov từ từ đứng lên, anh ta cao hơn Rubashov đến nửa cái đầu.

“Ngồi xuống đi,” Ivanov vừa mỉm cười vừa nói.

Họ cùng ngồi xuống, cách nhau một cái mặt bàn và chăm chăm nhìn nhau: Ivanov vẫn mỉm cười còn Rubashov thì có vẻ căng thẳng, thận trọng. Anh liếc nhanh về hướng cái chân phải của Ivanov bên dưới gầm bàn.

“Cái chân này tốt lắm,” Ivanov nói. “Có khớp, lại mạ crom, không rỉ. Tôi có thể bơi, cười ngửa, lái xe ô tô và nhảy đầm nữa. Anh hút thuốc chứ?”

Anh ta đưa cho Rubashov một cái hộp gỗ đựng đầy thuốc lá.

Rubashov liếc nhìn hộp thuốc là và chợt nhớ đến lần vào bệnh viện thăm Ivanov sau khi anh ta bị cắt chân. Ivanov nhờ anh mua cho một ít thuốc ngủ và suốt buổi chiều hôm đó anh ta cứ khăng khăng chứng minh rằng ai cũng có quyền tự sát. Cuối cùng Rubashov đồng ý sẽ suy nghĩ thêm, nhưng ngay hôm đó lại bị điều sang hướng khác của mặt trận. Nhiều năm sau anh mới gặp lại Ivanov. Anh nhìn

những điều thuốc trong hộp thuốc lá. Chúng được quấn bằng tay, từ thuốc lá sợi, chắc là loại thuốc lá trắng của Mỹ.

“Nếu đây là câu chuyện giữa những người quen cũ thì được, còn nếu trước khi thăm vấn nghi can nào cũng được anh cho thuốc thì tôi không hút đâu,” Rubashov nói. “Anh biết như thế mà.”

“Nhảm nhí,” Ivanov nói.

“Thôi được,” Rubashov vừa nói vừa châm một điếu. Anh hít thật sâu, cố ý không để cho Ivanov nhận thấy sự khoan khoái của mình. “Bệnh tê thấp của anh sao rồi,” anh hỏi.

“Có vẻ như khỏi rồi, cảm ơn,” Ivanov bảo, “thể vết bồng của anh thì sao?”

Ivanov nhoen miệng cười rồi giơ tay chỉ vào tay trái của Rubashov. Giữa hai gân máu trên mu bàn tay trái, chỗ hai ngày trước đây anh đã lấy đầu thuốc lá cháy dờ dỉ vào, có một vết bồng to bằng đồng xu. Cả hai cùng nhìn vào chỗ bị bồng. “Làm sao hấn biết nhỉ?” Rubashov tự nhủ. “Chắc chắn là hấn cho người theo dõi mình rồi.” Không giận mà chỉ thấy xấu hổ, anh hít một hơi thật dài nữa rồi ném điếu thuốc đi.

“Buổi nói chuyện riêng tư coi như chấm dứt ở đây,” anh nói.

Ivanov thả ra những vòng khói tròn và tiếp tục ngắm nhìn Rubashov với nụ cười thân thiện như cũ.

“Đừng nóng,” Ivanov bảo.

“Tôi đâu có nóng,” Rubashov nói. “Tôi bắt anh hay người của anh bắt tôi đến đây?”

“Đúng, chúng tôi bắt anh,” Ivanov nói. Anh ta giở điều thuốc lá vào cái gạt tàn rồi châm liền một điếu nữa và đưa hộp thuốc cho Rubashov nhưng anh không cầm.

“Tuỳ anh,” Ivanov nói. “Anh có nhớ câu chuyện thuốc ngủ không?” anh ta nhoài người lên bàn và thở cả khói vào mặt Rubashov.

“Tôi không muốn người ta bắn anh,” Ivanov nói một cách chậm rãi và tựa hẳn người vào lưng ghế phía sau.

“Cám ơn,” Rubashov nói. “Tại sao các anh lại muốn bắn tôi?”

Ivanov không trả lời. Anh vừa hút vừa lấy bút vẽ nguệch ngoạc lên tờ giấy để trên bàn. Có vẻ như anh ta đang tìm từ thích hợp.

“Anh hãy nghe đây,” Ivanov nói sau một hồi suy nghĩ. “Có một việc tôi phải nói cho anh rõ. Anh vừa nhắc đi nhắc lại từ ‘các anh’,

âm chỉ Đảng và Nhà nước, đối lập với ‘tôi’, tức là Nicolas Salmanovitch Rubashov. Về lý thuyết thì để kết tội một người cần phải lập toà án, phải có bào chữa công khai, nhưng đối với chúng ta thì chỉ cần như thế là đủ rồi.”

Dĩ nhiên là Rubashov hiểu nhưng anh vẫn bị bất ngờ. Có cảm tưởng như Ivanov vừa gảy lên những tiếng đàn đồng vọng trong tâm hồn anh. Tất cả những gì anh tin tưởng, anh dạy dỗ và chiến đấu cho trong suốt bốn mươi năm qua ào ạt tràn về trong tâm trí. Cá nhân không là gì, Đảng là tất cả; lá xa cành thì nhất định bị héo úa.... Rubashov lau kính vào ống tay áo. Ivanov đã ngồi xuống ghế, miệng tiếp tục nhả khói nhưng không còn mỉm cười nữa. Rubashov đưa mắt nhìn quanh và bỗng phát hiện ra một khoảng tường hình vuông, sáng hơn những chỗ khác. Không cần suy nghĩ anh cũng biết ngay rằng đây là chỗ đã từng treo bức ảnh các triết gia để râu. Ivanov nhìn theo Rubashov nhưng không để lộ bất cứ tình cảm nào.

“Xưa rồi,” Rubashov nói. “Anh đã nói rất đúng, có một thời chúng ta đã quen với đại từ số nhiều ‘chúng ta’ và tránh dùng đại từ nhân xưng ở ngôi số ít. Tôi đã bỏ thói quen ấy rồi, còn anh thì chưa. Nhưng ‘chúng ta’ mà anh đang nói hôm nay là ai? Đây là vấn đề.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý như thế,” Ivanov phụ họa. “Tôi rất vui là chúng ta đã đi vào thực chất vấn đề một cách nhanh chóng như thế. Nói cách khác: anh tin rằng ‘chúng tôi’ nghĩa là Đảng, Chính phủ và quần chúng không còn đại diện cho quyền lợi của Cách mạng nữa?”

“Xin để quần chúng sang một bên,” Rubashov nói.

“Anh có thái độ coi thường quần chúng như thế từ khi nào vậy?” Ivanov hỏi. “Có phải từ khi anh chuyển đại từ nhân xưng từ ngôi số nhiều sang ngôi số ít không?”

Ivanov nhào người lên mặt bàn và nhìn thẳng vào mặt Rubashov với ánh mắt đầy vẻ khôi hài. Đầu anh ta che hết cái hình vuông sáng mờ mờ trên tường và Rubashov chợt nhớ cảnh tượng khi Richard che khuất hai bàn tay của Đức Mẹ đang chia trong bức tranh *Pieta* ngày nào. Đúng lúc đó một cơn đau xuyên thấu từ hàm trên lên trán và lan sang tai. Đau quá, anh phải nhắm mắt lại. “Giá phải trả đấy,” anh tự nhủ. Chỉ một giây sau anh đã không còn biết là mình có nói câu đó thành lời hay không nữa.

“Anh nói gì thế?” Ivanov hỏi vừa nhạo báng vừa pha chút ngạc nhiên.

Con đau đã dịu bớt, sự bình thản đã trở lại trong tâm hồn anh.

“Xin để quần chúng sang một bên,” Rubashov nhắc lại. “Anh chẳng hiểu gì quần chúng đâu. Có thể bây giờ chính tôi cũng chẳng hiểu gì. Khi cái ‘chúng ta’ vĩ đại còn tồn tại, đấy là lúc chúng ta hiểu quần chúng hơn bất cứ người nào trước đây. Lúc đó chúng ta đã thâm nhập được vào tận đáy sâu tâm hồn quần chúng và vì vậy mà chúng

ta có thể làm nên lịch sử....”

Anh đưa tay với điều thuốc, Ivanov bật diêm rồi nhồi người qua bàn châm lửa.

“Lúc đó,” Rubashov tiếp tục “chúng ta được mệnh danh là Đảng của những người cần lao. Những người khác quan niệm về lịch sử như thế nào? Họ chỉ thấy những cơn sóng lẫn tẩn, những cơn gió lốc và những trận cuồng phong. Những thay đổi trên bề mặt như thế làm họ ngạc nhiên nhưng họ không thể nào giải thích nổi. Nhưng chúng ta đã lặn xuống tận đáy, chúng ta đã thâm nhập vào khối quần chúng vô danh, họ luôn luôn là người làm nên lịch sử; chúng ta là những người đầu tiên phát hiện ra các qui luật vận động của lịch sử. Chúng ta đã phát hiện ra qui luật về tính ý, qui luật về sự thay đổi một cách chậm chạp cấu trúc tế bào, qui luật về sự bùng nổ đột ngột của nó. Đây chính là sức mạnh vĩ đại của học thuyết của chúng ta. Jacobin là những người thuộc trường phái đức hạnh, còn chúng ta theo phái kinh nghiệm. Chúng ta đã thâm nhập vào cội nguồn của lịch sử và đã tìm ra các qui luật của nó. Chúng ta hiểu biết xã hội loài người hơn bất kỳ người nào khác, vì vậy mà cuộc cách mạng của chúng ta đã thành công. Các anh là những kẻ đào huyệt chôn tất cả rồi....”

Ivanov dựa hẳn vào lưng ghế vừa nghe vừa vẽ nguệch ngoạc lên tờ giấy trên mặt bàn.

“Tiếp tục đi,” Ivanov nói, “tôi đang muốn biết anh sẽ dẫn dắt đến đâu.”

“Như anh thấy đây, tôi đang đi đến pháp trường đây,” Rubashov ngừng lại và đưa mắt nhìn khoảng tường màu trắng, nơi trước đây có treo bức ảnh của những người cận vệ già của cách mạng. Lần này Ivanov ngồi im. “Vâng,” Rubashov tiếp tục “đằng nào thì cũng vậy thôi. Các anh đã chôn sống tất cả, các anh đã chôn sống đội cận vệ của nó, đã chôn vùi trí tuệ và niềm hi vọng của cách mạng. Các anh đã giết chết cái ‘Chúng ta’, đã tiêu diệt tinh thần tập thể. Chả lẽ các anh vẫn tin rằng quần chúng ủng hộ các anh hay sao? Những tên độc tài khác ở châu Âu, giống như các anh, cũng có quyền làm ra vẻ như thế....”

Rubashov cầm lên một điều thuốc nữa và tự châm lửa hút vì không thấy Ivanov đứng lên.

“Xin lỗi, đao to búa lớn quá phải không?” Rubashov nói tiếp. “Nhưng chả lẽ các anh vẫn tin rằng quần chúng đang ủng hộ các anh hay sao? Họ buộc phải chịu đựng các anh như dân chúng ở các nước khác chịu đựng những kẻ có quyền lực mà thôi. Quần chúng đã lại trở thành những người câm, điếc như cũ, một lần nữa họ lại trở thành ả số X câm lạng vĩ đại của lịch sử, tương tự như mặt biển đưa đoàn tàu đi một cách vô tình mà thôi. Ánh đèn pha chỉ còn chiếu sáng trên bề mặt, còn bên dưới vẫn tối tăm và lạng lẹ như xưa. Trước đây chúng ta đã từng khuấy đảo tất cả lên, nhưng thời

đó đã qua rồi. Nói cách khác,” anh dừng lại và đeo kính lên “trong những ngày đó chúng ta đã tạo ra lịch sử, còn hôm nay các anh đang làm chính trị. Đây chính là sự khác biệt.”

Ivanov ngã hẳn người vào lưng ghế và thả ra những vòng khói thuốc lá màu trắng.

“Xin lỗi, nhưng tôi không hiểu rõ lắm,” anh ta nói. “Anh có thể giải thích kỹ hơn được không?”

“Dĩ nhiên,” Rubashov đáp. “Có nhà toán học từng nói rằng đại số là môn khoa học của những người lười: người ta xử lý với ẩn số X như là đã biết rõ về nó vậy. Trong trường hợp của chúng ta X là quần chúng, là nhân dân. Người làm chính trị chỉ cần xử lý cái ẩn số X vô danh này mà không cần quan tâm đến bản chất thật sự của nó. Còn người làm nên lịch sử thì phải tìm hiểu xem cái X này đóng vai trò gì trong phương trình.”

“Hay quá,” Ivanov nói. “Nhưng đáng tiếc là trừu tượng quá. Xin trở về với những sự vật cụ thể hơn: ý anh muốn nói rằng ‘chúng tôi’, cụ thể là Đảng và Nhà nước không còn đại diện cho quyền lợi của Cách mạng, không còn đại diện cho quyền lợi của quần chúng nữa hay như anh nói không còn đại diện cho sự tiến bộ của nhân loại nữa chứ?”

“Chính thế,” Rubashov vừa mỉm cười vừa nói. Ivanov làm như



không nhìn thấy Rubashov cười.

“Anh có quan niệm như thế từ bao giờ vậy?”

“Nói cho ngay là dần dần: trong suốt mấy năm qua.”

“Có thể nói cụ thể hơn được không? Một năm? Hai năm? Hay là ba năm?”

“Thật là một câu hỏi ngớ ngẩn,” Rubashov nói. “Anh trở thành người lớn từ khi nào? Mười bảy tuổi? Mười tám rưỡi? Hay mười chín tuổi?”

“Anh giả vờ làm người ngớ ngẩn thì có,” Ivanov nói. “Mỗi một bước phát triển về mặt tinh thần đều là kết quả của những trải nghiệm trước đó. Nếu anh thực sự quan tâm thì xin nói rằng tôi trở thành người lớn lúc mười bảy tuổi, đấy là lần đi đày lần đầu tiên.”

“Lúc đó anh còn là một người tử tế,” Rubashov nhận xét. “Hãy quên chuyện đó đi.” Anh lại nhìn lên cái ô vuông màu trắng nhạt trên tường và vút điều thuốc lá đang hút dở xuống sàn.

“Tôi xin nhắc lại câu hỏi,” Ivanov vừa nói vừa khẽ nhào người ra phía trước. “Anh đã tham gia vào lực lượng chống đối có tổ chức được bao lâu rồi?”

Chuông điện thoại reo. Ivanov nhắc ông nghe lên và nói: “Tôi đang bận,” rồi lại treo vào chỗ cũ. Anh ta lại ngã người ra lưng ghế, chân duỗi thẳng, mắt nhìn chăm chăm vào Rubashov, chờ đợi.

“Anh biết rõ,” Rubashov đáp, “rằng tôi không bao giờ tham gia một tổ chức chống đối nào cả.”

“Anh buộc tôi phải xử sự theo kiểu quan liêu đấy,” vừa nói Ivanov vừa đưa tay kéo cái ngăn bàn và lôi ra một tập giấy.

“Xin bắt đầu từ năm 1933,” anh ta nói và xếp những tờ giấy lên mặt bàn. “Việc thiết lập chế độ độc tài và sự tan rã của Đảng ở chính cái đất nước mà thắng lợi có vẻ đã cận kề. Anh được cử đến đó để tiến hành thanh lọc và tái tổ chức đội ngũ....”

Rubashov ngã người ra phía sau và đóng tai lên nghe lý lịch của chính mình. Anh chợt nghĩ đến Richard, nhớ đến ánh hoàng hôn trên con phố trước viện bảo tàng nơi anh đợi taxi.

“...Ba tháng sau anh bị bắt. Hai năm tù giam. Không có bằng chứng, thái độ rất mẫu mực. Được thả và vinh quang trở về....”

Ivanov ngừng đọc, anh liếc nhìn Rubashov và tiếp tục:

“Anh được đón tiếp rất trọng thể. Lúc đó chúng ta không gặp nhau, có thể lúc đó anh bận nhiều việc quá.... Chuyện đó tôi cũng chẳng

trách gì anh. Anh cũng chẳng có đủ thì giờ để gặp gỡ tất cả bạn bè cũ được. Nhưng tôi đã hai lần trông thấy anh trên chủ tịch đoàn hai cuộc mít tinh. Lúc đó anh vẫn phải chống nạng và trông mệt mỏi lắm. Đúng ra sau khi công cán những bốn năm ở nước ngoài như thế, anh phải được đi an dưỡng vài ba tháng rồi sau đó nắm giữ một chức vụ nào đó trong chính phủ. Nhưng sau có hai tuần anh đã lại được cử ra nước ngoài công tác rồi...”

Ivanov đột ngột chồm hẳn về phía trước và nhìn thẳng vào mắt Rubashov:

“Tại sao?” đây là lần đầu tiên anh ta lên giọng như thế. “Anh không cảm thấy thoải mái ở đây, đúng không? Đã có nhiều thay đổi trong khi anh đi vắng làm anh khó chịu, đúng không?”

Ivanov ngừng lại chờ đợi câu trả lời; nhưng Rubashov vẫn ngồi yên, tiếp tục chà kính vào ống tay áo.

“Chuyện đó xảy ra không lâu sau khi nhóm đối lập đầu tiên bị kết án và tiêu diệt. Một số người trong đó là bạn thân của anh. Quần chúng trên khắp cả nước đã tỏ ra vô cùng căm phẫn khi họ biết được mức độ thối nát của nhóm đối lập đó. Nhưng anh không nói một câu nào. Sau hai tuần anh vội xin ra nước ngoài mặc dù vẫn phải chống nạng...”

Rubashov cảm thấy như mùi của cái hải cảng nhỏ, mùi của dầu xăng

và tảo biển thổi đang phảng phất đâu đây, anh như trông thấy cự đồ vật Paul đang vẫy tay, còn Levy Còi thì đang giờ cái tàu thuốc lên chào mọi người.... Anh ta đã treo cổ trên một cái xà nhà. Ngôi nhà cũ nát cứ rung lên mỗi lần có chiếc xe tải chạy qua, mỗi lần như thế xác Levy Còi lại đung đưa cho nên lúc đầu người ta cứ tưởng anh ta vẫn còn cử động được, sau này người ta đã kể lại với Rubshov như thế....

“Anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và sau đó được cử giữ chức trưởng Phái đoàn Thương mại của ta ở nước B. Ở đây anh cũng hoàn thành nhiệm vụ. Hiệp định thương mại mới, ký với B. rõ ràng là một thành công. Nếu nói về biểu hiện bên ngoài thì lý lịch của anh không có một vết nhơ nào. Nhưng sáu tháng sau khi anh nhận nhiệm sở thì hai cán bộ dưới quyền anh, trong đó có Arlova, thư ký riêng của anh bị triệu hồi về nước vì bị nghi là có tham gia nhóm chống đối bí mật. Cuộc điều tra sau đó đã chứng tỏ rằng họ có tội. Đáng lẽ anh phải công khai đoạn tuyệt với họ. Nhưng anh vẫn không nói gì....

“Sáu tháng sau nữa thì chính anh bị triệu hồi. Quá trình chuẩn bị cho phiên toà thứ hai xét xử nhóm đối lập đang được tiến hành. Tại phiên toà tên tuổi của anh được nhắc đến nhiều lần, Arlova hi vọng anh sẽ lên tiếng bảo vệ cô ta. Trong hoàn cảnh như thế im lặng thì chẳng khác nào thú nhận ‘lạy ông tôi ở bụi này’. Anh biết rõ như thế, nhưng anh chỉ tuyên bố công khai sau khi Đảng đã đưa ra tội hậu thư. Chỉ lúc đó, khi chính tính mạng của anh đã “ngàn cân treo

sợi tóc” anh mới chịu xuống nước và như thế nghĩa là Arlova coi như xong. Anh biết rõ số phận của cô ta...”

Rubashov yên lặng, lắng nghe, cái răng sâu lại bắt đầu đau. Anh biết rõ số phận của Arlova, số phận của Richard, của Levy Còi. Và của chính anh nữa. Anh đưa mắt nhìn lên cái khoảng trắng mờ trên tường, những nhà triết học để râu và được đánh số ở trên đầu chỉ để lại có thể thôi. Số phận của họ anh cũng biết. Lịch sử đã từng khởi động và hứa hẹn mang lại cho nhân loại một cuộc sống đàng hoàng hơn; nhưng ngày ấy đã qua rồi. Thế thì còn biểu diễn những trò này để làm gì? Nếu cơ thể con người còn lưu lại được cái gì đó sau khi chết thì ở một nơi nào đó trên cao xanh kia Arlova, với đôi mắt hiền dịu, vẫn đang nhìn chăm chăm vào đồng chí Rubashov, người được cô coi là thần tượng và cũng là người đã đưa cô đến đoạn đầu đài.... Cái răng sâu càng ngày càng nhức nhối hơn.

“Có cần đọc lại lời tuyên bố của anh lúc đó không?” Ivanov hỏi.

“Cám ơn, không cần,” Rubashov đáp, anh nhận thấy giọng mình nghe có vẻ khàn khàn.

“Chắc anh còn nhớ, lời tuyên bố của anh - người ta cũng có thể coi đây là một lời tự thú – đã kết thúc bằng việc lên án một cách nghiêm khắc phe đối lập và hứa trung thành tuyệt đối với đường lối của Đảng và cá nhân Anh Cả nữa.”

“Đủ rồi,” Rubashov mệt mỏi nói. “Anh biết rõ là những lời tuyên bố được sản xuất như thế nào rồi mà. Nếu chưa biết thì là may cho anh. Lạy chúa tôi, hãy thôi trò này đi.”

“Cũng sắp hết rồi,” Ivanov bảo. “Chỉ còn phải xem xét hai năm cuối nữa thôi. Lúc này anh đứng đầu Công ty Nhôm quốc gia. Một năm trước, trong vụ án chống Đảng thứ ba, một số tên cầm đầu liên tục nhắc đến tên tuổi của anh một cách rất tù mù. Không có bằng chứng cụ thể nào cả. Nhưng mỗi nghi ngờ trong hàng ngũ của Đảng thì ngày một gia tăng. Anh lại tuyên bố công khai ủng hộ đường lối của Lãnh đạo Đảng và lên án phe đối lập bằng những lời lẽ còn nặng nề hơn trước.... Chuyện này xảy ra cách đây sáu tháng. Thế mà hôm nay anh lại nói rằng trong suốt mấy năm qua anh đã coi đường lối của lãnh đạo là sai lầm và có hại....”

Ivanov ngừng lời và ngả người ra đằng sau.

“Thế nghĩa là những lời thề thốt trung thành với Đảng của anh chỉ là vờ vịt. Anh đừng nghĩ rằng tôi đang giáo huấn. Chúng ta đều từ một lò mà ra cả. Anh tin rằng chính sách của chúng tôi là sai còn của anh là đúng. Tuyên bố thẳng thừng như vậy thì anh sẽ bay ra khỏi Đảng ngay lập tức, nghĩa là anh sẽ chẳng thể nào chiến đấu cho tư tưởng mà anh cho là đúng đắn của mình được nữa. Và anh buộc phải thả bớt tải trọng đi để tiếp tục cuộc đấu tranh cho quan điểm duy nhất đúng của mình. Ở địa vị của anh tôi cũng sẽ hành động y như vậy. Cho đến nay thì mọi thứ đều hợp lý cả.”

“Thế rồi sao?” Ruabshov hỏi.

Ivanov nở một nụ cười thân thiện.

“Tôi chỉ không hiểu,” anh ta bảo “cái này. Anh thú nhận là đã nhiều năm nay anh cho rằng chúng tôi đã chôn vùi Cách mạng, đồng thời anh cũng phủ nhận việc tham gia vào phe đối lập. Anh có thực sự nghĩ rằng tôi sẽ tin là anh khoanh tay ngồi nhìn trong khi chúng tôi, theo quan điểm của anh, đang đưa đất nước và Đảng đến sự diệt vong?”

Rubashov nhún vai:

“Có thể tôi đã già quá và hết hơi rồi.... Thôi thì tùy, anh muốn nghĩ thế nào cũng được.”

Ivanov châm một điếu thuốc nữa. Giọng anh ta càng nhẹ nhàng hơn và thuyết phục hơn:

“Anh thực sự nghĩ rằng tôi sẽ tin là anh đã hi sinh Arlova và ly khai họ,” vừa nói anh ta vừa hát hàm về phía cái khoảng trống mờ trên tường “là để giữ cái đầu của chính mình đấy chứ?”

Rubashov không đáp. Thời gian nặng nề trôi. Đầu Ivanov càng cúi gần Rubashov hơn.

“Không, tôi không thể hiểu được anh,” anh ta bảo. “Nửa tiếng trước đây anh đã tấn công đường lối của chúng tôi một cách điên cuồng đến nỗi chỉ cần một câu trong đó cũng đủ đưa anh lên đoạn đầu đài rồi. Còn bây giờ thì anh lại khẳng định, trái ngược với lộ gích sơ đẳng nhất, rằng anh không tham gia vào nhóm đối lập chống Đảng, mặc dù chúng tôi có đủ bằng chứng như thế.”

“Thật à?” Rubashov hỏi lại. “Nếu các anh có đủ bằng chứng thì còn cần tôi thú nhận làm gì? Bằng chứng về cái gì vậy?”

“Thí dụ,” Ivanov chậm rãi nói, “bằng chứng về việc ám sát Anh Cả.”

Lại im lặng. Rubashov đeo kính lên.

“Xin được hỏi một câu,” Rubashov lên tiếng. “Anh có thực sự tin vào điều nhằm nhí ấy không hay anh chỉ giả đồ thể thôi?”

Ivanov vẫn nhìn với vẻ cười cợt, dịu dàng như cũ:

“Như tôi đã nói với anh. Chúng tôi có đủ bằng chứng. Chính xác hơn: đây là lời thú tội. Chính xác hơn nữa thì đây là lời thú tội của một người, theo lời xúi giục của anh, đã chuẩn bị thực hiện vụ ám sát.”



“Xin chúc mừng,” Rubashov nói. “Thế người ấy là ai?”

Ivanov mỉm cười.

“Một câu hỏi không đúng chỗ.”

“Có thể cho tôi đọc lời thú nhận của anh ta được không? Hay cho tôi đối chất với anh ta?”

Ivanov mỉm cười. Anh ta cố tình trêu Rubashov bằng cách phả khói thuốc lá vào mặt. Rubashov cảm thấy khó chịu nhưng vẫn ngồi yên một chỗ.

“Anh còn nhớ chuyện thuốc ngủ không?” Ivanov chậm rãi nói. “Ày, tôi đã hỏi anh câu này rồi. Hôm nay chúng ta đã đổi chỗ cho nhau: anh là người sắp đâm đầu xuống vực. Nhưng chớ có mong tôi giúp. Lúc đó anh đã bảo với tôi rằng tự sát là chủ nghĩa lãng mạn tư sản. Tôi mong rằng anh cũng sẽ không làm chuyện đó. Thế là hoà.”

Rubashov không trả lời. Anh đang nghĩ xem liệu Ivanov nói thật hay nói dối, cùng lúc đó bỗng nhiên anh lại có ước muốn, nói đúng hơn là sự thôi thúc của cơ thể, được chạm tay vào cái khoảng trống mờ trên tường. “Thần kinh có vấn đề,” anh tự nhủ. “Bị ám ảnh. Chỉ bước lên những viên gạch màu đen, nói những câu vô nghĩa, lau kính vào ống tay áo, mình sẽ làm chuyện đó ở đây mất thôi...”

“Tôi rất muốn biết,” Rubashov nói to, “anh sẽ cứu tôi như thế nào? Chứ cách anh tra vấn tôi có vẻ như có mục đích ngược lại.”

Ivanov vẫn mỉm cười, nét mặt còn rạng rỡ hơn trước:

“Anh ngốc lắm,” anh ta vừa nói vừa vươn người qua mặt bàn và đưa tay nắm lấy cúc chiếc áo vét của Rubashov. “Tôi muốn anh nổi xung lên ở đây để không nổi xung khi không đáng nổi xung. Anh thấy là tôi không cho gọi thư ký chứ?”

Anh ta rút ra một điều thuốc và đưa vào miệng Rubashov, trong khi tay kia vẫn tiếp tục giữ chặt cái cúc áo.

“Anh làm như trẻ con ấy. Giống như một thằng bé ưa lăng mạn,” anh ta nói thêm. “Bây giờ chúng ta sẽ phía ra một bản tự thú ngắn và kết thúc, được chứ?”

Cuối cùng Rubashov cũng tìm cách gỡ được bàn tay Ivanov. Anh nhím chăm chăm vào mặt anh ta.

“Thú nhận cái gì?” Rubashov hỏi.

Vẫn nụ cười rạng rỡ trên môi, Ivanov nói:

“Lời tự thú sẽ có nội dung là từ năm này, năm này trở đi anh đã tham gia nhóm đối lập có tên thế này, thế này; nhưng hoàn toàn

phủ nhận việc tổ chức và lập kế hoạch ám sát; ngược lại, anh đã rút khỏi nhóm đó sau khi phát hiện ra những kế hoạch khủng bố tội lỗi của họ.”

Kể từ đầu cuộc nói chuyện, đây là lần đầu tiên Rubashov cười:

“Nếu anh không còn gì nói thêm nữa thì xin cho kết thúc ở đây.”

“Để tôi nói nốt đã,” Ivanov bình tĩnh nói. “Dĩ nhiên là tôi biết rằng anh tìm cách lảng tránh. Chúng ta sẽ cùng xem xét khía cạnh đạo đức của vấn đề. Anh sẽ không phản bội lại ai cả. Cả nhóm đã bị bắt trước anh lâu rồi và một nửa đã bị khử rồi, chính anh cũng đã biết rõ như thế. Những kẻ còn lại có thể nhận những chuyện quan trọng hơn chứ không phải cái việc vô thưởng vô phạt như thế, nói cho ngay, nếu chúng tôi muốn thì họ có thể nhận bất cứ tội gì. Tôi hi vọng rằng anh hiểu tôi, hi vọng rằng lòng chân thành của tôi đã thuyết phục được anh.”

“Nói một cách khác: chính anh cũng không tin có chuyện ám sát Anh Cả,” Rubashov nói. Thế thì tại sao anh không cho tôi gặp cái nhân vật X nào đó, không cho tôi gặp chính kẻ đã thú nhận chuyện đó?”

“Xin anh suy nghĩ một chút,” Ivanov đáp. “Hãy đặt anh vào địa vị của tôi, mà thực ra chúng ta cũng dễ dàng đổi chỗ cho nhau lắm, và tìm giúp cho tôi câu trả lời, được chứ?”

Rubashov trầm ngâm suy nghĩ.

“Anh đã nhận được chỉ thị phải tiến hành công việc với tôi như thế nào rồi, phải không?” anh hỏi.

Ivanov lại mỉm cười:

“Không hoàn toàn như thế. Thực ra thì vẫn chưa có quyết định là anh thuộc trường hợp H hay T. Anh biết những thuật ngữ này chứ?”

Rubashov gật đầu.

“Thế là anh bắt đầu hiểu rồi đấy,” Ivanov nói. “H nghĩa là xử lý hành chính, còn T là toà án. Đa số các vụ án chính trị được xử lý theo lối hành chính, nói các khác những trường hợp này đưa ra công khai thì sẽ không có lợi.... Nếu anh rơi vào trường hợp H thì sẽ không còn nằm dưới quyền tôi nữa. Phiên toà sẽ do một Hội đồng xử kín, phiên toà sẽ diễn ra một cách nhanh chóng, không có đối chất gì hết. Anh chắc còn nhớ ...”. Rồi Ivanov nhắc đến tên ba bốn người và liếc nhìn lên khoảng tường trắng. Khi anh ta quay lại thì Rubashov chợt nhận thấy những biểu hiện mệt mỏi trên nét mặt và đôi mắt đờ đẫn của Ivanov.

Ivanov nhắc lại bằng giọng nhẹ nhàng hơn tên của mấy người bạn

cũ.

“Tôi cũng như anh đều biết rõ họ,” anh ta tiếp tục. “Nhưng chúng tôi tin rằng các anh sẽ đưa Cách mạng đến chỗ diệt vong, còn anh thì ngược lại. Đây là bản chất của vấn đề. Hành động của chúng tôi được quyết định từ những suy luận như thế. Chúng tôi không thể để cho những rắc rối về mặt pháp lý bó tay mình được. Trước đây anh chả đã từng làm như thế hay sao?”

Rubashov không đáp.

“Cái chính là,” Ivanov tiếp tục, “làm sao để anh được vào nhóm T và tiếp tục do tôi xử lý. Anh đã biết dựa vào đâu mà người ta lựa chọn để đưa ra toà rồi đây. Tôi phải chứng minh mức độ tự nguyện hợp tác với cơ quan điều tra của anh. Anh cần phải viết bản tự kiểm điểm và thú nhận một phần tội lỗi. Nếu anh ngoan cố, nếu anh cứ tiếp tục đóng vai người hùng và cho rằng họ chẳng làm gì được mình thì anh sẽ bị giết trên cơ sở những lời thú tội của một tên X nào đó. Mặt khác, nếu anh thú nhận một phần thì cuộc điều tra sẽ kéo dài thêm. Trên cơ sở đó tôi sẽ có thể tổ chức cho anh đối chất; chúng ta sẽ bác bỏ việc tổ chức ám sát và chỉ nhận những tội thật nhẹ nhàng thôi. Ngay trong trường hợp như thế anh cũng sẽ bị ít nhất là hai mươi năm, nhưng chỉ sau hai ba năm là sẽ được ân xá và sau năm năm thì anh sẽ quay trở lại vũ đài như cũ. Tốt hơn hết là anh hãy suy nghĩ thật kỹ, thật bình tĩnh trước khi trả lời.”

“Tôi đã nghĩ kỹ rồi,” Rubashov nói. “Đề nghị của anh không phù hợp với tôi. Lý luận của anh có thể là đúng đấy. Nhưng tôi chán kiểu lý luận như thế lắm rồi. Tôi đã mệt mỏi và không thích đóng kịch nữa. Xin anh hãy cho tôi trở về buồng giam.”

“Thôi được,” Ivanov nói. “Tôi cũng không nghĩ rằng anh sẽ đồng ý ngay đâu. Những kiểu nói chuyện như thế này không thể có hiệu quả ngay lập tức được. Anh có hai tuần để suy nghĩ. Khi anh đã suy nghĩ xong thì bảo họ đưa lại chỗ tôi hoặc viết cho tôi một mảnh giấy cũng được. Tôi tin rằng anh sẽ viết.”

Rubashov đứng lên; Ivanov cũng đứng lên, anh ta cao hơn Rubashov nửa cái đầu. Ivanov bấm chuông. Trong khi chờ viên giám ngục tới đưa Rubashov đi, Ivanov bảo:

“Trong bài báo cuối cùng anh mới viết mấy tháng trước đây anh có nói rằng mười năm tới sẽ là mười năm quyết định số phận của thế giới. Anh có muốn tham gia vào việc đó không?”

Anh ta nhìn từ đầu xuống chân Rubashov, miệng vẫn mỉm cười. Có tiếng chân bước ngoài hành lang, cánh cửa bật mở. Hai giám thị bước vào và giơ tay chào. Rubashov len vào giữa hai người để họ đưa anh trở về buồng giam. Hành lang vắng ngắt, không một tiếng động; từ các buồng giam vọng ra những tiếng ngáy nghe như những lời ai oán. Bên trên dãy nhà, ánh đèn điện vàng vọt, nhợt nhạt đã bật sáng từ lâu.



## Đợt thẩm vấn thứ hai

*Khi sự tồn tại của nhà thờ bị đe dọa thì nó sẽ từ bỏ đức hạnh. Lấy thống nhất làm mục đích, nó sử dụng mọi phương tiện, kể cả những thủ đoạn xảo quyệt, dối trá, phản bội, đàn áp và giết chóc. Tất cả đều vì lợi ích của cộng đồng, cá nhân phải hi sinh cho lợi ích của cộng đồng.*

Dietrich von Nieheim, Giám mục vùng Verden (*De schismate libri III*, năm 1411)

### 1.

Trích từ nhật ký của Rubashov. Ngày thứ năm kể từ khi bị bắt.

“... Ngay trước giờ phán xử cuối cùng, chân lý tối thượng luôn bị coi là một điều lầm lẫn. Kẻ được coi là đúng ở phút cuối thì trước đó lại bị coi là sai và có hại.

Nhưng ai là người đúng? Chỉ sau này mới biết. Còn hiện nay hẳn phải hành động dựa trên niềm tin của chính mình và bán linh hồn



cho qui sử với vọng sẽ được lịch sử tha thứ.

Người ta nói rằng *Ông hoàng* là cuốn sách gối đầu giường của Anh Cả. Ông ta làm thế là đúng: Chưa có cuốn sách nào viết về đạo đức chính trị hay hơn cuốn sách này. Chúng ta là những người đầu tiên đã thay đạo đức quân tử của nền tự do thế kỷ XIX bằng đạo đức cách mạng của thế kỷ XX. Dĩ nhiên là chúng ta đúng: làm cách mạng mà còn bám vào luật lệ thì thua là cái chắc. Trong những giai đoạn yên ắng thì có thể hành động một cách tương đối trung thực, còn tại những bước ngoặt của lịch sử thì chỉ có thể sử dụng một nguyên tắc duy nhất, có từ xa xưa, đấy là: mục đích biện minh cho phương tiện. Chúng ta đã sử dụng thuyết của Machiavelli, các chế độ độc tài phản cách mạng khác chỉ bắt chước mà thôi. Chúng ta là những người theo Machiavelli vì cuộc đấu tranh cho sự công bằng trên toàn thế giới, đấy chính là sự vĩ đại của chúng ta; còn bọn chúng thì lại vì quyền lợi quốc gia ích kỷ của chúng và đấy chính là sự lạc hậu của chúng. Đấy chính là lý do vì sao lịch sử sẽ tha tội cho chúng ta và sẽ lên án chúng...

Nhưng hôm nay chúng ta phải dựa vào niềm tin để suy nghĩ và hành động. Vì chúng ta đã vất bỏ tất cả các qui ước và nguyên tắc của luật chơi nên chúng ta buộc phải tuân theo qui tắc xuất phát từ lý trí. Chúng ta buộc phải tìm cho ra hậu quả chung cuộc của từng ý tưởng của chúng ta và hành động cho phù hợp. Chúng ta đang lái một con tàu không có gia trọng vì vậy mỗi một khúc quanh đều là vấn đề sinh tử.

Mới đây ông B., một nhà nông học hàng đầu cùng với ba mươi cộng sự đã bị bắn chỉ vì cho rằng phân đạm thì tốt hơn phân ka li trong khi Anh Cả ủng hộ ý kiến ngược lại, vì vậy B. và các cộng sự bị thanh trừng như những phần tử phá hoại. Trong một nền nông nghiệp đã được quốc hữu hoá vấn đề sử dụng phân đạm hay phân ka li có vai trò đặc biệt quan trọng: nó có thể đóng vai quyết định trong cuộc chiến tranh tương lai. Nếu Anh Cả đúng thì lịch sử sẽ tha thứ cho Anh và việc giết hại ba mươi một người kia chỉ là chuyện vặt. Nhưng nếu Anh sai....

Vấn đề chỉ là về mặt khách quan thì ai đúng. Những người tuân theo luật chơi cũ lại có suy nghĩ khác: liệu B. có thực sự tin như thế khi ông ta đề nghị sử dụng phân đạm hay không? Nếu ông ta không tin thì, theo họ, ông ta đáng bị bắn ngay cả nếu sau này chứng minh được rằng phân đạm tốt hơn. Nhưng nếu ông ta hoàn toàn tin tưởng như thế thì ông ta phải được tha và được phép tiếp tục cố động cho việc sử dụng phân đạm dù đất nước có vì thế mà bị tan hoang thì cũng phải chịu....

Dĩ nhiên như thế là nhằm nhí. Đối với chúng ta thì niềm tin của một cá nhân chẳng có ý nghĩa gì. Người sai sẽ phải trả giá còn người đúng thì được tha thứ. Đây là qui luật của niềm tin mang tính lịch sử và đây cũng là qui luật của chúng ta.

Lịch sử dạy ta rằng dối trá nhiều khi lại có ích đối với nó hơn là sự

thật, vì con người là một thực thể yếu đuối và cần phải được đưa qua sa mạc suốt bốn mươi năm trước mỗi bước phát triển của nó [\[1\]](#). Nó phải được dẫn dụ qua sa mạc bằng cả roi vọt lẫn những lời hứa hẹn, bằng những cả dọa dẫm và an ủi mù mờ để nó không dừng lại quá sớm và tiếp tục thờ phụng con bê vàng.

Chúng ta đã nghiên cứu lịch sử kỹ lưỡng hơn tất cả kẻ thù của chúng ta. Chúng ta kiên định hơn chúng. Chúng ta biết rằng đức hạnh chẳng có giá trị gì đối với lịch sử, còn tội ác thì không bao giờ bị trừng phạt, nhưng bất kỳ sai lầm nào cũng để lại hậu quả và sẽ báo thù đến tận đời thứ bảy. Vì vậy chúng ta tập trung mọi nỗ lực để ngăn chặn sai lầm và tiêu diệt mầm mống của nó ngay từ trong trứng nước. Chưa bao giờ một nhóm ít người như thế lại nắm được quyền lực to lớn đến như thế đối với tương lai của nhân loại. Mỗi một tư tưởng sai lầm mà chúng ta theo sẽ biến thành tội ác chống lại các thế hệ tương lai. Vì vậy chúng ta phải trừng phạt các tư tưởng sai lầm như trừng phạt tội ác: giết. Chúng ta bị coi là những kẻ điên rồ bởi vì chúng ta luôn suy nghĩ thấu đáo kết quả chung cuộc của từng ý tưởng và hành động phù hợp với kết luận đó. Chúng ta bị đem ra so sánh với toà án pháp đình vì, giống như họ, chúng ta luôn cảm thấy gánh nặng trách nhiệm cứu rỗi thế giới này. Giống như các quan toà của toà án giáo hội, chúng ta triệt hạ không chỉ mầm mống cái ác trong việc làm mà còn triệt hạ cả mầm mống cái ác trong ý nghĩ nữa. Chúng ta không chấp nhận bất kỳ lĩnh vực riêng tư nào, kể cả những suy tư còn trong hộp sọ. Chúng ta buộc phải đưa tất cả mọi việc đến kết quả cuối cùng. Đầu óc của chúng ta

căng thẳng đến nỗi bất kì một sự va chạm nào cũng có thể gây ra đoản mạch chết người. Đây là lý do vì sao chúng ta phải giết lẫn nhau.

Tôi là một người trong số họ. Tôi đã suy nghĩ và hành động theo đúng qui luật, tôi đã giết những người mà tôi yêu quý và đã trao quyền lực cho những kẻ mà tôi không ưa. Lịch sử đã giao cho tôi nhiệm vụ như thế, tôi đã đánh mất niềm tin mà lịch sử đã giao cho tôi, nếu đúng thì tôi chẳng việc gì phải ân hận, còn nếu sai thì tôi sẽ phải trả giá.

Nhưng làm sao hiện tại có thể biết cái gì sẽ được coi là đúng trong tương lai? Chúng ta đang làm công việc của các nhà tiên tri nhưng lại không được trời ban cho những tài năng thiên phú của họ. Chúng ta đã dùng tư duy thay thế cho trí tưởng tượng, nhưng mặc dù có chung một điểm xuất phát, chúng ta lại đi đến những kết luận khác nhau. Chứng minh của người này phủ nhận chứng minh của người kia, và cuối cùng chúng ta buộc phải trở lại với niềm tin, một niềm tin không cần chứng minh sự đúng đắn của chính mình. Đây là thời điểm quyết định. Chúng ta đã vắt hết gia trọng đi rồi, chỉ còn lại một cái neo duy nhất, đây là niềm tin vào chính mình. Hình học là biểu hiện rõ nhất của lý trí, nhưng các tiên đề của Euclid thì phải chấp nhận mà không thể chứng minh. Nghi ngờ nó thì toàn bộ lâu đài hình học sẽ sụp đổ.

Anh Cả có một niềm tin vững chắc, cuồng nhiệt và không gì có thể

lay chuyển được. Anh có một cái mỏ neo vững chắc hơn tất cả những người khác. Cái của tôi đã bị mòn vẹt rồi....

Sự thật là: Tôi đã không còn tin vào sự đúng đắn của mình nữa. Tôi thua là vì như thế.

## 2.

Một ngày sau cuộc hỏi cung Rubashov lần thứ nhất, điều tra viên Ivanov cùng với người đồng nghiệp là Gletkin ngồi lại trong căng tin sau bữa ăn trưa. Ivanov cảm thấy rất mệt, anh đặt cái chân giả lên chiếc ghế bên cạnh và cởi cúc áo cổ ra. Anh rót vào ly mỗi người một ít rượu rẻ tiền vừa mua trong căng tin vừa yên lặng ngắm nhìn Gletkin – hắn ngồi ngay ngắn trên ghế, quần áo là thẳng nếp, bao súng lục vẫn đeo bên hông mặc dù cũng mệt không khác gì Rubashov. Gletkin dốc cạn ly, vết sẹo to tướng trên cái đầu cạo trọc hơi ửng lên. Phòng ăn vắng ngắt, phía xa chỉ có ba sĩ quan nữa, hai người đang chơi cờ còn người thứ ba thì đứng xem.

“Rubashov sao rồi?” Gletkin hỏi.

“Chưa có tiến triển gì,” Ivanov đáp. “Nhưng anh ta vẫn suy luận một cách rất lô gích. Như vậy thì trước sau gì anh ta cũng sẽ đầu .”

“Tôi không tin,” Gletkin nói.

“Nhất định,” Ivanov nói. “Khi anh ta suy nghĩ thấu đáo mọi chuyện thì anh ta sẽ đầu hàng. Điều quan trọng bây giờ là để cho

anh ta yên và đừng đụng đến anh ta. Tôi đã bảo mang đến cho anh ta giấy, bút và thuốc lá; những thứ này có ích cho quá trình tư duy lắm đấy.”

“Tôi cho làm thế là sai,” Gletkin bảo.

“Anh không ưa anh ta,” Ivanov nói. “Mấy hôm trước anh ta đã làm anh bực mình chứ gì?”

Gletkin nhớ lại cảnh Rubashov ngồi trên giường và xỏ đôi tất rách, đi giày.

“Vấn đề không phải như thế,” hắn nói. “Cá nhân anh ta không phải là vấn đề. Tôi nghĩ biện pháp anh đang áp dụng là sai. Sẽ chẳng có tác dụng gì đâu.”

“Rubashov sẽ không đầu hàng vì sợ đâu, chỉ lý lẽ mới có thể đánh gục được anh ta mà thôi,” Ivanov đáp. “Biện pháp cứng rắn sẽ chẳng có ích gì. Anh ta thuộc loại người càng bị áp lực thì lại càng ngoan cố hơn.”

“Đấy chỉ chuyện nói cho vui thôi,” Gletkin đáp. “Nói rằng có người có thể chịu bất kỳ sự đầy đoạ nào là không đúng. Tôi chưa gặp người nào như thế cả. Kinh nghiệm cho thấy rằng khả năng kháng cự của hệ thần kinh là có giới hạn, đấy là qui luật tự nhiên.”

“Tốt nhất là đừng có bị rơi vào tay anh,” Ivanov nói, miệng nở một nụ cười gượng gạo. “Nhưng chính cuộc sống của anh đã bác bỏ lý thuyết ấy rồi còn gì,” vừa nói Ivanov vừa liếc nhìn cái sẹ to tướng trên đầu Gletkin.

Câu chuyện cái sẹ của Gletkin thì nhiều người biết. Chuyện đó xảy ra trong thời kỳ Nội chiến. Gletkin bị quân địch bắt được, chúng gắn một ngọn nến đang cháy lên cái đầu cạo trọc của hắn để buộc hắn phải khai. Mấy giờ sau đồng đội của hắn chiếm được khu vực đó, lúc đó hắn đã bất tỉnh rồi. Ngọn nến đã đã cháy hết, nhưng Gletkin không khai nửa lời.

Gletkin bình thản ngược nhìn Ivanov.

“Đấy cũng chỉ là nói thể thôi,” hắn bảo. “Tôi không khai vì đã bị ngất. Nếu tôi còn tỉnh thêm một vài phút nữa thì nhất định tôi đã khai rồi. Vấn đề là thể chất con người nó như thế.”

Gletkin chậm rãi uống cạn ly rượu và nói thêm: “Khi tỉnh lại tôi tin rằng mình đã khai hết. Nhưng hai chiến sĩ cùng được giải cứu với tôi lại nói là không. Thế là tôi được gắn huân chương. Tất cả chỉ là ở thể chất của con người, mọi thứ khác chỉ là những chuyện thêm dẽt thêm mà thôi.”

Ivanov nâng ly lên. Anh đã uống quá nhiều rồi.

“Anh đã phát minh ra cái lý thuyết thể chất này từ bao giờ vậy? Nói cho ngay, những năm đầu có được áp dụng các biện pháp cứng rắn đâu. Thời đó chúng ta còn ảo tưởng lắm. Bỏ các biện pháp trừng phạt, trại cải tạo thì có vườn hoa. Thật là cực kỳ nhảm nhí.”

“Tôi không tin,” Gletkin nói. “Anh là một người ích kỷ. Một trăm năm nữa mọi chuyện sẽ diễn ra đúng như thế. Nhưng trước hết phải tiêu diệt kẻ thù đã. Càng nhanh càng tốt. Ảo tưởng là khi nghĩ rằng thời đó đã đến rồi. Thời gian đầu, khi mới được điều về đây tôi cũng có ảo tưởng như thế. Tất cả chúng ta, thực ra là toàn bộ bộ máy đều đã nghĩ như thế. Chúng ta muốn khắp nơi đều có đầy hoa lá ngay lập tức. Thế là sai. Sau một trăm năm nữa chúng ta mới có thể dùng lý lẽ để cảm hoá được những kẻ vi phạm pháp luật. Còn hiện nay chúng ta vẫn phải áp dụng các biện pháp tra tấn, phải đè bẹp kẻ thù cả về tinh thần lẫn thể xác, nếu cần.”

“Liệu hấn có say không?” Ivanov tự hỏi. Nhưng về mặt bình tĩnh và đôi mắt không biểu hiện một chút tình cảm nào của hấn chứng tỏ rằng hấn chưa say. Ivanov mỉm cười và lơ đãng hỏi:

“Nói tóm lại, tôi là người ích kỷ còn anh là nhà luân lý học, đúng không?”

Gletkin không trả lời. Hấn ngồi thẳng người trên ghế, quân phục là cứng, dây thắt lưng to bản có khẩu súng lục lủng lẳng sức mùi da mới thuộc.



“Mấy năm trước,” Gletkin nói, sau một hồi im lặng, “một tay nông dân được đưa đến chỗ tôi để thẩm vấn. Chuyện đó xảy ra ở dưới tỉnh, khi chúng ta vẫn còn tin vào lý thuyết vườn hoa, như anh nói cơ. Tất cả các cuộc hỏi cung đều diễn ra trong tinh thần hữu hảo. Tay nông dân này đã đem chôn giấu tất cả thóc lúa hắn vừa thua hoạch được, đây là giai đoạn đầu của quá trình hợp tác hoá. Tôi làm theo đúng hướng dẫn. Tôi giảng giải cho anh ta rằng chúng ta cần lương thực để nuôi dân thành thị đang ngày càng gia tăng và đề xuất khẩu, để xây dựng nền công nghiệp và đề nghị anh ta chỉ chôn giấu thóc. Khi mới bước vào thì cổ anh ta rút lại vì tin là sẽ bị đánh. Tôi biết rõ loại người như thế, bản thân tôi cũng xuất thân từ nông dân mà. Thấy tôi không những không nện cho anh ta một trận mà lại nói chuyện một cách thân mật và gọi anh ta là “công dân” thì anh ta lập tức cho rằng tôi bị loạn thần kinh. Tôi đọc được điều đó trong mắt anh ta. Tôi nói chuyện với anh ta khoảng nửa tiếng đồng hồ. Còn anh ta thì nín thinh, thỉnh thoảng lại đưa ngón tay lên ngoáy mũi hay ngoáy tai. Tôi tiếp tục giảng giải mặc dù nhận ra rằng anh ta coi đây là chuyện đùa, không thèm nghe nữa. Lý luận không thể lọt được vào tai những người như anh ta. Hàng thế kỷ giam hãm trong chế độ gia trưởng đã làm cho họ điếc đặc hết rồi. Tôi tuân theo đúng hướng dẫn, lúc đó tôi không thể nào nghĩ rằng còn có những biện pháp khác.... Lúc đó tôi phải xử lý từ hai mươi đến ba mươi trường hợp mỗi ngày. Các đồng chí khác cũng thế. Cách mạng đang lâm nguy vì những thằng nông dân như thế. Công nhân không có gì ăn; cả tỉnh, cả huyện tan hoang vì nạn đói; không vay được

tiền để xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, kẻ thù thì sẵn sàng tấn công bất cứ lúc nào. Hơn hai triệu đồng tiền vàng bị giấu ở các xó xỉnh khác nhau, một nửa số lương thực vừa thu hoạch cũng bị họ đem chôn xuống đất. Trong khi chúng ta gọi họ là các công dân thì họ lại coi chúng ta là những anh hề. Lần hỏi cung thứ ba diễn ra vào lúc hai giờ sáng, trước đây mỗi ngày tôi thường làm việc mười tám tiếng đồng liền. Anh ta bị gọi dậy, vẫn còn ngái ngủ, thế là khai hết. Từ đó trở đi tôi chỉ hỏi cung vào ban đêm. Có một con mụ còn phải đứng trước cửa phòng tôi suốt đêm nữa cơ. Khi được đưa vào thì chân mụ đã không đứng vững nữa, mệt quá, mới hỏi được nửa chừng thì mụ đã lảo nhão ra ngủ. Tôi gọi dậy, mụ ta tiếp tục nói mà không biết mình nói gì nữa. Tôi lại gọi dậy, lần này mụ ta thú nhận tất, thậm chí còn ký biên bản mà không thèm đọc nữa cơ. Chồng của mụ ta giấu hai khẩu súng trường trong đồng rơm, lại còn xúi giục nông dân trong làng đốt hết thóc đi vì hắn ta mơ thấy một tên phản chúa. Người phụ nữ này phải đứng suốt đêm ngoài hành lang là do sự cầu thả của tay trợ lý của tôi, nhưng từ đó trở đi tôi bảo anh ta cứ làm như thế; những thằng ngoan cố còn bị đứng một chỗ bốn mươi tám tiếng đồng hồ liền cơ. Sau đó thì chúng không còn giả câm giả điếc được nữa....”

Hai người chơi cờ ở góc đằng kia xếp lại quân và bắt đầu một ván mới. Người thứ ba đã bỏ ra ngoài. Ivanov chăm chú quan sát Gletkin. Giọng hấn vẫn điềm đạm và vô hồn như mọi khi.

“Các đồng chí khác cũng trải qua những giai đoạn như thế. Đây là

cách duy nhất. Vẫn tuân thủ chỉ dẫn, không có phạm nhân nào bị đánh đập cả. Nhưng đôi khi, có thể nói một cách vô tình, họ được chứng kiến cảnh tử hình những tù nhân khác. Tác động phải nói là cả về thể xác lẫn tinh thần. Một thí dụ khác: để giữ vệ sinh tù nhân phải thường xuyên đi tắm. Mùa đông, hệ thống đun và đường ống nước nóng không phải lúc nào cũng hoạt động tốt, vì lý do kỹ thuật, dĩ nhiên, nhưng lúc nào bị hết nước nóng và hết trong bao lâu thì chỉ người lính áp giải mới biết mà thôi. Mùa hè thì ngược lại, đôi khi hệ thống nước nóng lại làm việc tốt quá, tất cả cũng vẫn phụ thuộc vào người lính áp giải. Đấy đều là các đảng viên lâu năm, không cần phải hướng dẫn quá cụ thể, họ hiểu ra ngay vấn đề....”

“Dĩ nhiên là không cần,” Ivanov nói.

“Anh hỏi tôi lý thuyết thể chất được hình thành như thế nào và tôi đã giải đáp,” Gletkin nói. “Mọi hành động của chúng ta đều xuất phát từ sự cần thiết, làm khác đi, như anh, là ích kỷ. Muộn rồi, tôi phải đi đây.”

Ivanov dốc cạn ly và đặt cái chân giả lên mặt ghế, bệnh thấp khớp lại tiếp tục hành hạ anh. Anh cảm thấy bức mình vì đã trót khơi mào câu chuyện vừa rồi.

Gletkin trả tiền. Khi cô nhân viên căng tin đi khỏi, Gletkin hỏi:

“Sẽ làm thế nào với tay Rubashov đây?”

“Tôi đã nói rồi,” Ivanov đáp. “Hãy để cho anh ta yên.”

Gletkin đứng lên. Tiếng ủng kêu lạo xạo. Anh ta đứng bên cạnh cái ghế mà Ivanov đang gác chân lên.

“Tôi công nhận là anh ta có nhiều công hiến,” Gletkin nói. “Nhưng hiện nay anh ta đã trở thành nhân vật phá hoại, y hết mấy tay nông dân kia, nhưng nguy hiểm hơn.”

Ivanov ngẩng lên và nhìn vào đôi mắt vô cảm của Gletkin.

“Tôi đã cho anh ta suy nghĩ hai tuần,” Ivanov nói. “Trong thời gian đó xin đừng động tới anh ta.”

Ivanov nói như ra lệnh. Gletkin là cấp dưới của anh. Gletkin giơ tay lên chào và bước ra khỏi căng tin, đôi ủng mới bóng loáng phát ra những tiếng cọt két sau mỗi bước chân.

Ivanov vẫn ngồi. Anh uống thêm ly nữa rồi châm một điếu thuốc. Một lúc sau anh mới đứng dậy và đi cà nhắc đến chỗ hai sĩ quan đang chơi cờ.

### 3.

Ngay sau buổi thăm vắn đầu tiên cuộc sống của Rubashov đã được cải thiện một cách rõ rệt. Sáng hôm sau người giám thị già đã mang đến giấy, bút, một bánh xà phòng và cái khăn mặt. Ông ta cũng đưa

cho anh tem phiếu của nhà tù, tương đương với số tiền họ thu khi bị bắt và nói rằng từ nay anh có thể đặt mua thuốc lá và thức ăn thêm ở căng tin trại giam.

Rubashov đặt mua thuốc lá và một ít thức ăn. Người giám thị, vẫn ít nói và nhẩn nhó như cũ, đã nhanh chóng mang lại những thứ anh dặn. Rubashov đã định cho gọi một viên bác sĩ từ bên ngoài vào, nhưng đúng lúc đó thì lại quên. Cái răng sâu không còn đau nữa, sau khi rửa mặt và ăn sáng anh thấy người dễ chịu hơn.

Tuyết trên sân đã được dọn hết, tù nhân đi thành từng nhóm. Mấy ngày trước không thấy chuyện đó, có lẽ là do tuyết phủ dày quá, chỉ có Môi Thỏ và bạn của anh ta là ngày nào cũng đi khoảng mười phút, chắc là theo đơn của bác sĩ. Lần nào cũng vậy, trước khi đi vào hoặc đi ra, bao giờ Môi Thỏ cũng ngẩng lên nhìn vào cửa sổ buồng Rubashov.

Nếu không viết hoặc không đi bách bộ trong phòng thì thế nào Rubashov cũng đứng úp trán vào sát kính cửa sổ để quan sát những người tù đi dạo dưới sân. Nhóm thường gồm mười hai người, từng đôi đi cách nhau đúng mười bước. Ở giữa sân có bốn lính canh, họ có trách nhiệm theo dõi để tù nhân không nói chuyện với nhau. Các cuộc đi dạo như thế kéo dài đúng hai mươi phút. Sau đó tù nhân được đưa vào nhà theo cửa bên phải, trong khi một nhóm khác được dẫn ra theo cửa bên trái.

Mấy ngày đầu Rubashov có ý tìm người quen trong số các tù nhân đi dạo ngoài sân, nhưng không trông thấy người nào. Thế càng tốt, lúc đó anh muốn tránh tất cả những thứ có thể làm anh sao nhãng nhiệm vụ đang làm. Nhiệm vụ của anh lúc này là suy nghĩ cho thật thấu đáo để tìm ra kết luận, để liên kết quá khứ với tương lai, để thấy thái độ của mình đối với người sống và người chết. Ivanov cho anh thời hạn là hai tuần, còn mười ngày nữa mới hết.

Chỉ có viết ra thì ý nghĩ mới được mạch lạc, nhưng viết lại làm anh mệt mỏi đến nỗi anh chỉ có thể ngồi mỗi ngày từ một đến hai tiếng là cùng. Lúc không viết thì anh đi bách bộ và để mặc cho đầu óc muốn nghĩ gì thì nghĩ.

Rubashov luôn luôn tin rằng anh hiểu rõ được con người mình. Không bám vào những thành kiến cố hữu về đạo đức, cũng không có bất kì ảo tưởng nào về hiện tượng gọi là “con người cá nhân”, anh thừa nhận mà không cần bất cứ chứng cứ nào rằng cá nhân mang trong lòng nó những xung năng mà nói chung người đời không muốn công nhận. Bây giờ, khi gục đầu vào cửa sổ hay khi bất thành linh dừng lại trên viên gạch lát nền màu đen anh bỗng phát hiện ra nhiều điều thú vị. Hoá ra những cuộc nói chuyện được gọi một cách sai lầm là *độc thoại* lại chính là những cuộc *đối thoại đặc biệt*, trong đó một bên lắng nghe, còn bên kia, trái với tất cả các nguyên tắc ngữ pháp, lại gọi phía bên kia là *tôi* chứ không phải *anh* để chiếm đoạt lòng tin và tìm hiểu những dự định của nó, còn bên nghe thì cứ giữ yên lặng, thậm chí không thêm quan sát và không chịu định vị

trong không gian và thời gian. Nhưng bây giờ Rubashov lại thấy rằng cái bên vẫn luôn giữ yên lặng đôi khi cũng lên tiếng dù không có lý do chính đáng nào, anh lắng nghe cái giọng là lạ đó và chợt nhận ra rằng môi mình đang mấp máy. Dần dần Rubashov nhận ra rằng đây không phải là chuyện lạ, đây chỉ là một tính cách cụ thể, xác định được trong con người cá nhân, cái tính cách bấy lâu vẫn giữ yên lặng nay mới bắt đầu lên tiếng mà thôi.

Phát hiện này làm Rubashov phải suy nghĩ nhiều hơn là những đề nghị của Ivanov. Anh cho rằng vấn đề đã được giải quyết, anh sẽ không chấp nhận ý kiến của Ivanov và sẽ ra khỏi cuộc chơi, nghĩa là anh sẽ chẳng còn được sống thêm bao lâu nữa, mọi ý nghĩ của anh đều dựa trên cái nền tảng ấy.

Anh không quan tâm đến chuyện ám sát Anh Cả, anh chỉ quan tâm đến cá nhân Ivanov mà thôi. Anh ta nói rất đúng rằng họ hoàn toàn có thể thế chỗ cho nhau. Về mặt tinh thần, anh và Ivanov có thể được coi là hai anh em sinh đôi, tuy không cùng một mẹ, nhưng họ cùng được nuôi dưỡng bằng một niềm tin, môi trường khắc nghiệt của Đảng đã rèn dũa và đào luyện nên tính cách của hai người trong những năm có ý nghĩa quyết định nhất. Họ có chung những tiêu chuẩn về đạo đức, có chung các quan điểm về triết học, thậm chí suy nghĩ cũng giống nhau. Ivanov đã nói rất đúng: hai người có thể thế chỗ cho nhau và anh cũng sẽ sử dụng những lý lẽ mà Ivanov đã dùng khi thuyết phục anh. Luật chơi đã được qui định như thế. Khác nhau chỉ là tiểu tiết.

Thói quen đặt mình vào vị trí của người phản biện cứ bám chặt lấy đầu óc Rubashov, anh thấy mình đang ngồi vào chỗ của Ivanov và nhìn mình, trong vai một tội đồ, bằng đôi mắt của Ivanov như anh đã từng nhìn Richard và Levy Còi vậy. Anh nhìn thấy một Rubashov đã bị cách chức, chỉ còn là cái bóng của người đồng đội cũ và anh bỗng hiểu được thái độ vừa dịu dàng vừa coi thường của Ivanov đối với anh. Trong khi nói chuyện anh thường tự hỏi là Ivanov chân thành hay dối trá, liệu anh ta có gài bẫy hay quả thật anh ta muốn chỉ cho anh một con đường thoát. Bây giờ, khi đặt mình vào vị trí của Ivanov thì anh nhận ra rằng thái độ của Ivanov đối với anh cũng chính là thái độ của anh đối với Richard và Levy Còi mà thôi.

Luồng tư tưởng của Rubashov cũng diễn ra dưới dạng độc thoại quen thuộc, một phía vẫn hoàn toàn câm lặng. Mặc dù tất cả các cuộc độc thoại luôn luôn là để nói với nó, nhưng nó lại không bao giờ lên tiếng, nó chỉ tồn tại trong khái niệm ngữ pháp trừu tượng gọi là “đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít mà thôi”. Cả những câu hỏi trực tiếp lẫn những suy tư trừu tượng đều không thể đánh thức được nó, nhưng nhiều khi nó lại lên tiếng mà chẳng thấy có lý do cụ thể nào và thường đi kèm với một cú nhức răng muốn chảy nước mắt. Có vẻ như nó quan tâm đến những lĩnh vực chẳng có liên quan gì với nhau như hai bàn tay khum lại của bức tranh *Pietà*, những con mèo của Levy Còi, nhạc điệu của bài hát với điệp khúc “Phá sạch tan tành” hay một câu nói của Arlova từng làm anh thích thú.



Cách thể hiện của nó cũng kì quặc: thí dụ như buộc phải lau kính vào ống tay áo hay bắt phải chạm tay vào cái khoảng tường sáng mờ trong phòng Ivanov hay mấp máy môi và nói những câu vô nghĩa như “Ta sẽ phải trả giá” hay mơ đi trong những giấc mơ về quá khứ.

Rubashov cố gắng suy nghĩ thật kỹ về cái tôi mới được phát hiện này trong khi đi bách bộ trong buồng giam, nhưng theo truyền thống của Đảng là không được nói tới con người cá nhân cho nên anh đặt tên cho nó là Người Đối Thoại Không Lời. Rubashov tin rằng mình chẳng sống được bao lâu nữa nên cần phải giải quyết cho xong vấn đề này, cần phải “suy nghĩ để tìm cho ra kết luận hữu lý”. Nhưng Người Đối Thoại Không Lời có vẻ như lại bắt đầu ở chỗ không thể “suy nghĩ để tìm cho ra kết luận hữu lý”. Đây chính là bản chất của nó, nó là bất khả tư nghị và thường tấn công người ta một cách bất ngờ, thí dụ như những cơn đau răng hay những giấc mơ giữa ban ngày. Rubashov đã trải qua ngày lao tù thứ bảy, tức là ngày thứ ba kể từ buổi lấy cung đầu tiên như thế đấy; những giấc mơ giữa ban ngày đã đưa anh trở về thời quá khứ, nói chính xác là đã nhắc anh nhớ lại quan hệ với cô gái đã bị tử hình tên là Arlova.

Người ta không thể nói được một cách chính xác mình đã ngủ gục khi nào, Rubashov cũng vậy, dù đã quyết tâm, anh cũng không thể nói mình đã lạc vào giấc mơ giữa ban ngày từ lúc nào. Buổi sáng ngày thứ bảy anh bắt đầu ghi chép, sau đó đứng lên cho khỏi tê chân và chỉ đến khi nghe thấy tiếng chìa khoá quay trong ổ anh mới

nhận ra rằng lúc đó đã là giữa trưa, nghĩa là anh đã đi đi lại lại suốt bốn tiếng đồng hồ liền. Cái chăn tù đang quấn trên vai, thế có nghĩa là trước đây mấy tiếng anh đã bị run vì rét và bị đau răng nữa. Anh lơ đãng ăn hết bát thức ăn mấy người lính vừa đưa tới và tiếp tục đi ra đi vào như cũ. Người giám thị làm nhiệm vụ theo dõi anh qua lỗ nhòm thấy chốc chốc anh lại run lên, vai so lại, còn môi thì mấp máy không ngừng.

Rubashov lại như được hít thở cái không khí của Phòng Đại diện Bộ Thương mại ngày xưa với mùi da thịt quen thuộc của Arlova, một người cao to, nhưng cân đối và có phần chậm chạp; anh như lại nhìn thấy cái cổ đang cúi xuống bên cuốn tập mỗi khi anh đọc cho cô ghi tốc ký và đôi mắt to đang nhìn theo khi anh đi đi lại lại trong phòng để tìm ý tứ cho đoạn tiếp theo. Cô cũng mặc những cái áo blu trắng có thêu những bông hoa nhỏ trên cái cổ áo dựng đứng giống như các chị em của Rubashov thường mặc ở nhà và cũng đeo những đôi hoa tai rẻ tiền như các chị em của anh ở trong nước, anh để ý thấy mỗi lần cô cúi xuống thì bao giờ hoa tai cũng lủng lẳng ngay sát hai bên má cô. Quan sát những động tác có phần chậm chạp và thụ động của cô, người ta dễ có cảm giác rằng cô được sinh ra để làm thư ký vậy; hơn nữa, còn có tác dụng an thần mỗi khi Rubashov bị căng thẳng vì phải làm việc quá sức. Anh được cử đứng đầu Phòng Đại diện Bộ Thương mại ở B. ngay sau cái chết của Levy Còi và lập tức vui đầu vào công việc; anh cũng thầm cảm ơn Ban Chấp hành Trung ương vì đã được chuyển sang một công việc hành chính như thế. Đây có thể coi là trường hợp ngoại lệ

vì các cán bộ cao cấp của Quốc tế ít khi được chuyển sang công tác đối ngoại. Có lẽ Anh Cả đã có những dự định đặc biệt đối với Rubashov vì thường thì cán bộ hai cơ quan này không bao giờ được gặp nhau, thậm chí họ còn thực hiện những chính sách không chỉ khác nhau mà còn đối lập nhau nữa kia. Dĩ nhiên những người xung quanh Anh Cả đã điều phối chính sách của hai cơ quan này: chính sách là do sách lược trong giai đoạn đó quyết định và tất cả cũng chỉ để giải quyết những vấn đề chiến lược mà chỉ cấp trên mới hiểu được mà thôi.

Phải một thời gian sau Rubashov mới quen với địa vị mới, thời gian đầu anh cảm thấy tức cười vì từ nay anh đã có hộ chiếu thật, mang tên thật, được tham gia vào những buổi tiếp tân; thấy cảnh sát bỗng sững đứng chào và nhất định bao giờ cũng có những người ăn vận khiêm nhường, đội mũ đen đi bên cạnh để bảo vệ anh.

Thời gian đầu không khí trong Phòng Đại diện, Phòng này nằm ngay cạnh Công sứ quán, làm anh hơi lúng túng. Anh hiểu rằng trong thế giới tư bản này người ta phải tỏ ra sang trọng và đóng đúng vai trò của mình, nhưng trên thực tế thì người ta lại vào vai đạt quá đến nỗi chẳng thể phân biệt được đây là chơi hay là thật nữa. Khi viên Bí thư thứ nhất của Toà Công sứ, người trước Cách mạng từng làm nhiệm vụ kiếm tiền cho Đảng, nhắc nhở Rubashov về việc cần phải thay đổi trang phục và cách sống với thái độ chẳng thể gọi là mang tính đồng chí thì anh cảm thấy như bị xúc phạm và bất mãn.

Rubashov có mười hai nhân viên với chức danh và nhiệm vụ rõ ràng: Phó ban thứ nhất và thứ hai, một kế toán trưởng và trợ lý, các thư ký và trợ lý của thư ký. Rubashov nhận thấy rằng tất cả các nhân viên dưới quyền đều coi anh vừa là anh hùng vừa là một kẻ đầu trộm đuôi cướp. Họ vừa kính trọng vừa có thái độ khoan dung thái quá với mọi hành động của anh. Mỗi khi viên Bí thư Công sứ trình bày một vấn đề gì thì bao giờ anh ta cũng cố gắng nói thật đơn giản, y như người ta nói với bọn vô học hay trẻ con vậy. Chỉ có Arlova, thư ký riêng của anh là không có thái độ như thế mà thôi, anh chỉ không hiểu một chuyện, đấy là tại sao cô lại đi đôi giày cao gót, da thuộc đàn ông, nhưng vẫn mặc những bộ áo váy cực kỳ đơn giản như thế.

Phải gần một tháng sau anh mới nói chuyện với cô. Hôm ấy, đã mệt vì đọc và đi đi lại lại, anh bỗng nhận ra sự lặng lẽ trong phòng.

“Đồng chí Arlova, sao chẳng bao giờ nghe thấy đồng chí nói gì cả?” anh vừa hỏi vừa ngồi lên chiếc ghế cạnh bàn viết.

“Nếu đồng chí muốn,” cô đáp một cách chậm rãi, gần như ngái ngủ, “bao giờ tôi cũng có thể nhắc lại được từ cuối cùng trong mỗi đoạn văn của đồng chí.”

Ngày nào cô cũng ngồi trước bàn làm việc của anh, áo blu thêu, đôi vớ nữ tì lên cuốn vở, đầu hơi cúi và đôi hoa tai teo tòng teng ngay

hai bên má. Chỉ có đôi giày da cao gót là có vẻ hơi bất thường, nhưng cô không bao giờ bắt chéo chân như đa số phụ nữ mà anh từng gặp. Vì anh thường đi đi lại lại trong khi đọc cho cô ghi nên anh hay nhìn thấy cô từ đằng sau hay hai bên sườn nên hình ảnh còn đọng lại nhiều nhất trong tâm trí anh chính là cái cổ cong của cô. Gáy cô không có nhiều lông tơ nhưng cũng không được cạo nhẵn, da trắng và căng.

Khi còn trẻ Rubashov không quan tâm nhiều đến phụ nữ vì phần lớn những người anh tiếp xúc đều là đồng chí và cái gọi là quan hệ tình cảm chỉ xuất hiện sau những cuộc thảo luận kéo dài đến tận quá nửa đêm, ai cũng vội vàng chạy ngay ra tàu điện thì mới lên kịp chuyến cuối cùng.

Đã hai tuần trôi qua kể từ cái lần bắt chuyện không thành công ấy. Thời gian đầu Arlova luôn luôn nhắc lại từ cuối cùng của đoạn văn mà Rubashov vừa đọc cho chép; sau này, có thể đã thấy chán, cô không nhắc lại nữa và những lúc anh tạm nghỉ thì căn phòng lại trở nên yên tĩnh như cũ, chỉ còn mùi nước hoa phảng phất. Một buổi chiều, Rubashov bỗng đứng lại ngay đằng sau Arlova rồi khẽ đặt cả hai tay lên vai cô, anh hỏi cô có đồng ý đi ăn tối cùng với anh không. Cô không quay lại, cũng không né tránh mà chỉ khẽ gật đầu. Rubashov không thích tán tỉnh, nhưng đêm đó đã không kìm được, vừa mỉm cười anh vừa bảo:

“Hồi nãy anh tưởng em sẽ chép luôn câu ấy cơ đấy.”

Đôi bầu vú to và săn của cô dường như rất ăn nhập với bóng tối căn phòng, có cảm giác lúc nào cô cũng hiện diện ở đây vậy. Chỉ có đôi bông tai đã nằm yên trên gối mà thôi. Ánh mắt cô vẫn không thay đổi khi cô nói một câu mà anh sẽ nhớ suốt đời như anh từng ghi nhớ đôi bàn tay đang chìa ra trong bức tranh *Pietà* và mùi rong biển chết trên cái hải cảng ngày nào:

“Anh muốn làm gì em cũng được.”

“Tại sao?” Rubashov hỏi, anh thấy hơi ngạc nhiên, thậm chí sững sốt nữa.

Cô không trả lời. Có lẽ cô đã ngủ. Khi ngủ, hơi thở cô cũng nhẹ y như lúc thức. Rubashov chưa bao giờ nghe thấy cô thở. Anh cũng chưa bao giờ nhìn thấy cô nhắm mắt. Nét mặt cô có vẻ hơi lạ, xinh hơn. Nhưng lạ hơn cả là bóng đen trong hai nách cô và cái cảm gục xuống sát ngực, trông cô giống như một người đàn bà đã chết. Nhưng cái mùi nước hoa nhẹ nhàng thì lại rất quen thuộc, quen thuộc ngay cả khi cô đã ngủ.

Ngày hôm sau và những ngày sau nữa, cô vẫn mặc chiếc áo blu trắng ấy và cũng vẫn ngồi lặng lẽ bên chiếc bàn viết; đêm sau và những đêm sau nữa hình bóng bộ ngực cô lại thấp thoáng sau cái ri đô phòng ngủ của anh. Thân hình to lớn và diễm đạm của cô gắn bó với anh suốt ngày đêm. Chỉ có thái độ của cô đối với công việc thì

vẫn như xưa, giọng nói và ánh mắt cũng không có gì thay đổi, chẳng kèm theo hi vọng hay ảo tưởng nào. Đôi khi, mệt mỏi vì đi lại, Rubashov thường dừng lại ngay sau lưng cô rồi đặt hai bàn tay lên vai cô mà không nói gì, cô cũng không nhúc nhích; sau khi tìm được đúng ý cần thiết anh lại tiếp tục đi quanh phòng và đọc cho cô chép.

Đôi khi anh cũng có những lời nhận xét cay độc về chính những điều đang đọc cho cô chép, khi đó cô ngồi yên và đợi, tay vẫn cầm bút, nhưng cô không bao giờ cười nên Rubashov cũng chẳng hiểu cô nghĩ gì về những nhận xét của anh. Chỉ có một lần, đây là sau khi nghe anh kể một câu chuyện khôi hài nguy hiểm về thói quen của Anh Cả, cô đã bất ngờ từ tốn nhận xét: “Anh chớ nên nói những chuyện như thế trước mặt người khác, anh phải thận trọng hơn nữa mới được”. Nhưng sau đó, trước mặt cô thỉnh thoảng anh vẫn xả những nổi bực tức bằng những lời cay độc, đặc biệt là khi đọc những chỉ thị của cấp trên đưa xuống.

Phiên toà Đại hình thứ hai chống lại phe đối lập đang được chuẩn bị. Không khí trong Công sứ quán đặc biệt căng thẳng. Những bức chân dung treo trên tường đột nhiên biến mất, dù trước đó chẳng mấy người để ý đến chúng, nhưng bây giờ, những khoảng sáng mờ hình chữ nhật trên tường lúc nào cũng như chọc thẳng vào mắt. Các nhân viên chỉ còn nói mỗi chuyện công việc với giọng điệu thận trọng và lịch sự hơn trước rất nhiều. Khi ngồi quanh bàn ăn trong căng tin, nghĩa là lúc buộc phải trao đổi thì bao giờ họ cũng dùng

những từ ngữ như trên báo Đảng, những câu nói mà trong môi trường thân mật như thế nghe vừa lố bịch vừa nặng nề, cứ như thể sau khi nhờ nhau đưa cho lọ muối hay lọ tiêu là họ lại động viên nhau bằng những khẩu hiệu của Đại hội Đảng vừa rồi vậy. Cũng thường xảy ra sự kiện là một người nào đó sợ người ta hiểu nhầm ý mình vội kêu những người khác làm chứng: “Tôi không nói thế” hay “Ý tôi thế này cơ”. Chuyện này làm Rubashov vừa ngạc nhiên vừa có cảm giác như đang được xem một vở múa rối, mỗi người đều được điều khiển từ xa và đều phải nhập đúng vai của mình. Chỉ có một mình Arlova, vẫn yên lặng và bình thản như cũ, là không thay đổi mà thôi.

Không chỉ những bức chân dung trên tường bị gỡ mà những cuốn sách trong thư viện cũng biến mất dần. Sách vở được mang đi một cách kín đáo, thường là một ngày sau khi có chỉ thị từ bên trên. Rubashov cũng chế giễu chuyện này trong khi đọc cho Arlova chép, nhưng vẫn như mọi khi, cô không có phản ứng gì. Phần lớn các tác phẩm viết về ngoại thương và tài chính đã bị lấy đi, tác giả của chúng, ông Dân uỷ Tài chính vừa bị bắt, các báo cáo tại các kì Đại hội Đảng về vấn đề này cũng bị thu hồi. Hầu hết các cuốn sách viết về lịch sử cách mạng, về luật học và triết học của những tác giả từng tham gia phong trào cách mạng, các tài liệu về cơ cấu của quân đội nhân dân, các nghiên cứu về công đoàn và quyền đình công trong nhà nước Cộng hoà nhân dân, gần như tất cả các công trình nghiên cứu về cơ cấu chính trị của nhà nước đã biến mất; ngay bộ Bách khoa toàn thư do Viện Hàn lâm Khoa học xuất bản cũng bị



thu hồi, người ta hứa sẽ hiệu đính bộ sách này trong một thời gian ngắn.

Những cuốn sách mới đã được gửi tới, các tác phẩm kinh điển về khoa học xã hội được in kèm rất nhiều ghi chú và bình luận, thay chỗ cho những cuốn lịch sử bị lấy đi đã có những cuốn lịch sử mới, những cuốn hồi ký của các nhà cách mạng quá cố bị lấy đi thì lại có những cuốn mới thay thế, cũng là hồi ký, cũng là những nhà cách mạng đã chết từ lâu. Rubashov nói đùa với Arlova rằng chỉ còn việc in lại các số báo cũ nữa là xong.

Cách đây mấy tuần lại có chỉ thị “từ trên” đưa xuống nói rằng phải cử ra một thủ thư, người này phải chịu trách nhiệm chính trị về nội dung các tài liệu trong thư viện của Công sứ quán. Arlova được bổ nhiệm vào chức vụ này. Nghe thấy thế Rubashov lẩm bầm: “Trò trẻ con” và coi đây là trò nhắm nhí cho đến khi tại cuộc họp chi bộ hàng tuần ở Công sứ có mấy người đứng lên phê phán Arlova một cách cực kì gay gắt. Ba bốn người, trong đó có Bí thư thứ nhất Công sứ khẳng định rằng trong thư viện không có một số bài diễn văn quan trọng của Anh Cả nhưng lại có rất nhiều sách của phe đối lập, rằng tác phẩm của những tên phản bội, những tên gián điệp ăn lương của nước ngoài cho đến tận thời gian gần đây vẫn nằm đầy trên giá sách, chẳng khác gì một sự khiêu khích cố ý. Các diễn giả đều nói ngắn gọn và mạch lạc, ngôn từ được lựa chọn một cách kỹ lưỡng, chẳng khác gì một vở kịch. Tất cả các diễn giả đều kết luận rằng hiện nay nhiệm vụ chính của Đảng là phải nâng cao tinh thần

cảnh giác, phải tố cáo mọi hành động lạm dụng, ai không thực hiện các nhiệm vụ này là đồng loã với *bọn phá hoại*. Khi được gọi lên phát biểu, Arlova đã nói với một giọng điềm tĩnh vốn có rằng cô không có ý định xấu, rằng cô luôn tuân thủ các chỉ thị của cấp trên, nhưng khác với mọi khi, đây là lần đầu tiên trước mặt những người khác, vừa nói cô vừa nhìn chăm chăm vào mặt Rubashov. Hội nghị đã ra nghị quyết trong đó có câu: “Nghiêm khắc nhắc nhở đồng chí Arlova.”

Rubashov đã nắm vững các nguyên tắc mới trong sinh hoạt Đảng, nhưng lần này cũng cảm thấy khó chịu. Anh ngờ rằng Arlova đang gặp nguy hiểm nhưng không thể giúp được gì vì đây là mối đe dọa ẩn danh, không thể biết nó xuất phát từ đâu.

Không khí trong Công sứ quán càng ngày càng căng thẳng hơn. Rubashov không còn đưa ra những lời bình luận trong khi đọc nữa và điều đó làm cho anh cảm thấy như là người có tội. Bề ngoài thì quan hệ giữa anh với Arlova vẫn không có gì thay đổi, nhưng cảm giác tội lỗi vì không còn hứng thú nói những câu khôi hài đã ngăn cản, không cho anh đứng lại đằng sau lưng ghế của cô và đặt hai bàn tay lên vai cô nữa. Một tuần sau thì Arlova không đến phòng anh vào buổi tối nữa, mấy đêm sau cũng vậy. Phải ba ngày sau Rubashov mới dám hỏi lý do. Cô nói rằng bị đau đầu, Rubashov không nói gì thêm. Từ đấy cô không bao giờ đến nữa, trừ một lần duy nhất.

Chuyện đó xảy ra ba tuần sau cuộc họp chi bộ, nghĩa là hai tuần sau khi cô không còn đến phòng anh vào buổi tối nữa. Thái độ của cô vẫn bình thường, nhưng suốt đêm đó Rubashov cứ có cảm giác rằng cô đang chờ anh nói một lời quyết định. Song anh chỉ nói rằng anh vui vì cô đã tới và anh cảm thấy rất mệt; anh đã nói rất đúng. Ban đêm, mấy lần thức giấc anh đều thấy cô nằm im nhưng chưa ngủ, mắt nhìn chăm chăm vào bóng đêm. Anh cảm thấy vô cùng đau khổ vì có lỗi với cô, cái răng sâu đúng lúc đó lại lên cơn đau. Đây là buổi tối cuối cùng cô đến với anh.

Sáng hôm sau, khi Arlova chưa tới, bằng giọng tin cậy và với những từ ngữ được lựa chọn cẩn thận ông Bí thư thứ nhất đã thông báo cho Rubashov biết rằng anh trai và chị dâu của Arlova đã bị bắt trước đó một tuần. Chị dâu của Arlova là người ngoại quốc, cả hai người bị kết tội có liên hệ với tổ quốc của cô ta nhằm giúp đỡ phe đối lập.

Mấy phút sau Arlova mới tới. Cũng như mọi khi, cô lại ngồi bên cạnh cái bàn viết, đầu hơi cúi về phía trước. Rubashov đi đi lại lại ngay sau lưng cô, anh nhìn thấy cái gáy cong cong với làn da căng mịn, rất ít lông tơ của cô. Anh cứ nhìn như thế mãi và cảm giác khó chịu ngày một tăng dần, tăng dần cho đến khi anh cảm thấy buồn nôn. Ở Bên Nớ tội nhân thường bị bắn vào gáy, cái ý nghĩ ấy cứ bám mãi vào đầu óc anh suốt ngày hôm đó.

Tại cuộc họp chi bộ sau đó, theo đề nghị của đồng chí Bí thư thứ

nhất Công sứ quán, Arlova bị cách chức thủ thư vì không đáp ứng các tiêu chuẩn về chính trị. Không có thảo luận cũng không ai có ý kiến gì khác. Rubashov vì đau răng nên đã xin phép vắng mặt. Một ngày sau thì Arlova và một nhân viên nữa bị gọi về nước. Tên tuổi của họ không còn được ai nhắc đến nữa. Một tháng sau thì chính Rubashov cũng bị triệu hồi, nhưng cái mùi nước hoa diu diu từ thân hình to lớn, chậm chạp của cô đã bám vào bức tường căn phòng anh và lúc nào anh cũng có cảm tưởng như còn phảng phất đâu đây.

#### 4.

### VÙNG LÊN, HỒI CÁC NÔ LỆ Ở THẾ GIAN

Kể từ ngày thứ mười trở đi sáng nào người tù ở buồng giam 406 cũng gõ câu đó, và bao giờ cũng gõ sai từ VÙNG thành VÙN. Rubashov đã thử bắt chuyện với anh ta, nhưng người bạn tù không trả lời, mà nếu có trả lời thì bao giờ cũng chỉ là một loạt chữ cái rời rạc và kết thúc bằng câu:

### VÙNG LÊN, HỒI CÁC NÔ LỆ Ở THẾ GIAN

Người bạn tù mới được đưa tới vào đêm hôm trước. Rubashov thức giấc nhưng chỉ nghe thấy tiếng bước chân và tiếng khoá cửa. Sáng hôm sau, ngay sau khi thức giấc là người tù buồng 406 đã gõ: VÙNG LÊN, HỒI CÁC NÔ LỆ Ở THẾ GIAN. Anh ta gõ nhanh và thành thạo, kỹ thuật phải nói là tuyệt vời cho nên có thể nói rằng lỗi phát âm câu này cũng như những câu vô nghĩa khác là khiếm khuyết về mặt trí năng chứ không phải do nhớ sai bảng chữ

cái. Chắc anh ta bị loạn thần kinh.

Sau bữa ăn sáng thì bao giờ anh chàng ở buồng 402 cũng muốn nói chuyện. Giữa Rubashov và người tù ở buồng 402 đã có một mối quan hệ thân tình. Có thể anh chàng sĩ quan đeo kính một tròng và để râu này luôn cảm thấy cô đơn nên chỉ cần Rubashov trao đổi vài câu là anh ta đã cảm ơn rồi rít ròi. Một ngày anh ta phải xin nói chuyện đến năm sáu lần:

NÓI CHUYỆN NHÁ...

Rubashov không thích nói chuyện, vả lại anh cũng chẳng biết nói gì. 402 thường kể những chuyện tiểu lâm tục tĩu vẫn lưu hành trong bọn sĩ quan. Hết chuyện là căn phòng lại trở về tình trạng yên ắng nặng nề như cũ. Đôi khi Rubashov mừng tượng ra cảnh anh bạn tù kể xong câu chuyện và đứng đợi, nhưng không có những trận cười mà trước mặt anh ta chỉ là một bức tường màu trắng lặng câm. Đôi khi vừa thương vừa muốn tỏ ra lịch sự, Rubashov gõ thật to: HA... HA! để thay cho tiếng cười. Anh chàng kia tỏ ra rất khoái chí và lập tức đâm đá vào tường: HA – HA! HA – HA!, với những khoảng lặng nhất định để xem Rubashov có hưởng ứng hay không. Nếu Rubashov không đáp thì thế nào anh ta cũng trách: ANH KHÔNG CƯỜI... Còn nếu Rubashov đáp lại bằng một hai từ HA-HA! thì nhất định sau đó một lúc 402 sẽ nhắc lại:

ÔI! BUỒN CƯỜI QUÁ ĐI MÁT.

Đôi khi anh ta cũng chửi bới Rubashov. Đây là những lần Rubashov không chịu bắt chuyện, anh ta thường gõ cả một bài hát thời nội chiến với những lời chửi bới thô tục nhằm vào các chiến sĩ quân đội nhân dân. Cũng có khi Rubashov đang đi bách bộ hoặc đang chìm trong những giấc mơ giữa ban ngày hay đang mãi suy nghĩ một vấn đề gì đó thì chợt nghe thấy anh ta gõ bài quốc ca cũ.

Nhưng 402 cũng là người rất có ích. Anh ta đã ngồi tù được hơn hai năm, nắm được nội qui và liên lạc với nhiều tù nhân khác, có vẻ như anh ta biết tất cả mọi chuyện trong nhà tù này.

Buổi sáng, sau khi có người chuyển đến buồng 406, Rubashov đã hỏi xem anh ta có biết người tù mới không thì được trả lời:

RIP VAN WINKLE

Anh ta thích nói ồm ồm như thế để cho câu chuyện thêm phần hấp dẫn. Câu đó làm Rubashov nhớ lại chuyện một người đàn ông ngủ liền hai mươi lăm năm và khi tỉnh dậy thì thấy thế giới đã hoàn toàn thay đổi.

ANH TA BỊ MẤT TRÍ À? Rubashov hỏi.

Cảm thấy hài lòng vì câu nói ồm ồm của mình, 402 bắt đầu kể cho anh nghe về người tù mới. Hoá ra người tù buồng 406 vốn là một

giáo viên xã hội học ở một nước Đông Nam Âu. Cũng như phần lớn các nước châu Âu, tại đây phong trào cách mạng đã bùng nổ ngay sau khi Chiến tranh Thế giới vừa kết thúc và 406 đã tham gia tích cực vào phong trào cách mạng tại quê hương mình. Công xã được thành lập và tồn tại trong vài tuần lễ rồi bị chìm trong biển máu. Các nhà lãnh đạo cách mạng chỉ là dân nghiệp dư nhưng bị kết án như những kẻ làm loạn chuyên nghiệp, 406 với hàm Bộ trưởng Bộ Giáo dục Quốc dân bị kết án tử hình với hình thức treo cổ. Anh ta phải đóng vai tử tù suốt một năm liền, sau đó bản án được hạ xuống thành tù chung thân. Anh đã ngồi tù hai mươi năm rồi.

Anh bị biệt giam gần suốt hai mươi năm, không có liên hệ gì với thế giới bên ngoài, sách báo dĩ nhiên là cũng không. Thế giới cũng đã quên anh; hệ thống toà án của nước này vẫn còn cổ hủ lắm. Một tháng trước đây anh được ân xá và thế là chàng Rip Van Winkle hiện đại, sau hai mươi năm sống trong tối tăm và cách li với thế giới, lại được tự do thở hít khí trời như bao người khác.

Anh lên chuyến tàu đầu tiên trong ngày hôm đó để đi đến đất nước mà ngày xưa anh từng ao ước. Hai tuần sau anh bị bắt. Có thể hai mươi năm biệt giam đã biến anh thành một kẻ lẩm lời. Có thể anh đã kể cho những người xung quanh rằng khi ở trong phòng biệt giam anh đã ngày đêm tưởng tượng cuộc sống ở “Bên Nớ” sẽ phải như thế nào. Có thể anh đã hỏi địa chỉ của những đồng chí cũ, những người mà anh cho là anh hùng của Cách mạng, mà không biết rằng đấy chỉ là những kẻ phản bội hay những tên gián điệp. Có thể anh

đã đặt vòng hoa trước một ngôi mộ không thích hợp mà cũng có thể anh đã muốn gọi điện cho đồng chí Rubashov nổi danh một thời nhưng nay đã là bạn tù với anh.

Bây giờ thì anh không thể nói: hai mươi năm nằm mơ trong ngục tù và hai tuần hiện thực giữa ánh ngày, cái nào tốt hơn. Có thể Rip Van Winkle đã bị mất trí từ đó...

Thường thì sau 402, bao giờ Rip Van Winkle cũng lại gõ tiếp điệp khúc: VÙNG LÊN, HỒI CÁC NÔ LỆ Ở THẾ GIAN khoảng năm sáu lần liền. Sau đó mới yên lặng hẳn.

Rubashov nằm trên giường, mắt nhắm nghiền. Người Đối Thoại Không Lời trong anh như bừng tỉnh, hẳn không nói thành lời, nhưng anh hiểu:

“Anh phải trả giá cả chuyện này nữa, anh phải chịu trách nhiệm vì anh đã hành động đúng vào lúc anh ta đang mơ màng.”

Ngày hôm đó Ruabshov được đưa đi cắt tóc.

Lần này chỉ có một người lính hộ tống mà thôi: người giám thị già ỉ ạch đi phía trước rồi đến Rubashov, cuối cùng là người lính áp giải. Họ đi qua trước cửa phòng 406 nhưng không nhìn thấy bảng tên gắn trên cánh cửa ra vào. Trong phòng cắt tóc chỉ còn một anh thợ, cũng là tù nhân, người kia không biết đã đi đâu từ trước. Rõ ràng là



người ta cố tình không để cho Rubashov gặp gỡ nhiều người.

Anh ngồi vào chiếc ghế bành. Phòng tương đối sạch, có cả gương nữa. Anh tháo kính và liếc nhìn vào gương, không có gì thay đổi, ngoại trừ bộ râu quai nón rậm rậm phủ kín hai bên má.

Anh thợ cắt tóc làm nhanh và rất cẩn thận. Cánh cửa phòng vẫn để ngỏ, người giám thị già đã bỏ đi, chỉ còn anh lính gác đứng tựa vào khung cửa, mắt anh ta dõi theo từng đường kéo, còn người thợ suốt buổi không nói một lời nào. Đám bọt xà phòng trên má làm Rubashov cảm thấy phẫn chấn, anh chợt nhớ lại rằng trong cuộc đời thường nhật có rất nhiều niềm vui nho nhỏ như thế. Anh rất muốn bắt chuyện với người thợ cắt tóc, nhưng anh biết rằng người ta không cho, anh cũng không muốn làm phiền người thợ cắt tóc, nhất là anh đã có cảm tình ngay khi nhìn thấy khuôn mặt cởi mở của anh ta. Cứ nhìn hình thức bên ngoài thì không ai bảo anh ta là thợ cắt tóc, phải là thợ cơ khí hay thợ rèn thì mới đúng. Vừa bắt đầu cạo anh ta vừa hỏi: “Có rát không.. ?” và nói thêm, rất khế: “Công dân Rubashov.”

Đây là câu đầu tiên Rubashov nghe được từ khi bước vào phòng và mặc dù người thợ cắt tóc tỏ ra hoàn toàn dừng dưng, anh vẫn nhận thấy có nhiều ẩn ý ở đằng câu nói có vẻ như vô tình ấy. Căn phòng đã yên ắng trở lại như cũ, người lính gác đứng ngoài cửa bật diêm châm thuốc hút, anh thợ cắt tóc và cạo râu cho Rubashov bằng những động tác nhanh chóng và dứt khoát. Ánh mắt hai người bỗng

gấp nhau trong một tích tắc và đúng lúc đó người thợ đưa hai ngón tay luồn vào dưới cổ áo của Rubashov; khi anh ta rút tay ra thì cũng là lúc Rubashov cảm thấy có một cái gì giống như mảnh giấy nhỏ cọ vào gáy. Một phút sau thì cắt xong và Rubashov được đưa trở lại buồng giam. Anh ngồi lên giường và cẩn thận nhìn vào lỗ nhòm xem có bị theo dõi không rồi mới lấy mẫu giấy ra đọc. Trên mảnh giấy chỉ vền vền có năm chữ, được viết một cách vội vã:

“Ngậm miệng mà chết đi.”

Rubashov vắt mẫu giấy vào cái thùng gỗ và bắt đầu suy nghĩ mung lung. Đây là thông điệp đầu tiên được đưa tới từ bên ngoài. Khi ngồi trong nhà tù của các quốc gia thù nghịch anh thường nhận được những lời kêu gọi kiêu như hãy mạnh mẽ tố cáo hoặc hãy ném vào mặt các quan toà những lời kết án. Lịch sử đã bao giờ phải chứng kiến cảnh những người cách mạng phải ngậm miệng chưa? Hay đây là một bước ngoặt của lịch sử, đây là lúc người cách mạng chỉ phải làm có một việc, chỉ có một quyền duy nhất: ngậm miệng mà chết đi?

Luồng suy nghĩ của Rubashov bị cắt ngang vì 402 đã bắt đầu gõ vào tường ngay khi thấy anh được đưa trở về. Anh ta sốt ruột vì muốn biết Rubashov vừa được đưa đi đâu.

CẮT TÓC, Rubashov giải thích.

TÔI TUỞNG XONG RỒI CỜ, 402 gõ một cách vội vã.

SAU ANH, Rubashov trả lời.

Cũng như mọi khi, 402 tỏ ra là người biết nói chuyện.

HA-HA!, anh ta reo lên. ANH LÀ NGƯỜI DỪNG CẢM ĐÂY.

Thật kỳ lạ là lời động viên cổ điển này lại làm Rubashov hài lòng. Anh cảm thấy ghen với anh chàng 402, anh ta thuộc về giai tầng có những tiêu chí rõ ràng về danh dự, về cách hành xử cả lúc sống lẫn lúc chết. Có cái để mà dựa vào. Anh và các chiến hữu của mình thì không được như thế, anh không có một tập hợp các tiêu chuẩn như thế, tất cả hành động đều chỉ dựa vào lý trí của chính mình.

Phải tự nghĩ lấy cả việc mình nên chết ra sao. Người quân tử sẽ làm như thế nào: Chết trong yên lặng hay chấp nhận bị hạ nhục giữa thanh thiên bạch nhật để tiếp tục theo đuổi mục đích của mình? Anh đã đưa Arlova vào chỗ chết vì nghĩ rằng cuộc sống của mình sẽ có ích cho Cách mạng hơn. Các bạn anh cũng nói như thế: Bảo toàn tính mạng của mình cho Cách mạng quan trọng hơn là tuân theo những qui định của đạo đức tư sản lỗi thời. Nhiệm vụ duy nhất của những người đảm nhận vai trò cải biến lịch sử là luôn luôn sẵn sàng, không còn nhiệm vụ nào vinh quang hơn thế. “Anh muốn làm gì với em cũng được”, Arlova đã nói như thế và anh đã làm đúng như thế. Tại sao anh lại phải thận trọng hơn với mình? “Số phận của loài

người sẽ được quyết định trong mười năm tới”, Ivanov đã nói như thế. Anh có quyền nhân danh những điều như lòng tự hào, sự yên bình và vinh quang mà trốn tránh được hay không? Và lại, nếu Anh Cả có lý thì sao? Còn nếu quả thật tương lai hạnh phúc của nhân loại đang được xây dựng ở đây, xây dựng trong máu, nước mắt, bùn nhơ và lừa dối này thì sao? Có phải lịch sử là một cỗ máy vô tình và bất nhân, luôn luôn sử dụng nước mắt, bùn nhơ và dối trá để xây nên móng tương lai hay không?

Ngậm miệng mà chết đi - tàn tạ trong bóng tối, nói thì bao giờ cũng dễ....

Rubashov đột ngột đứng lại trên hàng gạch đen thứ ba, tính từ cửa sổ; anh vừa thấy mình nhắc đi nhắc lại mấy từ “ngậm miệng mà chết đi”, nhắc đi nhắc lại bằng giọng khôì hài, chế giễu như thể muốn nhấn mạnh tính cách vô lý của nó vậy.

Bây giờ thì anh hiểu rằng quyết định bác bỏ đề nghị của Ivanov chưa phải là quyết định tối hậu như lúc đầu anh nghĩ. Anh bỗng tự hỏi không biết đã bao giờ anh thực sự có ý định bác bỏ đề nghị đó và rút lui mà không nói một lời nào hay chưa.

## 5.

Cuộc sống của Rubashov tiếp tục được cải thiện. Buổi sáng ngày thứ mười một anh được đưa ra sân đi dạo.

Người giám thị già cùng với người lính từng dẫn anh đi cắt tóc đến ngay sau bữa sáng. Người giám thị chính thức thông báo rằng từ nay trở đi mỗi ngày anh được đi dạo hai mươi phút trong sân trại giam. Rubashov được đưa vào nhóm thứ nhất, tức là nhóm được đi dạo ngay sau bữa sáng. Sau đó viên giám thị đọc một loạt nội qui: cấm nói chuyện với người bên cạnh hay với bất kì tù nhân nào khác, cấm trao đổi bằng cách ra hiệu hoặc trao đổi thông tin bằng bất cứ cách nào khác, cấm đi ra ngoài hàng; mọi vi phạm đều bị trừng phạt bằng cách tước quyền đi dạo, vi phạm nghiêm trọng có thể bị biệt giam trong phòng tối đến bốn tuần. Sau đó Rubashov được đưa ra ngoài hành lang. Đi được vài bước thì người giám thị dừng lại để mở cửa buồng 406.

Rubashov, lúc đó đang đứng cách cửa buồng giam mấy bước, nhìn thấy hai chân Rip Van Winkle trên cái giường sắt trong buồng giam. Anh ta đi ủng đen, có cúc và mặc một cái quần kẻ ca rô, phía dưới đã sờn nhưng vẫn còn bóng như vừa là xong. Người giám thị lại đọc nội qui; hai chân người tù từ từ đặt xuống đất và một người đàn ông già nua, nhỏ thó xuất hiện trong khung cửa, mắt chớp chớp liên tục vì bị chói. Râu ria bạch phếch đã lâu không cạo, bên trong áo com lê còn có một chiếc gi lê màu đen nữa. Anh ta đứng thêm vài giây trong khung cửa, tò mò nhìn Rubashov và khẽ gật đầu cúi chào rồi cả bốn người tiếp tục bước. Rubashov vẫn nghĩ rằng anh ta là người thần kinh, nhưng hoá ra không phải như thế. Mặc dù đôi lông mày cứ co giật suốt, có thể là do bị giam trong phòng tối nhiều năm, nhưng Rip Van Winkle lại có đôi mắt sáng và thân thiện ngay thơ

như trẻ con. Anh ta bước những bước ngắn nhưng dứt khoát, thỉnh thoảng lại đưa mắt liếc nhìn Rubashov. Khi đi xuống thang gác, anh ta bị trượt chân, nếu không được người lính đỡ thì đã bị ngã rồi. Rip Van Winkle lăm bắm cái gì đó, vì ở xa Rubashov không nghe rõ, nhưng chắc chắn là mấy lời cảm ơn vì thấy anh lính gác mỉm cười ngượng ngịu. Chẳng bao lâu sau họ đã ra đến ngoài sân, những người tù khác đã đứng thành hàng đôi. Từ giữa sân, nơi những người lính đang đứng, vang lên hai tiếng huýt gió ngắn, tù nhân bắt đầu cất bước.

Da trời màu xanh nhạt, không một gợn mây, tiếng tuyết lạnh vỡ lạo xạo dưới chân. Rubashov quên không mang theo chăn, chẳng mấy chốc anh đã run lên cầm cập. Rip Van Winkle choàng lên người một cái chăn cũ mà người giám thị đã đưa cho anh lúc họ bước ra sân. Anh ta vẫn yên lặng bước những bước ngắn nhưng dứt khoát bên cạnh Rubashov, thỉnh thoảng lại ngược nhìn bầu trời xanh nhạt ở trên đầu, cái chăn xám phủ trùm đến tận đầu gối, trông anh ta giống như một cái chuông. Rubashov nhìn vào cửa sổ buồng mình, nó cũng bản và tối như tất cả các cửa sổ khác, chẳng nhìn thấy gì bên trong. Cửa sổ buồng 402 cũng thế, chỉ có một khoảng hình vuông đen ngòm với mấy thanh sắt ngang dọc mà thôi. 402 không được đi dạo, không được đưa đi cắt tóc, cũng không được đưa đi gặp điều tra viên, Rubashov chưa bao giờ nghe thấy anh ta đi ra ngoài.

Tù nhân bước đi một cách chậm chạp, yên lặng xung quanh sân. Mỗi Rip Van Winkle cứ mấp máy suốt, đầu tiên Rubashov không

hiểu ông ta nói gì, nhưng sau đó thì anh nhận ra rằng đây là nhạc điệu bài “Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian”. Không, Rip Van Winkle không phải là người thần kinh, nhưng chắc chắn bảy ngàn ngày đêm trong ngục tối đã biến ông thành một người hơi kì quặc. Rubashov đưa mắt ngắm nhìn người bạn đồng hành và cố gắng hình dung trong đầu hoàn cảnh của một người bị cách ly với thế giới suốt hai mươi năm ròng. Hai mươi năm trước ô tô còn là của hiếm, radio thì chưa có, các nhà chính trị hiện nay lúc đó còn là những kẻ vô danh tiểu tốt cả. Hai mươi năm trước không ai có thể tiên đoán được những phong trào quần chúng mới, những thắng lợi long trời lở đất, những con đường quanh co, những giai đoạn thăng trầm mà nhà nước Cách mạng phải trải qua; lúc đó tất cả mọi người đều tin rằng cánh cổng của Thiên Đường trên trái đất đã rộng mở và loài người đang đứng trước ngưỡng cửa của nó....

Rubashov nhận ra rằng dù có nhiều kinh nghiệm trong việc “suy xét bằng quan điểm của người khác” đến đâu anh cũng không thể nào hiểu được tình cảm của Rip Van Winkle. Không cần vận dụng nhiều trí lực anh cũng có thể hiểu được Ivanov hay Anh Cả, thậm chí ngay anh chàng sĩ quan đeo kính một tròng ở buồng bên cạnh, nhưng Rip Van Winkle thì anh chịu thua. Rubashov liếc nhìn người bạn đồng hành đúng lúc ông ta quay đầu lại, hai tay ông ta giữ chặt cái chăn quàng xung quanh vai, bước từng bước ngắn, mồm vẫn lầm bầm điệu nhạc “Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian”.

Khi được dẫn trở về đến cửa buồng giam, lão già quay lại và gật đầu

chào Rubashov. Một sự thay đổi chợt loé lên trong ánh mắt người tù già: hoảng hốt và tuyệt vọng. Rubashov nghĩ rằng ông ta sẽ hét lên, nhưng người giám ngục đã đóng sập ngay cửa buồng 406 lại rồi. Sau khi vào buồng Rubashov vội vàng gõ vào tường, nhưng Rip Van Winkle không gõ, thậm chí không trả lời.

Trong khi đó 402, anh ta đã nhìn quan cửa sổ và thấy Rubashov đi dạo, lại rất muốn biết cảnh đi dạo, cang cụ thể cang tốt. Rubashov phải kể cho anh ta nghe, nào là không khí ra làm sao, có lạnh lắm không, gặp những ai ngoài hành lang, có nói được với Rip Van Winkle câu nào không. Anh kiên nhẫn trả lời tất cả các câu hỏi, so với 402, người không bao giờ được đi ra ngoài thì anh dù sao cũng là người may mắn; anh thấy thương 402 và cảm thấy như mình là người có lỗi vậy.

Ngày hôm sau và hôm sau nữa Rubashov đều được dẫn đi dạo ngay sau bữa ăn sáng. Rip Van Winkle đi cùng với anh trong cả ba ngày liên tiếp. Họ đi sát bên nhau, chặn quần quanh vai, không ai nói một lời nào; Rubashov mãi suy nghĩ, thỉnh thoảng mới ngược mắt nhìn những bạn tù hay các ô cửa sổ nhà tù; còn người tù già, râu ria tua tủa với nụ cười ngây thơ, thì vẫn thì thầm hát mãi bài ca muôn thuở.

Đến tận ngày thứ ba họ vẫn không nói với nhau một câu nào, mặc dù Rubashov nhận thấy rằng bảo vệ gần như không quan tâm đến việc tuân thủ nội qui và các cặp khác vẫn nói chuyện gần như



không ngọt miệng, họ nói mà mắt vẫn nhìn về phía trước, môi chỉ khẽ mấp máy, đây có thể coi là kỹ thuật trao đổi trong tù mà Rubashov đã quen.

Lần thứ ba Rubashov có mang theo một cuốn vở và cái bút chì, cuốn vở thò cả ra ngoài túi áo bên trái. Sau khoảng mười phút thì người tù già nhìn thấy cuốn vở, mắt ông ta sáng lên. Ông ta liếc nhìn mấy người lính đứng giữa sân, họ đang mãi nói chuyện và có vẻ như cũng chẳng để ý gì đến đám tù nhân, và rút ngay bút giấy khỏi túi Rubashov rồi lập tức lấy cái chặn trùm lên để viết gì đó. Một lúc sau thì thấy ông ta xé tờ giấy, gấp lại và đưa cho Rubashov còn bút và vở thì vẫn giữ lại để viết tiếp. Sau khi chắc chắn là bảo vệ không chú ý, Rubashov mới giở tờ giấy ra. Không một chữ nào, chỉ có một tấm bản đồ được vẽ khá chính xác. Có đủ các thành phố chính, núi và sông, và ngọn cờ với biểu tượng của Cách mạng tung bay.

Khi họ đi được nửa vòng thì người tù già lại ấn một tờ giấy nữa vào tay Rubashov. Vẫn là tấm bản đồ ấy, tấm bản đồ của Đất nước Cách mạng. 406 nhìn Rubashov, miệng mỉm cười có ý chờ đợi. Cảm thấy lúng túng, Rubashov bảo rằng vẽ rất khéo. Người tù già vừa nháy mắt vừa nói:

“Nhắm mắt tôi cũng vẽ được.”

Rubashov im lặng gật đầu.

“Anh không tin,” người tù già vừa nói vừa khẽ mỉm cười, “nhưng tôi đã luyện tập trong suốt hai mươi năm đấy.”

Sau khi liếc nhìn mấy người lính gác, 406 nhắm mắt lại và chân tiếp tục bước còn tay thì vẽ trên một tờ giấy mới bên trong tấm chăn khoác quanh người như một cái chuông. Ông ta đi, mắt nhắm nghiền, cảm hơi vênh lên như một người mù thực sự. Rubashov lo lắng nhìn mấy người lính, chỉ sợ người bạn tù sẽ vấp hoặc ngã ra ngoài hàng. Nhưng chỉ đi được nửa vòng ông ta đã vẽ xong, đường nét không được rõ bằng hai cái trước nhưng độ chính xác thì không khác gì, chỉ có biểu tượng trên lá cờ là to quá khổ mà thôi.

“Anh thấy chưa?”, 406 thì thầm, miệng cười thật tươi. Rubashov gật đầu. Người tù già bỗng trở nên buồn hẫng, ông ta sợ. Hôm qua, lúc bị đưa vào buồng giam Rubashov đã nhận thấy như thế.

“Làm thế nào được,” người tù già thì thảo. “Tôi đi nhằm tàu.”

“Ý ông là sao,” Rubashov hỏi.

“Tôi lên nhằm tàu ngay hôm ra tù. Họ nghĩ rằng tôi không nhận ra. Đừng nói với ai là tôi biết đấy nhé,” ông ta vừa thì thầm vừa đưa mắt về phía mấy người lính gác.

Rubashov gật đầu. Tiếng còi báo hiệu hết giờ vang lên ngay sau đó.

Trong khi bước qua cổng chính để vào nhà, người tù già bỗng hỏi một cách chân thành:

“Anh cũng lên nhăm tàu phải không?”

Rubashov gật đầu.

“Đừng đánh mất niềm tin. Nhất định chúng ta sẽ đi đến đó,” Rip Van Winkle vừa nói vừa chỉ tay vào tấm bản đồ cuộn tròn trong lòng bàn tay Rubashov.

Rồi ông ta nhét cuốn vở và cây bút chì vào túi Rubashov. Vừa bước lên bậc tam cấp ông ta đã lại thì thầm giai điệu của bài hát quen thuộc rồi.

## 6.

Chỉ còn một đêm nữa là thời hạn hai tuần do Ivanov đưa ra sẽ kết thúc, khi ăn tối Rubashov bỗng cảm thấy bồn chồn. Anh cũng không biết tại làm sao, thức ăn vẫn như cũ, phát cũng đúng giờ, thế mà anh vẫn thấy căng thẳng làm sao ấy. Có thể là một người tạp vụ đã nhìn anh lâu hơn mọi khi, mà cũng có thể là giọng nói của người giám thị già trầm hơn mọi hôm cũng nên. Rubashov không biết tại sao, nhưng anh không thể nào ghi chép được, anh cảm thấy căng thẳng, y như người bị bệnh tê thấp trước cơn dông vậy.

Sau giờ đi ngủ anh vẫn còn ghé mắt vào lỗ nhòm để nhìn ra hành lang: điện yếu, ánh sáng vàng vọt, nhọt nhạt, có cảm giác như ở đây chưa bao giờ lại vắng lặng và lạnh lùng đến thế. Rubashov hết nằm xuống rồi lại ngồi lên, cố ép mình viết thêm vài dòng, vừa tắt điều thuốc này lại đốt thêm ngay điều khác. Rồi anh đến bên cửa sổ để nhìn ra sân: bắt đầu ẩm lên, tuyết xộp và hơi xin, trời đầy mây, người lính gác đeo súng vẫn đang đi tuần như mọi khi. Rồi anh lại ghé mắt vào lỗ nhòm để quan sát hành lang: im lặng, không một bóng người, ánh điện vàng vọt.

Tuy đã muộn và trái với thói quen không nói chuyện ban đêm, hôm nay anh lại muốn rủ 402 tâm sự.

NGỦ CHƯA? anh bắt đầu gõ.

402 không trả lời ngay. “Ngủ rồi,” Rubashov buồn bã tự nhủ. Nhưng sau đó có tiếng gõ đáp lại, nhỏ và chậm hơn mọi khi.

CHƯA. ANH THẤY GÌ KHÔNG?

THẤY GÌ LÀ SAO? Rubashov hỏi. Anh bỗng thấy khó thở, lúc đó anh nằm trên giường và gõ bằng gờ cái kính cận.

402 lưỡng lự giây lát. Sau đó anh gõ rất khẽ, như thể nói thầm vậy.

ANH NÊN NGỦ ĐI THÌ TỐT HƠN...

Rubashov cảm thấy ngượng vì phải nghe 402 nói với giọng an ủi như thế. Anh nằm ngửa ra và chăm chú nhìn cái kính. Sự yên lặng nặng nề đến nỗi nghe như có những tiếng ù ù sôi réo trong màng nhĩ. Tiếng gõ đột ngột vang lên:

VUI QUÁ, ANH THẤY NGAY MÀ.

THẤY CÁI GÌ? Rubashov lại hỏi và vội vàng ngồi dậy.

Có vẻ như 402 còn đang nghĩ. Sau vài phút lưỡng lự, anh ta đáp:

ĐÊM NAY SẼ QUYẾT PHÁI ĐỐI LẬP...

Rubashov đã hiểu. Anh ngồi dựa lưng vào tường, có ý chờ đợi. Nhưng 402 không nói gì thêm. Một lúc sau Rubashov mới gõ:

TỬ HÌNH À?

ĐÚNG, 402 đáp một cách ngắn gọn.

LÀM SAO ANH BIẾT, Rubashov hỏi.

MÔI THỎ NÓI.

BAO GIỜ?

KHÔNG BIẾT, và sau một lúc im lặng, 402 gõ tiếp: SẮP RỒI.

AI, BIẾT KHÔNG? Rubashov lại hỏi

KHÔNG, 402 trả lời và sau một lúc lại gõ thêm: LỆCH LẠC VỀ CHÍNH TRỊ, NHƯ ANH.

Rubashov lại nằm xuống giường. Một lúc sau anh mới đeo kính lên, anh cứ nằm yên như thế, một tay đặt dưới gáy. Xung quanh lặng ngắt như tờ.

Anh chưa chứng kiến vụ hành quyết nào, ngoại trừ vụ hành quyết súyt diễn ra với chính mình, nhưng đây là từ thời Nội chiến cơ. Anh cũng không thể tưởng tượng thời bình, khi mọi thứ đều theo kế hoạch, thì chuyện đó sẽ diễn ra như thế nào. Anh đã loáng thoáng nghe nói rằng việc hành quyết thường được tiến hành vào ban đêm, dưới tầng hầm, tội nhân bị bắn vào gáy, nhưng cụ thể thế nào thì không biết. Đối với Đảng, chết không phải là điều kỳ diệu, không có gì thơ mộng trong đó cả. Nó là một nhân tố quan trọng đã được bàn đến trong lĩnh vực lý luận và hoàn toàn mang tính chất trừu tượng. Từ “chết” cũng ít khi được nói tới, từ “hành quyết” cũng vậy, trong Đảng hay sử dụng thuật ngữ “loại bỏ”. Khái niệm này chỉ gọi cho người ta một ý nghĩ cụ thể, duy nhất: chấm dứt các hoạt động chính trị. Chết chỉ là khía cạnh kỹ thuật của vấn đề, không đáng được quan tâm.

Rubashov nhím chăm chăm vào bóng đêm. Vụ hành quyết đã xong chưa? Hay các tội nhân vẫn còn sống? Anh tháo giày và cởi tất ra, hai bàn chân trần thò ra khỏi chăn hiện lên mờ mờ ngay phía cuối giường. Xung quanh tuyệt đối yên lặng, yên lặng một cách bất bình thường. Không có nghĩa là không có một tiếng động nào mà là nó đã nuốt hết và bóp nghẹt mọi tiếng động. Yên lặng phập phồng như tiếng trống ngũ liên. Rubashov nhìn hai bàn chân trần và khẽ cử động mấy ngón chân. Thật kỳ lạ và khó tin, cứ như thể hai bàn chân cũng có cuộc sống riêng vậy. Hơn lúc nào hết, bây giờ anh mới thật sự chú ý đến thân thể mình, anh cảm thấy rõ cái chăn ấm đang cọ vào ống chân cũng như sức nặng đang đè lên cái cánh tay đặt làm gối. Việc loại bỏ được tiến hành ở đâu? Anh có cảm giác là ở bên dưới, dưới chân cái cầu thang gần buồng cắt tóc. Phảng phất đâu đây mùi da thuộc từ cái thắt lưng và tiếng sột soạt của bộ quân phục của Gletkin. Hẳn ta sẽ nói gì với các nạn nhân? “Xin mời quay mặt vào tường?” Có từ “xin mời” không? Hay hẳn ta sẽ nói: “Đừng sợ. Không kịp đau đâu....” Cũng có thể hẳn sẽ bắn mà không báo trước gì hết, bắn từ phía sau, khi đang đi, nhưng nhất định nạn nhân sẽ thường xuyên ngoái đầu lại chứ? Hay hẳn sẽ làm như ông bác sĩ chữa răng, tức là giấu khẩu súng lục trong ống tay áo? Có người làm chứng không? Nạn nhân sẽ ngã về đằng trước hay về đằng sau? Nạn nhân có kêu không? Có thể phải bắn đến phát thứ hai không?

Rubashov chậm thuốc hút và đưa mắt nhìn hai bàn chân. Xung

quanh im lặng đến nỗi có thể nghe thấy cả tiếng giấy quần thuốc lá cháy. Anh hít một hơi thật sâu rồi vút điếu thuốc đi. Nhảm nhí, anh tự nhủ. Thực ra, không bao giờ anh tin vào khía cạnh kỹ thuật của việc “loại bỏ”. Chết là một khái niệm trừu tượng, nhất là cái chết của chính mình. Có thể, ở dưới kia mọi sự đã kết thúc rồi, quá khứ chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Trời tối đen như mực, xung quanh không một tiếng động, 402 cũng không gõ.

Anh chỉ mong có một người nào đó thét lên để phá vỡ cái sự im lặng nặng nề bất thường này. Anh khịt mũi và chợt nhận thấy mùi nước hoa của Arlova. Ngay cả thuốc lá cũng có mùi đặc trưng vì cô thường để hộp đựng thuốc lá bằng da trong cái túi đựng nước hoa và son môi cho nên thuốc cũng có mùi nước hoa.... Im ắng quá, chỉ mỗi lần trở mình mới nghe thấy tiếng cốt két.

Rubashov đã định đứng dậy để châm một điếu thuốc nữa thì nghe có tiếng gõ vào tường.

HỌ ĐẾN ĐÂY, tiếng gõ bảo anh như thế.

Rubashov động tai lên nghe ngóng. Nhưng chỉ có tiếng mạch máu gõ nhịp trên thái dương mà thôi. Anh ngồi thu mình chờ đợi. Còn yên ắng hơn nữa. Anh bỏ kính ra và bắt đầu gõ:

CHÀNG THẤY GÌ CẢ.



Một lúc sau vẫn không thấy 402 trả lời. Rồi đột nhiên anh ta gõ, to và rõ ràng từng tiếng một:

## SỐ 380. TRUYỀN TIẾP ĐI.

Rubashov ngồi phịch xuống giường. Tin tức đã được những người bạn tù của 380 truyền qua mười một buồng giam. Những người tù từ buồng 380 đến buồng 402 đã truyền tin tức cho nhau, qua màn đêm và sự im lặng. Bất lực, bị giam trong bốn bức tường, họ chỉ có thể bày tỏ tình đoàn kết bằng cách đó. Rubashov nhảy khỏi giường và cứ đi chân trần như thế sang phía bức tường đối diện. Anh đứng cạnh cái thùng gỗ và vội vã báo tin cho 406:

## CHÚ Ý. 308 SẼ BỊ BẮN. TRUYỀN TIẾP ĐI.

Anh lại dỏng tai lên nghe. Thôi quá, mùi bốc lên từ cái thùng gỗ lập tức đánh bật mùi nước hoa của Arlova. Không thấy 406 trả lời. Rubashov vội vàng nhảy lên giường. Lần này anh gấp mấy ngón tay lại để gõ chứ không dùng gọng kính nữa.

## 380 TÊN LÀ GÌ?

Không có tiếng đáp. Rubashov cho rằng, giống như anh, 402 cũng đang chạy qua chạy lại như con thoi giữa hai bức tường trong buồng giam. Chắc chắn là trong mười một buồng giam kia những người tù chân trần cũng đang chạy qua chạy lại. Đấy, 402 đã quay

lại rồi, anh ta thông báo:

CHÚNG ĐANG ĐỌC BẢN ÁN. TRUYỀN TIẾP ĐI.

Rubashov nhắc lại câu hỏi:

TÊN LÀ GÌ?

Nhưng 402 vẫn không trả lời, có lẽ anh ta đã chạy sang bên kia rồi. Rubashov nghĩ rằng truyền tin cho Rip Van Winkle là việc vô bổ nhưng anh vẫn chuyển sang đứng cạnh cái thùng gỗ và gõ, trách nhiệm giữ cho bản tin không bị ngắt quãng đã buộc anh phải làm như thế. Mùi xú uế làm anh suýt bị nôn. Rồi anh nhảy lên giường và đợi. Bên ngoài vẫn yên ắng như cũ. 402 lại gõ:

ANH TA KÊU CỨU.

ANH TA KÊU CỨU, Rubashov báo tin cho 406. Anh lại đóng tai lên nghe ngóng. Không thấy gì. Rubashov sợ rằng nhất định anh sẽ bị nôn nếu còn phải đứng cạnh cái thùng gỗ một lần nữa.

CHÚNG LÔI ĐI. ANH TA VỪA KÊU GÀO VỪA GIÃY. TRUYỀN TIẾP ĐI, 402 thông báo.

TÊN LÀ GÌ? Rubashov vội vàng gõ, trước cả khi 402 kết thúc. Lần này thì có câu trả lời:

## BOGROV. ĐỔI LẬP. TRUYỀN TIẾP ĐI.

Hai chân Rubashov như trùng hẫ xuống. Anh dựa vào tường và thông báo cho 406:

MICHAEL BOGROV, CỰU LÍNH THUỶ CHIẾN HẠM POTEMKIN, CHỈ HUY HẠM ĐỘI BIỂN ĐÔNG, HUÂN CHƯƠNG CÁCH MẠNG HẠNG NHẤT, BỊ ĐƯA ĐI HÀNH QUYẾT.

Rubashov nôn ngay vào cái thùng gỗ. Anh đứng thẳng người lên và lấy tay lau trán và kết thúc đoạn thông báo bằng câu:

TRUYỀN TIẾP ĐI.

Đã lâu không gặp Bogrov, nhưng về đại thể thì Rubashov còn nhớ, đây là một người cực kỳ cao to, hơi thô, tay dài gần đến gối, khuôn mặt rộng, lấm chấm tàn nhang, mũi hơi xếch. Họ cùng bị đi đày sau cuộc cách mạng năm 1905; Rubashov dạy anh ta đọc, viết và những vấn đề cơ bản nhất về lịch sử và cách mạng; từ đó trở đi dù ở đâu thì năm nào Rubashov cũng nhận được hai lá thư của của Bogrov, mà bao giờ cũng kết thúc bằng câu: “Người đồng chí mãi mãi chân thành, Bogrov”.

ĐANG ĐẾN ĐÂY, 402 gõ vội vàng và to đến nỗi Rubashov, lúc đó

đang đứng gác đầu vào tường ngay bên cạnh cái thùng gỗ, tức là ở phía bên kia buồng giam, cũng nghe thấy.

ĐỨNG VÀO CẠNH LỖ NHÒM. ĐÁ VÀO CỬA, TRUYỀN TIẾP ĐI.

Rubashov đứng như trời trồng. Anh thông báo cho 406:

ĐỨNG VÀO CẠNH LỖ NHÒM. ĐÁ VÀO CỬA, TRUYỀN TIẾP ĐI.

Anh lần ra phía cửa và lại dỏng tai lên nghe ngóng. Ngoài hành lang vẫn vắng ngắt như tờ.

Vừa lúc đó lại thấy 402 thông báo:

BẮT ĐẦU.

Một loạt tiếng động bùng bùng, ùng ục, như tiếng trống bị nén lại, truyền khắp hành lang bên ngoài. Đây không phải là những tiếng gõ hay tiếng đập rời rạc: những người tù từ buồng 380 đến buồng 402 đứng sau cánh cửa như những người lính trong đội vệ binh danh dự đang tạo ra một chuỗi âm thanh giống như tiếng trống trận vừa trang trọng vừa như bị tắc nghẽn được gió đưa từ xa lại. Rubashov ghé sát mắt vào lỗ nhòm và lấy cả hai tay đập vào cái cánh cửa sắt nặng nề của buồng giam. Anh vô cùng ngạc nhiên khi thấy buồng

406 và những buồng tiếp theo cũng có tiếng đập, chắc là Rip Van Winkle đã hiểu và cũng bắt đầu đâm vào cánh cửa. Rồi anh nghe thấy tiếng mở và đóng cửa, chắc chắn là ở phía bên trái, nhưng anh không thể nhìn thấy cụ thể là buồng nào. Âm thanh ở phía bên trái có vẻ to hơn trước, Rubashov cho rằng người ta vừa mở cửa ngăn khu biệt giam với các khu khác. Lại nghe thấy tiếng đóng cửa sắt, rồi tiếng chân bước và tiếng loạt xoạt như người ta đang kéo vật gì đó trên nền gạch. Tiếng đập cửa ở phía bên trái càng dồn dập, tuôn trào không ngớt, như những đợt sóng, ngày càng mạnh hơn. Khoảng cách từ buồng 401 đến buồng 407 vẫn không có gì, Rubashov không nhìn được xa hơn. Tiếng bước chân và tiếng loạt xoạt càng rõ hơn, bây giờ anh còn nghe thấy cả tiếng rên rỉ và tiếng khóc thút thít như của trẻ con nữa. Chân bước càng nhanh hơn, tiếng đập cửa phía bên trái nhỏ dần, trong khi phía bên phải lại to lên.

Rubashov liên tục đập hai tay vào cánh cửa. Không còn cảm giác không gian và thời gian, chỉ còn nghe thấy tiếng ầm ầm như tiếng rú của rừng xanh hay như những con khỉ đột bị nhốt thỉnh thoảng lại đưa tay đâm vào ngực rồi đâm vào cũi sắt. Anh dán mắt vào lỗ nhòm, vẫn chỉ thấy ánh đèn vàng nhợt nhạt; không có gì ngoài mấy cái cánh cửa sắt từ buồng 401 đến 407; nhưng tiếng đập, tiếng loạt xoạt, tiếng thút thít cũng ngày một to lên. Bất thình lình có ba bóng người hiện lên ngay trong tầm nhìn của Rubashov. Anh ngừng tay và căng mắt ra nhìn. Chỉ vài giây sau họ đã đi khuất hẳn.

Nhưng cảnh tượng anh vừa nhìn thấy thì không thể nào quên được.

Đây là hai người mặc quân phục, cao to, bước đi vội vã, ở giữa là một người bị xốc nách kéo đi theo. Người bị xốc nách trông cứng đờ như một hình nhân, mặt úp xuống dưới, bụng làm thành một hình vòng cung, hai chân duỗi thẳng, mũi giày miết xuống nền gạch tạo ra những tiếng lạo xạo có thể nghe thấy từ khá xa. Mấy lọn tóc màu xám, ướt đầm mồ hôi buông phát phơ hai bên má, miệng mở rộng, dài sều ra bám ướt hai bên cằm. Khi họ đã đi khuất, tiếng rên rỉ, thút thít cứ nhỏ dần rồi trở thành như một tiếng vọng từ xa với ba nguyên âm “u – a – o”. Nhưng trước khi họ bước qua chỗ rẽ gần buồng cắt tóc thì Bogrov bỗng thét thật to hai lần, lần này Rubashov nghe thấy trọn vẹn, rõ ràng cả một từ: Ru-ba-shov.

Tất cả lại chìm vào yên lặng. Đèn vẫn sáng như cũ, hành lang vẫn vắng như cũ. Chỉ có nghe thấy tiếng gõ:

VÙN LÊN, HỒI CÁC NÔ LỆ Ở THẾ GIAN.

Rubashov đã nằm ở trên giường lúc nào không hay. Trong tai vẫn còn nghe thấy tiếng ù ù như trống trận, xung quanh đã hoàn toàn yên lặng. 402 chắc đã ngủ. Bogrov chắc đã chết rồi.

“Rubashov, Rubashov...” Hai tiếng kêu cuối cùng của Bogrov như vẫn còn văng vẳng bên tai. Hình ảnh thì không được rõ ràng như thế. Thật khó tưởng tượng cái hình nhân với khuôn mặt ướt đầm mồ hôi, đôi chân cứng đờ, kéo lê trên nền gạch lại có thể là Bogrov. Chỉ lúc này anh mới nhớ ra lá tóc Bogrov đã bạc. Chúng đã làm gì

với Bogrov? Chúng đã làm gì với người lính thủy kiên cường này để đến nỗi anh ta phải khóc thút thít như một đứa trẻ như thế? Arlova có khóc thút thít như thế khi bị kéo đi hay không?

Rubashov vùng dậy và gục đầu vào bức tường ngăn với buồng 402. Anh sợ sẽ lại bị nôn. Anh chưa bao giờ tưởng tượng cảnh hành hình Arlova cụ thể đến thế. Đối với anh, chết luôn luôn là một khái niệm trừu tượng, mặc dù mỗi lần nghĩ đến nó anh đều có cảm giác bất an song chưa bao giờ anh nghĩ ngờ vào tính hữu lý của mình. Nhưng lúc này, cùng với cơn buồn nôn dâng lên trong cổ và những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán, anh chợt cảm thấy rằng đây là cách nghĩ điên rồ. Tiếng thút thít của Bogrov đã làm lệch cán cân. Cho đến hôm nay Arlova chỉ là một nhân tố, một nhân tố rất nhỏ, để giải phương trình thì phải bỏ qua. Không còn phương trình nữa. Hình ảnh Arlova kéo lê hai bàn chân đi giày cao gót dọc theo hành lang đã phá vỡ sự cân bằng toán học. Cái tác nhân vô nghĩa bỗng trở nên quan trọng, tuyệt đối quan trọng; tiếng thút thít và tiếng kêu xé lòng của Bogrov lúc gọi tên anh, tiếng của hàng chục bàn tay đập vào cánh cửa còn vang bên tai đã nhấn chìm giọng nói của lý trí, như sóng biển nhấn chìm tiếng kêu cứu của một kẻ chết trôi.

Kiệt sức, Rubashov cứ ngồi thế mà thiếp đi, đầu dựa vào tường, kính vẫn còn lũng lảng trước đôi mắt đã nhắm nghiền.

## 7.

Rubashov ú ớ nói mơ, đây là giấc mơ về vụ bắt giữ thứ nhất, bàn tay bỏ thông ra ngoài giường đang cố tìm cái ống tay áo, anh chờ

đợi một cú đâm vào mang tai nhưng không thấy.

Anh tỉnh giấc vì đèn trong buồng bỗng bật sáng. Có một người đứng sát ngay bên cạnh giường và đang chăm chú ngắm nhìn. Rubashov mới thiếp đi được chừng mười lăm phút, nhưng sau những giấc mơ như thế bao giờ cũng phải một lúc anh mới định thần được. Mắt nheo lại vì chói, còn đầu óc thì duyệt lại các phương án quen thuộc. Anh đang bị giam, nhưng không phải tại một đất nước thù nghịch, nghĩa là vụ bắt giữ chỉ là một giấc mơ. Nghĩa là anh tự do, nhưng bên trên giường của anh không có hình Anh Cả, còn cạnh bức tường bên kia lại có một cái thùng gỗ. Ivanov lại đứng bên cạnh và đang phà khói thuốc lá vào mặt anh. Đấy cũng là mơ sao? Không. Ivanov là thật, cái thùng gỗ cũng là thật. Anh đang ở giữa quê hương, nhưng quê hương đã trở thành thù nghịch, còn Ivanov, người bạn cũ của anh, giờ cũng đã trở thành thù nghịch và tiếng khóc thút thít của Arlova cũng không phải là mơ. Nhưng không, đấy không phải là Arlova, đấy là Bogrov, người đồng chí trung thành của anh, dù bị kéo đi như một hình nhân còn réo gọi tên anh, đấy không phải là mơ. Còn Arlova từng nói: “Anh muốn làm gì em cũng được....”

“Anh ốm à?” Ivanov hỏi.

Rubashov nheo mắt, chói quá.

“Đưa hộ tôi cái áo.”



Ivanov yên lặng quan sát. Má bên trái của Rubashov bị sưng.

“Anh có muốn uống một ly rượu không?” Ivanov hỏi.

Không chờ Rubashov trả lời, anh ta đến bên lỗ nhòm và nói gì đó với người bên ngoài. Rubashov nheo mắt nhìn theo. Anh còn chưa tỉnh ngủ hẳn. Anh đã thức, nhưng vẫn chưa định thần được.

“Anh cũng bị bắt rồi à?” Rubashov hỏi.

“Không,” Ivanov khẽ đáp. “Tôi đến thăm anh. Tôi nghĩ anh bị sốt.”

“Cho tôi xin một liều thuốc,” Rubashov nói. Anh hút một hơi thật dài, đầu óc đã bắt đầu tỉnh táo trở lại. Anh nằm ngửa ra rồi vừa hút thuốc vừa nhìn lên trần nhà. Cửa buồng mở, một người giám thị đi vào, tay mang theo chai rượu và một cái cốc. Không, đây không phải là lão già mọi khi, tay này còn trẻ, mặc quân phục, gọng kính sáng loáng. Anh ta chào Ivanov rồi mới đưa rượu, cốc và đi ra, không quên đóng cửa. Nghe rõ tiếng bước chân anh ta xa dần ngoài hành lang.

Ivanov ngồi ghé lên giường và rót rượu ra cốc. “Uống đi,” anh ta bảo. Rubashov dốc cạn ly. Đầu óc sáng láng hẳn: vụ đi tù lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, Arlova, Bogrov, Ivanov, tất cả đã về đúng vị trí, cả về thời gian lẫn không gian.

“Anh có bị đau chỗ nào không?” Ivanov hỏi.

“Không,” Rubashov đáp. Anh chỉ không hiểu là Ivanov đến đây để làm gì.

“Má anh sưng to lắm. Có thể là anh bị sốt.”

Rubashov đứng lên và nhìn vào lỗ nhòm, hành lang vắng ngắt; rồi anh tiếp tục đi đi lại lại vài vòng cho đến khi định thần hẳn. Anh dừng lại ngay trước mặt Ivanov, lúc đó vẫn ngồi ở đầu giường và kiên nhẫn thả những vòng khói trắng.

“Cậu muốn gì?” Rubashov hỏi.

“Tôi muốn thảo luận với anh,” Ivanov bảo. “Nằm xuống đi, rồi làm thêm vài ly nữa.”

Rubashov nheo mắt, nhìn Ivanov đầy vẻ giễu cợt.

“Này, trước đây tôi vẫn cho rằng cậu là người tốt,” Rubashov nói. “Nhưng bây giờ tôi thấy cậu cũng là thằng chẳng ra gì. Bước ngay.”

Ivanov vẫn ngồi yên như cũ.

“Tại sao anh lại nói như thế?” anh ta bảo.

Rubashov tựa lưng vào tường ngăn với buồng 406 và nhìn xuống Ivanov, còn anh ta thì vẫn bình thản nhả khói như cũ.

“Thứ nhất,” Rubashov nói. “Anh biết tôi thân với Bogrov. Vì vậy mà anh đã cho lời Bogrov hay cái xác không hồn của cậu ấy qua cửa buồng tôi như một lời cảnh cáo. Các anh lại còn bí mật thông báo trước vụ hành quyết để các tù nhân khác truyền đạt lại cho tôi, chuyện xảy ra đúng như thế. Người đạo diễn còn làm một việc tuyệt vời hơn, đây là báo cho Bogrov biết rằng Rubashov cũng bị nhốt ở đây ngay trước khi lời anh ta ra khỏi hành lang, để hi vọng cậu ta sẽ nói ra một điều gì đó; chuyện cũng đã xảy ra đúng như vậy. Tất cả là nhằm để gây áp lực cho tôi. Đúng trong những giờ phút đen tối như thế thì đồng chí Ivanov cấp chai rượu xuất hiện. Tiếp theo sẽ là một cuộc hoà giải cực kỳ cảm động, hai người sẽ ôm chầm lấy nhau, sẽ ôn lại những kỷ niệm thời chiến tranh và rồi tôi sẽ ký biên bản thú nhận. Rồi khi tội nhân ngu thiếp đi thì đồng chí Ivanov, với lời tự thú trong túi áo sẽ nhón gót đi ra khỏi phòng và sẽ được thăng quan tiến chức trong một ngày không xa.... Đủ rồi, xin mời đi ra.”

Ivanov vẫn ngồi bất động. Anh ta nhả khói và mỉm cười, khoe ra cả mấy chiếc răng vàng lấp lánh.

“Chả lẽ anh lại nghĩ rằng tôi là kẻ ngốc nghếch như thế hay sao?” Ivanov hỏi. “Hay nói đúng hơn, chả lẽ anh cho rằng tôi là người không có hiểu biết gì về tâm lý học hay sao?”

“Tôi đã ngấy đến tận cổ trò của các anh rồi,” vừa nói Rubashov vừa nhún vai. “Tôi không thể tổng khứ anh ra khỏi phòng. Nếu còn chút lịch sự thì xin hãy để tôi yên. Tôi chán ngấy tất cả các anh rồi.”

Ivanov nhặt cái cốc lên rồi đổ đầy rượu và nốc cạn.

“Tôi đề nghị thế này,” anh ta nói. “Cho tôi nói năm phút, anh không được ngắt lời. Anh chú ý nghe thật kỹ những điều tôi sẽ nói sau đây. Nếu sau đó anh vẫn muốn tôi đi ra thì tôi sẽ đi ngay lập tức.”

“Thôi được, tôi xin nghe,” Rubashov nói. Anh đứng tựa lưng vào bức tường trước mặt Ivanov và cố ý làm ra vẻ như đang xem đồng hồ.

“Thứ nhất, Bogrov đã bị bắn, xin anh chớ có nghi ngờ hay ảo tưởng gì về chuyện ấy nữa. Thứ hai, anh ta đã bị tù mấy tháng và những ngày gần đây thì bị tra tấn liên tục. Nếu anh khai chuyện này trước toà hay nói cho các tù nhân khác biết thì tôi cũng coi như xong đây. Lý do của việc xử lý như thế ta sẽ nói sau. Thứ ba, việc anh ta bị dẫn ngang qua đây cũng như việc cho anh ta biết anh cũng bị giam ở đây là hoàn toàn có chủ ý. Thứ tư, cái mà anh cho là những trò bẩn thỉu thì không phải tôi làm mà là Gletkin, anh ta làm việc đó một cách bí mật, trái với hướng dẫn của tôi.”

Ivanov ngừng lời. Rubashov vẫn đứng dựa vào tường và không nói gì.

“Tôi không bao giờ mắc sai lầm như vậy,” Ivanov tiếp tục. “Không phải vì tôi tôn trọng tình cảm của anh mà vì tôi có chiến thuật khác, tôi hiểu tâm lý của anh. Gần đây anh có xu hướng nghĩ về lương tâm con người và những kiểu tình cảm đại loại như thế. Ngoài ra, câu chuyện Arlova vẫn còn nguyên đấy. Cho nên cách đối xử với Bogrov chỉ làm cho anh căng thẳng thêm và thúc đẩy anh suy nghĩ thêm về khía cạnh đạo đức, chỉ có thằng Gletkin mù tịt về tâm lý mới làm như thế mà thôi. Chục hôm nay ngày nào thằng ấy cũng cãi nhảm với tôi về “biện pháp cứng rắn” đối với anh đấy. Thứ nhất là vì hắn đã bực vì anh giờ ngay trước mũi hắn mấy cái tát rách, thứ hai là trước đây hắn thường chỉ tiếp xúc với nông dân thôi.... Hi vọng chuyện Bogrov như vậy là đã rõ. Còn chai rượu, tôi bảo mang tới vì thấy anh chưa thật hoàn hồn đấy thôi. Tôi đâu có muốn anh uống say. Người say dễ bị ảnh hưởng bởi những cú sốc tâm lý, tôi đâu muốn làm chuyện đó với anh. Càng bị sốc thì anh lại càng chú tâm vào chuyện đức hạnh. Trong khi đó tôi lại muốn anh tỉnh táo. Tôi muốn anh suy nghĩ một cách thật bình tĩnh hoàn cảnh của mình. Sau khi suy nghĩ kỹ như thế, tôi tin rằng anh sẽ đầu hàng...”

Rubashov khẽ nhún vai. Anh chưa kịp lên tiếng thì Ivanov đã nói thêm:

“Anh khẳng định rằng sẽ không đầu hàng. Nhưng xin hỏi: Nếu anh tin rằng đây là việc làm đúng và cần thiết thì anh có đầu hàng không?”

Rubashov không trả lời ngay. Anh có cảm tưởng rằng cuộc nói chuyện đang rẽ sang hướng mà anh không nên theo. Năm phút đã trôi qua mà Ivanov vẫn chưa bị đuổi ra. Chỉ điều đó thôi cũng chứng tỏ anh đã phản bội Bogrov, phản bội Arlova, phản bội Richard và Levy Còi rồi.

“Đi ra đi,” anh bảo với Ivanov. “Không có tác dụng gì đâu.” Lúc đó anh mới nhận ra là mình đã đi đi lại lại trong phòng, ngay trước mặt Ivanov, được một lúc rồi.

Ivanov vẫn ngồi trên giường.

“Bằng vào giọng nói của anh,” Ivanov bảo, “tôi thấy rằng anh đã công nhận là tôi không có liên quan gì đến vụ Bogrov hết. Thế thì tại sao anh lại cứ muốn đuổi tôi? Tại sao anh lại không trả lời câu hỏi của tôi...?” Anh ta khẽ nhào người về đằng trước và nhìn vào mặt Rubashov một cách giễu cợt. Sau đó anh ta nói một cách chậm rãi, cố ý nhấn mạnh từng từ một: “*Vì anh sợ tôi*. Vì cách nghĩ và cách tranh luận của tôi cũng là cách nghĩ, cách nói của anh, anh biết rõ như thế mà. Đến một lúc nào đó nhất định anh sẽ kêu to lên rằng: “Hỡi quỷ Satan, hãy lui ra đằng sau ta!”

Rubashov không đáp. Anh tiếp tục đi lại ngay trước mặt Ivanov. Anh cảm thấy bất lực, không thể tìm được lý lẽ để tranh cãi với Ivanov. Cái mà Ivanov gọi là “khía cạnh đạo đức” thì không thể trình bày được bằng các công thức luận lý, nó là địa hạt của Người Đồi Thoại Không Lời. Nhưng đồng thời về mặt lý trí thì anh lại đồng tình với Ivanov. Đáng lẽ ra anh không nên tham gia những cuộc thảo luận như thế này.

“Hỡi quỷ Satan, hãy lui ra đằng sau ta!” Ivanov nhắc lại và rót thêm cho mình một ly rượu nữa. “Ngày xưa người ta bị mê hoặc vì có thân. Ngày nay thì vì có tâm. Các giá trị đã thay đổi. Nếu tôi mà viết được một vở kịch trong đó Thiên Chúa và Ác Quỷ tranh cãi với nhau về tâm hồn của Thánh Rubashov thì tốt quá. Sau một cuộc đời tội lỗi, anh ta quay sang với Thiên Chúa, với Thiên Đường hai mang là chủ nghĩa tự do tư sản và bánh mì cho Quân đội Giải phóng. Còn Quỷ sứ là một kẻ gầy gò, sống cuộc đời khổ hạnh, thực dụng. Hắn đọc Machiavelli, Hegel và Marx; lạnh lùng và tàn nhẫn. Số phận buộc hắn phải làm những điều mà hắn ghê tởm: giết người để vĩnh viễn loại trừ sự sát sinh, sử dụng vũ lực để loại bỏ vũ lực, reo rắc khổ đau nhân danh hạnh phúc của toàn thể loài người, hứng chịu lòng căm thù nhân danh tình yêu thương nhân loại. Hỡi quỷ Satan, hãy lui ra đằng sau ta! Rubashov muốn thành một thánh tử đạo. Báo chí tự do đã từng nguyên rửa anh ta khi sống, lại vội vàng phong thánh cho anh ta sau khi chết. Anh ta đã tìm ra lương tâm, cái lương tâm nguy hại cho người cách mạng chẳng khác gì chủ nghĩa nhân đạo và Thiên Đường hai mang. Lương tâm xoi tái lý trí

chẳng khác gì bệnh ung thư ăn thịt cơ thể. Quí sứ đã bị đánh gục, nhưng chớ nghĩ rằng trong cơn điên nó chỉ nghiêng răng và phun lửa mà thôi. Nó là một kẻ gầy gò và khô hạn, nó nhún vai vì đã trông thấy nhiều kẻ đào ngũ, che giấu sự yếu đuối của mình bằng chủ nghĩa nhân đạo và lương tâm...”

Ivanov ngừng lời và lại rót thêm một ly nữa. Trong khi đó Rubashov vẫn đi đi lại lại ngay sát cửa sổ. Một lúc sau anh mới hỏi:

“Vì sao các anh lại giết Bogrov?”

“Vì sao à? Vì vấn đề tàu ngầm,” Ivanov nói. “Trọng tải của tàu là vấn đề cũ, chắc anh cũng biết. Bogrov cho rằng chúng ta phải đóng những chiếc tàu lớn và có tầm hoạt động xa. Đảng lại nghiêng về phương án tàu nhỏ, tầm hoạt động ngắn. Số tiền đóng một tàu lớn có thể đóng được ba tàu nhỏ. Về mặt kỹ thuật thì lý lẽ của hai bên cũng kẻ tám lạng người nửa cân. Các chuyên gia đưa ra đủ thứ sơ đồ và công thức để ủng hộ và phản bác, nhưng vấn đề lại nằm ở chỗ khác. Tàu ngầm lớn là chính sách xâm lược, là xuất khẩu cách mạng. Còn tàu nhỏ là bảo vệ bờ biển, là tự vệ và trì hoãn cách mạng thế giới thêm một thời gian nữa. Anh Cả và Đảng ủng hộ quan điểm sau.... Bogrov có nhiều đệ tử trong lực lượng Hải quân và tướng lĩnh. Gạt Bogrov ra chưa đủ, phải hạ bệ anh ta mới được. Phiên xử công khai sẽ cho nhân dân thấy rằng kẻ ủng hộ tàu trọng tải lớn là một tên phá hoại và phản bội. Chúng tôi đã buộc một số kỹ sư đồng ý khai trước toà những điều chúng tôi cho là cần thiết. Nhưng



Bogrov không chịu hợp tác. Ngay đến những ngày cuối cùng anh ta vẫn khẳng khái là phải đóng tàu lớn và tiến hành Cách mạng Thế giới. Anh ta đã lạc hậu đến hai mươi năm. Anh ta không thể hiểu rằng thời gian đang chống lại chúng ta, rằng châu Âu đang trải qua giai đoạn thoái trào, rằng phải đợi một làn sóng cách mạng mới. Không còn cách nào khác, đành phải loại bỏ anh ta bằng con đường hành chính. Ở địa vị của chúng tôi thì anh cũng phải làm như thế, đúng không?”

Rubashov không đáp. Anh dừng lại và đứng tựa lưng vào bức tường ngăn với buồng 406, ngay bên cạnh cái thùng gỗ. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Anh tháo kính ra, đôi mắt cận thị thâm quầng chăm chú nhìn vào sát mặt Ivanov.

“Anh không nghe thấy tiếng khóc lóc, rên rỉ của Bogrov, đúng không?”

Ivanov lấy điều thuốc lá hút dở để mời một điếu mới, chính anh ta cũng không thể chịu được mùi hôi thối nữa.

“Không,” Ivanov nói. “Không nghe thấy. Nhưng tôi đã nghe, đã thấy những chuyện tương tự rồi. Thì đã sao?”

Rubashov vẫn đứng im. Anh không thể giải thích được. Tiếng nước nở và tiếng trống ngũ liên bị nén lại như vẫn bập bùng bên tai. Không thể diễn tả thành lời. Cũng như không thể diễn tả thành lời

đường cong, hơi ảm của bộ ngực Arlova. Lời nói chẳng có ích gì. “Ngậm miệng mà chết đi”, người thợ cắt tóc đã đưa cho anh mảnh giấy viết một câu như thế.

“Thì đã sao?” Ivanov nhắc lại. Anh ta duỗi thẳng chân và đợi. Không thấy Rubashov trả lời, anh ta tiếp tục:

“Nếu tôi có một chút xíu lòng thương hại đối với anh,” Ivanov nói, “thì tôi đã để anh yên rồi. Nhưng may là tôi không có. Tôi uống, đôi khi, như anh biết đấy, tôi còn hút nữa, nhưng lòng thương hại thì tôi cố gắng tránh. Chỉ cần một chút xíu cái đó thôi là đi đứt liền. Lương tâm dần vật, than thân trách phận là căn bệnh của dân tộc này. Biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ vĩ đại của chúng ta đã bị cái độc dược này huỷ hoại. Cho đến tuổi bốn mươi, năm mươi, họ đều là những nhà cách mạng, thế rồi dùng một cái, mắc phải cái bả thương hại và thế giới lập tức coi họ là những ông thánh sống. Anh cũng bị mắc căn bệnh như thế, nhưng lại nghĩ rằng mình là người đầu tiên, trước nay chưa từng có...” Ivanov nói khá to và phun ra cả một đám khói thuốc lá. “Hãy thận trọng với những cơn say như thế. Rượu có thể làm người ta say. Đáng tiếc là rất ít người, đặc biệt là ít đàn ông biết được rằng sự nhún nhường hay đau khổ cũng có thể làm người ta say, chẳng khác gì say rượu, giá cũng rẻ thôi. Tỉnh lại sau cú gây mê và nhận thấy là một bên chân của mình đã bị cắt tới đầu gối, tôi đã phát cuồng lên vì đau khổ. Anh có nhớ đã nói với tôi những gì không?” Ivanov rót thêm một ly nữa và nốc cạn.

“Quan điểm của tôi là,” anh ta tiếp tục, “không thể coi thế giới như một loại nhà chứa của đủ thứ tình cảm uỷ mị được. Đây là điều răn thứ nhất của chúng ta. Những khái niệm như từ bi, lương tâm, phần nộ, tuyệt vọng, sám hối, chuộc tội đối với chúng ta đều là những món hàng xa xỉ phẩm cả. Ngồi yên một chỗ mà suy tư rồi đưa gậy cho thằng Gletkin giáng sủng lục vào là đơn giản hơn cả. Đối với những người như chúng ta thì từ bỏ bạo lực, sám hối cho lòng thanh thản là hấp lực to lớn nhất. Các nhà cách mạng vĩ đại nhất, từ Spartacus cho tới Danton và Dostoievsky, đều bị cái món này nó lôi kéo và trở thành những kẻ phản bội lý tưởng của mình. Hấp lực của Chúa bao giờ cũng mạnh mẽ hơn hấp lực của Quí. Khi thế giới còn đầy hỗn loạn như hiện nay thì Chúa phải được coi là chủ nghĩa vô chính phủ và bất kì sự thoả hiệp nào với lương tâm đều phải coi là phản bội sự nghiệp chung. Khi cái lương tâm gàn dở lên tiếng thì hãy bịt tai lại....”

Ivanov đưa tay ra đằng sau với chai rượu và rót một ly nữa. Khi thấy chai rượu chỉ còn một nửa, Rubashov tự nhủ: “Mày cũng muốn quên đời đi đấy chứ”.

“Những tên tội phạm vĩ đại nhất trong lịch sử,” Ivanov tiếp tục, “không phải là Nero hay Fouché mà là Gandhi và Tolstoy. Tiếng nói của lương tâm Gandhi cản trở cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ còn mạnh hơn cả vũ khí của quân Anh. Tự bán mình lấy ba mươi đồng bạc là một thương vụ đáng giá, nhưng để cho lương tâm dẫn dắt là phản bội cả loài người. Lịch sử vốn bất nhân, lịch sử làm

gì có tâm. Muốn làm lịch sử thì không thể nào giữ được đạo lý. Anh cũng như tôi, chúng ta biết quá rõ rồi còn gì. Anh biết rõ luật chơi như thế mà hôm nay lại còn nói đến chuyện khóc lóc của Bogrov....”

Ivanov dốc cạn ly và nói thêm:

“Hay là lương tâm anh bị cắn rứt vì cô Arlova?”

Rubashov biết từ lượng của Ivanov: chưa thấy anh ta say bao giờ, rượu chỉ có thể làm anh ta có vẻ hùng hồn hơn mà thôi. “Mày còn cần rượu hơn cả tao,” Rubashov tự nhủ. Anh ngồi lên một chiếc ghế nhỏ ngay trước mặt Ivanov. Không có gì mới, suốt đời anh đã từng bảo vệ quan điểm như thế, với những lời lẽ như thế hoặc gần như thế. Nhưng trước đây tiếng nói của lương tâm mà Ivanov mặt sát chỉ là một khái niệm trừu tượng, còn nay anh đã nhận thức được rằng Người Đối Thoại Không Lời chính là một phần của cơ thể mình. Nhưng liệu những dằn vặt không thực tế như thế của lương tâm có thể chấp nhận được hay không? Có cần chiến đấu chống lại “độc dược bí mật” khi chính mình cũng đã bị ngộ độc? Năm ngoái, khi đưa Arlova đến chỗ chết anh không thể tưởng tượng được cảnh hành quyết sẽ diễn ra cụ thể như thế nào. Liệu anh có làm khác đi sau khi đã nắm được một vài khía cạnh hay không? Liệu việc hi sinh Richard, Arlova hay Levy Còi là đúng hay sai? Việc Richard nói lắp, hay bộ ngực của Arlova cũng như tiếng kêu khóc của Bogrov thì có liên quan gì đến việc đúng hay sai của những biện

pháp đã được tiến hành?

Rubashov lại bắt đầu đi bách bộ trong phòng. Anh bỗng nhận ra rằng tất cả những trải nghiệm từ ngày vào tù mới chỉ là những bước đầu tiên; rằng anh đã hoàn toàn bế tắc, đã đứng trước ngưỡng cửa cái mà Ivanov gọi là “nhà chứa siêu hình”, anh hiểu rằng phải suy nghĩ lại từ đầu. Vấn đề là còn bao nhiêu thời gian? Anh giằng lấy cái cốc từ tay Ivanov và uống sạch. Ivanov trở mắt ra nhìn.

“Thế là tốt,” Ivanov nói. “Độc thoại dưới dạng đối thoại thường là rất hữu ích. Hi vọng rằng tôi đã vào vai kẻ quyền rũ khá đạt. Đáng tiếc là phía kia lại không chịu lên tiếng. Nhưng không để cho người ta lôi kéo mình vào một cuộc tranh luận chính là thủ thuật của hắn ta. Hắn luôn luôn tấn công đúng vào lúc bất ngờ nhất, đúng lúc con mồi có một mình và rất thích hành hạ khi nạn nhân ngủ. Các biện pháp của nhà đạo đức học vĩ đại này luôn luôn hiệu quả và rất vô luân....”

Nhưng Rubashov đã không còn chú ý nghe nữa. Vừa đi anh vừa nghĩ liệu hôm nay, nếu Arlova còn sống thì anh có đưa cô vào chỗ chết nữa hay không. Có cảm tưởng rằng trả lời được câu hỏi này thì anh cũng sẽ tìm được câu trả lời cho tất cả các vấn đề khác.... Anh dừng lại ngay trước mặt Ivanov và cất tiếng hỏi:

“Anh có nhớ nhân vật Raskolnikov không?”

Ivanov mỉm cười giễu cợt:

“Tôi biết thế nào rồi anh cũng đi đến đây mà. Tội ác và trừng phạt.... Anh đã trở thành lắm cảm hay định چرا sùng làm nghề thế?”

“Từ từ. Từ từ,” Rubashov vừa nói vừa hấp tấp bước. “Tất cả chỉ là những câu chuyện suông, nhưng tôi có cảm giác chúng ta đã tiến gần đến bản chất vấn đề rồi. Theo tôi nhớ thì vấn đề là cậu sinh viên Raskolnikov có quyền giết mẹ già ấy không? Anh ta còn trẻ lại có tài, đầy sinh lực; còn mẹ ta là một người vô tích sự. Nhưng phương trình này không thể giải được. Thứ nhất, hoàn cảnh đã buộc Raskolnikov phải giết một người nữa, đây có thể nói là hậu quả không thể thấy trước và phi lô gích của một hành động tương như đơn giản và rất hợp lô gích. Thứ hai, bài toán không thể giải được ngay từ đầu vì sau khi hạ sát, Raskolnikov đã nhận ra rằng nếu lấy con người làm đơn vị tính toán thì hai cộng hai không phải là bốn....”

“Vì vậy,” Ivanov nói, “cuốn sách này phải đốt cho bằng hết. Anh hãy nghĩ xem, nếu chúng ta chấp nhận cái triết lý nhân đạo vớ vẩn này, nếu chúng ta buộc phải coi mỗi cá nhân đều là bất khả xâm phạm, nếu chúng ta không được xử lý theo các nguyên tắc số học thì sự thể sẽ như thế nào? Sự thể sẽ là người chỉ huy trung đoàn sẽ không thể hi sinh tiểu đội tiền trạm cho toàn bộ đơn vị rút lui. Chúng ta sẽ không thể hi sinh mấy anh ngu dốt như Bogrov chẳng

hạn, và như thế là các thành phố ven biển của chúng ta có thể bị phá tan trong vòng một hai năm nữa...”

Rubashov lắc đầu:

“Các thí dụ anh đưa ra đều liên quan đến chiến tranh, nghĩa là những tình huống bất thường cả.”

“Từ ngày phát minh ra máy hơi nước,” Ivanov đáp, “toàn thế giới đã rơi vào tình trạng bất bình thường; cách mạng và chiến tranh là những thí dụ nhãn tiền của tình trạng này. Nhân vật Raskolnikov của anh là một thằng ngu và một kẻ phạm tội không phải vì hắn đã giết con mụ già ấy mà vì hắn đã làm như thế vì mục đích cá nhân, ích kỷ của mình. Qui luật “Mục đích biện minh cho phương tiện” đã và vẫn là qui luật duy nhất đúng của đạo đức chính trị; tất cả những chuyện khác chỉ là những điều nói suông, vô ích mà thôi.... Nếu giả sử Raskolnikov thịt con mụ già ấy để gây quỹ ủng hộ các cuộc đình công hay ủng hộ báo chí bí mật, theo lệnh của Đảng, thì lại là vấn đề khác, bài toán sẽ giải được và cuốn tiểu thuyết sẽ không được viết ra nữa, mà đối với nhân loại thì đấy là một may mắn lớn.”

Rubashov không đáp. Anh tiếp tục suy nghĩ xem hôm nay, sau những trải nghiệm vừa qua, anh có thể đưa Arlova vào chỗ chết nữa hay không. Anh không trả lời được. Về mặt lý luận thì tất cả những điều Ivanov nói đều đúng. Người Đối Thoại Không Lời vẫn chưa

lên tiếng, nhưng chính hắn đã ngăn chặn, không cho anh tìm ra câu trả lời dứt khoát. Ngay cả chuyện này, tức là Người Đối Thoại Không không bao giờ tham gia tranh luận mà chỉ tấn công vào đúng lúc người ta bất lực nhất, cũng đúng nốt....

“Tôi không thích sự lẫn lộn khái niệm,” Ivanov tiếp tục. “Chỉ có hai quan niệm về đạo đức mà thôi, hai quan niệm này hoàn toàn trái ngược nhau. Đạo đức Công giáo và nhân bản coi mỗi một con người cá nhân là một thực thể thiêng liêng và khẳng định rằng mạng người là quý giá, không thể dùng cộng trừ nhân chia để tính toán. Đạo đức cách mạng lại xuất phát từ nguyên tắc căn bản là quyền lợi của tập thể, mục đích của xã hội biện minh cho mọi phương tiện, nó không chỉ cho phép mà còn đòi hỏi từng cá nhân phục tùng tập thể và hi sinh cho tập thể, nghĩa là có thể trở thành vật hi sinh hay vật thí nghiệm, nếu cần. Đức hạnh Công giáo cấm chỉ đưa người lên bàn mổ mà không có thuốc gây mê, đạo đức cách mạng không những cho phép mà còn thường xuyên áp dụng nữa. Những người không tưởng và những nhà chính trị nghiệp dư vẫn thường tìm cách dung hoà hai quan điểm này, nhưng trên thực tế thì chúng không thể dung hoà được. Bất cứ nhà cầm quyền nào, ngay từ những ngày đầu tiên, cũng phải lựa chọn và bao giờ cũng chọn phương án sau. Từ ngày Công giáo trở thành quốc đạo, anh có thể tìm ra một nhà nước nào thực sự tuân theo đạo đức Công giáo không? Không có nước nào như thế cả. Trong trường hợp cần thiết, mà nhà cầm quyền luôn tìm được những trường hợp cần thiết như thế, nhà cầm quyền sẽ tuyên bố “tình trạng khẩn trương” và cho áp dụng những



biện pháp đặc biệt. Từ khi ra đời, các dân tộc và các giai cấp đã phải đè phòng lẫn nhau và đây là lý do làm cho người ta buộc phải để dành lòng nhân ái cho những thế hệ sau....”

Rubashov nhìn qua cửa sổ. Một lớp băng mỏng gỗ ghè màu vàng nhạt phản chiếu ánh mặt trời lấp lánh. Người lính gác, súng khoác vai, vẫn đi đi lại lại dọc bức tường bao quanh nhà giam. Trời không trắng, nhưng quang đãng. Dải Ngân hà hiện lên mờ mờ bên trên hàng rào vọng gác.

Rubashov nhún vai.

“Cứ cho là,” anh nói, “chủ nghĩa nhân đạo và chính trị, nhân quyền và sự tiến bộ là những khái niệm không thể dung hoà. Cứ cho là Gandhi là tai họa của Ấn Độ và cứ cho là trung thực trong việc lựa chọn phương tiện sẽ làm cho chính trị trở thành bất lực. Tôi đồng ý với anh như thế. Nhưng hãy xem đạo đức cách mạng đã đưa chúng ta tới đâu....”

“Được,” Ivanov đáp. “Tới đâu?”

Rubashov lấy kính lau vào ống tay áo và nheo đôi mắt cận thị nhìn Ivanov.

“Vào vũng bùn,” Rubashov nói. “Chúng ta đã chìm đất nước xuống vũng bùn đầy máu và nước mắt.”

“Có thể là như thế,” Ivanov nở nụ cười rạng rỡ. “Xin anh hãy nhớ lại Gracchus [\[2\]](#), Saint-Just và Công xã Paris. Cách mạng, cho đến nay, đều do những nhà đạo đức học nghiệp dư tiến hành. Chính niềm tin và tính chất nghiệp dư đã đưa họ lên đoạn đầu đài. Chúng ta là những người đầu tiên tiến hành công việc một cách nhất quán....”

“Đúng,” Rubashov ngắt lời. “Nhất quán đến mức nhân danh việc chia đất đai một cách công bằng chúng ta đã cố tình để cho khoảng năm triệu nông dân chết đói trong một năm. Nhất quán đến mức nhân danh việc giải phóng người lao động khỏi ách bóc lột tư bản chúng ta đã đưa mười triệu người lên vùng Cực Bắc và Viễn Đông lao động khổ sai trong những điều kiện không khác gì nô lệ thời cổ đại. Nhất quán đến mức để giải quyết các khác biệt về quan điểm, dù đây là về tàu ngầm hay phân bón, thậm chí đường lối của Đảng ở Đông Dương, chúng ta chỉ có một biện pháp, đây là án tử hình. Các kỹ sư của chúng ta biết rõ rằng sai sót trong tính toán có thể đưa họ vào nhà đá hoặc lên đoạn đầu đài, còn các cán bộ cấp trên thì sẵn sàng đưa cấp dưới vào chỗ chết vì họ biết rằng bất kỳ sai sót nào cũng có thể dẫn họ vào tử lộ; các nhà thơ thì giải quyết vấn đề phương pháp sáng tác bằng cách báo cáo với cảnh sát mật vì bên thua bao giờ cũng bị tuyên bố là phản cách mạng, là kẻ thù của nhân dân. Trong khi hành động một cách nhất quán vì các thế hệ tương lai, chúng ta đã buộc thế hệ hiện nay chịu đựng những thiếu thốn khủng khiếp đến nỗi tuổi thọ đã giảm đến một phần tư. Để bảo vệ

đất nước, chúng ta buộc phải đưa ra những biện pháp đặc biệt và áp dụng luật pháp trong thời kì quá độ mà tất cả các điều khoản đều trái ngược với mục đích ban đầu của Cách mạng. Mức sống của dân chúng hiện nay thấp hơn thời kì trước Cách mạng, điều kiện lao động thì nặng nề hơn, kỷ luật lao động thì chẳng khác gì thời nô lệ, định mức lao động còn cao hơn cả các nước thuộc địa, trẻ con mười hai tuổi đã có thể bị kết án tử hình, luật hôn nhân còn khắt khe hơn cả nước Anh, các lãnh tụ thì được sùng bái chẳng khác gì các nước độc tài phản động. Báo chí và trường học của chúng ta suốt ngày cổ vũ cho chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa giáo điều và chính sách ngu dân. Chính phủ có quyền lực vô giới hạn, một quyền lực chưa từng có trong lịch sử. Quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội bị bãi bỏ hoàn toàn, chẳng cần biết đến Tuyên ngôn Nhân quyền là gì. Chúng ta đã xây dựng được một bộ máy cảnh sát hùng mạnh với những biện pháp tra tấn hoàn thiện nhất, mạng lưới chỉ điểm đã thấm vào mọi góc ngách của xã hội. Chúng ta đang lừa đám đông quần chúng đang rên xiết vào tương lai hạnh phúc mà ngoài chúng ta ra thì chẳng ai biết đấy là cái gì. Thế hệ hiện nay đã kiệt sức, năng lượng của họ đã bị phung phí hết trong thời kì Cách mạng rồi, thế hệ hiện nay đã bị mất hết máu, chẳng còn gì ngoài tiếng rên la, ú ớ, chẳng là gì ngoài những xác thịt tẻ thần.... Đây chính là hậu quả của tính nhất quán của chúng ta. Anh gọi đấy là đạo đức cách mạng. Tôi có cảm tưởng như là những cuộc thí nghiệm này đã lột da các nạn nhân rồi để mặc họ đứng trơ khác ra như thế....”

“Ừ, thế thì đã sao?” Ivanov vui vẻ nói. “Chả lẽ anh không thấy đây là điều tuyệt vời ư? Đã bao giờ có những sự kiện tuyệt vời như vậy chưa? Chúng ta đang lột bỏ da cũ của nhân loại để khoác cho nó bộ da mới. Đây không phải là việc của những kẻ yếu bóng vía, nhưng đây là một việc làm đầy hứng khởi. Anh đã biến anh thành một cô gái lơ đãng từ khi nào thế?”

Rubashov định nói: “Từ khi nghe thấy Bogrov gọi tên tôi”, nhưng anh nghĩ rằng đây là một câu trả lời vô nghĩa. Cho nên anh đáp:

“Xin tiếp tục với ẩn dụ đó: tôi đã nhìn thấy cái thế hệ bị chúng ta lột da, nhưng không biết sẽ lấy da mới ở đâu. Tất cả chúng ta đều nghĩ rằng có thể tiến hành thí nghiệm với lịch sử loài người y như làm thí nghiệm vật lý vậy. Nhưng sự khác nhau là nhà vật lý có thể lặp lại thí nghiệm hàng ngàn lần, còn lịch sử thì chỉ có một lần mà thôi. Có thể đưa Danton và Saint-Just lên đoạn đầu đài một lần mà thôi, không có lần thứ hai nào nữa. Nếu sau này mới biết rằng tàu ngầm lớn là đúng thì ta cũng đâu có làm cho Bogrov sống lại được?”

“Thế thì đã sao?” Ivanov hỏi. “Chả lẽ chúng ta lại bó tay chỉ vì không thể nào biết trước được kết quả hay sao? Hoá ra mọi hành động đều là xấu à? Chúng ta đem sinh mệnh của mình ra bảo đảm, không ai có quyền đòi hỏi hơn. Kẻ thù của chúng ta không được như thế đâu. Bất kỳ một viên tướng hết hơi nào đó cũng có thể tiến hành thí nghiệm với hàng ngàn sinh mạng, nếu thất bại thì hắn cũng chỉ bị cho về vườn là cùng. Bọn phản cách mạng chẳng bao giờ bị

lượng tâm giày vò. Sulla [\[3\]](#) , Galliffet [\[4\]](#) hay Koltschak [\[5\]](#) chẳng bao giờ đọc Raskolnikov đâu. Chỉ trong hàng ngũ cách mạng mới có những con gà như anh mà thôi. Kẻ thù của chúng ta sống đơn giản hơn nhiều....”

Ivanov nhìn đồng hồ. Đêm gần qua, cửa sổ buồng giam trở nên một màu xám đục, tờ báo nhét vào chỗ kính vỡ bị gió kéo tuột ra, bay phát phơ. Phía bên kia, người lính gác vẫn đi đi lại lại, một trăm bước sang trái rồi lại một trăm bước sang phải.

“Một người có quá trình phấn đấu như anh,” Ivanov tiếp tục, “mà lại đột ngột phản đối cuộc thí nghiệm này thì đúng là ngầy thơ. Năm nào chả có hàng triệu người chết một cách vô ích vì dịch bệnh và đủ thứ tai họa tự nhiên khác. Chúng ta không có quyền hi sinh mấy trăm ngàn người cho cái thí nghiệm vĩ đại nhất trong lịch sử này hay sao? Đây là chưa nói tới số người bị chết vì đói, vì bệnh lao phổi trong các mỏ than và mỏ thủy ngân, trong các đồn điền trồng lúa và trồng bông dầy. Chẳng ai thèm để ý đến những người như thế, chẳng ai thèm hỏi vì sao họ chết, nhưng nếu chúng ta bắt chừng vài trăm người rõ ràng là có hại thì các nhà theo trường phái nhân đạo chủ nghĩa lập tức gào lên đến sùi bọt mép ra. Đúng là chúng ta đã loại bỏ và để cho một số nông dân chuyên ăn bám chết đói. Đây là một cuộc phẫu thuật nhất định phải làm, nhưng trước cách mạng năm hạn hán nào chả có bao nhiêu người chết, mà chết một cách vô ích và vô nghĩa nữa chứ. Số người chết vì nạn lụt ở sông Hoàng Hà bên Trung Quốc cũng phải cả mấy trăm ngàn người

một năm. Thiên nhiên sẵn sàng đưa nhân loại vào những thí nghiệm vô nghĩa như thế thì tại sao chúng ta lại không có quyền làm thí nghiệm với chính mình?”

Ivanov ngừng lại, nhưng Rubashov vẫn không trả lời.

“Anh đã đọc cuốn sách nào của Hội Bảo vệ Động vật chưa?” Ivanov hỏi. “Thật là choáng váng và đứng tim khi đọc đến đoạn một con chó hoang bị cắt gan mà vẫn vừa rên rĩ vừa liếm tay kẻ đang hành hạ nó. Tôi thấy kinh tởm và buồn nôn, chẳng khác gì anh đêm qua! Nếu những người này mà có quyền hành thì chẳng bao giờ có thể chế tạo được thuốc chủng ngừa bệnh tả, bệnh thương hàn hay bệnh bạch hầu....”

Ivanov rót nốt rượu vào cốc và uống cạn. Sau đó anh ta đi đến bên cửa sổ.

“Sáng rồi,” Ivanov nói. “Đừng ngang bướng như thế, Rubashov ạ. Những điều tôi nói đều là kiến thức sơ đẳng, anh đã biết và tôi cũng biết. Tinh thần anh có bị căng thẳng, nhưng chuyện đó qua rồi.” Anh ta đứng sát vào Rubashov, tay choàng qua vai, giọng thật nhẹ:

“Thôi, bây giờ đi ngủ đi, anh bạn vàng của tôi. Thời gian đã hết, phải chế ra cho được lời tuyên bố của anh. Đừng có nhún vai như thế, tôi biết là anh đã gần như bị thuyết phục rồi. Anh sẽ ký, đúng không? Nếu anh từ chối thì đây sẽ là sự hèn nhát. Mà hèn nhát thì

sẽ đưa người ta đến những khổ ải không thể nào lường trước được.”

Trời đã rạng sáng, người lính gác vừa quay sang bên phải để vòng trở lại. Bên trên tháp canh bầu trời hiện lên một màu xám nhạt, phía đông có những đám mây màu hồng. Một lúc sau Rubashov mới nói:

“Để tôi suy nghĩ thêm.”

Sau khi Ivanov đi ra và cánh cửa đã đóng lại thì anh hiểu rằng mình đã sắp bị khuất phục. Anh nằm vật ra giường, mệt mỏi nhưng đầu óc lại rất thanh thản. Đầu óc đúng là trống rỗng, như bị vắt kiệt hết sức lực, nhưng đồng thời lại nhẹ nhàng, thanh thoát. Trong tâm trí, tiếng kêu thống thiết của Bogrov đã không còn vang lên một cách gay gắt như trước nữa. Trung thành với người sống chứ không phải với người chết, ai có thể coi đây là phản bội?

Trong khi Rubashov bình lặng ngủ, răng không đau và không hề mộng mị, thì Ivanov ghé vào phòng làm việc của Gletkin. Gletkin vẫn mặc đầy đủ lệ bộ, trước mặt là một chồng hồ sơ. Đã mấy năm nay, tuần nào anh ta cũng làm việc ba bốn đêm liền. Thấy Ivanov vào Gletkin vội vàng đứng lên chào theo đúng quân lệnh và đợi chỉ thị.

“Cứ ngồi, cứ ngồi,” Ivanov nói. “Hôm nay anh ta sẽ ký. Nhưng tôi đã mất bao nhiêu công sức mới sửa chữa được sai lầm của cậu đấy.”

Gletkin vẫn đứng nghiêm, không nói nói một câu nào. Ivanov chột nhứ đến vụ lên lớp Gletkin trước khi tới buồng Rubashov, anh cũng biết rằng Gletkin không thể tha thứ chuyện đó một cách dễ dàng như thế. Ivanov vừa nhún vai vừa hít một hơi thật dài rồi phả khói vào mặt Gletkin.

“Đừng giả bộ nữa,” Ivanov lại nói. “Tất cả các vị đều bị tình cảm riêng tư chi phối. Nếu ở vị trí của hấn thì cậu còn ngoan cố bằng mấy ấy chứ.”

“Hấn không có nghị lực bằng tôi,” Gletkin đáp.

“Ngu thì có,” Ivanov đáp. “Chỉ cần như thế là cậu đã đáng bắn trước hấn rồi.”

Ivanov mở cửa và bước nhanh ra ngoài.

Gletkin ngồi xuống. Hấn không tin là Ivanov đã thành công, nhưng đồng thời lại thấy sợ. Câu cuối cùng nghe như một lời đe dọa, mà Ivanov là người nguy hiểm, chẳng bao giờ biết hấn nói thật hay nói đùa. Có thể chính hấn cũng không biết khi nào mình nói thật, khi nào nói đùa nữa, bọn trí thức vô liêm sỉ đều như thế cả....

Gletkin nhún vai, xốc lại dây thắt lưng và áo sơ mi cho chính tề rồi tiếp tục đọc, cúi mũi xuống chồng tài liệu.







# Đột thẩm vấn thứ ba

*Đôi khi lời nói chỉ là phương tiện che đậy các sự kiện.  
Nhưng không được để cho ai biết, mà nhờ họ có biết  
thì phải tìm cách biện hộ ngay lập tức.*

Machiavelli (Hướng dẫn cho Raffaello Giralami)

*Song các ngươi nên nói: “Phải, phải; không, không”.  
Còn quá lời ấy đều bởi kẻ ác mà ra.*

Tin lành. Ma-thi-ơ. V. 37

Trích nhật kí Rubashov. Ngày tù thứ mười hai.

**1.**

“... VLADIMIR BOGROV đã bị hất ra khỏi cuộc chơi. Một trăm năm mươi năm trước, vào ngày tấn công ngục Bastille, con lắc lịch sử của châu Âu, sau bao nhiêu năm nằm im, lại được khởi động. Nó đã hân hoan vượt ra khỏi nền chuyên chế và lao vun vút lên bầu trời tự do với một động lực không gì ngăn cản được. Nó tiếp tục chuyển động lên cao mãi trong lĩnh vực tự do và dân chủ trong suốt một trăm năm. Nhưng tốc độ chuyển động ngày một giảm dần, con lắc đạt đến đỉnh điểm và sau vài giây lầy đà, nó bắt đầu đánh ngược lại, quay về thời kỳ chuyên chế với tốc độ ngày một nhanh hơn, với động lực cũng mạnh mẽ chẳng khác gì lúc đi lên. Kẻ nào chỉ nhìn lên, không kịp bám vào nó thì sẽ bị chóng mặt và rơi ra ngoài.

Muốn không bị chóng mặt thì phải hiểu qui luật chuyển động của con lắc. Con lắc của lịch sử đang đưa từ chế độ chuyên chế sang chế độ dân chủ và ngược lại, từ dân chủ trở về với nền độc tài toàn trị.

Quyền tự do cá nhân phụ thuộc vào mức độ giác ngộ chính trị của quần chúng. Sự chuyển động của con lắc nói đến bên trên cho ta thấy rằng chỉ một số cá nhân là theo kịp đà chuyển động của con lắc, còn quần chúng thì không, sự giác ngộ chính trị của quần chúng tuân theo những qui luật phức tạp hơn nhiều.

Sự giác ngộ chính trị của quần chúng phụ thuộc vào khả năng nhận chân được quyền lợi của chính họ. Để nhận chân quyền lợi của mình thì họ phải có một số hiểu biết nhất định về quá trình sản xuất và phân phối. Như vậy nghĩa là quần chúng càng hiểu rõ cấu trúc và cơ chế hoạt động của xã hội thì xã hội càng được tổ chức một cách dân chủ hơn.

Mỗi cải tiến về kỹ thuật đều dẫn đến những thay đổi trong hệ thống kinh tế, tạo ra những tác nhân và những liên kết mới mà quần chúng không thể nhận thức ngay được. Nhận thức của quần chúng không thể theo kịp mỗi khi kỹ thuật có những tiến bộ vượt bậc, vì vậy mà giác ngộ chính trị của họ cũng lạc hậu theo. Phải hàng chục năm, thậm chí sau nhiều thế hệ thì nhận thức của quần chúng mới dần dần thích nghi được với những điều kiện kinh tế đã thay đổi, cho đến lúc ấy trình độ quản lý xã hội vẫn sẽ giữ nguyên như trước

khi có những tiến bộ kỹ thuật vừa nói. Theo đó, mức độ giác ngộ chính trị của quần chúng không thể được đo đếm bằng một giá trị tuyệt đối mà chỉ là giá trị tương đối, nghĩa là phụ thuộc vào giai đoạn lịch sử của xã hội đó.

Khi quần chúng nhận thức được cơ cấu kinh tế và xã hội của mình thì nền dân chủ nhất định sẽ chiến thắng, một cách hoà bình hay bằng vũ lực. Xã hội sẽ tồn tại như thế cho đến khi có một bước nhảy mới về mặt kỹ thuật – việc phát minh ra máy dệt là một thí dụ - đưa quần chúng trở về tình trạng lạc hậu tương đối, lúc đó có nhiều khả năng, hay nói đúng hơn, nhất định sẽ xuất hiện chế độ độc tài.

Có thể so sánh quá trình này với việc nâng tàu trong các âu thuyền. Lúc đầu con tàu còn nằm ở vị trí tương đối thấp so với âu thuyền và được nâng dần lên đến mực nước cao nhất. Nhưng cái cao nhất này chỉ là tương đối vì âu thuyền sau lại có mực nước cao hơn, quá trình nâng lên lại tiếp tục. Tường của âu thuyền đại diện cho khả năng kiểm soát tự nhiên, nghĩa là tình trạng kỹ thuật của nền văn minh, còn mực nước trong âu thuyền đại diện cho mức độ giác ngộ chính trị của quần chúng. Giá trị tuyệt đối của mực nước trong âu thuyền so với mực nước biển chẳng nói lên điều gì, điều cần quan tâm ở đây chính là độ cao tương đối của mực nước trong âu thuyền.

Việc phát minh ra máy hơi nước mở màn cho một giai đoạn phát triển vượt bậc về mặt kỹ thuật, kéo theo sự giật lùi cũng nhanh

chống như thế về mặt chính trị. Thời đại công nghiệp mới xuất hiện chưa được bao lâu, còn lâu quần chúng mới hiểu được cơ chế kinh tế cực kì phức tạp hiện nay. Rõ ràng là mức độ giác ngộ chính trị tương đối của quần chúng trong nửa đầu thế kỷ XX thấp hơn là năm 200 trước Công nguyên hay cuối thời kì phong kiến vì lúc đó quần chúng hiểu biết rõ hơn thể chế kinh tế của họ.

Lý thuyết xã hội chủ nghĩa đã mắc sai lầm vì nó tin rằng trình độ giác ngộ chính trị của quần chúng sẽ được nâng lên một cách thường xuyên và liên tục. Chính vì vậy mà nó không giải thích nổi sự quật trở lại của con lấc trong giai đoạn vừa qua. Chúng ta tin rằng sự thích ứng của quần chúng đối với hoàn cảnh sẽ diễn ra ngay lập tức, nhưng kinh nghiệm lịch sử lại cho thấy rằng quá trình thích ứng không phải tính bằng năm mà phải được tính bằng thế kỷ. Hiện nay nhân dân châu Âu cũng chưa nhận thức được hết các hậu quả mà máy hơi nước đã tạo ra cho nhân loại. Hệ thống tư bản sẽ sụp đổ trước khi quần chúng hiểu được nó.

Nhận thức của quần chúng ở Đất nước của Cách mạng cũng tuân theo qui luật chung đó. Họ đã vào được âu thuyền cao hơn, nhưng lại đang nằm ở đáy âu thuyền này. Quần chúng hoàn toàn không hiểu gì về hệ thống kinh tế mới này. Việc nâng con tàu lên sẽ diễn ra một cách cực kì khó khăn và đầy đau khổ. Có lẽ phải vài thế hệ nữa thì nhân dân mới hiểu được bản chất của chế độ mới, do Cách mạng tạo ra bằng chính bàn tay của nhân dân.

Khi quần chúng còn chưa có hiểu biết như thế thì dân chủ là việc bất khả thi, mức độ tự do cá nhân cũng có thể bị cắt xén, thậm chí còn bị cắt xén hơn các nước khác. Các lãnh tụ của chúng ta buộc phải cai trị bằng những biện pháp chuyên chế gắt gao nhất. Dùng những tiêu chuẩn tự do cổ điển mà soi thì đây sẽ là một chế độ dã man. Nhưng tất cả những sự kinh hoàng, dối trá và thoái hoá đập trực tiếp vào mắt đó cũng chỉ là những biểu hiện dễ thấy và không thể nào tránh được của cái qui luật đã được nói tới bên trên. Những thằng ngu và kẻ duy mỹ, tức là những kẻ chỉ biết hỏi như thế nào chứ không bao giờ chịu hỏi tại sao, sẽ là những người chịu nhiều tai họa. Trong giai đoạn, khi mà nhận thức của quần chúng còn tương đối thấp như hiện nay thì đứng về phe đối lập cũng tức là tự chuốc họa vào mình.

Khi nhận thức của quần chúng đã chín muồi thì phe đối lập không những cần mà còn phải dựa vào quần chúng. Nhưng khi quần chúng còn lạc hậu thì chỉ những kẻ mị dân mới làm cái việc kích động “tiếng nói của quần chúng”. Trong tình hình như thế, phe đối lập chỉ có hai con đường: cướp chính quyền bằng một vụ đảo chính mà không cần sự ủng hộ của quần chúng hoặc yên lặng lao ra khỏi quá lắc, nghĩa là “ngậm miệng mà chết đi”.

Còn một cách thứ ba nữa, cũng nhất quán không khác gì hai cách kia, ở nước ta nó đã trở thành hệ thống: nếu thấy không có khả năng biến niềm tin của mình thành hiện thực thì phải phủ nhận ngay. Vì chúng ta chỉ công nhận một tiêu chuẩn đạo đức duy nhất,

đây là lợi ích của tập thể, cho nên tuyên bố một cách công khai việc từ bỏ quan điểm của mình để được ở lại trong hàng ngũ của Đảng là một việc làm vinh quang hơn hẳn cuộc chiến đấu vô vọng của người hùng kiểu Don Quixote.

Những vấn đề như lòng tự trọng, định kiến cũng như thái độ coi thường chính mình, cảm giác mệt mỏi, ghê tởm và xấu hổ phải bị đào tận gốc, tróc tận rễ....”

## 2.

Rubashov bắt đầu viết những suy tư về “quả lắc” ngay sau hồi chuông báo thức đầu tiên của buổi sáng sau cái đêm Bogrov bị hành quyết, cũng là đêm mà Ivanov ghé thăm anh. Lúc người ta mang bữa sáng tới, anh chỉ uống một ngụm cà phê mà thôi. Mấy ngày trước nét chữ của anh cứ ngoằn ngoèo ẻo lả làm sao ấy, nhưng hôm nay đã lấy được phong độ, nét chữ đã có vẻ cứng rắn, dứt khoát, các chữ cái nhỏ hơn, nhưng có góc cạnh hơn. Sau khi đọc lại toàn bộ anh mới nhận thấy như thế.

Anh ngừng viết vào lúc mười một giờ vì đây là giờ đi dạo. Nhưng hôm nay đi cạnh anh không phải là Rip Van Winkle mà là một người nông dân gầy gò, đi một đôi giày đã rách. Không thấy bóng dáng Rip Van Winkle đâu, lúc này Rubashov mới sực nhớ lại rằng sáng nay anh đã không nghe thấy tiếng gõ quen thuộc: “Vùn lên hỡi các nô lệ ở thế gian”. Có lẽ ông ta đã bị đưa đi rồi, đưa đi đâu thì chỉ có Trời mới biết; con bướm đêm tả tơi này đã sống quá lâu một cách



đáng ngạc nhiên và vô ích, có thể nó sẽ đập cánh thêm một vài lần nữa rồi ngã xuống, tan vào với cát bụi.

Anh nông dân lặng lẽ bước, thỉnh thoảng lại liếc nhìn Rubashov. Phải đến vòng thứ ba, sau khi đã hắng giọng mấy lần, anh ta mới lên tiếng:

“Tôi bị đưa đến đây từ tỉnh D. Ngài đã đến đây lần nào chưa?”

Rubashov trả lời rằng chưa. Anh chỉ biết loáng thoáng rằng D. là một tỉnh ở đâu mãi miền Đông.

“Xa lắm,” anh nông dân nói. “Phải có lạc đà thì mới đi tới được. Ngài làm chính trị à?”

Rubashov trả lời rằng anh là nhà hoạt động chính trị. Đôi giày vải của anh nông dân đã bong gần hết đế, những ngón chân trần thò cả ra ngoài. Anh ta liên tục gạt đầu mỗi khi nói, như thể đang cầu kinh vậy.

“Tôi cũng hoạt động chính trị,” người nông dân thì thầm, “cụ thể tôi là phản động. Người ta bảo rằng tất cả phản động đều phải đi đày đến mười năm. Ngài có cho rằng họ cũng bắt tôi đi đày không?”

Anh gạt đầu và liếc nhìn mấy người lính lúc đó đang tụ tập giữa sân, vừa dậm chân cho khỏi rét vừa nói chuyện mặc kệ đám tù nhân

với nhau.

“Thế anh đã làm những gì?” Rubashov hỏi.

“Tôi bị tố cáo là phản động khi người ta tiêm cho trẻ con,” anh nông dân đáp. “Năm nào cũng có các ngài dân uỷ đến vùng chúng tôi. Năm kia họ mang đến cho chúng tôi báo để đọc và tranh ảnh. Năm ngoái họ mang đến máy đập lúa và bàn chải đánh răng. Năm nay thì họ mang đến những cái ống bằng thuỷ tinh, có kim, nói là để tiêm trẻ con. Có một bà mặc quần âu, trông chẳng khác gì đàn ông, bà ấy bảo là sẽ tiêm cho tất cả trẻ con trong làng. Khi bà ấy đến nhà thì vợ chồng tôi đóng chặt cửa lại, không cho vào. Thế là bị tố là phản động. Sau đó chúng tôi cùng nhau đốt hết báo chí, tranh ảnh rồi phá nát cái máy đập lúa. Một tháng sau thì có người đến đưa đi như thế này đây.”

Rubashov lẩm bẩm vài câu và tiếp tục suy nghĩ về vấn đề tự quản. Anh nhớ là đã đọc ở đâu đó câu chuyện về người bản địa New Guinea, những người có cùng trình độ với anh nông dân này nhưng lại xây dựng được một xã hội hài hoà với những thể chế dân chủ phát triển đáng khâm phục. Nếu so sánh xã hội của họ với con tàu thì có thể nói con tàu của họ đã nằm trên mực nước cao nhất của cái âu thuyền đầu tiên....

Anh nông dân nghĩ rằng Rubashov không bắt chuyện là vì không ưa anh ta nên càng thu mình hơn trước. Mấy ngón chân đã lạnh cóng;

xám ngoét, thỉnh thoảng anh ta lại thở dài, nét mặt vô cảm chấp nhận sự an bài của số phận và lặng lẽ bước.

Vừa về tới buồng giam là Rubashov lấy giấy bút ra ngay lập tức. Tin rằng đã phát minh ra “Qui luật về sự chín muồi tương đối”, anh lao vào viết một cách vô cùng hào hứng. Công việc hoàn thành trước bữa ăn trưa. Ăn xong, anh khoan khoái nằm dài ra giường.

Anh ngủ trưa khoảng một tiếng, không mộng mị và cảm thấy rất hưng phấn sau khi được đánh thức. Đây là 402 đang gõ vào tường, có lẽ vì cảm thấy cô đơn. Anh ta hỏi ai đi cặp với Rubashov, nhưng Rubashov cắt ngang và vừa mỉm cười vừa gõ bằng gọng kính:

TÔI ĐÀU HÀNG.

Rồi tò mò ngồi đợi hiệu quả.

Mãi không thấy trả lời. Phải một lúc sau 402 mới đáp:

TÔI SẴN SÀNG TREO CỔ...

Rubashov mỉm cười. Anh gõ:

MỖI NGƯỜI MỘT CÁCH.

Anh tin rằng 402 sẽ chửi bới, nhưng hoá ra anh ta lại gõ rất nhẹ như

có ý chấp nhận:

TÔI COI ANH LÀ TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ. TINH THẦN QUÂN TỬ ĐÂU RỒI?

Rubashov nằm ngửa, tay cầm kính. Tâm trạng bình tĩnh và thanh thản. Anh gõ tiếp:

QUAN NIỆM QUÂN TỬ CỦA CHÚNG TA KHÁC NHAU.

402 gõ rất nhanh và chính xác:

QUÂN TỬ LÀ TRUNG THÀNH VỚI NIỀM TIN CỦA MÌNH.

Rubashov cũng trả lời rất nhanh:

QUÂN TỬ LÀ CÓ ÍCH VÀ KHÔNG GIẢ DỐI.

Lần này 402 gõ to hơn và dứt khoát hơn:

QUÂN TỬ LÀ TỬ TẾ CHỨ KHÔNG PHẢI CÓ ÍCH.

TỬ TẾ LÀ GÌ? Rubashov hỏi. Lần này anh gõ một cách chậm rãi và từ tốn. Nhưng anh càng từ tốn bao nhiêu thì tiếng đáp trả lại càng cuồng nhiệt bấy nhiêu.

NHỮNG NGƯỜI NHƯ ANH KHÔNG THỂ HIỂU ĐƯỢC, 402  
trả lời.

Rubashov nhún vai:

CHÚNG TÔI LẤY TRÍ TUỆ THAY CHO TỬ TẾ.

402 không trả lời nữa. Rubashov đọc đi đọc lại phần vừa mới viết từ lúc ấy cho đến tận lúc ăn tối. Anh sửa chữa một hai chỗ rồi sau đó chép lại dưới dạng một bức thư gửi cho Viện trưởng Viện Kiểm sát. Anh gạch dưới những đoạn cuối cùng, nói về ba phương án hành động của phe đối lập và ghi thêm như sau:

Tôi, N. S. Rubashov, cựu Ủy viên Trung ương Đảng, cựu Dân uỷ, cựu Tư lệnh Binh đoàn 2 quân đội Cách mạng, Huân chương Cách mạng, vì những lý do đã nói bên trên, quyết định từ bỏ hoàn toàn các quan điểm đối lập trước đây và công khai thú nhận tất cả tội lỗi đã phạm.

### 3.

Rubashov đợi đã hai ngày. Anh giao bức thư gửi ông Viện trưởng Viện Kiểm sát Tối cao cho người giám thị già ngay khi thời hạn do Ivanov đưa ra vừa kết thúc. Anh những tưởng sẽ được đưa đi gặp Ivanov ngay, nhưng hoá ra đây là việc không khẩn cấp như anh nghĩ. Có thể Ivanov còn đang nghiên cứu “Qui luật về sự chín muồi tương đối”, mà có nhiều khả năng là văn bản này đã được gửi lên

cấp có thẩm quyền cao hơn.

Rubashov lấy làm khoái chí và khẽ mỉm cười khi nghĩ đến sự sùng sốt của các “lý thuyết gia” trong Ban Chấp hành Trung ương. Trước và ngay sau Cách mạng, khi Ông Cụ còn, không có sự phân biệt giữa “lý thuyết gia” và “chính trị gia”. Chiến thuật trong mỗi giai đoạn được đúc rút trực tiếp từ lý thuyết cách mạng, thông qua các cuộc tranh luận công khai: các vấn đề chiến lược của cuộc Nội chiến, cải cách ruộng đất, trưng thu lương thực, đổi tiền, cải tạo công nghiệp..., tóm lại, tất cả các chính sách của nhà nước đều là lý luận cách mạng được áp dụng vào trong thực tiễn của đời sống. Tất cả những người có mặt trong bức ảnh từng một thời được treo trong phòng làm việc của Ivanov đều có hiểu biết về triết học, chính trị kinh tế học và nghệ thuật quản lý nhà nước hơn bất kỳ vị giáo sư khả kính nào ở châu Âu. Các tham luận trong hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội Đảng giai đoạn Nội chiến là những luận văn ở trình độ cao chưa từng có, chẳng khác gì các bản báo cáo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Khác biệt duy nhất: kết quả của những cuộc thảo luận đó liên quan trực tiếp đến số phận hàng triệu người và tương lai của cuộc Cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử.

Nhưng đội cận vệ già của Cách mạng đã là quá khứ. Mà chính quyền càng ổn định thì lại càng cứng rắn, qui luật lịch sử là như vậy. Nó phải làm như thế để ngăn chặn các các lực lượng mà Cách mạng đã giải phóng không quay ra chống lại Cách mạng. Thời của

những kì Đại hội đầy tính triết học đã qua rồi, những bức chân dung cũ đã bị bóc đi rồi, tinh thần phản kháng đã được thay thế bằng thái độ thụ động vô hồn. Lý luận cách mạng sơ cứng dần và biến thành sự sùng bái giáo điều với những cuốn kinh đơn giản và dễ hiểu, còn Anh Cả thì biến thành Đại Giáo chủ. Những bài báo và những bài phát biểu của ông ta rất giống các cuốn kinh, ngay cả về mặt hình thức, tức là gồm những câu vắn đáp với những sự kiện được đơn giản hoá đến mức tối đa. Chắc chắn bản năng đã gợi ý cho Anh Cả sử dụng “Quy luật về sự chín muồi tương đối của quần chúng”. Các nhà độc tài nghiệp dư buộc các thần dân của họ hành động theo mệnh lệnh, Anh Cả dạy cho các thần dân của mình suy nghĩ theo mệnh lệnh.

Rubashov cảm thấy thích thú khi nghĩ tới những điều mà các “lý thuyết gia” của Đảng sẽ nói về bức thư của anh. Trong điều kiện hiện nay thì đây chính là tà đạo: Anh đã phê phán cả những nhà sáng lập chủ nghĩa, đã gọi sự vật theo đúng tên của chúng, ngay cả nhân vật thần thánh như Anh Cả cũng được xem xét từ quan điểm lịch sử khách quan. Những lý thuyết gia khốn nạn mà nhiệm vụ chỉ là tìm cách bốc thơm những bước ngoặt đột ngột trong đường lối của Anh Cả là những phát kiến mới nhất của triết học sẽ uất nghẹn họng mắt thôi.

Thình thoảng Anh Cả cũng cho các lý thuyết gia những vố ra trò. Một lần, Anh đã giao cho nhóm chuyên gia trong ban biên tập một tờ tạp chí kinh tế của Đảng làm một bản báo cáo phân tích tình

trạng khủng hoảng của nền công nghiệp Mỹ. Bản báo cáo phải được hoàn tất trong vài tháng. Quả nhiên sau đó, trong một số chuyên đề về nước Mỹ, trên cơ sở các luận điểm của Anh Cả tại kỳ Đại hội Đảng gần đây, các chuyên gia đã chứng minh rằng sự bùng nổ kinh tế ở Mỹ chỉ là trò tuyên truyền, trên thực tế nước Mỹ đang trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế sâu sắc, chỉ có cách mạng mới có thể cứu được nước này mà thôi. Trong buổi tiếp một nhà báo Mỹ ngay trong ngày ra mắt tờ tạp chí, Anh Cả đã làm tất cả phải sững sờ khi vừa nhả khói thuốc lá vừa tuyên bố:

“Nước Mỹ đã vượt qua khủng hoảng, nền kinh tế lại hoạt động bình thường rồi.”

Các thành viên ban biên tập tin chắc phen này sẽ bị sa thải, thậm chí bị bắt. Ngay đêm ấy họ vội vàng viết một bức thư thú nhận “đã đưa ra các phân tích sai lầm và có hại cho cách mạng”, xin được tha thứ và hứa sẽ công khai tự phê bình khi có dịp. Chỉ có Isacovitch, cũng trạc tuổi Rubashov, thuộc đội cận vệ già duy nhất trong ban biên tập là không viết thư mà tự bắn một phát vào đầu. Những người thạo tin sau đó nói rằng Anh Cả làm như thế là để loại bỏ Isacovitch, một người mà Anh nghi là thuộc nhóm đối lập.

Cứ y như một vở hài kịch, Rubashov tự nhủ, cái trò bịp bợm về “nâng cao cảnh giác cách mạng” hiện nay chính là phương tiện để củng cố quyền lực, nhưng không làm thế thì cũng không được. Kẻ nào tưởng vở hài kịch này là thực, kẻ nào chỉ nhìn thấy những cảnh



đang diễn ra trên sân khấu mà không biết những chuyện ở hậu trường thì sẽ càng gặp nhiều thất vọng. Trước đây chính sách của cách mạng được quyết định trong những cuộc họp công khai, ngày nay được giải quyết trong hậu trường, đây cũng là một trong những hệ quả của qui luật về sự chín muồi tương đối của quần chúng.

Rubashov ước ao được ngồi trong một thư viện yên tĩnh, với những chiếc đèn có tán màu xanh để tìm thêm cơ sở cho lý luận của mình. Thời gian đi đây, tức là lúc bắt buộc phải ngồi yên là giai đoạn có ích nhất đối với hoạt động về mặt lý luận. Anh vừa đi ra đi vào vừa nghĩ đến hai ba năm tới, tức là sau khi anh công khai từ bỏ quan điểm của mình và rút ra khỏi mọi hoạt động để có thể lui về ẩn dật. Hình thức đầu hàng không phải là vấn đề, họ muốn anh nhận lỗi và tuyên bố rằng Anh Cả không bao giờ sai, bao nhiêu lần cũng được. Đây chỉ là vấn đề nghi thức: ý kiến càng đơn giản và càng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần càng dễ đi vào lòng quần chúng, cái được coi là đúng phải lấp lánh như vàng ròng, còn cái bị sai thì phải bôi đen như than.

402 không thể hiểu được chuyện này. Quan niệm hạn hẹp về người quân tử của anh ta đã thuộc về quá khứ xa xôi. Quân tử là gì? Đây chỉ là qui ước gắn liền với truyền thống và luật đấu kiếm của các hiệp sĩ. Quan niệm mới về danh dự phải là: phục vụ vô điều kiện và đi đến cùng theo con đường đã chọn....

“Chết vinh còn hơn sống nhục”, chắc chắn là 402 sẽ nói như thế,

trong khi tay mân mê bộ ria mép. Đây là biểu hiện cổ điển của lòng kiêu hãnh mang tính cá nhân. 402 chỉ nghĩ về mình, còn anh, Rubashov lại nghĩ đến sự nghiệp chung. Vấn đề cấp thiết của anh bây giờ là được làm việc một cách bình tĩnh trong một thư viện nào đó để hoàn thiện cho bằng được ý tưởng mới của mình. Công việc này sẽ phải kéo dài vài năm, đây sẽ là một tác phẩm lớn, nhưng đây chính là chìa khoá để hiểu lịch sử của các thể chế dân chủ và dội ánh sáng vào sự vận động của tâm lý quần chúng, hiện nay nhiều người đã nhận thấy rằng tâm lý quần chúng cũng thường dao động chẳng khác gì quả lắc đồng hồ, nhưng lý thuyết đấu tranh giai cấp cổ điển chưa lý giải được hiện tượng đó.

Vừa đi đi lại lại Rubashov vừa mỉm cười một mình. Điều quan trọng nhất bây giờ là được làm việc. Anh cảm thấy tỉnh táo, đầy sung lực, răng cũng không còn đau nữa. Đã hai ngày trôi qua, kể từ buổi nói chuyện với Ivanov và gửi thư cho ông Viện trưởng Viện Kiểm sát, nhưng vẫn không thấy động tĩnh gì. Hai tuần ngồi tù đầu tiên sao mà nhanh thế, còn bây giờ thì thời gian lại trôi như rùa bò. Không có tài liệu lịch sử thì không thể tiến xa được. Anh đứng cạnh lỗ nhòm cả nửa tiếng đồng hồ những mong nhìn thấy người giám thị già đến đưa đi gặp Ivanov. Nhưng hành lang vắng tanh vắng ngắt, chỉ có ánh điện là vẫn sáng như mọi khi mà thôi.

Có lúc anh lại nghĩ là chính Ivanov sẽ tới, anh ta sẽ hoàn tất ngay tại đây mọi thủ tục, được thế là tốt nhất. Anh sẽ làm ngay một chai. Anh mừng tượng đến từng chi tiết cảnh họ cùng nhau soạn

thảo “bản tự kiểm điểm” đầy những lời lẽ thống thiết và những câu đùa vô liêm sỉ mà Ivanov thỉnh thoảng lại nói chen vào. Rubashov đi đi lại lại trong phòng, miệng mỉm cười và cứ mười phút lại xem đồng hồ một lần. Hôm đó chính Ivanov đã nói sẽ cho dẫn anh đến gặp ngay sau đó cơ mà?

Rubashov cảm thấy ruột gan nóng như lửa đốt, đêm thứ ba kể từ hôm nói chuyện với Ivanov anh không thể nào ngủ được. Anh nằm trên giường, căng tai nghe ngóng từng tiếng động nhỏ trong toà nhà, trần trọc trở mình hết bên nọ sang bên kia và lần đầu tiên kể từ hôm bị bắt anh ao ước một cơ thể ấm áp của người đàn bà. Anh cố gắng thở thật đều để mong chợp mắt đi một lúc nhưng đầu óc ngày càng mông lung hơn. Anh chỉ muốn gõ vào tường để nói chuyện với 402, sau lần trao đổi về chuyện “quân tù là gì?” không thấy anh ta phản ứng gì nữa.

Vào khoảng nửa đêm, tức sau khi trần trọc ba tiếng đồng hồ, không thể nào kiềm chế được nữa, anh đành lấy tay gõ nhẹ vào tường. Rồi dỏng tai lên nghe, tuyệt đối không thấy động tĩnh gì. Anh gõ thêm lần nữa và lại nằm đợi, thâm tâm cảm thấy vô cùng nhục nhã. 402 vẫn không trả lời. Chắc chắn anh cũng đang nằm, mắt mở thao láo và đang giết thời gian bằng cách nhai lại những kỷ niệm xưa; chả là có lần anh ta đã thú nhận là không bao giờ ngủ trước một hoặc hai giờ sáng, thậm chí còn quay lại với những thói quen tệ hại thời niên thiếu nữa.

Rubashov nằm ngửa, mắt nhìn chòng chọc vào màn đêm. Cái nệm rom bên dưới cứng ngắt, cái chăn thì lại quá ấm và sự mùi ẩm mốc, nhưng vừa gạt ra là anh đã thấy lạnh run lên. Anh đã hút bảy hay tám điếu liên, đầu mẩu thuốc nằm rải rác khắp sàn nhà. Xung quanh lặng ngắt như tờ, thời gian như ngừng trôi, như bị bóng đêm vô hình nuốt trọn. Rubashov nhắm mắt và tưởng tượng Arlova đang nằm bên cạnh, bộ ngực quen thuộc của cô hiện lên mờ mờ trong bóng đêm. Anh quên mất rằng, giống như Bogrov, cô cũng đã từng bị lôi lịch xệch qua hành lang bên ngoài; sự im lặng nặng nề bập bùng trong màn nhĩ như tiếng trống ngũ liên từ xa vọng lại. Hai ngàn con người bị giam trong cái tổ ong này đang làm gì? Sự im lặng trương phồng lên bởi những hơi thở không thành tiếng, những giấc mơ không thành hình, những khát khao và sợ hãi bị đè nén của tất cả những con người bị giam cầm ở đây. Nếu Lịch sử có thể cân đong đo đếm được thì hai ngàn cơn ác mộng sẽ nặng bao nhiêu, sự thèm khát không được thoả mãn nhân với hai ngàn sẽ có áp suất là bao nhiêu? Anh như thực sự ngửi thấy mùi nước hoa của Arlova, toàn thân đầm mồ hôi.... Cửa buồng giam bật mở, ánh đèn ngoài hành lang chiếu thẳng vào mắt.

Rubashov thấy hai người lính đeo súng lục đi vào, anh chưa gặp hai người này bao giờ. Một người bước lại gần giường, đây là một người khá cao, mặt thô, giọng khàn khàn và to một cách thiếu tự nhiên. Anh ta ra lệnh cho Rubashov đi theo, còn đi đâu thì không nói.

Rubashov đưa tay tìm cái kính rồi mới từ từ ngồi dậy. Anh đi cạnh người lính cao kều, hẳn cao hơn anh cả một cái đầu, người mới rã ròi, chân nặng như chì. Người lính thứ hai theo sát phía sau.

Rubashov liếc nhìn đồng hồ, đã hai giờ sáng, nghĩa là anh đã chợp mắt được một lúc. Họ đi về phía buồng cắt tóc, cũng là hướng mà người ta đã lôi Bogrov đi. Người lính thứ hai đi cách anh ba bước. Rubashov bỗng cảm thấy như có kiến bò ở gáy, phải cố gắng lắm anh mới không ngoái lại. “Họ không thể thịt mình một cách đơn giản như vậy được,” anh tự nhủ như thế, nhưng thâm tâm cũng không tin lắm. Lúc này đây không phải là vấn đề, anh chỉ mong mọi chuyện kết thúc cho thật nhanh. Anh cố gắng định thần để xem mình có sợ hay không, nhưng chỉ cảm thấy bức bối vì nửa muốn ngoái lại, nửa muốn không.

Đi quá buồng cắt tóc một chút thì thấy cái cầu thang cuốn bằng sắt. Rubashov ngó sang người lính to lớn đi bên cạnh xem anh ta có đi chậm lại hay không. Anh không cảm thấy sợ, chỉ hơi tò mò và gò bó, nhưng khi vừa bước khỏi cầu thang thì hai chân anh bỗng run bắn lên, chút nữa thì ngã. Anh còn ngạc nhiên hơn khi thấy đang tự động lau kính vào ống tay áo, nghĩa là anh đã tháo kính ra trước khi đi đến buồng cắt tóc mà không biết. “Toàn lừa bịp hết,” anh tự nhủ. “Có thể lừa được cái đầu chứ bụng thì lừa làm sao nổi. Nếu bị đánh thì mình sẽ nhận hết, nhưng mai mình sẽ phản cung...”

Đi thêm vài bước anh lại sực nhớ “thuyết về sự chín muồi tương đối” và quyết định đầu hàng của mình. Anh thở phào nhẹ nhõm nhưng đồng thời tự hỏi làm sao lại có thể quên hết được một cách

dễ dàng đến thế. Người lính dừng lại và mở cửa một căn phòng. Rubashov nhìn thấy một phòng làm việc tương tự như phòng của Ivanov, ánh sáng chói loà từ bên trong chiếu ra làm anh nhức cả mắt. Gletkin ngồi sau một cái bàn nhìn thẳng ra cửa.

Cửa buồng đóng sập ngay lại, bây giờ Gletkin mới ngẩng đầu lên. “Xin mời ngồi,” giọng nói khô khốc của anh ta làm Rubashov nhớ lại lần họ cãi nhau tại buồng giam của anh. Anh cũng nhận ra cái sẹo to tướng trên đầu Gletkin, chỉ có mặt anh ta là không rõ vì ánh sáng được phát ra từ một cái đèn pha lắp trên một cái chân khá cao đằng sau ghế của Gletkin. Cái đèn này sáng đến nỗi phải một lúc sau Rubashov mới nhận ra cô thư ký ngồi cạnh một cái bàn nhỏ sau bức màn.

Rubashov ngồi xuống chiếc ghế duy nhất phía trước cái bàn viết, đối diện với Gletkin. Đây là một cái ghế đầu, cao lênh khênh, rất bất tiện.

“Tôi được phân công xét hỏi anh trong thời gian điều tra viên Ivanov đi vắng,” Gletkin nói. Ánh sáng làm mắt Rubashov nhức nhối, nhưng nếu quay nghiêng thì một góc con ngươi lại buốt như có kim châm. Hơn nữa nói chuyện mà lại quay nghiêng thì vừa có vẻ vô lý vừa bất tiện làm sao ấy.

“Tôi muốn được Ivanov xét hỏi,” Rubashov nói.

“Điều tra viên là do cấp trên chỉ định,” Gletkin đáp. “Anh có quyền từ chối khai báo. Trong trường hợp của anh từ chối khai báo đồng nghĩa với việc rút lại ý định thú tội mà anh đã viết cách đây hai ngày, cũng có nghĩa là chấm dứt việc điều tra. Trong trường hợp đó tôi sẽ trả anh về cho cấp có thẩm quyền và anh sẽ bị xử tại toà hành chính.”

Rubashov suy nghĩ thật nhanh. Chắc chắn là Ivanov đã gặp rắc rối rồi. Có thể anh ta được cho đi nghỉ phép hay bị bãi chức mà cũng có thể là đã bị bắt. Có thể là do tình bạn trước đây với Rubashov hoặc là do trí thông minh, lòng trung thành của anh ta với Anh Cả là dựa trên lý trí chứ không phải niềm tin mù quáng như những kẻ khác. Ivanov là người thông minh và thuộc thế hệ cũ, Gletkin và phương pháp của anh ta thuộc trường phái mới.... Ivanov, xin anh hãy an giấc ngàn thu. Rubashov không có thì giờ than thở, anh phải suy nghĩ thật nhanh, nhưng ánh đèn làm anh không thể tập trung tư tưởng được. Anh tháo kính và nheo hai mắt lại; không có kính thì trông anh sẽ giống như một người bắt lực và tâm trạng sẽ phơi bày ra hết, đôi mắt vô hồn của Gletkin sẽ có điều kiện ghi nhận mọi thay đổi trên nét mặt anh. Không thể lùi, nếu anh tiếp tục im lặng thì coi như xong. Gletkin là một kẻ đáng ghét, nhưng hắn là đại diện của thế hệ mới, thế hệ cũ phải tìm cách thoả hiệp với hắn hoặc sẽ bị tiêu diệt, không có lựa chọn nào khác. Rubashov bỗng cảm thấy mình già, chưa bao giờ anh có cảm giác như thế. Chưa bao giờ anh coi mình là người đã ngoài năm mươi. Anh đeo kính lên và quay mặt về phía Gletkin, nhưng ánh đèn chói chang làm nước mắt trào

ra, anh lại tháo kính.

“Tôi sẵn sàng khai báo,” Rubashov nói, cố gắng giữ cho giọng nói thật bình tĩnh. “Nhưng với điều kiện anh phải chấm dứt cái trò này đi. Hãy bỏ cái đèn này đi, dành nó cho những kẻ lừa đảo và những tên phản cách mạng.”

“Anh không có quyền ra điều kiện,” Gletkin bình thản nói. “Tôi không thể điều chỉnh ánh sáng theo yêu cầu của phạm nhân. Có vẻ như anh vẫn chưa nhận thức được địa vị của mình, nhất là khi anh bị kết tội hoạt động phản cách mạng, trong mấy năm gần đây anh đã hai lần công khai thú nhận như thế. Nếu anh vẫn tin rằng lần này cũng thoát một cách dễ dàng như thế thì anh đã lầm to.”

“Đồ chó,” Rubashov tự nhủ. “Đồ chó ghê mang danh cán bộ.” Mặt anh đỏ bừng lên. Anh cảm thấy máu đang dồn lên mặt và biết rằng Gletkin đã nhận ra điều đó. Gletkin bao nhiêu tuổi? Ba sáu hay ba bảy là cùng, nghĩa là hẳn đã tham gia vào cuộc Nội chiến ngay từ khi còn rất trẻ, còn khi Cách mạng nổ ra thì vẫn còn là trẻ con. Đây là thế hệ biết suy nghĩ sau khi cơn đại hồng thủy đã xảy ra. Họ không có truyền thống, cũng chẳng có ký ức về cái thời đã đi qua. Đây là thế hệ không có gốc rễ.... Nhưng họ có lý của họ. Phải phá bỏ cội nguồn, phải đứt đứt mọi liên hệ với khái niệm danh dự và quân tử xưa cũ. Danh dự là phục vụ vô điều kiện, là hi sinh quên mình và mãi mãi trung thành với con đường đã chọn.



Sự bức tức của Rabashov dịu dần. Tay vẫn cầm kính, Rubashov quay mặt về phía Gletkin. Vì phải nhắm mắt, anh càng thấy mình như đã phơi hết ruột gan ra trước điều tra viên, nhưng chuyện đó cũng không làm anh bận tâm nữa. Tuy nhắm mắt nhưng ánh đèn vẫn làm con người anh nhức nhối. Chưa bao giờ anh có cảm giác cô đơn đến như thế.

“Tôi sẽ làm tất cả vì sự nghiệp của Đảng,” Rubashov nói. Mắt anh vẫn nhắm, song giọng nói đã dịu trở lại. “Tôi đề nghị được nghe bản luận tội. Cho đến lúc này tôi vẫn chưa biết mình bị tội gì.”

Anh không nhìn được nhưng cảm thấy rất rõ sự chuyển động trong cái thân hình khô cứng của Gletkin. Có tiếng cổ tay áo cọ vào thành ghế loạt xoạt, hơi thở sâu hơn, rõ ràng là hắn ta đã bót căng thẳng hơn trước. Rubashov cho rằng Gletkin mở cờ trong bụng vì chiến thắng bất ngờ. Điều Rubashov vừa nói đồng nghĩa với sự thăng quan tiến chức, thế mà mới cách đây mấy phút hắn không thể biết anh sẽ có thái độ như thế nào, số phận Ivanov vẫn còn là bài học nóng hổi.

Rubashov bỗng nhận ra rằng Gletkin cũng cần anh hết như anh cần hắn. “Ta đã nắm được cổ nhà ngươi,” anh vừa cười khẩy vừa tự nhủ. “Chúng ta đang nắm cổ nhau, nếu có mệnh hệ gì thì ta sẽ kéo ngươi theo.” Trong khi Rubashov nhắm nháp cái ý tưởng là mình có thể gây tai họa được cho Gletkin thì hắn đã lấy lại vẻ cứng rắn và nghiêm túc, tiếp tục lục lợi đồng giấy tờ; nhưng sau đó anh nghĩ

rằng đây là một ý tưởng không hay và từ từ nhắm mắt lại. Phải quét sạch mọi tàn dư của chủ nghĩa cá nhân - tự sát là một biểu hiện khéo léo của chủ nghĩa cá nhân chứ còn gì nữa? Dĩ nhiên tay Gletkin tin rằng trò ma mãnh của hắn chứ không phải lý luận của Ivanov đã buộc anh đầu hàng, có thể hắn còn làm cho cấp trên tin vào chuyện đó và nhân thể lật đổ được Ivanov. “Đồ chó,” Rubashov tự nhủ, nhưng lần này không còn tức tối nữa. “Quân dã man. Nhà người không hiểu được việc mình làm, nhưng khi hiểu được thì người cũng sẽ toi....” Ánh đèn càng lúc càng chói chang hơn – Rubashov đã nghe nói rằng điều tra viên có thể điều chỉnh được độ sáng của đèn. Anh phải quay mặt đi và lấy tay lau nước mắt. “Quân dã man,” anh lại tự nhủ, “nhưng bây giờ chúng ta lại đang cần những thằng dã man như thế....”

Gletkin bắt đầu đọc bản luận tội. Cái giọng đều đều của hắn làm Rubashov như muốn phát điên, anh vẫn quay mặt đi và nhắm tịt mắt như cũ. Anh vẫn coi “lời thú tội” của mình chỉ là thủ tục, chỉ là một vở hài kịch cho đủ lệ bộ, song bản án mà Gletkin đang đọc đã vượt mọi giới hạn của sự phi lý. Chả lẽ Gletkin thực sự tin rằng anh đã dự tính những mưu mô ấu trĩ thế hay sao? Chả lẽ hắn tin rằng trong suốt mấy năm qua anh đã tìm mọi cách để phá đổ toà lâu đài mà anh và đội cận vệ già đã tạo lập nên móng hay sao? Chả lẽ hắn tin rằng tất cả những cận vệ già được đánh số trong bức ảnh - những anh hùng thời niên thiếu của Gletkin - đều là nạn nhân của một căn bệnh đã biến tất cả bọn họ thành những kẻ hủ bại, những kẻ chỉ có một ước muốn duy nhất là thủ tiêu cuộc Cách mạng hay sao? Chả

lẽ hẳn lại tin rằng những chiến lược gia tài ba đó lại sử dụng các biện pháp của những cuốn tiểu thuyết trinh thám rẻ tiền như thế hay sao?

Gletkin đọc một cách đều đều, khô khan y như một người vừa thoát nạn mù chữ. Lúc này hẳn đang đọc đến đoạn Rubashov, khi còn công tác ở B., đã tiến hành thảo luận với đại diện của Chính phủ một nước thù địch nhằm khôi phục chế độ cũ bằng vũ lực. Có cả tên nhà ngoại giao nước ngoài cũng như thời gian và địa điểm cuộc gặp. Rubashov chú ý lắng nghe. Anh sức nhớ là đã từng nói chuyện với nhà ngoại giao kia, nhưng nói chuyện gì thì không nhớ. Anh tính toán thật nhanh trong đầu ngày tháng, hoá ra đúng. Đây sẽ là sợi dây thông lọng treo cổ anh ư? Rubashov cười khẩy và rút khăn mùi xoa lau mắt....

Gletkin tiếp tục đọc một cách đều đều và khô khan như cũ. Chẳng lẽ hẳn không nhận thấy sự vô lý đến lố bịch như thế ư? Bây giờ đến giai đoạn Rubashov đứng đầu tổ hợp sản xuất nhôm. Gletkin dẫn ra các số liệu chứng tỏ công tác tổ chức trong cái ngành phát triển quá nhanh này kém đến mức không thể chấp nhận được, có cả số công nhân bị tai nạn lao động và một loạt tai nạn máy bay mà nguyên nhân là do vật liệu chế tạo có vấn đề. Tất cả đều là do những hành động phá hoại đầy ác ý của Rubashov mà ra. Từ “ác ý” được nhắc đi nhắc lại mấy lần. Rubashov chợt nghĩ hay là Gletkin điên, người điên thường có lúc nói khôn, có lúc lại nói những điều vô nghĩa như thế. Nhưng đây không phải là Gletkin viết, hẳn chỉ đọc thôi, nhưng

đọc một cách bình thản nghĩa là hấn tin hay ít ra cũng cho rằng có thể tin được....

Rubashov quay đầu về phía người nữ thư ký. Đây là một người phụ nữ nhỏ, gầy gò, đeo kính. Cô ta đang bình thản gọt bút chì và không nhìn về phía anh một lần nào. Có lẽ cô ta cũng cho rằng những điều khủng khiếp mà Gletkin đang đọc là có thể tin được. Trông cô ta vẫn còn trẻ, chỉ khoảng hai lăm hay hai sáu, nghĩa là cũng trưởng thành sau trận đại hồng thủy. Cái tên Rubashov thì có ý nghĩa gì đối với thế hệ mới này? Hấn, một kẻ phá hoại, đang ngồi trước ngọn đèn sáng đến loá mắt, còn họ thì đang đọc cho hấn nghe một cách đều đều và nhìn hấn với cặp mắt vô tình, vô cảm như thể hấn chỉ là một con vật thí nghiệm.

Gletkin đã đọc đến đoạn cuối cùng. Đây là phần quan trọng nhất: vụ mưu sát Anh Cả. Nhân vật X bí hiểm mà Ivanov đã nhắc đến trong lần lấy cung đầu tiên lại xuất hiện. Hoá ra đây là trợ lý quản đốc của một khách sạn chuyên phục vụ bữa ăn trưa cho Anh Cả. Bữa ăn nhẹ là một phần của cuộc sống giản dị, vẫn thường được các phương tiện tuyên truyền hết lời ca ngợi, và hôm đó X, theo chỉ đạo Rubashov, sẽ đầu độc Anh Cả bằng những món ăn này. Rubashov khẽ mỉm cười, mắt vẫn nhắm; khi mở mắt thì cũng là lúc Gletkin ngừng đọc. Sau vài phút im lặng, Gletkin nhìn thẳng vào Rubashov và nói với giọng đều đều thường nhật:

“Anh đã nghe bản án và công nhận là có tội.” Rõ ràng là một lời

tuyên bố chứ không phải là một câu hỏi.

Rubashov cố gắng nhìn vào mặt hắn. Nhưng không chịu nổi đành nhắm mắt lại. Nén cơn tức giận đang dâng lên nghẹn họng, anh chỉ nhẹ nhàng nói:

“Tôi công nhận có tội vì không hiểu được động cơ đằng sau chính sách hiện nay của Chính phủ nên đã có quan điểm đối lập. Tôi công nhận có tội vì đã ngã theo lý tưởng nhân đạo chung chung mà quên mất nhu cầu của lịch sử. Tôi đã quá chú ý đến tiếng kêu than của các nạn nhân và không nhận thức được những lý lẽ chứng minh sự cần thiết của sự hi sinh như thế. Tôi công nhận có tội vì đã đặt vấn đề tội lỗi và sự trong trắng lên trên lợi ích của xã hội. Cuối cùng, tôi công nhận có tội vì đã đặt tư tưởng của một con người cao hơn lý tưởng của toàn thể loài người....” Giọng nói của anh trầm đến nỗi cô thư ký phải nghển cổ lên mới nghe được.

Rubashov ngừng lời và lại định mở mắt. Ánh sáng chói loà buộc anh phải quay mặt đi, anh liếc nhìn về phía cô thư ký. Cô ta vừa ghi xong đoạn độc thoại vừa rồi và tuy chỉ nhìn thấy một bên mặt của cô, anh vẫn tin rằng cô vừa khẽ mỉm cười.

“Tôi biết,” Rubashov tiếp tục, “những sai lầm của tôi nếu được đem ra áp dụng thì sẽ rất có hại cho sự nghiệp Cách mạng của chúng ta. Mọi phong trào đối lập ở những bước ngoặt của lịch sử đều tạo ra mầm mống của sự chia rẽ trong Đảng, nghĩa là tạo ra

mầm mống của nội chiến. Khi quần chúng còn lạc hậu thì chủ nghĩa nhân đạo và chế độ dân chủ có thể đưa Cách mạng đến chỗ diệt vong. Quan điểm đối lập của tôi bắt rễ từ lý thuyết, bên ngoài thì có vẻ hấp dẫn, nhưng thực chất thì lại có hại như thế. Tôi đã yêu cầu cải cách chế độ chuyên chính, yêu cầu nhiều dân chủ hơn, yêu cầu bãi bỏ chế độ khủng bố, và nói lỏng kỷ luật nội bộ của Đảng; tôi công nhận rằng trong tình hình hiện nay những đòi hỏi như thế là có hại và thực chất là phản cách mạng...”

Anh lại ngưng, cổ họng khô còn giọng nói thì đã khàn đặc. Xung quanh lặng ngắt như tờ, nghe rõ cả tiếng bút chì đưa trên mặt giấy, đây là cô thư ký đang tiếp tục ghi chép. Mắt vẫn nhắm, đầu hơi nhướn lên một chút, anh tiếp tục:

“Các anh có thể coi tôi là phản cách mạng với ý như thế và chỉ như thế mà thôi. Tôi chẳng có gì để nói về những tội trạng đã nêu trong bản án mà anh vừa đọc.”

“Hết chưa?” Gletkin hỏi.

Giọng hần ta nghe cục cằn đến nỗi Rubashov trở mắt ra nhìn. Dưới ánh đèn sáng đến loá mắt, Gletkin vẫn ngồi nghiêm túc như cũ. Cuối cùng Rubashov đã tìm được đặc điểm của Gletkin: “sự gian ác mang vẻ mặt nghiêm túc”.

“Anh đã nói như thế nhiều lần rồi,” Gletkin gắt. “Trong hai bản

kiểm thảo trước đây, một cách đây hai năm và một nữa cách đây mười hai tháng, anh đã công khai thú nhận rằng thái độ của anh “là phản cách mạng và đi ngược lại lợi ích của nhân dân”. Cả hai lần anh đều xin Đảng tha thứ và hứa sẽ trung thành với đường lối của lãnh đạo. Bây giờ anh lại định chơi cái trò như thế đến lần thứ ba. Lời khai vừa rồi của anh chỉ là một sự dối trá trắng trợn. Anh công nhận có ‘quan điểm đối lập’ nhưng lại phủ nhận những hành động mà những quan điểm như thế nhất định sẽ tạo ra trong tương lai. Tôi đã nói với anh là lần này anh sẽ không thoát được một cách dễ dàng như thế đâu.”

Gletkin ngưng cũng đột ngột như khi hắn bắt đầu. Có tiếng lạo xạo trong chiếc đèn pha đặt phía sau cái bàn viết. Ánh sáng càng chói chang hơn.

“Những lời tuyên bố trước đây của tôi,” Rubashov chậm rãi nói, “là nhằm mục đích chiến thuật. Chắc chắn là anh biết rằng một số nhà chính trị đối lập bị buộc phải đưa ra những tuyên bố như thế để không bị khai trừ ra khỏi Đảng. Nhưng bây giờ tôi có quan điểm khác...”

“Nghĩa là lần này anh chân thành?” Gletkin hỏi ngay, giọng nói không có vẻ gì là chế giễu cả.

“Vâng” Rubashov bình tĩnh đáp.

“Còn trước đây là nói dối?”

“Cứ cho là như thế.”

“Để giữ lấy cái đầu của mình chứ gì?”

“Để được tiếp tục công tác.”

“Không còn đầu thì chẳng thể công tác được. Nghĩa là để giữ cái đầu?”

“Cứ cho là như thế.”

Trong khoảng thời gian ngắn xen giữa câu hỏi nhát gừng của Gletkin và câu trả lời của mình, Rubashov còn nghe rõ tiếng xột xoạt của ngòi bút chì của cô thư ký và tiếng lạo xạo của cái đèn pha. Từng luồng ánh sáng chói loà hắt thẳng vào mặt, nóng khủng khiếp, Rubashov phải rút khăn ra lau mồ hôi trán. Dù đã rất nhức nhối, anh vẫn cố gắng mở mắt, song thời gian nhắm vẫn càng lúc càng dài hơn; buồn ngủ quá và sau một loạt câu hỏi, khi Gletkin ngưng lại trong giây lát, Rubashov bỗng nhận ra rằng cằm anh đã gục sát vào ngực. Giật mình tỉnh giấc vì câu hỏi tiếp theo, anh không còn biết mình đã ngủ bao lâu nữa.

“Tôi nhắc lại,” có tiếng Gletkin nói. “Những lời sám hối trước đây của anh là chỉ nhằm lừa dối Đảng và để bảo vệ cái sọ của mình.”



“Tôi đã công nhận như thế rồi,” Rubashov nói.

“Đây cũng là mục đích khi anh công khai đoạn tuyệt với cô thư ký tên là Arlova?”

Rubashov gật đầu. Bây giờ không chỉ hồ mắt bên phải bị nhức mà có cảm tưởng như toàn bộ má bên phải đều đau rất không thể nào chịu được. Ngay cái răng sâu cũng bắt đầu đau trở lại.

“Anh có biết rằng Arlova đã nhiều lần đòi anh ra làm chứng không?”

“Có, người ta đã nói với tôi như thế,” Rubashov đáp. Cái răng ngày càng nhức hơn.

“Chắc chắn là anh biết rằng lời tuyên bố của anh lúc đó, bây giờ thì anh cho là giả dối, đã đóng vai trò quyết định trong bản án tử hình của Arlova?”

“Người ta đã nói với tôi như thế.”

Rubashov có cảm giác như phía má bên phải đau như đang bị chuột rút. Suy nghĩ trở nên chậm chạp, đầu nặng như chì, ngồi cho thẳng là cả một vấn đề. Giọng Gletkin như xoáy vào óc:

“Như vậy nghĩa là công dân Arlova có thể là người vô tội?”

“Có thể là như thế,” Rubashov đáp với vẻ giễu cợt đầy cay đắng.

“... Và cô ta đã bị hành quyết là do anh nói dối để bảo toàn mạng sống của mình?”

“Có thể là như thế,” Rubashov nói. “Đồ đều,” anh tự nhủ một cách bức tức đầy bất lực và mệt mỏi. “Dĩ nhiên là mày nói đúng. Vậy thì tao với mày, thằng nào đều hơn? Nhưng hắn đang nắm cổ mình mà mình thì không làm gì được vì không thể chết một cách đơn giản như thế được. Chỉ cần nó cho mình ngủ một giấc. Mày mà còn tra tấn như thế này nữa thì tao sẽ im luôn, tao toi mà mày cũng không thoát đâu.”

“... Sau những việc như thế mà anh còn đòi người ta tôn trọng ư?” Gletkin tiếp tục, đúng nhưng ác quá. “Anh vẫn tiếp tục phủ nhận không phải là tội phạm được ư? Sau những việc làm như thế mà anh còn đòi chúng tôi tin anh ư?”

Đầu Rubashov gục xuống, anh đã chịu thua, không giữ thẳng được nữa. Dĩ nhiên là Gletkin không thể tin anh. Chính anh cũng bắt đầu thấy lúng túng trong một mớ bòng bong những điều dối trá có chủ đích và những trở giả vờ đầy biện chứng, cũng bị lạc trong sự mù mờ giữa chân lý và ảo tưởng nữa là hắn. Chân lý tối hậu thì ngày càng xa, trước mắt chỉ thấy rặt những điều dối trá mà thôi. Đường

thì xa, lỗi rẽ thì nhiều, còn phải lộn trái lương tâm mình bao nhiêu lần nữa đây! Làm thế nào để Gletkin tin rằng lần này anh nói thật? Trước đây anh thường phải tranh luận, phải thuyết phục, phải nói chuyện với một người nào đó, còn bây giờ anh chỉ muốn lăn ra ngủ, muốn biến đi luôn cho xong....

“Tôi không đòi hỏi gì cả,” Rubashov vừa nói vừa cố gắng ngẩng đầu lên. “Tôi chỉ muốn chứng tỏ lòng trung thành với Đảng mà thôi.”

“Chỉ có một cách,” giọng Gletkin lại vang lên, “đấy là thú nhận hoàn toàn. Chúng tôi đã chán ngấy cái trò “quan điểm đối lập” và động cơ cao thượng của anh rồi. Chúng tôi yêu cầu anh thú nhận hoàn toàn và công khai các hoạt động tội phạm sau khi anh chuyển sang lập trường chống đối như thế. Chỉ có một cách giúp Đảng, đấy là cảnh báo cho quần chúng thấy – trên cơ sở hoạt động của chính anh – thái độ chống Đảng có thể đưa người ta đến những hậu quả tai hại như thế nào.”

Rubashov chợt nhớ đến những bữa ăn nhẹ của Anh Cả. Bên má phải có vẻ như đã sưng phồng lên nhưng chỉ âm ỉ chứ không còn đau rát như trước nữa. Khi nghĩ đến bữa ăn nhẹ của Anh Cả, khuôn mặt anh bỗng dუმ đó lại như vừa ngửi thấy mùi gì rất khó chịu vậy.

“Tôi không thể thú nhận những tội lỗi mà tôi không phạm,” Rubashov dứt khoát nói.

“Không,” Gletkin trả lời. “Không, anh không thể làm như thế được.” Rubashov có cảm tưởng như đây là lần đầu tiên anh nghe thấy Gletkin nói bằng giọng chế giễu như thế.

Từ đó trở đi Rubashov chỉ còn nhớ một cách rất mù mờ. Sau câu “anh không thể làm như thế được”, anh nhớ rõ câu này vì chất giọng đặc biệt của nó, thì đến một khoảng trống. Sau này anh có cảm tưởng là lúc ấy mình đã ngủ thiếp đi, hơn nữa còn thấy một giấc mơ dễ chịu nữa. Giấc mơ có lẽ chỉ kéo dài vài giây đồng hồ, gồm những phong cảnh không liên quan gì đến nhau: một vùng đất tràn ngập ánh sáng với hàng cây già thẳng tắp bên đường vào trang trại của bố anh, một đám mây màu trắng lững lờ trôi trên hàng cây mà anh từng nhìn thấy ngày thơ ấu.

Sau đó là tiếng Gletkin sang sảng ngay trên đầu, chắc chắn là hắn đã đứng và nhoài người qua mặt bàn để nói, và trong phòng còn có thêm một người nữa.

“...Anh có nhận ra người này không?”

Rubashov gật đầu. Anh nhận ra ngay Môi Thỏ dù anh ta không trùm áo mưa như những lần đi dạo ngoài sân trại giam. Một loạt các con số bỗng hiện về trong trí não: 2-3, 1-1, 4-3, 1-5, 3-2, 2-4... “Môi thỏ gửi lời chào”. Vì sao 402 lại truyền cho anh câu này nhỉ?

“Anh gặp người này khi nào và ở đâu?”

Phải khó khăn lắm Rubashov mới nói được, môi anh khô, lưỡi như đã rộp lên và có vị đắng ở trong cổ.

“Tôi đã nhiều lần nhìn thấy anh ta đi dạo ngoài sân trại.”

“Trước đây anh chưa từng gặp anh ta chứ?”

Môi Thở đứng ngay ở cửa ra vào, chỉ cách Rubashov vài bước chân, ánh sáng của cái đèn pha chiếu thẳng vào người anh ta. Mặt anh ta thường ngày vàng vọt thì nay trắng bệch ra như bôi phấn, cái mũi nhọn hoắt, môi trên tách đôi, sưng vù, run rẩy để lộ ra cái lợi trống không. Hai tay anh ta buông thõng đến gần đầu gối, trông chẳng khác gì một hình nhân trước ánh đèn sân khấu. Lại một loạt con số nữa xuất hiện trong trí não Rubashov: “4-5, 3-5, 4-3...” – “...bị tra tấn hôm qua”. Đồng thời trong trí nhớ cũng hiện lên hình ảnh mờ mờ một người, giống như anh em sinh đôi với cái hình nhân này, mà anh gặp đã lâu, trước khi bước vào buồng giam 404 ở đây.

“Tôi không dám chắc,” anh lưỡng lự đáp. “Nhưng tôi có cảm giác rằng đã từng gặp anh ta rồi.”

Ngay khi chưa nói hết, Rubashov đã cảm thấy không nên nói câu này. Rõ ràng là Gletkin không để cho anh có thì giờ suy nghĩ. Hẳn hỏi một cách dồn dập chẳng khác gì con chim săn mồi ria nạn nhân

của nó.

“Lần gặp gần đây nhất là ở đâu và lúc nào? Người ta vẫn nói là anh có trí nhớ tốt lắm cơ mà.”

Rubashov không đáp. Anh không thể nhớ đã nhìn thấy cái hình nhân đang mập máy môi giữa luồng ánh sáng chói chang kia ở đâu. Môi Thỏ đứng bất động. Anh ta đưa lưỡi liếm chỗ môi sưng, mắt thì đảo đảo hết nhìn Rubashov lại nhìn Gletkin.

Cô thư ký đã ngừng viết, chỉ nghe thấy tiếng rì rì của cái đèn pha và tiếng lách cách của chiếc thắt lưng của Gletkin; hắn ta chống khuỷu tay lên tay vịn của cái ghế, nhào người ra phía trước và cất tiếng hỏi:

“Anh từ chối trả lời câu hỏi?”

“Tôi không nhớ,” Ruabshov đáp.

“Tốt thôi,” Gletkin nói. Hắn nhào hắn lên bàn, toàn thân hướng thẳng về phía Môi Thỏ và hạ lệnh:

“Anh có thể giúp công dân Rubashov nhớ lại được không? Anh gặp ông ta lần cuối cùng ở đâu?”

Môi Thỏ đã trắng lại càng trắng hơn. Đôi mắt anh ta hướng về phía

cô thư ký, rõ ràng là bây giờ mới phát hiện ra cô, nhưng ngay lập tức ánh mắt lại đảo lia lịa, như có ý tìm chỗ trốn. Sau khi liếc chỗ môi sưng, Môi Thỏ vội vã nói:

“Công dân Rubashov xúi giục tôi đầu độc lãnh tụ Đảng ta.”

Lúc đầu Rubashov hơi ngạc nhiên vì nghe thấy giọng nói trầm và du dương, khó có thể nghĩ rằng một kẻ tã tời thế kia lại có thể nói như vậy. Trái ngược hoàn toàn với vẻ bề ngoài, giọng nói của anh ta vẫn đầy sức sống. Phải một lúc sau Rubashov mới hiểu được điều anh ta nói. Từ lúc trông thấy Môi Thỏ anh đã nghĩ đến chuyện này và dự cảm được mối nguy nhưng vẫn không ngờ là mọi chuyện lại lộ bịch đến như thế. Ngay lúc đó, từ phía sau - Rubashov đã quay mặt về phía Môi Thỏ - Glekin đã vội vã lên tiếng. Giọng hấn có vẻ run run:

“Chưa ai hỏi anh cái đó. Tôi mới hỏi anh là anh gặp Rubashov ở đâu?”

“Ngu,” Rubashov chột nghĩ. “Lẽ ra hẳn ta không được nhấn mạnh rằng đây là một câu không đúng chỗ. Mình sẽ không nhận ra được.” Anh có cảm giác là đầu óc đã hoàn toàn tỉnh táo, tâm trạng cực kì phấn khích. “Nhân chứng chỉ là một cái máy hát, thế mà lại hát sai,” anh lại tự nhủ. Câu trả lời tiếp theo của Môi Thỏ còn du dương hơn:

“Tôi gặp công dân Rubashov sau buổi tiếp tân của Đại diện Bộ Thương mại ở B. Tại đây ông ta đã xúi giục tôi đầu độc lãnh tụ Đảng ta.”

Trong khi nói đôi mắt lão liêng của anh ta hướng hẳn về phía Rubashov. Rubashov đeo kính lên và nhìn lại một cách chăm chú như có ý dò hỏi. Nhưng trong ánh mắt của anh ta không có vẻ gì là sự ân hận, mà ngược lại, chứa đầy sự tin cậy và thậm chí trách móc của một kẻ bị hành hạ đến thân tàn ma dại. Không chịu nổi, Rubashov phải quay mặt nhìn đi chỗ khác.

Từ phía sau, giọng Gletkin lại vang lên, vẫn tự tin và gay gắt như cũ:

“Anh có nhớ ngày tháng không?”

“Tôi nhớ rõ,” Mối Thỏ vẫn nói một cách dịu dàng đến mức khó tin. “Đấy là sau buổi tiếp tân nhân kỷ niệm hai mươi năm ngày Cách mạng thành công.”

Anh ta vẫn nhìn chăm chăm vào mặt Rubashov, làm như Rubashov có thể cứu được anh ta vậy. Rubashov đã nhớ, ban đầu còn mù mờ nhưng sau thì rõ hẳn. Bây giờ thì anh nhớ đã gặp Mối Thỏ ở đâu. Nhưng điều đó cũng không gọi trong anh bất kỳ tình cảm nào ngoài sự ngạc nhiên. Quay lại phía Gletkin, mắt nheo lại vì ánh đèn, Rubashov bình tĩnh nói:



“Anh ta nói đúng đấy. Tôi không nhận ra con trai giáo sư Kieffer vì mới gặp anh ta có một lần trước khi anh ta rơi vào tay các người. Phương pháp của các người quả là hiệu nghiệm, rất đáng khen đấy.”

“Nghĩa là anh công nhận có quen với người này, kể cả ngày tháng hai người gặp nhau, đúng không?”

“Tôi đã nói rồi,” Rubashov uể oải đáp. Tâm trạng phấn khích đã không còn, trong đầu lại vang lên những tiếng ù ù như búa gõ như cũ. “Nếu anh nói ngay từ đầu rằng đây là con của giáo sư Kieffer bất hạnh, bạn tôi, thì tôi đã nhận ra anh ta rồi.”

“Trong cáo trạng có đầy đủ tên tuổi ông ta,” Gletkin nói.

“Tôi chỉ biết bí danh của ông ta, tức Giáo sư Kieffer thôi.”

“Chuyện vặt,” Gletkin nói. Hắn lại nhào người ra phía trước như muốn đè bẹp Môi Thỏ. “Tiếp tục đi. Các anh bàn bạc những chuyện gì?”

“Lại lần rồi,” Rubashov tự nhủ, dù lúc ấy anh đã buồn ngủ lắm. “Đấy không phải là chuyện vặt. Nếu quả thật mình định lôi kéo người này vào một âm mưu ngu xuẩn như thế thì chắc chắn chỉ nhắc là mình phải nhớ ngay, cần gì tên tuổi.” Nhưng anh đã quá mệt, không thể nào giải thích được, vả lại muốn giải thích thì anh

phải quay mặt về phía ánh đèn. Thà không nói còn hơn.

Trong khi hai người tranh luận thì Môi Thỏ đứng yên, đầu cúi gằm, môi trên nhấp máy liên tục, khuôn mặt bệch ra dưới ánh sáng gay gắt của ngọn đèn pha. Rubashov nhớ lại Kieffer, người bạn, người đồng chí cũ, chuyên gia hàng đầu về lịch sử Cách mạng. Trên những ảnh chụp các đại biểu Đại hội - tất cả đều để râu và đều có một vòng tròn nhỏ đánh số phía trên đầu trông như vàng hào quang – ông ngồi phía bên trái Ông Cự. Kieffer là trợ lý của Ông Cự về các vấn đề sử học, là bạn chơi cờ và cũng có thể là người bạn tâm giao duy nhất của Cự. Là người gần gũi như thế cho nên sau khi Ông Cự qua đời, Kieffer được giao nhiệm vụ viết tiểu sử của Người. Nhưng cuốn tiểu sử mà Kieffer bỏ ra mười năm mới hoàn tất đã không bao giờ được xuất bản. Trong mười năm đó các sự kiện cách mạng đã được giải thích một cách hoàn toàn khác, vai trò của các nhân vật chính đã được viết lại, các giá trị đã bị xói tung lên hết; nhưng Kieffer kiên quyết không chịu nhượng bộ, ông không chấp nhận cách suy nghĩ của thời kì mới dưới triều của Anh Cả...

“Tôi theo cha,” Môi Thỏ tiếp tục ngân nga, “tham dự Hội nghị Quốc tế về Nhân chủng học, trên đường trở về có ghé vào B. vì cha tôi muốn thăm người bạn cũ của ông, tức là công dân Rubashov....”

Rubashov lắng nghe, tò mò pha lẫn buồn thương. Môi Thỏ nói đúng, ông bạn già Kieffer đã ghé thăm anh, vừa để tâm sự vừa tìm lời khuyên. Buổi tối họ ngồi với nhau có lẽ là những giây phút vui

về cuối cùng trong cuộc đời Kieffer trên thế gian này.

“Chúng tôi chỉ có một ngày,” Môi Thỏ vừa nói vừa nhìn chòng chọc vào Rubashov như muốn được giúp đỡ và khích lệ. “Đây chính là ngày kỷ niệm Cách mạng, vì vậy tôi mới nhớ rõ như thế. Hôm đó Rubashov rất bận nên chỉ gặp bố tôi có một lúc. Nhưng buổi tối, khi buổi tiếp tân tại Công sứ quán chấm dứt thì ông ta mời bố tôi đến phòng riêng, tôi được đi theo. Ông Rubashov có vẻ mệt, mặc áo ngủ nhưng tiếp chúng tôi rất nhiệt tình. Ông ta mang ra nào rượu vang, rượu cô nhắc, bánh kẹo, rồi ôm lấy cha tôi và bảo: “Coi như đây là bữa liên hoan của những người Mohican [\[1\]](#) cuối cùng...”

Sau lưng Rubashov bỗng có tiếng Gletkin ngắt lời:

“Anh có nhận thấy rằng Rubashov cố tình chuốc rượu để dễ bề lôi kéo anh tham gia vào âm mưu của ông ta không?”

Rubashov có cảm giác như trên khuôn mặt tả tơi của Môi Thỏ thoáng hiện một cái gì đó như là nụ cười: đây là lần đầu tiên anh thấy người đứng trước mặt có nhiều nét giống chàng thanh niên mà anh từng gặp tối hôm đó. Nhưng nụ cười đã tắt lịm ngay lập tức, Môi Thỏ chớp mắt và thè lưỡi ra liếm đôi môi khô.

“Tôi cũng thấy ngờ ngợ nhưng chưa hiểu được kế hoạch của ông ta.”

“Đồ chó đẻ,” Rubashov thầm nghĩ, “chúng đã làm những gì với nhà người...”

“Tiếp tục đi,” Gletkin lại ra lệnh.

Phải một lúc sau Môi Thỏ mới tập trung được tư tưởng. Người ta nghe rõ tiếng cô thư ký gọt bút chì.

“Rubashov và bố tôi nhắc lại kỷ niệm cũ. Đã lâu họ không gặp nhau. Họ nói về những ngày trước Cách mạng, về cuộc Nội chiến, về những người bạn cũ mà tôi chỉ nghe nói chứ chưa gặp bao giờ. Họ thường nói bóng gió nên không phải lúc nào tôi cũng hiểu, đôi khi họ phá lên cười nhưng tôi cũng không biết họ cười cái gì.”

“Anh có uống nhiều không?” Gletkin hỏi.

Môi Thỏ chớp mắt liên tục. Rubashov nhận thấy anh ta có vẻ lắc lư, dường như sắp ngã đến nơi.

“Tôi nghĩ là nhiều,” Môi Thỏ tiếp tục. “Mấy năm gần đây tôi chưa thấy bố vui như thế bao giờ.”

“Thế đấy,” Gletkin lại lên tiếng, “ba tháng sau thì bố anh bị kết tội phản động và ba tháng sau nữa thì bị thủ tiêu, đúng không?”

Môi Thở lại liếm môi, mắt đờ đẫn nhìn vào ngọn đèn và đứng im, không nói. Rubashov đột ngột quay hẳn lại phía Gletkin, nhưng ánh đèn chói quá đành nhắm mắt và ngoảnh mặt sang hướng khác, rồi lấy kính lau vào ống tay áo. Cô thư ký đã ngừng viết. Một lúc sau mới thấy Gletkin lên tiếng:

“Lúc đó anh đã biết những hoạt động phản cách mạng của bố mình chưa?”

Môi Thở lại liếm mép.

“Có,” anh ta đáp.

“Anh biết là Rubashov đồng quan điểm với bố mình.”

“Vâng.”

“Hãy kể lại buổi nói chuyện. Không cần đi vào chi tiết.”

Môi Thở vòng hai tay ra đằng sau, vai tựa vào tường.

“Sau đó bố tôi và ông Rubashov chuyển sang nói về thời hiện tại. Họ chê bai công tác Đảng và các biện pháp của lãnh đạo. Bố tôi và ông Rubashov gọi lãnh tụ là Anh Cả. Rubashov bảo rằng từ ngày Anh Cả ngồi vào ghế lãnh đạo thì không khí trong Đảng trở nên ngột ngạt, không thể nào thở được. Chính vì thế mà ông ta xin ra

nước ngoài công tác.”

Gletkin quay sang Rubashov.

“Nếu tôi không làm thì chỉ một thời gian ngắn sau đó anh đã công khai tuyên bố trung thành với lãnh tụ của Đảng?”

Rubashov khẽ nghiêng người về phía ánh đèn.

“Đúng như thế,” anh nói.

“Họ có thảo luận ý định đó của Rubashov không?” Gletkin hỏi Môi Thở.

“Có. Bố tôi trách Rubashov và bảo rằng ông rất thất vọng. Rubashov cười và gọi bố tôi là Don Quixote. Ông ta bảo rằng quan trọng là phải sống đã và sẽ chờ cơ hội.”

“Câu ‘chờ cơ hội’ có nghĩa là gì?”

Môi Thở lại nhìn Rubashov với ánh mắt tuyệt vọng và thật đáng thương. Anh chỉ muốn đứng dậy và hôn vào trán anh ta. Anh vừa nhếch mép cười cái ý nghĩ kì quặc đó thì đã nghe thấy giọng trầm bổng của Môi Thở:

“Đây là lúc lãnh tụ bị lật đổ.”

Gletkin đã nhận thấy nụ cười của Rubashov, liền hỏi:

“Kỷ niệm cũ làm anh buồn cười à?”

“Có thể như thế,” Rubashov đáp và nhắm mắt lại.

Gletkin xắn lại tay áo rồi tiếp tục hỏi Mối Thở:

“Nghĩa là Rubashov nói đến việc lật đổ lãnh đạo Đảng. Chuyện đó sẽ diễn ra như thế nào?”

“Bố tôi cho rằng sự chịu đựng sẽ có giới hạn, Đảng sẽ phế truất ông ta hay buộc ông ta phải từ chức; phe đối lập phải tuyên truyền tư tưởng này cho quần chúng đảng viên.”

“Thế còn Rubashov?”

“Rubashov cười và lại gọi bố tôi là Don Quixote ngốc nghếch. Ông ta nói rằng không phải vô tình mà Anh Cả nắm được quyền lực, đây là một trong những tính chất của con người, mà cụ thể là niềm tin tuyệt đối vào sự đúng đắn của mình và vì vậy mà cũng tuyệt đối phi luân. Không bao giờ ông ta tự nguyện từ bỏ quyền lực, chỉ có cách là dùng vũ lực. Chẳng thể hi vọng gì vào quần chúng đảng viên được bởi vì Anh Cả nắm hết mọi quyền lực, tất cả các vị trí then chốt đều do bộ máy quan liêu trung thành với ông ta nắm giữ, họ

biết rằng sẽ mất hết nếu ông bị loại và vì thế sẽ trung thành đến cùng.”

Mặc dù ngái ngủ, Rubashov cũng phải ngạc nhiên khi nghe thấy chàng trai này nhắc lại một cách chính xác đến như thế ý kiến của anh hôm đó. Chính anh cũng không còn nhớ cụ thể câu chuyện ngày hôm đó, nhưng chắc chắn là Mối Thỏ đã kể lại một cách hoàn toàn chính xác. Rubashov ngạc nhiên nhìn chàng trai, anh lại thấy mình tỉnh táo trở lại.

Giọng Gletkin đã lại oang oang ngay phía sau:

“Nghĩa là Rubashov khẳng định rằng phải dùng vũ lực chống lại Anh Cả, ý tôi muốn nói là chống lại lãnh tụ của Đảng?”

Mối Thỏ gật đầu.

“Lý lẽ của ông ta lại nhân lúc ngà ngà say đã tạo ấn tượng mạnh đối với anh, đúng không?”

Mối Thỏ không trả lời ngay. Một lúc sau anh ta mới đáp, giọng nói nhỏ hơn bình thường:

“Thực ra là tôi không uống. Nhưng tất cả những điều ông ta nói đều rất thuyết phục đối với tôi.”



Rubashov gục đầu xuống. Một môi ngờ vực bỗng xoáy vào lòng anh, đau hết như một vết thương, làm anh quên hết mọi chuyện khác. “Chả lẽ anh chàng tội nghiệp này lại rút ra những kết luận thực tiễn từ các suy nghĩ của chính ta; chả lẽ anh ta, kẻ đang đứng trước luồng ánh sáng chói chang kia lại là hiện thân của lý thuyết mà ta từng theo đuổi hay sao?” Rubashov tự hỏi như thế.

Gletkin không để anh kết thúc luồng suy nghĩ. Cái giọng thề thề của hắn đã lại vang lên:

“...Sau khi chuẩn bị về mặt lý luận là đến chỉ thị hành động à?”

Môi Thỏ không đáp, chỉ chớp chớp mắt vì chói quá.

Gletkin đứng đợi. Rubashov ngẩng đầu lên. Thời gian cứ thế trôi, chỉ nghe thấy tiếng tí tách của chiếc đèn pha; rồi giọng Gletkin, lần này còn khô khan và đúng mực hơn:

“Anh có muốn giúp đỡ để nhớ lại không?”

Gletkin cố ý phát âm một cách lãnh đạm, nhưng nghe xong Môi Thỏ bỗng giật bắn người lên như vừa bị quất roi vào lưng vậy. Anh ta lại liếm môi, trong ánh mắt thoáng hiện nỗi sợ hãi của một con vật bị đuổi đến đường cùng. Sau đó giọng anh ta lại vang lên thánh thót:

“Không, chiều hôm đó thì không, mãi sáng hôm sau, khi chúng tôi gặp riêng thì ông ta mới nói như thế.”

Rubashov mỉm cười. Dĩ nhiên là thằng Gletkin đã chuyển câu chuyện tưởng tượng này sang ngày hôm sau vì tuy ngu nhưng nó cũng biết rằng không bao giờ ông Kieffer lại chịu để cho người ta lôi kéo con mình vào trò đầu độc như thế.... Rubashov đã quên cơn choáng váng vừa rồi, anh quay lại phía ánh đèn rồi vừa nheo mắt vừa hỏi:

“Tôi nghĩ rằng bị đơn cũng có quyền hỏi khi đối chất?”

“Anh có quyền,” Gletkin đáp.

Rubashov lại quay sang phía chàng trai và nói với anh ta:

“Theo tôi nhớ thì anh đã tốt nghiệp đại học tổng hợp ngay trước chuyến đi.”

Đây là lần đầu tiên Rubashov nói với Môi Thở; ánh mắt anh ta lại loé lên sự tin cậy và niềm hi vọng. Môi Thở gật đầu.

“Thế ra tôi nhớ không sai,” Rubashov nói. “Nếu tôi nhớ không lầm nữa thì lúc đó anh có ý định xin vào làm việc tại Viện Nghiên cứu Lịch sử của cha mình. Ước mơ của anh có thành hiện thực không?”

“Có,” Môi Thở đáp, và sau một hồi lưỡng lự, anh ta nói thêm: “Sau khi bố bị bắt thì tôi cũng bị cho thôi việc.”

“Rõ rồi,” Rubashov nói. “Anh không thể ở lại Viện và phải tìm công việc khác...” Ngừng lại một lúc, rồi quay sang Gletkin, Rubashov tiếp:

“...Điều đó chứng tỏ rằng trước khi gặp nhau, tôi cũng như cậu thanh niên này không thể biết anh ta sẽ làm gì trong tương lai cho nên việc xúi giục anh ta đầu độc là không khả thi ngay cả về mặt lý thuyết.”

Tiếng xột xoạt của ngòi bút chì trên mặt giấy đột ngột ngừng bật. Dù không nhìn lại, Rubashov cũng biết rằng cô thư ký đã ngừng viết và đã quay khuôn mặt trái soan của cô ta về phía Gletkin. Môi Thở cũng nhìn chăm chăm vào Gletkin, nhưng trong ánh mắt đã không còn niềm hi vọng nữa, chỉ còn sự bối rối và nỗi sợ hãi. Rubashov bỗng có cảm giác như niềm hân hoan đã nhạt hẳn, có cảm tưởng như đã cắt đứt con đường dẫn tới chiến công vang dội. Quả nhiên giọng Gletkin càng lạnh lùng và nghiêm khắc hơn:

“Anh còn hỏi gì nữa không?”

“Hiện nay thì thế thôi,” Rubashov đáp.

“Không ai khẳng định rằng anh bảo phải đầu độc,” Gletkin bình

tĩnh nói. “Anh hạ lệnh giết, người thực hiện có thể lựa chọn biện pháp.” Hắn quay về phía Môi Thỏ: “Có phải thế không?”

“Vâng” Môi Thỏ đáp, giọng nói đã bớt căng thẳng.

Rubashov nhớ là lời buộc tội có ghi “xúi giục hạ sát bằng cách đầu độc”, nhưng anh bỗng nhận ra rằng mọi sự chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Dù anh chàng Michael này có thực sự làm cái việc điên rồ ấy hay chỉ dự định làm một chuyện gì đại loại như thế hay tất cả hoặc một phần lời thú nhận đều do người ta mớm cho thì đây cũng chỉ là đề trình diễn tại toà chứ chẳng liên quan gì đến tội lỗi của anh. Điều quan trọng là cái hình nhân tội nghiệp kia chính là hiện thân của con đường mà anh đã đi qua. Vai trò đã thay đổi, không phải Gletkin mà chính là anh, Rubashov, đã làm rồi sự việc bằng cách “chẻ sợi tóc ra làm tư”. Lời buộc tội mà cho đến lúc đó anh vẫn coi là phi lý thực ra chỉ đưa thêm vào, dù có vẻ vụng về và thô thiển, những mất xích còn thiếu để tạo ra một mớ lý luận hoàn hảo mà thôi.

Nhưng Rubashov cho rằng lời buộc tội vẫn còn một điểm chưa hoàn toàn đúng. Song anh đã kiệt sức, không thể suy nghĩ thấu đáo và nói cho gầy gọn được nữa.

“Anh còn hỏi gì nữa không?” Gletkin lên tiếng.

Rubashov lắc đầu.

“Anh có thể đi được rồi,” Gletkin bảo Môi Thỏ. Hắn bấm chuông. Một nhân viên bảo vệ bước vào, khoá tay Môi Thỏ, đưa đi. Trước khi bước ra khỏi cửa Môi Thỏ còn ngoái lại nhìn Rubashov, như anh ta vẫn thường làm sau mỗi lần đi dạo ngoài sân trại. Đối với Rubashov đây quả là một gánh nặng, anh tháo kính và lau vào ống tay áo rồi quay mặt đi.

Khi cánh cửa đã đóng lại thì Rubashov bỗng cảm thấy phát ghen với Môi Thỏ. Nhưng tiếng Gletkin như đã xoáy vào màng nhĩ:

“Anh có công nhận rằng lời khai của Kieffer phù hợp với những điểm chính của kết luận điều tra không?”

Rubashov lại phải quay về phía ánh đèn. Tiếng réo ù ù đập bập bùng trong màng nhĩ, còn ánh sáng nóng và chói thì như xuyên thủng cả mí mắt. Nhưng anh không bỏ qua mấy từ “những điểm chính”. Đây là cách để Gletkin sửa chữa sai lầm, chuẩn bị thay “xúi giục hạ sát bằng cách đầu độc” sang “xúi giục hạ sát”.

“Phù hợp ở những điểm chính,” Rubashov nói.

Có tiếng thất lung lạch cạch, cô thư ký cũng ngo ngoáy trên ghế. Rubashov biết rằng đối với họ, anh vừa nói một câu có tính quyết định và đã thú nhận tội lỗi của mình. Làm sao bọn Neanderthal đời mới này biết được quan điểm của anh về chân lý và sự công bằng?

“Ánh sáng có làm anh khó chịu không?” Gletkin bắt ngờ hỏi.

Rubashov mỉm cười. Gletkin thanh toán đây. Đây là tâm lý của lũ người Neanderthal. Nhưng khi ánh đèn vừa dịu đi một chút là Rubashov đã cảm thấy nhẹ nhõm, thậm chí một cái gì đó như lòng biết ơn.

Mặc dù ánh sáng vẫn còn gay gắt, nhưng Rubashov đã có thể nhìn thẳng vào mặt Gletkin. Anh nhìn thấy một vết sẹo lớn trên cái đầu cạo trọc.

“...Trừ một điểm mà tôi cho là cực kì quan trọng,” Rubashov nói.

“Cụ thể là điểm nào?” Gletkin hỏi, vẫn với giọng cứng rắn và lạnh lùng như cũ.

“Dĩ nhiên là nó nghĩ rằng mình sẽ nói đến buổi gặp gỡ tay đôi với anh chàng kia,” Rubashov tự nhủ. “Đối với hắn thì đây là điều quan trọng: mọi thứ đều phải tròn trịa, dù có hơi lem luốc cũng không sao. Dĩ nhiên hắn cho rằng như thế là đúng...”

“Điểm này liên quan đến tôi,” Rubashov nói thành lời. “Đúng như bản luận tội, lúc đó tôi đã nói đến sự cần thiết của bạo lực. Nhưng ý tôi muốn nói là hành động chính trị chứ không phải là khủng bố cá nhân.”

“Nghĩa là nội chiến chứ gì?” Gletkin nói.

“Không. Hành động của quân chúng.”

“Như chính anh cũng biết, hành động đó nhất định sẽ đưa đến nội chiến. Đây là sự khác biệt mà anh cho là quan trọng à?”

Rubshov không trả lời. Trước đây vài phút anh cho đây là điều cực kỳ quan trọng, nhưng nay thì không. Trên thực tế, nếu phe đối lập chỉ có thể thắng được bộ máy quan liêu của Đảng bằng một cuộc nội chiến thì giải pháp này có gì hay hơn là trộn một ít thuốc độc vào bữa ăn nhẹ của Anh Cả, cái chết của ông ta có thể sẽ làm cho chế độ sụp đổ một cách mau hơn và ít tổn xương máu hơn? Giết một người chả lẽ lại không tốt hơn là giết nhiều người hay sao? Chàng thanh niên tội nghiệp kia có thể đã không hiểu ý anh, nhưng có thể ngay cả khi lầm lẫn như thế anh ta vẫn hành động một cách nhất quán hơn là thái độ của anh trong mấy năm vừa qua?

Đã phản đối chế độ độc tài thì phải coi nội chiến là phương tiện. Không chấp nhận nội chiến thì phải từ bỏ đối lập và chung sống với độc tài.

Mấy câu này anh viết đã lâu, đây là trong cuộc bút chiến với các nhân vật gọi là “cải lương”, hoá lại là bản án dành cho chính mình. Không còn sức tranh luận với Gletkin nữa. Anh cảm thấy thanh thản sau khi biết rằng mình đã thất bại hoàn toàn: cuộc chiến đã

chấm dứt, trách nhiệm cũng không còn, cơn buồn ngủ lập tức ập tới, không gì cưỡng lại nổi. Tiếng ù ù ở trong đầu lập tức dịu hẳn, có cảm giác như không phải Gletkin mà là Anh Cả đang ngồi ở kia, với ánh mắt cười cợt đầy cảm thông khi họ bắt tay lần cuối cùng trước lúc chia tay. Anh chợt nhớ đến hàng chữ ghi trên công ra vào nghĩa trang Errancis, nơi chôn Saint-Just, Robespierre và mười sáu đồng chí của họ:

Dormir - Ngủ

Từ đó cho đến hết buổi thẩm vấn, Rubashov không còn nhớ được rõ như trước nữa. Có lẽ anh đã ngủ thiếp đi một lúc, vài phút mà cũng có thể là vài giây, nhưng lần này thì hình như không mơ thấy gì hết. Anh được Gletkin gọi dậy để ký biên bản. Anh cầm chiếc bút máy và cảm thấy ghê ghê vì nó vẫn còn ấm vì vừa được lấy từ túi áo của Gletkin ra xong. Cô thư ký đã ngừng viết, một sự im lặng nặng nề bao trùm lên toàn bộ căn phòng. Cái đèn pha cũng không còn kêu cọt kẹt nữa, ánh sáng cũng đã dịu, thậm chí hơi nhạt; bên ngoài cửa sổ, một ngày mới đã bắt đầu.

Rubashov ký.

Cảm giác nhẹ nhõm và phó mặc vẫn còn mặc dù anh không biết tại sao lại như thế, rồi vừa gà gât anh vừa đọc biên bản, trong đó anh thú nhận rằng đã xúi giục Michael Kieffer đầu độc lãnh tụ Đảng. Bỗng nhiên anh có cảm giác rằng đây là một sự hiểu lầm tai hại, chỉ



muốn xóa ngay chữ ký và xé quách tờ giấy, nhưng may mà cảm giác này trôi qua rất nhanh, anh trả tờ giấy cho Gletkin và lấy kính lau vào ống tay áo.

Việc tiếp theo anh còn nhớ được là đang đi ngoài hành lang, bên cạnh tay bảo vệ cao to, không biết từ bao giờ, chính người này đã từng đưa anh đến phòng Gletkin. Nửa thức nửa ngủ, anh đi ngang qua buồng cắt tóc, cầu thang xoắn; nhớ lại nỗi sợ hãi lúc đi qua đây anh khẽ mỉm cười. Sau khi nghe thấy tiếng đóng cửa anh liền khoan khoái ngã lăn ra giường; ánh bình minh màu xám nhạt chiếu qua khung cửa sổ có tờ báo nhét ở phía trên, anh thiếp ngủ ngay lập tức.

Khi có người mở cửa buồng giam - trời vẫn chưa sáng hẳn - anh mới ngủ được khoảng một tiếng đồng hồ. Anh tưởng là đã đến bữa ăn sáng; nhưng bên ngoài không phải là người giám thị già mà là tay bảo vệ cao to. Rubashov hiểu rằng anh phải quay lại chỗ Gletkin và việc lấy cung sẽ tiếp tục.

Anh lau trán và cổ bằng nước lạnh ngay cạnh bồn rửa mặt, đeo kính lên và tiếp tục bước theo hành lang, qua buồng cắt tóc và cầu thang xoáy mà không nhận ra rằng chính mình đã lắc lư theo nhịp bước khi đi xuống cầu thang.

#### 4.

Trong đầu Rubashov, những buổi hỏi cung sau đó chỉ còn như một

chuỗi các sự kiện rất tù mù. Các cuộc thẩm vấn kéo dài liên tục mấy ngày đêm liền, thỉnh thoảng mới được giải lao chừng một hai tiếng, nhưng anh chỉ nhớ được những đoạn đối thoại rời rạc. Anh cũng không thể nói chính xác chuyện đó diễn ra trong bao nhiêu lâu, có lẽ phải hơn một tuần. Rubashov đã từng nghe nói đến biện pháp gọi là làm suy kiệt hoàn toàn về mặt thể xác, trong đó hai hay ba điều tra viên thay nhau liên tục thẩm vấn kẻ bị tình nghi. Nhưng Gletkin làm khác, hắn không hề nghỉ, vừa hành hạ Rubashov hắn vừa tự ép xác mình. Đây là cách hắn tước đoạt cái chính nghĩa của kẻ bị đàn áp và sự cao thượng của nạn nhân.

Chỉ sau bốn mươi tám tiếng đồng hồ là Rubashov đã không còn phân biệt được ngày đêm nữa. Vừa ngủ được một tiếng thì đã bị gõ bảo vệ cao to đánh thức, nhưng lúc đó anh không còn biết ánh sáng bên ngoài cửa sổ là ánh bình minh hay hoàng hôn nữa. Hành lang, cửa buồng giam và cầu thang xoắn, lúc nào cũng chỉ có mấy ngọn đèn điện xám ngắt ấy. Nếu trong quá trình thẩm vấn mà thấy ngoài cửa sổ đang sáng dần lên và Gletkin tắt đèn thì có nghĩa là trời đã sáng. Nếu ngoài cửa sổ cứ tối dần đi và Gletkin bật đèn thì có nghĩa là trời đã tối.

Nếu Rubashov kêu đói thì Gletkin bảo mang bánh mì kẹp và trà vào. Nhưng anh thường không nuốt được; nói cho ngay, anh rất đói nhưng cứ nhìn thấy bánh mì là lại buồn nôn. Không thấy Gletkin ăn bao giờ nên Rubashov, không hiểu vì sao, cũng cảm thấy nhục nếu nói mình đói. Nói chung, Rubashov cảm thấy nhục khi để cho

Gletkin thấy mình có những biểu hiện sinh lý vì hắn ta không bao giờ tỏ ra mệt mỏi, không bao giờ ngáp, không bao giờ hút, không tỏ vẻ đói khát gì cả, lúc nào hắn cũng ngồi thẳng ngay bên cạnh cái bàn viết, quân phục luôn chỉnh tề, thất lưng thỉnh thoảng lại kêu lạch cạch. Nhục nhĩ nhất là phải xin Gletkin cho đi vệ sinh. Gletkin cho gọi bảo vệ, thường là anh chàng cao to, dẫn đi. Một lần Rubashov ngủ gục ngay trong buồng vệ sinh. Từ đó bảo vệ không cho đóng cửa buồng vệ sinh nữa.

Tâm trạng của anh thay đổi luôn luôn, có cả chán nản lẫn phấn khích một cách bất bình thường. Anh chỉ thực sự bị ngất có một lần, mặc dù luôn ở tình trạng sắp sửa lăn quay ra đến nơi, nhưng lòng kiêu hãnh đã giúp anh vượt qua tất cả. Những lúc như thế anh thường hút một điếu thuốc, mắt nhìn vào ngọn đèn pha và buổi thẩm vấn lại có thể tiếp tục.

Đôi khi anh cũng lấy làm ngạc nhiên về khả năng chịu đựng của chính mình. Nhưng anh biết rằng người ta thường không nhận thức được khả năng chịu đựng của con người, những người bình thường không thể ngờ được rằng họ lại có khả năng chịu đựng đến như thế. Anh đã từng nghe nói có tù nhân không được ngủ từ mười lăm đến hai mươi ngày, thế mà có người vượt qua được.

Khi ký biên bản buổi thẩm vấn đầu tiên, anh nghĩ rằng thế là xong. Nhưng đến buổi thứ hai thì anh biết rằng đấy mới chỉ là sự khởi đầu. Bản luận tội có tất cả bảy khoản mà anh mới chỉ thú nhận có

một. Anh những tưởng đã nếm hết mùi nhục nhã. Nhưng hoá ra nhục vinh đều có nhiều thang bậc, thắng bại cùng làm người ta choáng váng như nhau, tất cả đều là vô đáy. Gletkin đang buộc anh bước từng bước một xuống mãi cái vực sâu thăm thẳm đó.

Giải thoát không phải là việc khó. Anh chỉ việc ký tất hoặc phủ nhận tất là sẽ được yên. Nhưng cái cảm giác phức tạp, khó hiểu về trách nhiệm không cho phép anh đi vào con đường đầy cám dỗ như thế. Rubashov sống một cuộc đời đầy lý tưởng cho nên đối với anh “cám dỗ” chỉ là một khái niệm mang tính lý thuyết. Còn bây giờ cám dỗ ở cạnh anh suốt ngày và đêm, nó đi cùng anh qua dãy hành lang, nó nằm trong luồng ánh sáng chói chang của Gletkin: sự cám dỗ chính là hàng chữ viết trên công nghĩa trang của những kẻ chiến bại: Ngủ.

Thật khó chống cự vì nó là sự cám dỗ nhẹ nhàng và thầm kín, chứ không ồn ào, ầm ỹ và cũng không phải là sự cám dỗ xác thịt. Nó cũng không dùng lý lẽ. Tất cả các lý lẽ đều thuộc về Gletkin, tất cả chỉ để nhắc lại những từ được viết trên mảnh giấy mà người thợ cắt tóc đã đưa cho anh: “Ngâm miệng mà chết đi”.

Đôi khi, vì quá chán nản, Rubashov đã mấp máy môi, nhưng Gletkin không nghe thấy gì. Sau đó Gletkin sẽ hắng giọng và sửa lại áo sơ mi, còn Rubashov thì lấy kính ra lau vào ống tay áo và uể oải gật đầu vì đã nhận ra kẻ quyến rũ chính là Người Đối Thoại Không Lời mà anh đã quên và mà hẳn cũng chẳng có việc gì để làm ở

đây....

“Nghĩa là anh phủ nhận việc đã thay mặt phe đối lập đàm phán với đại diện của nước ngoài trong việc trợ giúp lật đổ chế độ hiện hành? Anh không nhận là đã sẵn sàng nhượng bộ về mặt lãnh thổ, tức là cắt một số tỉnh của đất nước để trả giá cho sự giúp đỡ trực tiếp hoặc gián tiếp của lực lượng can thiệp?”

Rubashov nhất quyết phủ nhận, nhưng khi Gletkin nhắc lại ngày tháng và hoàn cảnh của buổi gặp gỡ với nhà ngoại giao nước ngoài thì anh bỗng nhớ lại một tình tiết của buổi nói chuyện. Vừa buồn ngủ, vừa bối rối, anh nhìn Gletkin và nhận thấy rằng không thể nào giải thích cho hắn hiểu được. Chuyện đó diễn ra sau buổi chiều dài tại Công sứ quán ở B. Rubashov ngồi cạnh nam tước Z. lúc ấy đang là bí thư thứ hai sứ quán của chính cái nước mà cách đây mấy tháng anh đã bị đánh gãy răng, họ nói về một giống chuột lang quý hiếm và phát hiện ra là cả bố nam tước Z. cũng như bố của Rubashov đều có nuôi loại chuột này và hẳn là trước đây họ đã từng trao đổi các con giống với nhau.

“Thế mấy con chuột lang của ông thân sinh ra ngài hiện nay ra sao?” nam tước Z. hỏi

“Khi Cách mạng nổi lên thì chúng bị làm thịt hết,” Rubashov đáp.

“Còn của chúng tôi thì bị đóng hộp hết,” ông nam tước buồn bã

nói. Ông ta không có ý che dấu sự khinh bỉ đối với chế độ mới ở nước mình, có lẽ chỉ vì vô tình mà nó chưa cho ông nghĩ việc mà thôi.

“Ông và tôi đang ở trong cùng một hoàn cảnh,” ông nam tước nói và uống cạn ly rượu. “Chúng ta là những kẻ sinh bất phùng thời. Chớ có nghĩ đến việc nuôi chuột lang nữa, đây là thời của lũ hạ lưu.”

“Xin ông đừng quên rằng tôi đứng về phía những kẻ hạ lưu,” Rubashov vừa nói vừa mỉm cười.

“Tôi không có ý nói như thế,” ông nam tước đáp. “Nếu nói về quan điểm thì tôi tán thành cương lĩnh của anh lùn có ria mép của chúng tôi, nếu hắn không có thái độ nhắng nhít như thế. Xét cho cùng, người ta chỉ có thể bị đóng đinh câu rút vì niềm tin của chính mình mà thôi.” Họ còn ngồi uống cà phê thêm một lúc nữa và khi đã uống đến cốc thứ hai ông nam tước lại nói: “Nếu các ông còn làm một cuộc cách mạng nữa và lần này là để loại bỏ Anh Cả thì xin ông hãy lưu ý đến những con chuột lang nhé.”

“Chuyện đó khó xảy ra lắm,” Rubashov đáp và sau một hồi suy nghĩ, anh nói thêm, “... nhưng có vẻ như bên các ông nhiều người nghĩ như thế?”

“Đa số tin là như thế,” ông nam tước đáp. “Những vụ án diễn ra

trong thời gian vừa qua cho thấy bên nước ông đang có nhiều chuyện rất lạ.”

“Chắc là các ông có thảo luận các biện pháp cần thiết nếu cái sự kiện hiếm có đó vẫn xảy ra chứ?” Rubashov hỏi.

Ông nam tước trả lời ngay lập tức và chính xác như thể ông ta đã chờ đợi câu hỏi từ lâu:

“Chúng tôi đang chờ đây. Dĩ nhiên là phải có giá nhất định.”

Lúc đó họ đang đứng cạnh một cái bàn, tay cầm ly cà phê uống dở.

“Nghĩa là giá cả cũng đã được quyết định rồi?” Rubashov hỏi, thâm tâm cảm thấy giọng nói của mình như có vẻ đóng kịch.

“Dĩ nhiên rồi,” ông nam tước đáp và nói tên một tỉnh có trồng nhiều lúa mì mà dân cư chủ yếu là các sắc dân thiểu số. Rồi họ chia tay nhau....

Rubashov đã quên chuyện này từ lâu, hay ít nhất anh cũng chưa bao giờ nhớ đến nó một cách có ý thức. Đây chỉ là câu chuyện làm quà lúc trà dư tửu hậu, làm sao giải thích được cho Gletkin rằng đây chỉ là câu chuyện tầm phào? Rubashov hướng đôi mắt ngái ngủ nhìn Gletkin lúc ấy vẫn ngồi như phỗng trước mặt. Không, không thể nói với hắn về chuột lang được. Hắn chưa bao giờ uống cà phê

với các ông nam tước. Đọc hần còn ngắc ngứ, nói thì ngọng. Hần xuất thân từ tầng lớp vô sản và chỉ thoát nạn mù chữ khi đã lớn. Hần không thể nào hiểu được rằng câu chuyện bắt đầu bằng những con chuột lang có thể kết thúc, có trời mới biết, ở đâu.

“Tóm lại, anh công nhận rằng hai người có nói chuyện với nhau?” Gletkin hỏi

“Một câu chuyện hoàn toàn vô hại,” Rubashov mệt mỏi đáp, anh biết rằng Gletkin đang dồn mình vào chân tường.

“Cũng vô hại như những bài giảng hoàn toàn mang tính lý thuyết về việc lật đổ các lãnh tụ Đảng bằng bạo lực cho anh chàng Kieffer chứ gì?”

Rubashov lau kính vào ống tay áo. Câu chuyện này có thật là vô hại như anh vẫn nghĩ hay không? Dĩ nhiên là anh không “đàm phán”, cũng chưa đi đến thoả thuận nào, cũng chẳng có ai giao cho ông nam tước Z. làm chuyện đó. Nhiều lắm thì cũng chỉ có thể gọi, như trong giới ngoại giao thường thường nói, là “thăm dò” mà thôi. Nhưng sự “thăm dò” như thế cũng là một phần trong cách suy nghĩ của anh thời đó, ngoài ra nó còn phù hợp với truyền thống của Đảng nữa. Chính Ông Cụ, ngay trước cách mạng, đã chả nhờ vào sự giúp đỡ của Bộ tổng tham mưu của nước đó để trở về nước và lãnh đạo Cách mạng thành công là gì? Chính Ông, trong khi ký hiệp ước đình chiến đầu tiên, đã chẳng hi sinh một phần lãnh thổ để đổi lấy



hoà bình là gì? “Ông Cụ đã đòi đất lấy thời gian”, một người bạn của Rubashov lúc đó đã nhận xét như thế. Câu chuyện “vô hại” đã quên từ lâu kia hoá ra lại ăn khớp với toàn bộ tiến trình đến nỗi bây giờ chính Rubashov cũng nhìn nó với con mắt của Gletkin. Có thể chính vì không quan tâm đến loài chuột lang mà anh chàng Gletkin đọc chưa thông, viết chưa thạo, suy nghĩ thì chậm chạp lại có thể tìm ra được những kết luận đơn giản và dễ hiểu.... Nhưng làm sao hẳn biết hai người đã từng nói chuyện với nhau? Hai người đã bị nghe trộm, khả năng này thật khó xảy ra; hoặc ông nam tước xuất thân từ một gia đình quý tộc chính là một kẻ khiêu khích - chỉ có Trời mới biết tại sao ông ta lại làm như thế mà thôi. Trước đây những chuyện như thế cũng đã từng xảy ra. Đây là một cái bẫy, một cái bẫy đơn giản, phù hợp với trình độ của Anh Cả và Rubashov đã lao vào chẳng khác gì một chú chuột nhắt....

“Anh biết rõ cuộc nói chuyện của tôi với nam tước Z,” Rubashov nói, “cho nên chắc chắn là anh hiểu rằng cuộc nói chuyện đó không tạo ra bất kì hậu quả nào.”

“Dĩ nhiên là không” Gletkin đáp. “Vì chúng tôi đã bắt giam anh đúng lúc và đã kịp thời đập tan lực lượng đối lập trong toàn quốc. Nếu chúng tôi không ra tay kịp thời thì vụ mưu phản đã gây ra hậu quả rồi.”

Trả lời sao đây? Chả lẽ lại nói rằng dù thế nào thì việc đó cũng không thể gây ra hậu quả được vì anh, Rubashov, đã quá già, quá

mệt mỏi rồi, không thể nào hành động một cách nhất quán theo đúng truyền thống của Đảng được, giá Gletkin ở vị trí của anh thì vấn đề có thể sẽ khác? Chả lẽ lại nói rằng toàn bộ hoạt động của cái gọi là lực lượng đối lập thực chất chỉ là những câu chuyện tầm phào vì thế hệ cận vệ già, giống như anh, đã là những người hết hơi từ lâu? Hết hơi vì những năm tháng đấu tranh bất hợp pháp; vì những buồng giam ẩm ướt, những sự căng thẳng trước những nỗi sợ hãi mà không bao giờ họ kể cho người khác nghe, mỗi người phải tự hành động một mình suốt bao nhiêu năm, suốt hàng chục năm trời ư? Hết hơi vì những năm tháng lưu vong, những cuộc đấu tranh không khoan nhượng trong Đảng, vì sự vô nguyên tắc, vì những thất bại thường xuyên và và sự tha hoá sau khi giành được thắng lợi cuối cùng? Có cần nói rằng chưa bao giờ có cái gọi là phe đối lập có tổ chức chống lại Anh Cả; tất cả chỉ là những câu chuyện tầm phào, chỉ là trò đùa với lửa vì thế hệ cận vệ già đã cống hiến hết mình, đã vắt kiệt tất cả tinh thần và sức lực; họ, giống như những người đã chết trong nghĩa trang Errancis, chỉ còn một hi vọng: ngủ yên và chờ đợi sự phán xét công bằng của hậu thế.

Trả lời cái thẳng ngực này thế nào đây? Chả lẽ lại nói rằng hán nói rất đúng, nhưng hán đã làm ở điểm căn bản: trước mặt hán không phải là Rubashov mà chỉ là cái bóng của anh ta thôi? Chả lẽ lại nói rằng vấn đề ở đây không phải là trừng phạt những việc anh đã làm mà là trừng phạt những việc anh không chịu làm? “Người ta chỉ có thể bị đóng đinh câu rút vì niềm tin của chính mình mà thôi,” ông nam tước Z. đã nói như thế.

Trước khi ký biên bản và được dẫn về buồng giam để ngã lăn ra giường như một kẻ chết rồi – tức là trong lúc chờ lần lấy cung tiếp theo – Rubashov đã hỏi Gletkin một câu. Việc này chẳng liên quan gì đến câu chuyện, nhưng Rubashov biết rằng trước khi ký biên bản mới bao giờ Gletkin cũng tỏ ra thoải mái hơn, đây là cách hấn ta trả giá. Câu hỏi có liên qua đến Ivanov.

“Công dân Ivanov đã bị bắt,” Gletkin nói.

“Có thể cho biết lý do được không?” Rubashov hỏi tiếp.

“Ivanov đã có tỏ ra vô trách nhiệm trong việc điều tra trường hợp của anh, ngoài ra, trong khi nói chuyện riêng tư anh ta còn cho rằng chưa đủ chứng cứ kết tội.”

“Nhưng nếu anh ta thật sự tin như thế thì sao?” Rubashov hỏi.

“Có thể anh ta tin rằng tôi không có tội thì sao?”

“Trong trường hợp đó,” Gletkin đáp, “anh ta phải tạm ngưng vụ điều tra và báo cáo với cấp trên rằng anh là người vô tội.”

Gletkin có đùa không? Trông hấn vẫn đúng mực và lạnh lùng như cũ.

Lần sau, vừa cầm cái bút vẫn còn hơi ẩm của Gletkin, trước khi ký biên bản, nhân lúc cô thư ký vừa đi ra khỏi phòng, Rubashov liền nói:

“Tôi có thể hỏi anh câu nữa được không?” Vừa nói anh vừa nhìn vào vết sẹo to tướng trên đầu Gletkin.

“Người ta nói rằng anh ủng hộ các biện pháp cứng rắn. Tại sao anh không sử dụng áp lực trực tiếp đối với tôi?”

“Anh định nói là tra tấn,” Gletkin lạnh lùng đáp. “Chính anh cũng biết là luật hình sự cấm tra tấn cơ mà.”

Hắn dừng lại ở đấy. Rubashov cũng vừa ký xong.

“Ngoài ra,” Gletkin nói tiếp”, có những tên tội phạm thú nhận hết khi bị tra tấn nhưng ra toà thì lại phản cung. Anh thuộc loại gan lì như thế. Lời khai tại toà của anh chỉ có ích trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.”

Đây là lần đầu tiên Gletkin nói đến phiên toà. Nhưng trên đường trở về buồng giam, đi sau người bảo vệ cao to, Rubashov không hề nghĩ đến phiên toà công khai sắp diễn ra mà chỉ thầm nhắc đi nhắc lại câu “Anh thuộc loại gan lì như thế”. Dù không muốn, nhưng câu nói đó cũng làm anh hài lòng.

“Mình thành lắm cảm và trẻ con quá,” anh vừa nghĩ như thế vừa ngã mình xuống chiếc giường sắt trong buồng giam. Cảm giác khoan khoái còn đọng lại cho đến khi anh ngủ thiếp đi.

Mỗi lần, sau những cuộc tranh luận căng thẳng, rồi ký biên bản và lăn ra giường, kiệt sức nhưng cũng mừng là sẽ được ngủ một đến hai tiếng, bao giờ Rubashov cũng chỉ mong có một điều là Gletkin sẽ cho ngủ một giấc thật đầy. Anh biết rằng ước muốn này sẽ chỉ trở thành hiện thực sau khi cuộc chiến kết thúc, sau khi mọi sự đã được giải quyết một cách dứt điểm; anh cũng biết rõ rằng trận nào mình cũng sẽ thua và chẳng có một chút ảo tưởng nào về kết quả chung cuộc. Thế thì tại sao lại tự hành hạ mình và tại sao lại để cho người ta hành hạ, tại sao không đầu hàng ngay vì đảng nào cũng thua và đi ngủ cho rồi? Từ lâu khái niệm chết đã mất hết ý nghĩa siêu hình vốn có của nó, chết chỉ còn có nghĩa là ngủ, một giấc ngủ bình yên, ấm áp. Nhưng cái cảm giác trách nhiệm vừa đặc biệt vừa lạ lùng đã buộc anh phải tỉnh thức và tiếp tục cuộc chiến đấu dù biết rằng sẽ thất bại, dù biết rằng đây là một cuộc chiến đấu vô nghĩa. Anh sẽ tiếp tục chiến đấu, còn Gletkin sẽ tiếp tục buộc anh lùi dần, lùi dần cho đến khi hẳn có thể buộc anh chấp nhận những điều kết buộc ngu xuẩn nhất. Anh đã chọn con đường ấy, và anh phải đi đến cùng. Chỉ khi đó anh mới có thể bước vào bóng tối với đôi mắt mở rộng, lúc đó anh sẽ được quyền ngủ và không còn bao giờ bị đánh thức nữa.

Chính Gletkin cũng có thay đổi trong quá trình hỏi cung không ngừng nghỉ như thế. Sự thay đổi dĩ nhiên là không nhiều nhưng đôi mắt ửng đỏ của Rubashov đã không bỏ qua. Gletkin vẫn ngồi nghiêm chỉnh đằng sau cái bàn viết với bộ mặt lạnh như tiền, áo bỏ trong quần, nhưng dần dần giọng nói của hắn đã bớt vẻ hung hăng, đồng thời ngọn đèn pha cũng được hắn vặn nhỏ dần và cuối cùng gần như trở thành ngọn đèn thường. Hắn không bao giờ cười, đôi khi Rubashov tự hỏi không hiểu cái bọn Neanderthal này có biết cười hay không, anh cũng không bao giờ nhận thấy bất kì tình cảm nào trong giọng nói của hắn. Nhưng một hôm, sau nhiều giờ tranh luận, Rubashov không còn thuốc hút thì Gletkin, chính hắn không hút, đã móc túi lấy hộp thuốc ra và đẩy qua mặt bàn cho Rubashov.

Rubashov bác bỏ được một mục, đây là mục nói về vụ phá hoại ở tổ hợp công nghiệp nhôm. So với những tội đã thú nhận thì tội này không có ý nghĩa gì, nhưng Rubashov đã chiến đấu một cách quyết liệt chẳng khác gì những điểm quyết định. Họ ngồi đối diện với nhau gần như suốt đêm. Rubashov, giọng đã khản đi vì mệt mỏi, lần lượt bác bỏ từng chứng cứ, từng con số bằng cách dẫn ra ngày tháng và số liệu bất ngờ hiện ra trong trí nhớ, còn Gletkin thì không thể tìm được một kẽ hở nào trong lập luận của anh. Vì ngay trong lần hỏi cung thứ hai hay thứ ba họ đã đi đến thoả thuận rằng nếu Gletkin chứng minh được nguồn gốc của một tội nào đó, dù nguồn gốc đó chỉ có tính chất lý thuyết thì hắn có toàn quyền bịa ra các chi tiết hay có quyền “viết thêm dấu chấm lên đầu chữ I”, như Rubashov nói. Thế là vô tình họ đã chấp nhận luật chơi đó và

không còn phân biệt được sự khác nhau giữa những việc Rubashov thực sự đã làm với hành động mà anh có thể làm, dần dà họ không còn phân biệt được đâu là thật, đâu là bịa nữa, không còn phân biệt được đâu là lý luận, đâu là thực tế nữa. Thỉnh thoảng Rubashov, đây là lúc đầu óc tỉnh táo, có nhận ra cái luật chơi trái khoáy này; những lúc như thế anh biết rằng mình vừa bị bỏ bùa mê, thuốc lú; nhưng Gletkin thì có vẻ như không bao giờ tỉnh cả.

Hôm ấy, gần sáng rồi mà Rubashov vẫn không chịu công nhận đã tiến hành phá hoại tại tổ hợp công nghiệp nhôm, thì giọng Gletkin có vẻ hơi mất bình tĩnh giống hệt như như cái lần anh chàng Môi Tho trả lời sai vậy. Hắn đột ngột vặn to ngọn đèn lên, đã mấy hôm nay hắn không làm như thế rồi, nhưng vừa nhìn thấy Rubashov mỉm cười là hắn vội vặn nhỏ lại ngay. Hắn hỏi thêm vài câu nữa và sau khi thấy không có kết quả đã buộc phải kết luận như sau:

“Nghĩa là anh kiên quyết phủ nhận đã có hành động phá hoại trong lĩnh vực mà mình phụ trách cũng như phủ nhận một kế hoạch như thế, đúng không?”

Rubashov gật đầu, cố gắng xua đi cơn buồn ngủ để xem Gletkin sẽ làm gì. Hắn quay sang người thư ký và nói:

“Viết đi: điều tra viên đề nghị loại bỏ mục này vì không đủ chứng cứ.”

Rubashov vội vàng lấy thuốc ra hút để che giấu sự vui mừng thái quá và không đúng lúc. Đây là lần đầu tiên anh thắng được Gletkin. Dĩ nhiên đây chỉ là một chiến thắng cục bộ, không đáng kể, trong một trận đánh chắc chắn là thua, nhưng dù sao đây vẫn là chiến thắng, đã mấy tháng nay, mà cũng có thể đã mấy năm nay anh chưa từng có cảm giác như thế.... Gletkin cầm tờ biên bản và như thường lệ, hắt cho cô thư ký đi về.

Khi chỉ còn hai người trong phòng, lúc đó Rubashov đã đứng lên, Gletkin vừa đưa bút máy cho anh ký biên bản vừa nói:

“Theo kinh nghiệm thì phe đối lập thường sử dụng biện pháp phá hoại như là biện pháp hữu hiệu nhất nhằm gây khó khăn cho chính phủ và tạo ra sự bất bình trong dân chúng. Tại sao anh lại ngoan cố chứng minh rằng không sử dụng hay không có ý định sử dụng biện pháp đó?”

“Vì chỉ có ngu mới đi đổ vấy như thế,” Rubashov đáp. “Tôi không chấp nhận việc suốt ngày cãi nhai về chuyện phá hoại, coi bọn phá hoại như là lũ yêu tinh, mọi người chỉ còn chăm chăm vào việc tố cáo lẫn nhau.”

Cảm giác hân hoan, tưởng đã đánh mất từ lâu, làm Rubashov sôi nổi và nói to hăng lên.

“Nếu anh bảo việc phá hoại chỉ là bịa đặt thì theo anh vì sao nền



công nghiệp của chúng ta lại lộn xộn như thế?”

“Định mức quá cao, tiền lương quá thấp, các biện pháp trừng phạt thì dã man,” Rubashov nói. “Tôi biết có những trường hợp công nhân bị vu cho là phá hoại và bị bắn chỉ vì những lỗi lầm không đáng kể mà nguyên nhân chỉ là do mệt và đói. Chỉ cần đi muộn hai phút là bị đuổi việc rồi, sổ lao động với kỷ luật như thế thì tìm làm sao tìm được việc mới.”

Gletkin nhìn Rubashov với ánh mắt lạnh lùng như cũ và hỏi với giọng cũng lạnh lùng không kém:

“Lúc bé anh có đồng hồ không?”

Rubashov trở mắt nhìn. Đặc điểm dễ thấy nhất của lũ Neanderthal thời hiện đại này là chúng không biết đùa, hay nói đúng hơn, lúc nào mặt chúng cũng hầm hầm.

“Anh không muốn trả lời à?”

“Tất nhiên là có,” Rubashov đáp, thâm tâm lấy làm ngạc nhiên hơn.

“Lúc lên mấy?”

“Tôi không nhớ rõ,” Rubashov nói, “khoảng tám chín tuổi gì đó.”

“Còn tôi,” Gletkin nói với giọng lạnh lùng như cũ, “phải đến năm mười sáu tuổi tôi mới biết rằng một giờ có sáu mươi phút. Khi có việc ra thành phố dân làng tôi thường đi khỏi nhà từ sáng sớm rồi nằm đợi tàu trong nhà ga. Tàu thường đến vào lúc giữa trưa, đôi khi phải chiều mới tới, thỉnh thoảng có khi đến sáng hôm sau mới có tàu. Những người nông dân như thế đang làm việc trong các nhà máy của chúng ta. Làng tôi bây giờ có một nhà máy luyện thép lớn nhất thế giới. Thời gian đầu công nhân thường lăn ra ngủ ngay sau khi vừa đổ xong một mẻ gang. Phải bắn vài vụ thì mới tạm gọi là có kỷ luật. Ở các nước khác quá trình công nghiệp hoá thường kéo dài một hai trăm năm, người nông dân có điều kiện làm quen dần với sản xuất công nghiệp. Ở nước ta quá trình này kéo dài có mười năm trời. Nếu chúng ta không tổng cổ hay cho những bọn như thế một viên kẹo đồng chỉ vì những lỗi nhỏ thì chúng sẽ nằm ngủ ngay trong sân nhà máy, đất nước sẽ rơi vào tình trạng trì trệ và trở lại tình trạng như thời trước cách mạng. Năm ngoái có một phái đoàn phụ nữ thành phố Manchester nước Anh tới thăm. Họ được dẫn đi thăm quan khắp nơi, khi về nước họ đã viết mấy bài báo có tính chất tố cáo, nói rằng các thợ dệt Manchester không thể nào chịu đựng nổi điều kiện làm việc như ở ta. Tôi đã đọc ở đâu đó rằng nền công nghiệp dệt ở Manchester đã có hai trăm năm lịch sử. Tôi cũng từng đọc những tài liệu nói về điều kiện làm việc của công nhân cách đây hai trăm năm, nghĩa là khi nền công nghiệp mới hình thành. Đồng chí Rubashov ạ, đồng chí nói hết như mấy mẹ trong đoàn đại biểu phụ nữ Manchester vậy. Nhưng dĩ nhiên là anh biết nhiều việc mà họ không biết. Cho nên lý lẽ của anh làm tôi ngạc

nhiên đây. Mặt khác, anh với họ cũng có một điểm chung: ngay từ bé anh đã có đồng hồ rồi....”

Rubashov không nói gì, mắt nhìn chăm chăm vào Gletkin. Hắn nói gì thế? Chả lẽ hắn định bộc bạch với mình à? Nhưng Gletkin đã lại ngồi thẳng băng với bộ mặt lạnh như tiền như chưa có chuyện gì xảy ra.

“Về mặt nào đó thì anh nói đúng,” cuối cùng Rubashov lên tiếng. “Nhưng vì anh khơi ra vấn đề này, vậy xin nói cho tôi biết tại sao các anh lại cần những con dê tế thần, nếu các anh biết rằng đây là những khó khăn khách quan, như anh vừa nói?”

“Kinh nghiệm cho ta biết rằng,” Gletkin đáp, “phải giải thích các khó khăn và những sự kiện phức tạp cho quần chúng bằng ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu. Theo những gì tôi biết từ lịch sử thì nhân loại luôn luôn cần những con dê tế thần. Tôi tin rằng đây là một hiện tượng không thể thiếu được; ông bạn Ivanov của anh bảo rằng nó có nguồn gốc từ tôn giáo. Theo tôi nhớ thì ông ta nói rằng từ này xuất phát từ truyền thống của người Do Thái, mỗi năm họ lại giết một con dê, gánh tất cả tội lỗi thay cho họ, để tế Trời.” Gletkin ngừng lời và đưa tay chỉnh lại áo sơ mi. Ngoài ra, có cả những người tự nguyện làm dê tế thần nữa kia. Ở cái tuổi mà anh đã có đồng hồ đeo tay thì tôi còn được nghe ông cố đạo trong làng giảng rằng Jesus Christ tự gọi mình là con cừu mang trên lưng tất cả tội lỗi của thế gian. Tôi không thể nào hiểu nổi làm sao một người lại có thể cứu

được cả thế gian. Thế mà đã hai ngàn năm nay người ta vẫn còn tin đây.”

Rubashov đưa mắt nhìn thẳng vào mặt Gletkin. Hắn nói thế là nhằm mục đích gì nhỉ? Câu chuyện này rồi sẽ đưa đến đâu? Thắng người Neanderthal hiện đại này đã đi lạc vào những góc ngách nào đây?

“Có thể là như thế,” Rubashov nói, “nhưng theo lý thuyết của chúng ta thì phải nói cho nhân dân biết sự thật chứ không phải là đồ cho những tên phá hoại và gián điệp như thế.”

“Nếu nói với người dân làng tôi,” Gletkin đáp, “rằng họ vẫn chỉ là những kẻ mù chữ và lạc hậu dù Cách mạng đã xảy ra, dù đã xây dựng được những nhà máy hiện đại thì cũng chẳng ích gì. Còn nếu nói rằng họ là những anh hùng lao động, làm việc hiệu quả hơn cả người Mỹ, sự lộn xộn hiện nay là do lũ phá hoại và gián điệp thì ít nhất cũng động viên được họ. Chân lý là cái có lợi, giải dối là cái có hại. Trong cuốn sách giáo khoa lịch sử giành cho các lớp bổ túc có nhấn mạnh rằng trong những thế kỷ đầu sau Công nguyên, Thiên chúa giáo là một bước tiến khách quan của nhân loại. Jesus Christ khẳng định rằng ông là con của Chúa và một nữ đồng trinh, chuyện đó đúng sai không quan trọng, không phải là vấn đề chúng ta quan tâm. Đây chỉ là một biểu tượng, nhưng người nông dân của chúng ta thì lại hiểu theo nghĩa đen. Chúng ta cũng có quyền tạo ra những biểu tượng hữu ích ngay cả khi những người nông dân của chúng ta

tiếp tục hiểu theo nghĩa đen.”

“Anh lý sự chẳng khác gì Ivanov,” Rubashov nhận xét.

“Công dân Ivanov,” Gletkin nói, “giống như anh, thuộc giới trí thức cũ. Chuyện trò với anh ta giúp tôi bổ sung kiến thức về lịch sử. Nhưng chúng tôi khác nhau ở chỗ tôi dùng kiến thức để phục vụ Đảng, còn Ivanov là một kẻ giả hình.”

“Sao...?” Rubashov vừa hỏi vừa tháo kính ra.

“Công dân Ivanov,” Gletkin với bộ mặt lạnh như tiền, “đã bị hành quyết hồi đêm, đây là quyết định của Toà Hành chính.”

Sau khi nói chuyện, Gletkin cho Rubashov ngủ suốt hai tiếng đồng hồ liền. Trên đường trở về buồng giam Rubashov cứ băn khoăn mãi về chuyện vì sao anh lại tỏ ra vô tình trước tin Ivanov chết như thế. Nó chỉ làm giảm phần nào niềm vui chiến thắng, anh chỉ bỗng cảm thấy mệt và buồn ngủ mà thôi. Thực ra thì anh cảm thấy xấu hổ vì chiến thắng vớ vẩn đó ngay trước khi biết tin Ivanov bị giết cơ. Gletkin mạnh đến nỗi cái mà anh tưởng là chiến thắng thì lại hoá ra là thất bại. Hắn ngồi đó, to lớn, bất động, mặt lạnh như tiền, nhưng đây chính là hiện thân của cái Nhà nước được những người trí thức cũ như Ivanov và Rubashov dựng lên. Đứa con của họ, máu thịt của họ đã biến thành một bộ máy khổng lồ, không còn kiểm soát được nữa rồi. Gletkin chả đã công nhận hắn là hậu duệ tinh thần của

Ivanov là gì? Rubashov thậm nhắc đi nhắc lại rằng Gletkin và bọn người Neanderthal thời hiện đại chỉ làm mỗi một việc là hoàn thành công việc của giới trí thức cũ mà thôi. Rằng lý tưởng của họ, dù trong miệng lưỡi của bọn người Neanderthal kia có bất nhân đến thế nào, vẫn không hề thay đổi. Dù Ivanov có dùng cùng một lý lẽ như thế thì trong giọng nói của anh ta vẫn có cái trầm âm của thời quá khứ, của cái thế giới đã trở thành dĩ vãng. Người ta có thể phủ nhận thời trai trẻ của mình nhưng không thể nào xoá bỏ được nó. Ivanov đã mang trên lưng gánh nặng của quá khứ, vì vậy mà giọng nói của anh ta mới có vẻ buồn buồn như thế và đấy cũng là lý do vì sao Gletkin gọi anh ta là kẻ giả hình. Những người như Gletkin không cần xoá bỏ bất cứ điều gì, chúng không cần phủ nhận vì đơn giản chúng là loại người không có quá khứ. Trên không chẳng, dưới không rẽ, chúng là những kẻ không biết buồn cũng chẳng biết vui là gì.

## 5.

Trích nhật ký của N. S. Rubashov:

...Chúng ta, những người đang rút lui khỏi vũ đài, có quyền gì mà lại dám coi thường những kẻ như Gletkin như thế? Chẳng khác gì tiếng cười của lũ khi khi chúng trông thấy người Neanderthal đầu tiên. Những con khi đã được giáo hoá chuyển từ cảnh nọ sang cảnh kia một cách khéo léo, trong khi người Neanderthal vụng về, không thể rời khỏi mặt đất. Những con khi no đủ và thoải mái, luôn luôn

vui vẻ hay trầm tư mặc tưởng, trong khi người Neanderthal lúc nào cũng nhăn nhó nhí nhố, tay lăm lăm dùi cui, sẵn sàng lao vào đối thủ. Những con khỉ trên cây khoái trá, tha hồ chế giễu và thỉnh thoảng lại ném vào người Neanderthal mấy trái cây ăn thừa. Khi đôi khi cũng hoảng loạn, chúng chỉ ăn quả và lá non một cách tao nhã; trong khi người Neanderthal ăn thịt sống, giết các loài vật, thậm chí giết cả đồng loại. Người Neanderthal phá những cánh rừng nguyên sinh, lật cả những tảng đá nặng, chống lại luật lệ và truyền thống của rừng già. Đối với loài khỉ thì đây là một giống vật vụng về, tàn nhẫn và tiểu nhân, một bước thụt lùi của lịch sử. Loài tinh tinh còn sống sót vẫn hếch mũi lên mỗi khi có người xuất hiện....

## 6.

Rắc rối xảy ra vào ngày thứ năm hay thứ sáu: Rubashov bị ngắt trong khi đang lấy lời khai. Họ vừa bắt đầu thảo luận điều khoản quyết định của bản cáo trạng, đây là động cơ hành động của Rubashov. Trong bản cáo trạng, động cơ được xác định đơn giản là “tư tưởng phản cách mạng” và chỉ nói khơi khơi, như thể đây là một sự kiện hiển nhiên, rằng anh là gián điệp của quốc gia đối địch. Rubashov kiên quyết phản đối qui kết như thế. Buổi thẩm vấn bắt đầu ngay từ lúc rạng đông và đến khoảng giữa buổi sáng thì Rubashov bỗng nhiên gục xuống rồi ngã lặn ra đất, bất tỉnh nhân sự.

Mấy phút sau Rubashov mới tỉnh, anh nhìn thấy một tay bác sĩ

đầu bé tí, tóc thưa đang cầm một chai nước tưới vào mặt, còn tay kia thì chà sát hai bên thái dương. Mùi bạc hà cộng với mùi bánh mì đen và tóp mỡ làm anh nôn thốc nôn tháo. Tay bác sĩ chửi ầm lên, giọng hằn the the, nghe rất chói tai; sau đó hấn bảo rằng cần phải đưa Rubashov ra ngoài trời một lúc. Gletkin đứng nhìn, mặt vẫn lạnh như tiền. Hấn bấm chuông gọi người tạp vụ, ra lệnh giặt tấm thảm rồi mới bảo đưa Rubashov về buồng giam. Một lúc sau anh được người giám thị già dẫn ra sân.

Bầu không khí trong lành làm Rubashov cảm thấy ngây ngất. Anh nhận thấy mình có hai lá phổi đang hít lấy hít để khí trời. Trời quang nhưng ánh nắng rất yếu; mười một giờ đúng, ngày xưa, tức là trước khi bắt đầu chuỗi ngày đêm bất tận vừa qua, đây chính là lúc anh thường được cho ra ngoài đi dạo. Anh đúng là một thằng ngốc, lúc đó anh đâu có biết giá trị của nó. Tại sao lại không thể sống, không thể thở, không thể hưởng cái thú đi dạo trên tuyết và để cho ánh mặt trời mơn man trên gò má? Tại sao lại không tìm cách kết thúc những cơn ác mộng, kết thúc cảnh bị hành hạ dưới ánh đèn pha và sống như bao người khác?

Lần này đi bên cạnh vẫn là anh nông dân với đôi giày rách nợ. Anh ta liếc nhìn Rubashov đang ngật ngưỡng bước rồi hắng giọng hai ba lần, mắt vẫn không rời mấy người lính gác, và nói:

“Thưa ông, lâu lắm không trông thấy ông. Trông ông yếu lắm, khéo ông chẳng sống được lâu nữa đâu. Người ta bảo sắp có chiến tranh



rồi.”

Rubashov không trả lời. Anh chỉ muốn cúi xuống, vốc một nắm tuyết rồi đưa luôn vào miệng mà thôi. Đám tù nhân chậm chạp bước. Đằng trước, cách hai mươi bước là một cặp, cao gần bằng nhau, trùm áo mưa xám, đang lê bước, hơi thở gấp lạnh biến thành đám khói máu xám ngay trước mũi từng người.

“Sắp đến mùa gieo xạ rồi,” anh nông dân lại lên tiếng. “Ngay sau khi tuyết tan chúng tôi thường xua cừ vào núi. Phải mất ba ngày mới tới nơi. Trước đây cả làng cùng lừa cừ đi trong một ngày. Ngay lúc mặt trời mọc là tất cả mọi con đường trong làng đã đầy cừ rồi, cả làng cùng đi luôn. Thưa ông, có lẽ chưa bao giờ ông nhìn thấy nhiều cừ, nhiều chó, nhiều bụi, nhiều tiếng chó sủa, nhiều tiếng cừ be be đến như thế đâu. Lạy Chúa tôi! Vui ời là vui cơ...”

Rubashov ngược mắt nhìn trời, nắng vẫn còn yếu nhưng hơi ấm của mùa xuân dường như đã phảng phất đâu đây. Phía trên hàng rào thấp canh một đôi chim đang tung cánh, múa lượn, hình như chúng đang vờn nhau.

Anh nông dân lại tiếp tục:

“Những ngày, khi tuyết bắt đầu tan như thế này, thật vui biết bao. Nhưng thưa ông, chúng ta chẳng còn được mấy nổi nữa đâu. Họ sẽ giết hết vì chúng ta là phản động, vì sẽ không còn những ngày hạnh

phúc như xưa nữa...”

“Anh có cảm thấy thật sự hạnh phúc không?” Rubasho hỏi, nhưng không nghe được rõ câu trả lời, chỉ thấy yết hầu anh ta nâng lên hạ xuống vài lần. Rubashov liếc nhìn anh ta và sau đó lại hỏi:

“Anh có nhớ đoạn trong Kinh thánh nói về việc dân chúng đòi quay lại Egypt không?”

Anh nông dân gật đầu, nhưng rõ ràng là anh ta không hiểu Rubashov nói gì. Thời gian đi dạo vừa chấm dứt, đám tù nhân bị xua ngay vào nhà.

Không khí trong lành cũng chẳng giúp được mấy, Rubashov đã lại cảm thấy mí mắt nặng trĩu, đầu vầng vất và buồn nôn như cũ. Anh vội cúi xuống bốc một nắm tuyết xoa lên trán và hai bên mí mắt.

Anh tưởng sẽ được đưa về buồng giam, nhưng hoá ra lại bị dẫn ngay đến phòng làm việc của Gletkin. Hắn vẫn ngồi sau cái bàn viết, đúng như lúc Rubashov được đưa ra ngoài. Không biết đã lâu chưa nhỉ? Có cảm giác như hắn không nhúc nhích tí nào trong suốt thời gian anh đi dạo. Rèm cửa sổ đã được kéo lên, đèn vẫn còn sáng, căn phòng giống như một cái ao tù, thời gian dường như đang dầm chân tại chỗ. Khi ngồi xuống cái ghế đối diện với Gletkin, Rubashov bỗng nhìn thấy một vết bẩn trên cái thảm. Đúng rồi, anh đã bị nôn. Hoá ra chuyện đó mới xảy ra cách đây một tiếng đồng hồ.

“Chắc là anh đã ổn rồi,” Gletkin nói. “Lúc đó chúng ta đang nói đến vấn đề cuối cùng, tức là động cơ hoạt động phản cách mạng của anh.”

Hắn tò mò liếc nhìn tay phải của Rubashov lúc đó vẫn còn giữ một nắm tuyết đang tan. Rubashov không rời ánh mắt của Gletkin, anh khẽ mỉm cười và giơ bàn tay lên. Cả hai cùng ngắm nhìn chỗ tuyết đang tan dần dưới ánh đèn pha.

“Động cơ là vấn đề cuối cùng,” Gletkin nói. “Nếu anh công nhận thì coi như chúng ta kết thúc công việc.”

Lâu lắm rồi hắn mới vịn ánh đèn sáng chói như hôm nay. Rubashov nhắm tịt mắt lại.

“... Lúc đó anh có thể nghỉ ngơi,” Gletkin nói tiếp.

Rubashov đưa tay lên thái dương, nhưng hơi lạnh đã không còn. “Nghỉ ngơi”, mấy từ đó như còn văng vẳng bên tai Rubashov. Nghỉ và ngủ. Hãy để cho chúng tôi quay về Egypt....

“Anh biết rõ động cơ của tôi,” Rubashov nói. “Anh biết rằng tôi hành động không phải vì “có tư tưởng phản cách mạng”, tôi cũng không phải là gián điệp của nước ngoài. Tất cả những việc tôi làm đều xuất phát từ lương tâm và nhận thức của chính tôi.”

Gletkin lúi ngẩn kéo bàn, lấy ra một tập hồ sơ và bắt đầu đọc:

“...Chúng ta không quan tâm đến niềm tin của chủ thể. Người sai sẽ phải trả giá, còn người đúng thì sẽ được miễn thứ. Luật của chúng ta là như thế...”, hấn ngẩng lên nhìn Rubashov và nói thêm: “Anh viết trong nhật ký ngay sau khi bị bắt như thế.”

Rubashov cảm thấy cái ánh sáng lập loè quen thuộc đang nhấp nháy đằng sau hai mí mắt nhắm nghiền. Những điều anh viết trong nhật ký, qua miệng lưỡi Gletkin, bỗng trở thành thô lỗ và trần trụi chẳng khác gì lời cầu kinh ghi trên đĩa hát.

Gletkin lấy ra một trang nữa rồi vừa lạnh lùng nhìn Rubashov vừa đọc thêm một câu:

“Người trung thực là người phục vụ hết mình mà không tự phụ và chấp nhận mọi hậu quả.”

Rubashov cũng nhìn chăm chăm vào mặt Gletkin.

“Tôi không hiểu,” anh nói, “Đảng sẽ được lợi lộc gì nếu các đảng viên tự bôi tro trát trấu vào mặt mình. Tôi đã ký tất cả những điều anh yêu cầu. Tôi đã nhận tội vì có những hành động sai lầm. Thế vẫn chưa đủ hay sao?”

Anh đeo kính lên, nhưng không mở mắt ra được, rồi nói thêm với giọng mệt mỏi, khàn khàn:

“Dù sao thì tên tuổi Rubashov cũng là một phần của lịch sử Đảng ta. Bôi tro trát trấu vào mặt anh ta cũng có nghĩa là bôi tro trát trấu vào lịch sử của Cách mạng.”

“Tôi chỉ có thể trả lời anh bằng chính những điều anh đã viết,” Gletkin nói”. “Anh viết như sau”:

“Quần chúng dễ dàng tiếp thu được những ý tưởng đơn giản và được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cái đúng phải được đánh bóng cho sáng như gương, cái sai phải được bôi cho đen như than. Để quần chúng hiểu thì các hiện tượng chính trị cũng phải được tô cho thành loè loẹt như mấy con tò he.”

Rubashov ngồi im không đáp. Một lúc sau anh mới nói:

“Tôi hiểu mục đích của anh: Tôi phải đóng vai ngạ quỷ, phải tru lên, phải nghiền răng, thè lưỡi, một cách hoàn toàn tự nguyện. Danton và các đồng chí của ông đã không phải làm như thế.”

Gletkin gấp tập hồ sơ. Hắn khẽ vươn người ra phía trước và sửa lại áo sơ mi.

“Khai như thế trước toà là trách nhiệm cuối cùng của anh trước

Đảng.”

Rubashov không trả lời. Mắt vẫn nhắm, anh tưởng tượng như đang thiu thiu ngủ dưới ánh nắng mặt trời. Nhưng giọng Gletkin thì không cách nào tránh được.

“So với những gì đang diễn ra ở đây thì Danton và Quốc ước chỉ là một trò hề, không hơn, không kém. Tôi đã đọc vài cuốn sách viết về mấy ông Danton này, họ vẫn đội tóc giả và chỉ quan tâm đến chuyện bảo vệ cái danh dự hão của mình mà thôi. Đối với họ, ngay cả trước khi chết, danh dự cá nhân còn quan trọng hơn sự nghiệp chung.”

Rubashov vẫn không trả lời. Giọng Gletkin như xoáy vào óc não, dội vào màng tai từ khắp cả các hướng, đập liên tục vào hộp sọ nhưc buốt.

“Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Cách mạng không chỉ giành mà còn giữ được chính quyền. Đất nước chúng ta đã trở thành tiền đồn của thời đại mới. Tiền đồn này bao gồm một phần sáu diện tích thế giới và một phần mười dân số trái đất.”

Lúc này giọng Gletkin vang lên không phải từ phía trước mà là từ phía sau Rubashov. Hắn đã đứng lên và đi đi lại lại dọc theo căn phòng. Đây là lần đầu tiên hắn làm như thế. Đôi ủng kêu cọt kẹt theo mỗi bước chân, bộ đồng phục là phẳng thỉnh thoảng lại kêu xột

xoạt, Rubashov nhận rõ mùi mồ hôi quynh lẫn mùi da thuộc.

“Khi Cách mạng mới thành công chúng ta tin rằng nhân dân các nước khác cũng sẽ theo gương chúng ta. Nhưng làn sóng phản cách mạng đã trỗi dậy và suýt nữa nhấn chìm ngay chính chúng ta. Đảng chia thành hai phe. Phe thứ nhất là những kẻ phiêu lưu, đề xuất khẩu cách mạng, họ sẵn sàng hi sinh tất cả thành quả mà chúng ta đã giành được. Anh thuộc nhóm này. Đảng đã nhận ra tính chất nguy hiểm của nó và đã ra tay tiêu diệt.”

Rubashov muốn ngẩng đầu lên để nói vài câu. Tiếng bước chân của Gletkin dội vào óc như tiếng trống ngũ liên. Anh đã mệt lắm rồi, đành ngả người ra đằng sau và nhắm chặt mắt lại.

“May mà lãnh tụ của Đảng ta,” Gletkin tiếp tục, “nhìn xa trông rộng hơn rất nhiều. Người hiểu rằng chúng ta phải vượt qua giai đoạn thoái trào hiện nay và bảo vệ cho bằng được tiền đồn của Cách mạng. Người hiểu rằng giai đoạn này có thể kéo dài; mười, hai mươi mà cũng có thể năm mươi năm nữa tình hình mới lại chín muồi cho một làn sóng cách mạng mới. Trước khi điều đó xảy ra chúng ta là những kẻ đơn thương độc mã. Trước khi điều đó xảy ra chúng ta chỉ có một nhiệm vụ: tìm mọi cách để sống còn.”

Rubashov lơ mơ nhớ lại một câu tương tự: “Người cách mạng có trách nhiệm bảo toàn mạng sống của mình”. Ai đã nói câu đó? Chính ta đã nói? Hay Ivanov? Ta đã hi sinh Arlova nhân danh

nguyên tắc này. Và nay nó đã đưa ta đến đâu?

“...Tìm mọi cách để sống còn,” giọng Gletkin như xoáy vào óc não. Chúng ta phải bảo vệ thành quả của Cách mạng bằng mọi giá, chúng ta sẵn sàng hi sinh tất cả. Lãnh tụ Đảng đã đưa ra khẩu hiệu thiên tài đó và kiên trì áp dụng nó trong thực tiễn. Đường lối của Quốc Tế phải phù hợp với chính sách của nước ta. Bất cứ kẻ nào không hiểu điều đó cũng sẽ bị thủ tiêu. Tất cả những cán bộ tốt nhất của chúng ta ở châu Âu cũng sẽ bị thủ tiêu. Vì quyền lợi của Cách mạng, chúng ta sẽ kiên quyết đập tan ngay cả các tổ chức của chúng ta ở nước ngoài. Chúng ta sẵn sàng hợp tác với các chính phủ phản động trong việc đàn áp các phong trào cách mạng nếu nó diễn ra không đúng lúc. Để bảo vệ tiền đồn của Cách mạng, chúng ta sẵn sàng phản bội lại bạn bè và thoả hiệp với chính kẻ thù của mình. Đây là nhiệm vụ mà lịch sử đã giao phó cho chúng ta. Những kẻ thiên cận, những nhà đạo đức học không thể nào hiểu được chuyện này. Nhưng lãnh tụ của Cách mạng, với tầm nhìn chiến lược tài ba, đã chỉ rõ: ai gan lì hơn thì người đó sẽ chiến thắng.”

Gletkin dừng bước. Hắn đứng ngay phía sau ghế của Rubashov. Vết sẹo trên cái đầu cạo trọc lấp lánh mồ hôi. Có vẻ như hắn cảm thấy ngượng vì không giữ được vẻ điềm đạm như mọi khi; miệng thở hổn hển, hắn lấy khăn mùi xoa lau trán rồi trở về chỗ vẫn ngồi phía sau cái bàn viết. Hắn vắn nhỏ đèn lại và tiếp tục câu chuyện với giọng lạnh lùng như cũ:



“Đường lối của Đảng được xác định một cách rõ ràng. Chiến thuật của Đảng được xác định bởi nguyên tắc: Mục đích biện minh cho phương tiện, mọi phương tiện, không có ngoại lệ nào. Trên tinh thần đó, Công tổ viên sẽ kết án tử hình anh.”

“Công dân Rubashov, phái của anh đã bị đập tan và bị tiêu diệt rồi. Các anh định chia rẽ Đảng, mặc dù biết rằng chia rẽ thì nhất định sẽ dẫn đến nội chiến. Anh biết rằng nông dân đang bất bình, họ chưa hiểu được ý nghĩa của những hi sinh, mất mát mà họ đang phải chịu đựng. Cuộc chiến tranh sẽ diễn ra trong nay mai, mọi dao động đều sẽ dẫn đến những tai hoạ khôn lường. Vì vậy Đảng phải giữ vững sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Đảng viên phải như được đúc từ một khuôn với kỷ luật sắt và lòng trung thành tuyệt đối. Công dân Rubashov, anh và những kẻ đồng hội đồng thuyền đã cố tình phá hoại sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Nếu thực sự hối cải thì anh phải giúp chúng tôi hàn gắn lại vết nứt đó. Đây là nhiệm vụ cuối cùng Đảng giao cho anh.”

“Nhiệm vụ của anh rất đơn giản. Thực ra anh đã tự xác định rồi: đánh bóng cái Đúng và bôi đen cái Sai. Đường lối của phe đối lập là sai. Nhiệm vụ của anh là tố cáo phe đối lập, là làm cho quần chúng hiểu rằng đối lập là tổ chức tội phạm, các lãnh tụ đối lập là những tên tội phạm hình sự. Nói đơn giản như thế thì quần chúng sẽ hiểu được ngay. Còn nếu anh nói về những động cơ phức tạp thì chỉ làm cho họ rối trí thêm mà thôi. Ngoài ra anh phải nói làm sao để quần chúng không tỏ thái độ đồng cảm hay thương hại gì hết. Thương hại

hay đồng cảm với đôi lập là mối nguy lớn đối với đất nước.”

“Đồng chí Rubashov, tôi hi vọng rằng đồng chí đã hiểu trách nhiệm của mình trước Đảng.”

Đây là lần đầu tiên Gletkin gọi Rubashov là “đồng chí”. Rubashov lập tức ngẩng đầu lên. Anh cảm thấy hồi hộp, như có một luồng hơi ấm chạy khắp thân thể, không thể nào chế ngự được. Khi đeo kính lên anh cảm thấy gò má gật nhẹ.

“Vâng, tôi hiểu,” Rubashov khẽ nói.

“Xin nhớ,” Gletkin tiếp tục, “đối với anh, Đảng không hứa hẹn bất cứ điều gì. Một số nghi phạm đồng ý hợp tác sau khi áp dụng các biện pháp nghiệp vụ. Số khác thì được hứa sẽ tha hay sẽ tha những người thân của họ đang bị chúng tôi giữ làm con tin. Nhưng với đồng chí Rubashov, tôi xin nói rằng Đảng không mặc cả, cũng không hứa hẹn bất cứ điều gì.”

“Tôi hiểu,” Rubashov nhắc lại.

Gletkin mở tập hồ sơ.

“Tôi rất ấn tượng với một đoạn nhật ký của anh,” hắn nói. “Anh viết như sau: ‘Tôi tư duy và hành động theo lương tâm của mình. Nếu đúng thì tôi sẽ chẳng có gì phải ân hận, còn nếu sai thì tôi sẽ

phải trả giá’.”

Glekin ngẩng lên và nhìn thẳng vào mắt Rubashov:

“Đồng chí Rubashov ạ, đồng chí đã sai và sẽ phải trả giá. Đảng chỉ có thể hứa với đồng chí một điều: Sau thắng lợi, một ngày nào đó, khi các hồ sơ mật như thế này trở thành vô hại thì Đảng sẽ cho công bố. Khi đó thế giới sẽ biết gốc gác của vở hài kịch, như anh gọi, mà chúng ta buộc phải diễn cho phù hợp với giai đoạn lịch sử hiện nay ....”

Gletkin ngừng lời và đưa tay sửa lại áo sơ mi rồi lúng túng nói thêm, trong khi vết sẹo trên đầu hằn đỏ lựng lên:

“Lúc đó, anh và bạn bè anh thuộc thế hệ cũ sẽ được quần chúng tỏ lòng thương hại và thông cảm. Hôm nay thì chuyện đó không thể xảy ra được.”

Vừa nói như thế Gletkin vừa đẩy tờ biên bản về phía Rubashov, rồi đặt cái bút máy xuống bên cạnh. Rubashov đứng lên, miệng cười méo xệch và nói:

“Tôi luôn tự hỏi không biết khi bọn Neanderthal xúc động thì trông sẽ như thế nào? Bây giờ thì rõ rồi.”

“Tôi không hiểu ý anh,” Gletkin nói và cũng đứng dậy theo.

Rubashov ký biên bản, công nhận rằng đã phạm tội vì có tư tưởng phản cách mạng và làm tay sai cho nước ngoài. Khi ngẩng đầu lên anh bỗng nhìn thấy bức ảnh của Anh Cả treo trên tường và chợt nhớ lại nụ cười thông thái và đầy vẻ giễu cợt khi hai người bắt tay nhau trong lần gặp gỡ cuối cùng, nụ cười giả dối trên những bức ảnh treo khắp mọi hang cùng ngõ hẻm đang nhìn xuống thế gian.

“Không hiểu cũng không sao,” Rubashov đáp. “Có những việc mà chỉ thế hệ cũ, những người như Ivanov, Rubashov hay Kieffer hiểu được mà thôi. Nhưng thời ấy đã qua rồi.”

“Trước khi ra toà thì sẽ không ai được động đến anh nữa,” Sau một lúc yên lặng, Gletkin lên tiếng với giọng lạnh lùng và khô khan như cũ. Nụ cười của Rubashov làm anh ta lúng túng. “Anh có mong muốn gì nữa không?”

“Ngủ,” Rubashov đáp. Anh đứng ngay giữa khung cửa mở rộng. Bên cạnh người bảo vệ khổng lồ, anh như già đi, nhỏ bé hơn với chòm râu thưa, cặp kính cũ, vai so lại, trông thật tội nghiệp.

“Tôi sẽ hạ lệnh không ai được làm ồn khi anh ngủ,” Gletkin nói.

Cánh cửa đã đóng lại. Gletkin quay về sau chiếc bàn viết. Hắn ngồi yên như thế một lúc. Sau đó hắn mới rung chuông gọi người thư ký.

Cô thư ký lặng lẽ ngồi vào cái góc vẫn dành cho mình. “Đồng chí Glekin, xin chúc mừng thắng lợi,” cô ta nói.

Gletkin vặn nhỏ ngọn đèn.

“Cái này,” vừa nói hắn vừa nhìn bóng đèn, “cộng với nhiều đêm mất ngủ và kiệt sức - tất cả chỉ...”



# Vĩ thanh

*Hãy chỉ cho chúng tôi không chỉ mục đích mà cả đường đi.  
Vì đường đi và đích đến gần bó mật thiết với nhau  
Đường đi đã thay đổi thì đích đến đâu còn như xưa.*  
Ferdinand Lassale (*Franz von Sickingen*)

## 1.

“Khi được hỏi có công nhận mình phạm tội hay không, bị cáo Rubashov đã trả lời một cách rõ ràng: ‘Có’. Trả lời câu hỏi tiếp theo của Công tố viên rằng bị cáo có phải là gián điệp của phản động quốc tế hay không, bị cáo nói: ‘Có’, nhưng nhỏ hơn lần trước....”

Cô con gái của ông Vasily đọc một cách chậm chạp và rõ ràng từng chữ một. Cô trái tờ báo trên mặt bàn và đưa ngón tay chỉ vào từng chữ đang đọc, thỉnh thoảng lại đưa tay kia lên vuốt tóc.

“Khi được hỏi có cần luật sư biện hộ hay không, bị cáo tuyên bố không cần. Lúc đó toà bắt đầu tiến hành đọc bản cáo trạng...”

Ông Vasily nằm trên giường, mặt quay vào tường. Vera Vasiljovna, con gái ông, không bao giờ biết bố đang nghe hay đã ngủ. Đôi khi cô cũng nghe thấy ông lầm bầm một câu gì đó. Nhưng cô không bao giờ để ý, tối nào cô cũng đọc báo cho bố nghe, gọi là “để nâng cao trình độ”, ngay cả những hôm phải ở lại họp chi bộ, về muộn, hai

cha con cũng không bỏ thói quen này.

“Kết luận khẳng định rằng tội lỗi của bị cáo Rubashov đã được chứng minh bằng các chứng cứ không thể chối cãi được, cũng như bằng những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Khi Chủ tọa phiên toà hỏi có kiến nghị gì đối với quá trình điều tra hay không thì bị cáo trả lời: ‘Không’ và nói thêm rằng lời khai là tự nguyện và rất ân hận vì những hành động tội ác, phản cách mạng của mình....”

Vasily nằm yên như chết. Bức ảnh Anh Cả treo ngay trên đầu giường ông. Bên cạnh thò ra một chiếc đinh đã han gỉ: cách đây chưa lâu ảnh của Rubashov, người chỉ huy trung đoàn vẫn còn treo ở đây. Vasily thò tay vào cái lỗ thùng trong nệm, đây là chỗ giấu cuốn Kinh thánh đã nhàu nát của ông, nhưng sau khi Rubashov bị bắt thì cô con gái phát hiện được và đem vứt vào sọt rác mất rồi.

“...Theo yêu cầu của Công tố viên, Rubashov bắt đầu kể về quá trình chuyển hoá từ một người đối lập với đường lối của Đảng thành một kẻ phản cách mạng và phản bội tổ quốc. Bị cáo tuyên bố như sau: ‘Thưa Quý toà, tôi xin kể lại vì sao tôi lại đầu hàng cơ quan điều tra và đầu hàng các vị, những người đại diện của luật pháp nước ta. Câu chuyện của tôi sẽ chứng tỏ rằng chỉ cần xa rời đường lối của Đảng một chút xíu thôi là nhất định sẽ dẫn đến phản bội cách mạng. Các hoạt động bè phái chính là những bước tiến dần đến vũng lầy tội ác đó. Câu chuyện sa ngã của tôi có thể là lời cảnh tỉnh đối với những người mà trong giờ phút quyết định này vẫn còn dao



động, vẫn còn nghi ngờ đường lối của Đảng cũng như sự sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương của chúng ta. Nhục nhã, bị chìm xuống tận bùn đen, và bây giờ, trước khi chết tôi xin kể lại con đường của một kẻ phản bội, coi như một bài học cho quần chúng...”

Vasily trở mình rồi nằm úp mặt vào gối. Trước mắt ông hiện lên hình ảnh người chỉ huy trung đoàn để râu, người trong trường hợp khó khăn nhất vẫn thường văng tục làm cho các chiến sỹ phải cười đến nôn ruột. “Bị chìm xuống tận bùn đen, và bây giờ, trước khi chết...”. Vasily sụt sịt khóc. Kinh thánh đã không còn, nhưng nhiều đoạn ông đã thuộc lòng từ lâu.

“...Đến đây Công tố viên ngắt lời bị cáo và hỏi mấy câu liên quan đến số phận của cô thư ký cũ của Rubashov, tức là công dân Arlova, người đã bị kết án tử hình vì những hoạt động phản nghịch. Từ những câu trả lời của bị cáo, có thể thấy rằng lúc đó, nhờ tinh thần cảnh giác của Đảng, hắn đã bị đẩy vào bước đường cùng và vì vậy đã đổ vấy trách nhiệm cho Arlova hòng giữ được mạng sống để tiếp tục những hoạt động tội ác của mình. N. S. Rubashov đã công nhận những tội ác trời không dung, đất không tha này một cách trơ tráo và không biết xấu hổ là gì. Khi Công tố viên nhận xét: ‘Có lẽ anh đã đánh mất hết tư cách’, thì bị cáo ngạo mạn mỉm cười và nói: ‘Có thể là như thế’. Thái độ của bị cáo đã làm cả phòng xử bất bình, tức giận, nhưng Chủ tọa phiên toà đã kịp vặn hỏi trật tự. Một lần tất cả những người có mặt trong phòng xử đã phải bật cười, đấy

là lúc bị cáo xin toà cho giải lao mấy phút vì ‘răng đau không thể chịu được’. Phù hợp với thủ tục pháp lý hiện hành, Chủ toạ phiên toà nhún vai tỏ vẻ khinh bỉ rồi tuyên bố tạm nghỉ năm phút.”

Vasily nằm ngửa, ông nhớ lại những ngày sau khi Rubashov trốn khỏi nhà tù của quân địch và được khắp nơi chào đón như một người anh hùng. Ông như vẫn nhìn thấy Rubashov tay chống nạng, đứng trên khán đài, giữa một rừng cờ, hoa và tiếng reo hò không dứt, miệng mỉm cười, tay cầm kính lau vào ống áo.

“Lính giải Ngài vào phía trong viện, tức là sảnh đường, và nhóm cả cơ binh lại. Họ khoác áo tía cho Ngài, đan một mào gai đội lên đầu Ngài.... Họ lại lấy cây lau đánh đầu Ngài, nhổ trên Ngài, và quì gối lạy Ngài. [\[1\]](#) “

“Bố vừa nói gì thế?” cô con gái hỏi.

“Không có gì”, Vasily trả lời và quay mặt vào tường. Ông đưa tay lần mò qua lỗ thùng của cái nệm nhưng cuốn Kinh thánh đã không còn. Tấm ảnh trên tường cũng không còn. Khi cô con gái gõ bức ảnh Rubashov và ném vào sọt rác ông không nói gì: già quá rồi, phải đi tù nữa thì nhục nhã lắm.

Cô con gái ngừng đọc và đặt cái bếp lên bàn để đun nước pha trà. Mùi dầu hoả nồng nặc khắp phòng.

“Ban này bố có nghe con đọc không đấy,” cô con gái hỏi bố.

Vasily nhún nhục quay đầu lại phía cô con gái và nói: “Có chứ.”

“Bố thấy đấy,” Vera Vasiljovna vừa đổ thêm dầu vào bếp vừa nói.

“Chính hắn công nhận là kẻ phản bội đấy chứ. Nếu không thì hắn đã không nói như thế. Trong cuộc họp ở nhà máy chúng con đã ra nghị quyết và tất cả sẽ ký.”

“Giỏi nhỉ,” Vasily thở dài.

Vera Vasiljovna liếc bố bằng đôi mắt sắc lạnh đến nỗi ông phải quay ngay mặt vào tường. Mỗi lần con gái nhìn như thế là ông lại thấy như mình là người có lỗi với con, cô đang rất cần căn phòng nhỏ dành cho người tập vụ này để có thể xây dựng gia đình. Ba tuần trước cô đã đăng ký kết hôn với một anh công nhân cơ khí trong cùng nhà máy, nhưng nhà ở thì chưa có, anh chồng trẻ vẫn sống trong nhà tập thể, phải vài ba năm nữa may ra họ mới được phân nhà.

Vera Vasiljovna châm lửa và đặt ấm nước lên bếp.

“Bí thư chi bộ đọc cho mọi người nghe nghị quyết. Nghị quyết viết rằng bọn phản bội phải bị trừng trị một cách đích đáng. Bất cứ kẻ nào tỏ lòng thương hại bọn chúng cũng bị coi là phản bội và bị lên án,” cô lạnh lùng giải thích. “Giai cấp công nhân cần phải cảnh giác.

Ai cũng được phát một bản, chúng con đang đi thu thập chữ ký.”

Vera Vasiljovna lôi từ trong túi áo ra một tờ giấy gấp làm tư và trải ra mặt bàn. Lúc đó Vasily đang nằm ngửa, mắt nhìn thẳng vào đầu chiếc đinh ri trên tường. Ông quay đầu về hướng con gái, tờ giấy được đặt nằm cạnh cái bếp dầu. Ông vội ngoảnh mặt đi chỗ khác.

“Nhưng Ngài phán rằng: ‘Quả thật ta nói cùng ngươi, hôm nay, chính đêm này, trước khi gà gáy hai lượt, ngươi sẽ chối ta ba lần’”

[2]

Nước trong ấm đã reo lục đục. Vasily hỏi con một câu nhiều ẩn ý:

“Những người đã từng tham gia Nội chiến có phải ký không?”

Vera Vasiljovna đang cúi đầu nhìn ấm nước.

“Không ai phải cả,” cô nói và lại liếc bỏ với đôi mắt sắc lạnh như lần trước. “Ở nhà máy thì ai cũng biết hấn từng sống trong căn nhà này. Sau cuộc họp ông bí thư chi bộ còn hỏi con là bố có thân và có hay nói chuyện với hấn không?”

Vasily vùng dậy. Ông ngồi trên giường và ho rũ ra, trên cái cần cổ gầy gò hấn lên những tia máu đỏ.

Cô con gái đặt hai cái cốc lên bàn rồi lấy cái hộp giấy đựng trà độc

vào mỗi cốc một ít.

“Bố vừa làm bầm cái gì nữa thế,” cô hỏi.

“Đưa cho tao tờ giấy qui tha ma bắt kia xem nào,” Vasily nói.

Cô con gái vừa đưa cho bố tờ giấy vừa hỏi:

“Có cần đọc cho bố nghe không?”

“Không cần,” ông già vừa ký vừa nói. “Bố không cần nghe. Đưa trà đây cho bố.”

Cô con gái đưa cốc nước cho bố. Môi Vasily run run, ông vừa lầm bầm một mình vừa nhấm nháp từng ngụm nước màu vàng nhạt.

Sau khi uống trà, cô con gái lại tiếp tục đọc báo. Phóng sự về phiên toà xử Rubashov và Kieffer đã sắp hết. Việc công bố tình tiết vụ mưu sát lãnh tụ Đảng làm cho những người tham dự phiên toà vô cùng phẫn nộ, cả hội trường cùng đứng dậy, hô lớn mấy lần liền: “Đồ chó đại đáng chết!” Trả lời câu hỏi của Công tố viên về động cơ hành động, bị cáo Rubashov, lúc đó đã hoàn toàn suy sụp, nói như một người hết hơi:

“Tôi chỉ có thể nói rằng phe đối lập chúng tôi đặt ra mục tiêu tội lỗi là phải lật đổ Chính phủ Cách mạng và đã sử dụng những biện

pháp phù hợp với mục đích đó, những biện pháp cũng thuộc loại hạ đẳng và dễ tiện chẳng khác gì mục đích.”

Vera Vasiljovna đập cái ghế ra phía sau.

“Kinh tởm quá,” cô nói. “Nghe hẳn nói đã lộn mưa lên rồi!”

Cô đặt tờ báo sang một bên và bắt đầu thu dọn cốc chén. Vasily nhìn theo. Trà nóng đã làm ông phấn chấn thêm.

“Đừng có tưởng là hiểu nhé, con ơi,” ông nói. “Chỉ có trời mới hiểu ông ta nghĩ gì mà lại nói như thế. Đảng bảo chúng mày phải khôn khéo, nhưng khôn quá thì lại hoá ra mất cả tử tế đi. Đừng có mà nhún vai như thế nhé,” ông tức giận nói thêm. “Bây giờ khôn ngoan và tử tế đang đối chọi nhau, có cái này thì mất cái kia. Mưu mô quá cũng chẳng hay ho gì đâu. ‘Vì vậy mới viết rằng: Song các ngươi nên nói: ‘Phải, phải, không không’. Còn quá lời ấy đều bởi kẻ ác mà ra [3]’”.

Ông lại nằm xuống giường và quay đi để khỏi phải nhìn mặt cô con gái. Chưa bao giờ ông dám chống đối lại cô một cách mạnh mẽ và lâu như thế. Ở đời ai học hết được chữ ngờ, nhất là khi cô ta đang cần phòng ở riêng để lấy chồng. Phải khôn khéo thì mới sống được, tuổi này mà phải ra gầm cầu hay vào tù thì tội lắm. Trong hai phải chọn lấy một: khôn ngoan hay là tử tế, vẹn cả hai đằng làm sao được.

“Thôi được, con sẽ đọc cho bố nghe phần cuối,” cô con gái nói.

Công tố viên kết thúc việc thẩm vấn Rubashov. Ông chuyển sang hỏi bị cáo Kieffer. Bị cáo công nhận những lời khai về vụ mưu sát đưa ra trước đây là hoàn toàn đúng sự thật. “...Khi Chủ tọa phiên toà hỏi bị cáo Rubashov có muốn làm rõ những điều Kieffer đã khai hay không, hắn nói: ‘Không cần’. Quá trình thẩm vấn kết thúc ở đây và Chủ tọa tuyên bố giải lao. Sau khi giải lao, Công tố viên bắt đầu đọc bản luận tội...”

Vasily không nghe bản luận tội của Công tố viên. Ông nằm quay mặt vào tường và thiếp đi lúc nào không hay. Ông không biết mình đã ngủ bao lâu, không biết cô con gái phải châm dầu mấy lần, không biết ngón tay cô phải chuyển cột báo mấy lần. Ông thức giấc đúng vào lúc Công tố viên kết thúc lời buộc tội và đòi kết án tử hình cả hai bị cáo. Có thể là cô con gái đã lên giọng, có thể cô đã ngừng đọc một lúc, nhưng nói gì thì nói, ông đã thức giấc đúng lúc nghe thấy câu kết luận của Công tố viên:

“Tôi yêu cầu xử bắn tất cả những con chó điên này”.

Sau đó các phạm nhân được nói lời cuối cùng.

“Bị cáo Kieffer quay mặt về phía các quan toà và nói rằng vì còn trẻ, chưa có kinh nghiệm, xin toà tha chết. Một lần nữa hắn công

nhận rằng tội ác là không thể tha thứ được, nhưng lại tìm cách đổ vấy trách nhiệm cho Rubashov, thủ phạm của vụ đầu độc bất thành. Trình bày được một lúc thì Kieffer bắt đầu nói lắp, làm mọi người cười ồ lên, nhưng Chủ toà phiên toà đã vẫn hồi trật tự ngay lập tức. Sau đó đến lượt Rubashov....”

Bài tường thuật mô tả rất rõ cảnh Rubashov “nhìn khắp lượt khán phòng, nhưng không gặp bất kì một ánh mắt thương hại nào dành cái găm mặt xuống”.

Rubashov nói rất ngắn. Nó chỉ làm cho người ta thêm căm tức thái độ trắng tráo của hắn trước toà mà thôi.

“Thưa ông Chủ toạ,” bị cáo Rubashov tuyên bố, “đây là lần lên tiếng cuối cùng của tôi trong cuộc đòi này. Lực lượng đối lập đã bị đập tan và bị tiêu diệt. Nếu phải hỏi ‘Ta chết vì cái gì?’ thì tôi không thể trả lời nổi. Chết mà không sám hối, không hoà giải với Đảng và Phong trào cách mạng là một cái chết vô ích. Vì vậy, trước khi chết tôi xin được quỳ gối trước đất nước, trước quần chúng và toàn thể nhân dân. Những buổi trình diễn về đấu tranh chính trị, về tranh luận công khai và mưu mô nọ kia đã kết thúc rồi. Chúng tôi đã bị khai tử trước khi Công tố viên đòi lấy đầu. Được làm vua, thua làm giặc. Thưa các vị thẩm phán, tôi chỉ xin nói với các vị một điều: tôi đã phải suy nghĩ rất lâu. Thói kiêu căng và lòng tự hào nhắc nhở tôi rằng hãy ngậm miệng mà chết đi, không nói gì cả hay hãy chết một cách oai hùng, như người ta nói: con chim sắp chết thì



tiếng hét hay, hãy dốc hết tấm lòng và kết án chính những kẻ nắm cán cân công lý. Đối với một người lính già như tôi, đây là việc không khó, nhưng tôi chấp nhận đầu hàng vô điều kiện. Nhiệm vụ của tôi như thế là đã hoàn thành. Tôi đã trả giá, tôi đã thanh toán xong món nợ với lịch sử. Lúc này mà còn xin tha thứ thì chỉ là một trò cười. Tôi xin kết thúc ở đây.”

“... Sau khi giải lao, Chủ tọa phiên toà tuyên đọc bản án. Hội đồng xét xử của Toà án Tối cao tuyên bố: tử hình tất cả các bị cáo bằng cách xử bắn, tịch thu toàn bộ tài sản cá nhân.”

Vasily nhìn chiếc đinh ri thò ra trên tường và lẩm bầm: “Thế là hết. Amen!” và quay mặt vào tường.

## 2.

Thế là hết. Rubashov biết rằng anh sẽ bị giết trước lúc nửa đêm.

Anh đang đi bách bộ trong phòng, sáu bước rưỡi thì đến cửa sổ, rồi quay lại cũng đúng sáu bước rưỡi. Cảnh nhốn nháo của phiên toà vừa chấm dứt cách đây mấy phút. Anh dừng lại trên viên gạch màu đen, viên thứ ba tính từ cửa sổ, và lắng tai nghe – không một tiếng động, xung quanh yên tĩnh quá, chẳng khác gì trong lòng một chiếc giồng cạn. Anh không hiểu vì sao lòng mình lại nhẹ tênh và xung quanh lại trở nên yên tĩnh đến như thế. Nhưng anh biết rằng sự thanh thản hiện nay sẽ là vĩnh viễn, không gì có thể phá vỡ được nữa.

Anh cảm thấy lòng thanh thản như thế ngay giữa phiên toà, tức là trước khi được nói lời cuối cùng cơ. Anh tin rằng tàn tích của thói vị kỷ và thái độ kiêu căng sẽ chẳng bao giờ làm mình bận lòng được nữa, nhưng khi nhìn khắp phòng xử án mà chỉ thấy những bộ mặt lãnh đạm và khinh khi thì anh lại thấy thêm một ánh mắt cảm thông hay chí ít là thương hại; anh chỉ muốn hét lên để xua tan thái độ lạnh lùng, băng giá đang bao trùm lên chính mình lúc đó. Anh rất muốn kể lại những đóng góp của mình đối với Đảng, rất muốn đứng thẳng lên và lật tung những điều dối trá mà Ivanov và Gletkin đã cố tình khoác lên người anh, rất muốn hét vào mặt các thẩm phán, như Danton từng hét ngày nào: “Các người đã bóp chết cả cuộc đời ta. Hãy để nó trở thành bằng chứng tố cáo các người!” Anh thuộc lòng bài diễn văn của Danton trước Toá án Cách mạng. Anh có thể đọc không sót một từ nào. Anh đã học thuộc bài diễn văn này ngay từ khi còn trẻ: “Các người muốn chìm nước Cộng hoà vào biển máu. Con đường đến tự do còn phải trải bằng xương máu đến bao lâu nữa? Chế độ độc tài đang tiến bước, nó đã giật tung mặt nạ, đầu nó ngẩng cao, nó đang bước qua xác chết của chúng tôi.”

Ngôn từ như đã ở trên đầu lưỡi. Nhưng ước muốn đó chỉ kéo dài trong giây lát, còn khi bắt đầu nói lời cuối cùng thì anh lại thấy lòng thanh thản vô cùng. Anh biết rằng cơ hội đã bị bỏ lỡ rồi.

Bỏ lỡ cơ hội quay lại trên chính con đường ấy, con đường chết chóc mà anh đã đi qua. Ngôn từ chẳng thể thay đổi được gì nữa.

Tất cả đều đã bỏ lỡ cơ hội rồi. Khi được nói lời cuối cùng, không có ai đủ sức biến vành móng ngựa thành diễn đàn tố cáo, không người nào có đủ sức trình bày cho thế giới biết sự thật và ném vào mặt quan toà những lời buộc tội, như Danton đã từng làm.

Một số người không nói vì sợ bị đánh đập, số khác thì hi vọng giữ được mạng sống, số khác nữa thì hi vọng cứu được vợ con khỏi bàn tay nhơ nhuốc của những kẻ như Gletkin. Những người trung thực nhất cũng không nói, chấp nhận làm con dê tế thần, vì họ coi đây là nhiệm vụ cuối cùng của người đảng viên; ngoài ra, ngay cả những người trung thực nhất, không trừ một ai, đều dính máu một Arlova nào đó rồi. Tất cả bọn họ đều dính mắc rất chặt với quá khứ, đều bị mắc vào mạng lưới được đan bằng những nguyên tắc đạo đức và lý luận méo mó, gọi là mang tính Đảng; tóm lại, tất cả đều có tội, mặc dù không phải là những tội mà họ tự nhận trong các phiên toà. Không còn đường quay lại. Việc họ rời khỏi vũ đài diễn ra theo đúng luật chơi do chính họ đặt ra. Ngay cả trước khi chết họ cũng không nói được những lời chân thật. Họ phải diễn theo đúng kịch bản, nhiệm vụ của họ là tru lên như những con chó sói khi màn đêm buông xuống....

Hết thật rồi. Không còn gì để làm nữa. Anh không còn phải tru lên cùng với bầy sói nữa. Anh đã trả giá, anh đã thanh toán hết nợ nần rồi. Anh đã trở thành một người không có quá khứ, một người đã giải thoát khỏi mọi ràng buộc. Những gì cần suy nghĩ thì đã suy

nghĩ hết rồi, đã có kết luận hết rồi, đã biến thành hiện thực hết rồi; thời giờ còn lại là để giành cho Người Đối Thoại Không Lời, kẻ vẫn sống bên ngoài vương quốc của tư duy.

Rubashov dừng lại bên cạnh bức tường ngăn với buồng 406. Từ ngày họ đưa Rip Van Winkle đi, buồng này vẫn để trống. Anh tháo kính, rồi đảo mắt nhìn quanh và gõ nhẹ:

2-4...

Anh ghé tai nghe, hồi hộp và ngượng ngịu như một đứa trẻ, và lại tiếp tục gõ:

2-4...

Anh lại ghé tai nghe và gõ thêm một lần nữa. Không một tiếng động. Anh chưa bao giờ cố ý gõ từ “Tôi”. Có thể là chưa bao giờ nói từ này cũng nên. Anh lại ghé tai nghe. Vẫn không một tiếng động nào.

Anh tiếp tục đi bách bộ. Từ lúc cảm thấy lòng thanh thản, anh chỉ còn bận tâm trước một vài câu hỏi, anh phải tìm cách trả lời trước khi quá muộn. Câu hỏi, có thể nói là ngây thơ, liên quan đến vấn đề đau khổ, hay nói chính xác hơn, liên quan đến sự khác nhau giữa đau khổ có ý nghĩa và đau khổ vô nghĩa. Rõ ràng là chỉ có những khổ đau không thể tránh được, nghĩa là có nguồn gốc tự nhiên: sinh,

lão, bệnh, tử là có ý nghĩa mà thôi. Còn những khổ đau có nguồn gốc xã hội, do con người tự tạo ra cho nhau, là những khổ đau vô ích và vô nghĩa. Mục tiêu duy nhất của cách mạng là loại bỏ những khổ đau vô ích. Nhưng hoá ra việc loại bỏ những khổ đau vô ích lại chỉ có thể thực hiện được bằng cách đim cả thế giới, dĩ nhiên là trong một thời gian ngắn, vào bể trầm luân của sinh, lão, bệnh tử. Nghĩa là câu hỏi sẽ như thế này: Có thể biện hộ được cho cách làm như thế hay không? Rõ ràng là được, nếu ta nói đến một “nhân loại” trừu tượng, nhưng sẽ là vô nghĩa nếu ta đem áp dụng nguyên tắc ấy cho một con người cụ thể, một con người bằng xương bằng thịt. Khi còn trẻ, anh tin rằng Đảng sẽ cho anh sáng mắt sáng lòng, sẽ giúp anh trả lời mọi câu hỏi kiểu như thế. Anh đã phục vụ Đảng suốt bốn mươi năm trời, nhưng ngay khi trở thành đảng viên anh đã quên mất câu hỏi: Mình trở thành đảng viên để làm gì? Và bây giờ, sau bốn mươi năm, anh lại trở về với câu hỏi của thời trai trẻ. Đảng đòi hỏi hi sinh tất cả những gì mình có nhưng không bao giờ cung cấp đáp án cho những câu hỏi như thế. Người Đối Thoại Không Lời cũng không, hẳn luôn giữ thái độ im lặng trước những câu hỏi trực tiếp, những câu hỏi dù khẩn cấp và tuyệt vọng đến đâu hẳn cũng mặc.

Còn có những cách tiếp cận khác. Đôi khi trong đầu anh bỗng hiện lên một đoạn nhạc, hay đôi bàn tay khum khum của Đức Mẹ hoặc một phong cảnh làng quê thời niên thiếu. Lúc đó anh có những phản ứng rất đặc biệt, hết như khi động vào chiếc âm thoa, người ta sẽ nghe thấy âm thanh vọng lại, tâm hồn anh lúc đó rơi vào trạng

thái mà các thông thái gọi là “thiền”, các nhà huyền học gọi là “xuất thần”, còn các nhà tâm lý học hiện đại thì gọi là “cảm giác yêu thương vô bờ bến”. Khi đó người ta tan ra như một hạt muối trong biển cả, nhưng đồng thời cả đại dương lại chứa trong một hạt muối. Hạt muối không còn nằm trong một không gian hay một khoảng thời gian nhất định nào nữa. Đây là lúc ý nghĩ đánh mất hết phương hướng và bắt đầu xoay tròn, hết như kim la bàn xoay quanh trục, hết như luồng ánh sáng trong bóng đêm, tất cả các ý nghĩ và cảm giác, ngay cả nỗi đau và niềm vui cũng chỉ còn là những tia sáng được lăng kính của ý thức chia tách ra mà thôi.

Rubashov đi bách bộ trong phòng. Trước đây hẳn là anh đã cảm thấy xấu hổ với những ý nghĩ viển vông như thế. Nhưng bây giờ anh không xấu hổ nữa. Cái chết đã biến những điều trừu tượng trở thành hiện thực. Anh dừng lại cạnh cửa sổ và gục đầu vào mặt kính. Bên trên vòm gác có một khoảng trời màu xanh. Khoảng trời làm anh nhớ lại khung trời cũng màu xanh thời thơ bé, đây là khoảng trời màu xanh mà anh nhìn thấy giữa những cành dương khi nằm trên thảm cỏ trong khu vườn của cha anh. Rõ ràng là ngay cả một khoảng trời màu xanh cũng đủ tạo ra “cảm giác yêu thương vô bờ bến”. Theo các phát minh mới nhất của thiên văn học thì thế giới không phải là vô cùng vô tận; mặc dù không có biên giới, vũ trụ là một thực thể khép kín, giống như mặt của một khối cầu vậ. Anh chưa bao giờ hiểu được chuyện này, nhưng nay thì anh rất muốn hiểu. Bây giờ thì anh nhớ đã đọc chuyện này khi nào: đây là lần đầu bị bắt ở Đức, các đồng chí tìm cách chuyển các tài liệu bất hợp

pháp vào tù, trong đó bên dưới ba cột báo nói về cuộc bãi công ở nhà máy dệt còn có một bản bài báo ngắn nói rằng vũ trụ không phải là vô cùng vô tận, nhưng phần cuối trang giấy lại bị rách. Anh không biết phần rách ấy viết cái gì.

Rubashov đứng cạnh cửa sổ và lấy kính gõ vào bức tường của căn phòng bỏ không. Thuở thiếu thời anh từng mơ ước nghiên cứu thiên văn, nhưng suốt bốn mươi năm qua anh lại làm những việc hoàn toàn khác. Nếu Công tố viên hỏi: “Bị cáo Rubashov, anh có biết vô cùng, vô tận là gì không?”, thì anh sẽ chẳng thể nào trả lời được. Đây chính là nguồn gốc tất cả mọi tội lỗi của anh.... Còn có gì nghiêm trọng hơn thế hay không?

Lúc đó, khi nằm một mình trong buồng giam, người còn đau ê ẩm vì bị tra tấn, nhưng vừa đọc mẩu tin anh đã cảm thấy mình rơi vào “cảm giác yêu thương vô bờ bến”. Sau này, mỗi lần nhớ lại anh đều cảm thấy ngượng. Đảng không khuyến khích những trạng thái kiểu như thế. Đây gọi là chủ nghĩa thần bí tiểu tư sản, là chui vào tháp ngà. Còn gọi là “trốn tránh trách nhiệm”, là “trốn tránh cuộc đấu tranh giai cấp”. “Yêu thương vô bờ bến” là phản cách mạng.

Trong đấu tranh, người ta phải đứng bằng cả hai chân trên mặt đất. Đảng dạy rằng vô cùng, vô tận là rất đáng ngờ về mặt chính trị, mà “cá nhân” cũng đáng ngờ nốt. Đảng không công nhận sự tồn tại của những khái niệm như thế. Đối với Đảng, cá nhân chỉ có nghĩa là tập hợp N triệu người chia cho N triệu mà thôi.

Đảng không công nhận tự do ý chí của từng cá nhân, đồng thời lại yêu cầu mọi người phải tự nguyện hi sinh. Đảng cho rằng con người không có khả năng lựa chọn, nhưng đồng thời lại đòi hỏi người ta luôn phải lựa chọn cái đúng. Đảng cho rằng người ta không thể phân biệt được thiện và ác nhưng lại luôn nói đến tội lỗi và sự phản bội. Tất cả mọi cá nhân đều bị qui luật kinh tế chi phối, mỗi cá nhân chỉ là những bánh răng trong một cỗ máy, không thể ngừng quay hay có ảnh hưởng gì đến cỗ máy được, nhưng Đảng lại yêu cầu các bánh răng vùng lên, làm cuộc cách mạng để thay đổi chính cơ chế của bộ máy. Rõ ràng là có sự nhầm lẫn, bài toán không thể giải được ngay từ đầu.

Anh đã chiến đấu chống lại qui luật kinh tế đó. Đây chính là căn bệnh nan y của xã hội loài người, là khối u huỷ hoại cơ thể ngay từ bên trong. Cần phải phẫu thuật, khối u đã lấy ra rồi thì mọi bệnh tật khác sẽ tự lành. Tất cả những biện pháp khác đều chỉ là những biện pháp cải lương, lãng mạn tiểu tư sản mà thôi. Bệnh nhân ốm sắp chết rồi, châm cứu hay đọc kinh thì làm sao khỏi được. Chỉ còn một cách là tính toán thật cẩn thận và dùng dao kéo cắt phăng khối u đi. Nhưng hoá ra khối u cũ vừa được cắt đi thì lại sinh ra ngay những khối u mới. Bài toán vẫn không có đáp số.

Anh đã đi theo tiếng gọi của Đảng suốt bốn mươi năm qua. Anh vẫn luôn giữ vững lập trường. Anh đã gột rửa khỏi đầu óc của mình những tàn dư cuối cùng của nền đạo đức cổ truyền. Anh đã né



tránh Người Đối Thoại Không Lời và xua tan trạng thái thiền định. Cuối cùng anh đã đi đến đâu? Các chân lý tuyệt đối đúng, đỉnh cao của trí tuệ loài người đã đưa anh đến kết cục thật là lố bịch, lý sự không thể bác bỏ được của Ivanov và Gletkin đã buộc anh phải đóng một vai trong cái vở bi hài kịch gọi là toà án kia. Hay là con người ta không nên nghĩ bất cứ chuyện gì một cách rồ dại đến như thế?

Rubashov ngược nhìn khoảng trời xanh bên trên hàng rào tháp canh. Bốn mươi năm qua anh đã lao lên phía trước như một người điên, như một người say mê lý tưởng. Cũng có thể con người ta không nên cắt đứt hoàn toàn khỏi những ràng buộc của quá khứ, không nên phá bỏ những cấm kỵ kiểu như: “Không nên làm như thế” hay “Không được làm như thế”, rồi tự cho mình quyền lao thẳng đến đích như anh đã làm chẳng?

Bầu trời đã ngả sang màu vàng nhạt, tối dần, bên trên tháp canh một bầy chim đen đang chao liệng. Không, không thể giải được bài toán ngay từ đầu. Rõ ràng là không được đưa dao vào tay người ta rồi bảo người ta cứ thẳng đích mà tiến, dao là một dụng cụ thí nghiệm nguy hiểm, con người hiện nay chưa đủ sức dùng. Có thể sau này, một ngày nào đó.... Nhưng hiện nay thì con người còn vụng về và trẻ dại lắm. Con người đã hoá điên trên mảnh ruộng thí nghiệm, trên quê hương của Cách mạng, trên tiền đồn của Tự do! Để giữ được tiền đồn, những kẻ như Gletkin sẵn sàng làm tất cả. Thế còn bên trong thì sao? Không, không thể xây dựng được Thiên

đường bằng xi măng cốt thép. Tiền đồn có thể đứng vững, nhưng đây không còn là thông điệp, không phải là mẫu hình để trưng ra với thế giới nữa. Chế độ của Anh Cả đã làm vắn đục lý tưởng về một Nhà nước công bằng, chẳng khác gì các cổ đạo thời Trung cổ đã làm vắn đục lý tưởng về một Đế chế Thiên chúa giáo. Ngọn cờ của Cách mạng đã rũ xuống rồi.

Rubashov lại tiếp tục đi bách bộ trong phòng. Trời sắp tối, xung quanh vẫn vắng lặng như cũ. Chắc họ sắp đưa anh đi rồi. Bài toán đã sai ở chỗ nào đó, không, đây là sai lầm của toàn bộ hệ thống tư duy. Anh đã nhận thấy như thế từ lâu, từ ngày Richard bị coi là gián điệp cơ, nhưng chưa bao giờ anh dám suy nghĩ đến cùng như thế. Có khả năng là Cách mạng đã diễn ra quá sớm và kết quả là một quái thai. Có thể toàn bộ vấn đề là sự lầm lẫn về thời gian. Đầu thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên nền văn minh La Mã cũng đã lụi tàn, cũng đã thối nát đến tận xương tuỷ, chẳng khác gì nền văn minh của chúng ta hiện nay, những người tiến bộ nhất lúc đó tin chắc rằng một cuộc cách mạng vĩ đại sẽ diễn ra trong nay mai, nhưng hoá ra cái thế giới già cỗi ấy còn lay lắt tồn tại được suốt năm thế kỷ. Lịch sử bước rất chậm, con người đo thời gian bằng năm tháng, còn lịch sử đo bằng thế hệ. Có thể bây giờ mới là ngày thứ hai của Sáng thế kỷ. Ôi, nếu được sống thêm để viết tiếp lý thuyết về sự chín muồi tương đối của quần chúng thì thích biết bao...!

Buồng giam yên ắng quá. Anh nghe rõ từng bước chân mình. Sáu bước rưỡi là đến cửa, họ sẽ bắt anh ở đây, sáu bước rưỡi là đến cửa

sổ, đêm đang đổ xuống ở đây. Làm sao mọi chuyện chấm dứt mau mau lên thì tốt. Nhưng khi tự hỏi: Ta chết vì cái gì? Thì anh không trả lời được.

Sai lầm ngay trong hệ thống, có thể sai lầm nằm trong cái tiền đề mà anh đã cho là tuyệt đối đúng, anh đã hi sinh những người khác nhân danh cái tiền đề ấy và bây giờ những người khác cũng nhân danh nó mà hi sinh anh, cái tiền đề ấy là: Mục đích biện minh cho phương tiện. Chính nó đã giết chết tình huynh đệ của Cách mạng, chính nó đã biến các chiến sĩ cách mạng thành những kẻ điên rồ. Anh đã viết trong nhật ký: “Chúng ta đã vứt bỏ mọi truyền thống, vứt bỏ cái gia trọng có tên là đức hạnh ra khỏi mạn tàu; chúng ta chỉ sử dụng một nguyên tắc dẫn đạo duy nhất, đấy là lý trí.”

Có thể đấy chính là nguồn gốc của mọi đau khổ mà nhân dân đang phải gánh chịu. Có thể nhân loại vẫn cần cái gia trọng mang tên là đức hạnh. Và cũng có thể, nếu dùng một mình, lý trí chỉ là một chiếc la bàn tồi, nó có thể dẫn ta đâm sầm vào bão tố, vào những con đường khúc khuỷu mịt mù sương khói, chẳng còn nhìn thấy đích đâu nữa.

Có thể là một thời kỳ tăm tối nữa đã sắp đến gần.

Có thể sau này, rất lâu sau này, sẽ có một phong trào mới, với ngọn cờ mới và một niềm tin mới, một phong trào nhận thức được cả các qui luật kinh tế lẫn “tình yêu thương vô bờ bến”. Có thể đảng viên

của cái Đảng mới này sẽ mặc áo cà sa và thuyết giảng rằng chỉ có các phương tiện trong sáng mới có thể dẫn ta đến tương lai tươi sáng mà thôi. Có thể họ sẽ phủ nhận cái giáo lý cho rằng một người chỉ là kết quả của một triệu chia cho một triệu và sẽ khẳng định qui luật tính toán dựa trên phép nhân: một triệu cá nhân kết hợp với nhau thì đây không còn là một đám đông hỗn loạn mà một khối thống nhất của hàng triệu cá nhân với “tình yêu vô bờ bến” được nhân lên hàng triệu lần, tạo ra một không gian tinh thần vô bờ bến.

Rubashov dừng bước và dỏng tai lên nghe. Ngoài hành lang dội lại những tiếng động bùng bùng, ùng ục.

### 3.

Tiếng động vang lên liên hồi như tiếng trống ngũ liên được gió đưa từ xa lại, ngày một gần hơn. Rubashov đứng như trời trồng. Hai chân như tê dại hẳn, có cảm giác như trọng lực đang kéo chặt chúng xuống đất, không thể nhấc lên được. Anh lê về phía cửa sổ, mắt vẫn không rời lỗ nhòm. Anh hít thật sâu rồi châm thuốc hút. Rồi anh nghe thấy có tiếng gõ nhẹ ngay bên cạnh cái giường sắt.

CHÚNG LÔI MÔI THỎ ĐI RỒI. HẮN GỬI LỜI CHÀO.

Hai chân không còn cứng nữa. Anh bước về phía cửa ra vào và dùng cả hai bàn tay đập liên hồi kì trận vào cánh cửa sắt. Thông báo cho buồng 406 cũng vô ích. Buồng ấy để không đã lâu. Anh cứ thế đập, trong khi mắt vẫn không rời cái lỗ nhòm.

Hành lang vẫn sáng mờ mờ như mọi khi. Anh vẫn nhìn thấy bốn cánh cửa, từ 401 đến 407 như mọi khi. Tiếng đập ngày càng to hơn. Có tiếng bước chân lạo xạo trên nền gạch. Rồi Môi Thỏ xuất hiện. Anh ta đứng đó, môi hơi run, hết như lần đứng dưới ánh đèn trong phòng làm việc của Gletkin; hai tay bị khoá giắt cánh khuỷu ra đằng sau. Không thể thấy mắt Rubashov đằng sau lỗ nhòm, anh ta nhìn trừng trừng vào cánh cửa sắt làm như đây là hi vọng cứu rỗi cuối cùng vậy. Mệnh lệnh được đưa ra, Môi Thỏ quay lưng bước đi. Phía sau là tay bảo vệ cao to, súng lục kè kè ngang hông. Rồi cả hai lần lượt đi khuất hẳn.

Tiếng đập ngừng, xung quanh trở lại yên ắng như cũ. Có tiếng gõ nhẹ ngay cạnh cái giường sắt:

ANH TA CÓ THÁI ĐỘ TỐT...

Từ ngày Rubashov tuyên bố rằng anh đã đầu hàng, họ chưa từng nói chuyện với nhau. 402 tiếp tục:

CÒN KHOẢNG MƯỜI PHÚT NỮA. ANH THẤY THẾ NÀO?

Rõ ràng là 402 muốn nói chuyện để anh bớt căng thẳng trong lúc chờ đợi. Thật là một người tốt bụng. Anh ngồi xuống giường và gõ:

CHỈ MUỐN CHẤM DỨT NGAY ĐI.

ANH KHÔNG PHẢI LÀ LOẠI HÈN, 402 trả lời liền, ANH LÀ NGƯỜI DỮNG CẢM... ngừng một chút, rồi gõ thêm: CỰC KÌ DỮNG CẢM... rõ ràng là anh ta không muốn câu chuyện dừng lại ở đây. ANH CÒN NHỚ “NGỰC TRẮNG NHƯ BỌT LY SÂM BANH ĐẦY” KHÔNG? HA-HA! DỮNG CẢM QUÁ...

Rubashov đóng tai lên nghe. Không thấy gì. Chắc là 402 đã đoán được ý nghĩ của anh:

KHÔNG PHẢI NGHE. TÔI SẼ NÓI KHI NÀO CHÚNG TỚI. ANH SẼ LÀM GÌ NẾU ĐƯỢC THA?

Rubashov nghĩ một lúc rồi mới trả lời:

NGHIÊN CỨU THIÊN VĂN.

HA-HA, 402 đáp, CÓ LẼ TÔI CŨNG THỂ. NGƯỜI TA BẢO HÀNH TINH KHÁC CŨNG CÓ NGƯỜI. CHO TÔI ĐƯỢC KHUYÊN ANH VÀI CÂU.

ĐƯỢC, Rubashov đáp, thâm tâm lấy làm ngạc nhiên.

XIN ĐỪNG GIẬN. LỜI KHUYÊN CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH. XẢ ĐI. SẼ CÓ LỢI. LỰC BẮT TÒNG TÂM MÀ.

Rubashov khẽ mỉm cười rồi lặng lẽ bước lại phía cái thùng gỗ. Sau

đó anh ngồi lên giường và gõ:

CÁM ƠN. Ý KIẾN TUYỆT VỜI. KẾ HOẠCH CỦA ANH THÌ SAO?

402 không trả lời ngay. Sau đó anh ta mới chậm rãi gõ:

MƯỜI TÁM NĂM NỮA. KHÔNG HẸN, CHỈ 6530 NGÀY THÔI... rồi gõ thêm: TÔI GHEN VỚI ANH ĐẤY. Ngừng một lúc lại gõ: 6530 NGÀY ĐÊM KHÔNG ĐÀN BÀ.

Rubashov không nói gì. Một lúc sau mới gõ:

NHƯNG ANH CÓ THỂ ĐỌC, HỌC TẬP...

SỨC ĐÁU, 402 đáp. Và ngay lập tức là những tiếng gõ to và vội: CHÚNG ĐẾN ĐẤY..., ngừng một chút rồi lại gõ thêm: TIẾC QUÁ. CÂU CHUYỆN ĐANG HAY...

Rubashov đứng dậy, suy nghĩ một chút, rồi gõ:

ANH ĐÃ GIÚP TÔI RẤT NHIỀU. CÁM ƠN.

Có tiếng tra chìa khoá vào ổ. Cánh cửa bật mở. Bên cạnh tay bảo vệ cao to là một người mặc thường phục. Người mặc thường phục gọi tên Rubashov rồi đọc bản án. Khi họ vặn tay anh ra đằng sau và

khoá bằng công số tám thì anh nghe thấy 402 gõ một cách vội vã:

TÔI GHEN VỚI ANH. GHEN VỚI ANH. VĨNH BIỆT.

Tiếng âm âm, bùng bùng lại vang lên ngoài hành lang. Nó còn theo họ cho đến tận cửa buồng cắt tóc. Rubashov biết rằng đằng sau mỗi cánh cửa kia đều có một ánh mắt dõi theo, nhưng anh không quay sang trái cũng chẳng quay sang phải. Cái công số tám bóp chặt lấy cổ tay, gã lính gác siết chặt quá, lúc vặn tay ra sau hẳn cũng làm mạnh quá, thành ra đau.

Đã nhìn thấy cái cầu thang xoắn. Rubashov bước chậm lại. Người mặc thường phục dừng bước. Đây là một gã nhỏ con, mắt hơi lồi. Hẳn hỏi:

“Anh muốn nói gì nữa không?”

“Không.” Rubashov đáp và bắt đầu bước xuống cầu thang. Người mặc thường phục đứng lại và nhìn theo bằng đôi mắt hơi lồi.

Cầu thang hẹp và tối. Rubashov không thể nắm được tay vịn nên phải dò từng bước cho khỏi ngã. Không còn nghe thấy tiếng đập cửa nữa. Anh nghe thấy người lính gác đi sau mình ba bước chân.

Đã đến đoạn cầu thang xoắn như chiếc lò xo. Rubashov phải cúi xuống để nhìn cho rõ, chiếc kính rơi xuống cách anh hai bậc, vỡ



thành mấy mảnh rồi lặn xuống chân cầu thang. Rubashov dừng lại, lưỡng lự trong giây lát rồi lấy chân dò đường đi xuống. Anh nghe thấy người lính gác cúi xuống nhặt mảnh kính vỡ rồi cho vào túi nhưng không quay đầu lại.

Không có kính thì chẳng nhìn thấy gì, nhưng dưới chân đã là đất bằng. Họ đang đi trong một hành lang rất dài, vì không nhìn rõ nên Rubashov không biết nó dài đến đâu. Người lính gác vẫn đi sau anh ba bước. Rubashov cảm thấy anh ta đang nhìn chăm chăm vào gáy mình nhưng không quay lại. Anh thận trọng bước từng bước một.

Có cảm giác như họ đã đi trong hành lang được mấy phút rồi. Không có gì xảy ra cả. Nếu người lính rút súng lục ra thì chắc chắn là anh đã nghe thấy. Nghĩa là anh vẫn an toàn. Hay là tay này bắt chước ông bác sĩ chữa răng cho anh, giấu dụng cụ trong ống tay áo? Rubashov cố nghĩ đến chuyện khác, nhưng không được, anh phải tập trung toàn bộ tâm trí để không ngoái đầu nhìn lại phía sau.

Thật lạ là cái răng đã không đau đúng vào lúc anh cảm thấy thanh thản, tức là khi nói những lời cuối cùng trước toà hôm ấy. Hay là chỗ chân răng sưng đã tự vỡ ra đúng lúc đó? Anh đã nói những gì? “Trước khi chết tôi xin được quì gối trước đất nước, trước quần chúng và toàn thể nhân dân”. Nhưng tại sao? Anh đã làm gì với họ? Anh đã tham gia lừa họ qua sa mạc suốt bốn mươi năm, với những lời đe dọa và những lời hứa hẹn, với những nỗi kinh hoàng tưởng tượng và những phần thưởng cũng là tưởng tượng nốt. Vùng đất

hứa ấy bây giờ ở đâu?

Nhân loại có cần đi đến một cái đích nào như thế hay không? Anh rất muốn trả lời câu hỏi này trước khi quá muộn. Thánh Moses cũng không kịp đặt chân lên vùng đất hứa. Nhưng ông đã kịp trèo lên ngọn núi và nhìn thấy vùng đất hứa trải dài dưới chân. Chết như thế thì có gì phải ân hận. Còn anh, Nicolas Salmanovitch Rubashov, thì không được dẫn lên đỉnh núi, xung quanh anh, dù quay sang hướng nào cũng chỉ thấy toàn hoang mạc và đêm đen.

Một cú giáng như búa bổ vào gáy bất ngờ cắt đứt dòng suy nghĩ. Anh chờ đợi nó đã lâu nhưng hoá ra nó lại đến một cách bất ngờ nhất. Anh cảm thấy hai đầu gối khuỵu xuống và người thì quay đi nửa vòng, nghĩa là đúng về phía sau. “Kịch quá,” anh tự nhủ như thế, “mình có cảm thấy gì đâu.” Anh gục xuống sàn, cầm tì lên sàn đá lạnh. Bóng đêm ập xuống, thân thể anh trở thành nhẹ bồng, như đang dập dềnh đung đưa trên sóng biển giữa bầu trời đêm. Bao nhiêu kỷ niệm cũ, hết như làn sương sớm, lần lượt theo nhau trôi dần qua ký ức.

Nghe như có người gõ cửa, anh mơ thấy họ đang đến bắt mình, nhưng anh đang ở nước nào?

Anh cố gắng luồn tay vào ống áo. Ảnh của ai treo trên đầu giường mà lại nhìn mình chằm chằm thế nhỉ? Có phải Anh Cả hay là người khác, người có nụ cười khinh mạn hay người có đôi mắt lạnh lùng?

Một bóng người đang cúi xuống, anh ngửi thấy mùi chiếc thắt lưng da; nhưng phù hiệu trên cổ tay áo và trên cầu vai là cái gì? khẩu súng lục đang giơ lên kia là nhân danh ai?

Người anh giật tung lên vì một cú giáng vào tai. Sau đó mọi thứ trở nên hoàn toàn yên tĩnh. Rồi có tiếng sóng biển vỗ rì rào. Những con sóng từ xa đưa lại, nhẹ nhàng nâng anh lên và mang đi mãi mãi.

**Nguồn:** Dịch từ bản tiếng Anh của Daphne Hardy, có tham khảo bản dịch tiếng Nga của A. Кистяковску tại địa chỉ: <http://lib.ru/INPROZ/KESTLER/tma.txt>

## **Thay lời bạt – Bi kịch của những con người gang thép**

(Lược dịch)

Sau vụ đoạn tuyệt với những người cộng sản là một giai đoạn khủng hoảng, chỉ còn lại mình tôi trước những hồ hắc tâm lý của chính mình. Việc đánh mất những mối giao cảm quen thuộc rất dễ đưa người ta đến với những kẻ thù cũ hay, thí dụ, lao đầu vào tôn giáo. Các bạn tôi, những người đã từng trải qua tâm trạng như thế mà thoát ra được một cách xứng đáng và vẫn giữ được sự minh mẫn và cân bằng về tâm lý thường đều là những người có khả năng sáng tạo:

nhà văn, họa sĩ, bác học, chính khả năng sáng tạo đã giúp họ đứng vững.

Tôi quay về Paris vào năm 1938, trong tay đã có sẵn hợp đồng với nhà xuất bản Jonathan Cape về việc xuất bản tác phẩm *Võ sĩ giác đấu*, tiểu thuyết đầu tay của tôi. Tôi tính dùng số tiền mà nhà xuất bản tạm ứng cho tôi để thanh toán cho dịch giả số tiền là 125 bảng, số còn lại sẽ đủ cho tôi sống một cách đạm bạc trong vòng nửa năm để hoàn thành cuốn sách mà tôi đang viết dở nhưng cứ bị ngưng hoải, lúc thì do không có tiền, khi thì do hoạt động chính trị, và sự việc đã kết thúc đúng như tôi dự liệu: tháng 6 năm 1938 cuốn phẩm *Võ sĩ giác đấu*, sau bốn năm làm việc cật lực đã hoàn thành.

Dĩ nhiên là tôi hiểu rằng việc thường xuyên quay trở lại với những nhân vật và sự kiện của thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên đã có vai trò quan trọng đối với những hoạt động sáng tác của tôi, nhất là trong giai đoạn trước và ngay sau khi đoạn tuyệt với Đảng, nó như một cách chữa bệnh thông qua lao động, giúp tôi lấy lại được sự bình tĩnh và thanh thản trong tâm hồn... Trước khi đoạn tuyệt với Đảng, tôi coi mình là nô lệ của lịch sử, còn việc viết lách là đóng góp với lịch sử. Còn bây giờ tôi muốn trở thành nhà văn chuyên nghiệp, đối với nhà văn chuyên nghiệp thì viết chỉ là một nghề. Vì vậy sau *Võ sĩ giác đấu* tôi liền bắt tay vào viết *Vòng tròn ma thuật*.

Trong bản ghi nhớ ngắn gửi cho nhà xuất bản Cape tôi chỉ viết rằng đây là cuốn tiểu thuyết viết về bốn năm người tù chính trị trong

một nhà nước toàn trị nọ. Sau khi bị kết án tử hình, họ đã bước qua đường ranh của những kế hoạch bi đát và thường nhật của đời sống và có thì giờ nhìn lại quá khứ, nhận ra rằng mình có tội, nhưng không phải những tội lỗi mà toà đã kết án. Tội lỗi thực sự của họ chính là: Họ đã đặt quyền lợi của cả loài người cao hơn quyền lợi của từng con người cụ thể, họ hi sinh đức hạnh cho sự hữu lý, lấy phương tiện làm mục đích. Họ phải chết vì theo quan điểm lịch sử thì cái chết của họ là hữu ích, họ phải chết trong tay những người suy nghĩ giống như họ. Tên cuốn sách vì vậy sẽ là *Vòng tròn ma thuật*.

Tôi bắt đầu viết cuốn sách mà chưa lường tượng được nó sẽ phát triển như thế nào, chỉ nhìn thấy trước mắt mình một nhân vật duy nhất. Tôi thấy: Anh ta đang đi lại lại trong buồng giam, người không cao, rắn chắc, chòm râu dề, luôn lấy kính lau vào ống tay áo. Đây là một người Bolshevik, thuộc “đội cận vệ già”, về trí tuệ thì gần giống Bukharin còn tính cách và hình thức bên ngoài thì vừa giống Trotsky, vừa giống Radek. Mãi tôi vẫn chưa nghĩ được tên cho anh ta. Cái tên Rubashov xuất hiện một cách rất tình cờ, tôi không biết nó có liên quan đến người nào, nhưng tôi chấp nhận ngay, có thể vì nó nhắc tôi nhớ đến cái áo may ở Nga <sup>[1]</sup> mà tôi rất thích mặc vào những buổi sáng chủ nhật. Sau này tôi mới nhớ ra rằng Nikolas Zalmanovitch Rubashov là Tổng biên tập tờ *Davar*, cơ quan ngôn luận của Đảng Lao động Palestine, tôi chưa gặp ông ta bao giờ, nhưng khi ở Palestine thì tôi vẫn nghe nhắc đến ông ta luôn. Tên cha (Zalmanovitch) lại biến nhân vật của tôi thành một người Do

Thái, lúc đó chính tôi đã không để ý, mà cũng không thấy ai nhắc tôi chuyện này.

Như vậy là đầu đã xuôi. Đêm đó, khi người ta đến bắt Rubashov thì anh đang ngủ và mơ thấy vụ bắt giữ trong một đất nước toàn trị khác, nửa tỉnh nửa mê, anh không nhận ra ngay chế độ nào trong hai chế độ toàn trị lúc đó đang đến bắt mình lần này... Điều kì lạ là tôi đã mô tả sự giống nhau giữa hai chế độ, chủ đề xuyên suốt tác phẩm như thế, trước khi Stalin ký kết hiệp ước hữu nghị với Hitler đúng một năm trời, khi mà về mặt lý trí nhiều người còn tỏ ra yêu mến Liên Xô và phủ nhận bất kì khả năng so sánh nào với nước Đức Quốc xã.

Mô tả cảnh bắt bớ không phải là việc khó, tôi đã gom góp được rất nhiều hồi ức về những sự kiện xảy ra cách đó bảy năm, chỉ cần nói lòng sự gò ép là chúng lập tức trở nên sống động trong trí nhớ. Tôi không quyết định trước quá trình phát triển của câu chuyện mà chờ đợi, vừa tò mò vừa hốt hoảng. Tôi biết trước, thí dụ, cuối cùng Rubashov sẽ đầu hàng và thú nhận đã thực hiện những tội ác giả tưởng, nhưng lúc đó tôi hiểu rất mù mờ nguyên nhân của chuyện đó. Mà nguyên nhân thì chỉ xuất hiện dần dần, trong quá trình thẩm vấn Rubashov, do Ivanov và sau đó đến Gletkin thực hiện mà thôi. Hỏi và trả lời, tất cả đều được xác định bởi cơ chế tâm lý của họ, chúng không xuất hiện một cách ngẫu hứng mà bằng cơ chế của vô thức, chúng được rút ra từ lô gích viển vông, từ những tầng sâu tâm lý, trong đó sự phân biệt giữa điều tra viên và nghi phạm, giữa đao

phủ và nạn nhân đã không còn. Dựa trên cùng một thể giới quan, những con người này không thể nói và hành động khác với cách họ đã nói và hành động trong tác phẩm.

Người phương Tây, những người xa lạ với tâm lý và thể giới quan đó sẽ cho rằng lời khai của các bị cáo trong những phiên toà ở Moskva là những điều bí ẩn vĩ đại nhất trong thời hiện đại. Tại sao những đảng viên Bolshevik cũ, những người tự coi cái chết chỉ là trò đùa, lại chấp nhận những trò điên rồ như thế? Ngay cả nếu không kể những người như Radek, tức là những kẻ chỉ muốn cứu lấy mạng sống của mình hay những kẻ đã hủ hoá hoàn toàn như Zinoviev, hoặc những kẻ muốn bảo vệ người thân như Kamenev, nghe nói ông này rất yêu quý cậu con trai, nhưng trong số họ vẫn có những người “gang thép” như Bukharin, Piatakov, Mrachkovsky, v.v..., những người có hàng chục năm hoạt động cách mạng, đã vào tù ra khám như cơm bữa, ngay những người đó cũng phủ nhận chính mình và đây là điều rất khó lý giải....

Câu chuyện về Richard, Levy Còi và Arlova được tôi lấy từ thực tế, dĩ nhiên là đã sửa đổi chút ít cho phù hợp với văn cảnh. Kỹ thuật và phương pháp lấy khẩu cung của Cục Chính trị Quốc gia (GPU) đã được mô tả rất kỹ lưỡng trong nhiều tác phẩm khác. Xin độc giả cho phép tôi dừng lại hơi lâu một chút để nói về những lý do buộc những con người thuộc loại “gang thép”, vẫn trong khuôn khổ lý luận của họ, phải thú nhận những việc hoàn toàn phi lý, bằng cách, thứ nhất, mời họ đọc lại cao trào của tác phẩm, tức là lần hỏi

cung cuối cùng do Gletkin thực hiện và thứ hai, dẫn ra một tác phẩm mà lúc đó tôi chưa hề biết, tôi muốn nói đến cuốn sách *Tôi là mật vụ của Stalin*, do Walter Krivitsky viết cùng trong thời gian tôi viết *Vòng tròn ma thuật*.

Krivitsky, một tình báo viên cao cấp, đã ly khai với chế độ của Stalin, khẳng định rằng đối với những người như ông ta, những người “nằm trong bộ máy của Stalin” trong thời gian xảy ra những vụ án Moskva, thì lời thú nhận của các bị cáo không có gì là bí ẩn cả. Mặc dù, như ông ta nói, có nhiều tác nhân, nhưng tác nhân quyết định vẫn là nhu cầu được “hoàn thành, lần cuối cùng, nhiệm vụ trước Đảng và cách mạng”. Xin xem xét trường hợp của Mratshkovsky, đảng viên từ năm 1905, anh hùng của cuộc Nội chiến, sau này trở thành đối lập và bị xử trong vụ án đầu tiên.

“Tháng 6 năm 1936,” Krivitsky viết, “công việc chuẩn bị cho phiên toà công khai đầu tiên xử phe đối lập đã hoàn tất. Có mười bốn bị cáo đã tự thú. Các nhân vật chính là Kamenev và Zinoviev đã học thuộc vai diễn và đã tập xong. Chỉ có hai người phủ nhận mọi lời buộc tội, đấy là Mrachkovsky và Ivan Smirnov, đảng viên Bolshevik kỳ cựu, chỉ huy tập đoàn quân số 5 thời Nội chiến.

Stalin không thích khởi tố vắng mặt họ. Họ đã bị tra tấn rất dã man, nhưng không có kết quả. Cuối cùng một trưởng phòng của Tổng cục Chính trị trực thuộc Hội đồng Dân uỷ (OGPU) đã cho gọi một người bạn của tôi, ông Slutsky và hạ lệnh phải thẩm vấn



Mrachkovsky, bằng bất cứ giá nào cũng phải buộc ông ta đầu hàng. Bạn tôi, người vốn rất tôn trọng Mrachkovsky, đã kể lại chuyện này như sau:

“Tôi cạo râu trước ngày thẩm vấn,” Slutsky nói, “khi kết thúc thì râu tôi dài như thế này. Người ta dẫn ông vào phòng tôi. Ông ta rất yếu, yếu ngay từ hồi Nội chiến cơ, tôi bảo ông ngồi. Ông ngồi. Tôi nói: đồng chí Mrachkovsky ạ, thế là tôi phải thẩm vấn đồng chí.”

“Tôi sẽ không nói đâu. Tôi không muốn nói chuyện với anh. Các anh còn tồi hơn vạn lần cảnh sát Sa Hoàng. Hãy chứng minh rằng anh có quyền thẩm vấn tôi. Thời cách mạng tôi chưa bao giờ nghe thấy tên anh. Loại người như anh có bao giờ chịu ra mặt trận. Còn cái này, Mrachkovsky chỉ lên huân chương Cờ Đỏ trên ngực tôi, là do anh ăn cắp được. Ông đứng lên, cởi cúc áo, để lộ ra những vết sẹo trên lồng ngực: Huân chương của tôi đây này!”

Slutsky không đáp, chỉ đẩy về phía Mrachkovsky bao thuốc và ly nước. Mrachkovsky vất hết xuống sàn:

“Mua tôi hả? Đừng có hòng. Tôi căm thù Stalin, hãy nói với hắn như thế. Hắn đã phản bội cách mạng. Chúng còn dẫn tôi đến gặp Molotov, cũng định mua đấy. Tôi đã nhổ vào mặt hắn.”

Đã đến lúc phải tán công. Slutsky nói:

“Không, đồng chí Mrachkovsky ạ, không phải tôi ăn cắp được những tấm huân chương này đâu. Tôi được phong trong thời gian phục vụ tại mặt trận Tashken, dưới quyền chỉ huy của đồng chí đây. Tôi không nghĩ và bây giờ cũng không nghĩ rằng đồng chí là tội phạm. Nhưng đồng chí cũng công nhận là mình thuộc phe đối lập. Đảng hạ lệnh cho tôi phải thăm vấn đồng chí. Còn về thương tật, xin đồng chí nhìn đây. Slutsky cũng vạch bộ ngực đầy thương tích ra. Sau đó nói tiếp: Sau chiến tranh tôi chuyển sang ngành tình báo. Đảng chuyển tôi sang lĩnh vực này. Tôi là người chiến sĩ của Đảng, tôi chỉ biết thực hiện nhiệm vụ. Nếu Đảng bảo tôi phải chết, tôi cũng sẽ chết.” (Đúng như thế, một năm rưỡi sau có thông báo rằng Slutsky đã ra đi đột ngột.)

“Anh đã thoát hoá,” Mrachkovsky nói, “anh không còn là người chiến sĩ của cách mạng nữa, anh là mật vụ, là cảnh sát.” Nhưng sau một lúc lại nói thêm: “Mặc dù anh vẫn còn một chút nhân bản.”

Theo lời Slutsky thì từ giây phút đó giữa họ đã có sự cảm thông. Slutsky bắt đầu nói về tình trạng khó khăn của Liên Xô cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại, về vòng vây của chủ nghĩa tư bản, về những kẻ thù của Đảng, những kẻ đang cố tình phá hoại uy tín của Đảng, anh ta cũng nói rằng cần phải bảo vệ Đảng bằng mọi giá vì chỉ có Đảng mới có thể cứu được cách mạng.

“Tôi khẳng định với ông ta rằng tôi không nghĩ rằng ông là một kẻ phản cách mạng. Nhưng đã mang đến và đọc cho ông ta nghe lời

khai của những người khác, chứng minh cho ông ta thấy với lòng hận thù chế độ Xô-viết người ta có thể trượt xuống vũng bùn như thế nào. Chúng tôi nói chuyện suốt ba ngày đêm liền. Cả hai chúng tôi đều không ngủ. Tôi chỉ gà gât chừng ba, bốn tiếng. Tóm lại, ông ta đồng ý rằng trong giai đoạn hiện nay chỉ duy nhất có Stalin là đủ sức lãnh đạo Đảng mà thôi. Trong Đảng không có nhóm nào đủ sức cải tổ hay bẻ gãy được bộ máy của Stalin. Trong khi đó trong nước đã tích tụ một sự bất mãn, sẵn sàng bùng nổ bất cứ lúc nào, ông ta nói như thế, mà liên kết với những người ngoài Đảng có nghĩa là sự cáo chung của hệ thống độc Đảng, mà ông ta lại tin tưởng vào chuyên chính vô sản và không dám đụng chạm đến nó, ngay cả trong suy nghĩ. Ông ta, cũng như tôi, đều đồng ý rằng người đảng viên Bolshevik chân chính phải là người tuyệt đối trung thành với Đảng, vì Đảng chúng tôi sẵn sàng chết, thậm chí chết một cách nhục nhã.”

“Trong khi làm cho Mrachkovsky kiệt sức,” Slutsky kể, “thì chính tôi cũng mỏi mệt và bị kích động không kém, cả hai chúng tôi cùng oà lên khóc khi nói đến sự cáo chung của lý tưởng cách mạng, chỉ có chế độ đáng căm thù của Stalin là còn giữ được một phần nào hi vọng vào tương lai tươi sáng, chúng tôi đã hi sinh cả tuổi trẻ vì nó và bây giờ không thể làm gì khác hơn là cứu nó, và bằng cách đó ngăn chặn sự nổi dậy của đám quần chúng tuyệt vọng và mất phương hướng kia. Để làm được chuyện đó, Đảng yêu cầu các lãnh tụ phe đối lập thú nhận công khai những hành động tội ác trời không dung, đất không tha của mình.”

Mrachkovsky xin gặp Smirnov, một chiến hữu và một người bạn cũ. Cảnh gặp gỡ làm người ta tan nát hết cõi lòng: hai người chiến sĩ Tháng Mười vừa ôm lấy nhau vừa khóc nức nở ngay trong phòng làm việc của tôi:

“Invan Nikititch,” Mrachkovsky nói, “cho chúng đi. Cần phải như thế.”

Cuối ngày thăm vấn thứ tư thì ông ta ký biên bản lời khai. Ông ta đi về buồng giam còn tôi về nhà, cả tuần sau tôi không làm được gì. Sống cũng không được nữa.”

Phải mấy năm sau khi xuất bản *Đêm giữa ban ngày* (hay *Vòng tròn ma thuật*) tôi mới đọc tác phẩm của Krivitsky vì sau khi lúc đó tôi không còn đủ sức động vào bất cứ thứ gì liên quan đến nó nữa. Trong khi đọc tôi luôn có cảm giác bồn chồn, một thứ tình cảm mà các nhà tâm lý học gọi là déjà vu (tiếng Pháp: đã nhìn thấy - cảm giác khi thấy những sự kiện đã từng xảy ra trước đây). Có một sự giống nhau đến kinh ngạc với lần lấy lời khai thứ nhất của Rubashov. Vấn đề không phải là sự tương đồng trong lập luận của Slutsky và Ivanov, điều này không có gì lạ vì hiện thực và tiểu thuyết đều được xác định bởi cùng một tập hợp các khái niệm và sự kiện. Điều làm người ta ngạc nhiên là sự giống nhau của các tình tiết: cả hai trường hợp đều bắt đầu bằng những kỷ niệm về cuộc nội chiến mà điều tra viên lại là cấp dưới của nghi can, cả hai đều bị

thương nặng ở chân và cuối cùng chính điều tra viên cũng bị thủ tiêu. Có cảm tưởng như tôi đang đọc cuốn sách viết về những người anh em sinh đôi về mặt tinh thần với Ivanov và Rubashov vậy.

Cách tôi lý giải việc Rubashov nhận tội sau này được người ta gọi là “Giả thuyết Rubashov” và đã gây ra những cuộc tranh luận kéo dài, nhưng tôi không tham gia. Xin nhắc lại rằng phương pháp làm cho những người như Bukharin, Mrachkovsky hay Rubashov thú nhận chỉ có hiệu quả khi đem áp dụng cho những đảng viên Bolshevik thế hệ cũ, những người có lòng trung thành tuyệt đối đối với Đảng mà thôi. Đối với những người khác thì phải sử dụng các biện pháp khác, tùy hoàn cảnh. Tôi phải nói như thế vì trong những cuộc tranh luận về *Đêm giữa ban ngày* (hay *Vòng tròn ma thuật*) nhiều người cố tình khẳng định rằng tất cả những lời thú nhận đều được tôi giải thích bằng “Giả thuyết Rubashov” cả. Hoàn toàn không phải như vậy. Ba tù nhân trong tác phẩm của tôi, chỉ có một mình Rubashov thú nhận tội lỗi là do lòng trung thành đối với Đảng. Mối Thờ thú nhận là vì không chịu được tra tấn. Còn người nông dân mù chữ thì chẳng hiểu gì, anh ta đã quen nghe lệnh cấp trên và sẵn sàng nhắc lại bất cứ thứ gì người ta bảo... Nhưng sau này, nhiều năm sau này, khi diễn ra những phiên tòa công khai tại những nước gọi là “dân chủ nhân dân”, những người phản đối tôi tiếp tục khẳng định rằng vì Hồng y Mindszenty hay ông Fogler không có cảm tình với Đảng Cộng sản cũng phải thú nhận nên “giả thuyết Rubashov” rõ ràng là sai. Chứng minh kiểu đó thì khác nào khi thấy cái đinh dính vào cục nam châm còn con ruồi thì dính vào băng dính và lập

tức kết luận rằng lý thuyết về sức hút của từ trường là sai. Tôi nghĩ rằng nguyên nhân của những lý luận kì quặc như thế - trong đa số trường hợp là của những người có thiện ý - là do đầu óc chúng ta thường muốn qui nạp và tìm ra một lời giải thích duy nhất, theo kiểu tìm lapis philosophicus (hòn đá minh triết) cho những hiện tượng bí hiểm nhưng khác nhau về bản chất. Để làm rối trí người quan sát, trong mỗi phiên toà người ta lại đưa ra một nhóm các bị cáo đã được chọn lựa một cách kỹ lưỡng, những người “gang thép” đứng cạnh những kẻ đã mất hết ý chí và cả những tên khiêu khích nữa, họ hành động giống nhau, dĩ nhiên là vì những lý do khác nhau.

Tôi bắt đầu viết *Vòng tròn ma thuật* vào tháng 9 năm 1938, trong những ngày ký Hiệp định Munich, và hoàn thành vào tháng 4 năm 1940, một tháng trước khi Đức tấn công Pháp. Cũng giống như *Võ sĩ giác đấu*, công việc cứ bị gián đoạn, có khi khá lâu vì tôi tin rằng sau Munich thì chẳng mấy chốc Đức sẽ tấn công và Pháp cũng chỉ đứng vững được vài tuần là cùng.

Công việc đang đến hồi khẩn trương thì trong túi tôi lại không còn đồng xu nào. Tôi cần khoảng nửa năm nữa để hoàn thành tác phẩm, muốn có số tiền đủ sống trong thời gian đó tôi buộc lòng phải hi sinh tháng 4 và tháng 5 năm 1939 để viết cuốn sách thứ ba, mà cũng là cuốn cuối cùng, về vấn đề tình dục. Sau đó tôi có 3 tháng làm việc yên tĩnh ở miền Nam nước Pháp, rồi lại gặp trở ngại: chiến tranh khởi sự vào ngày 3 tháng 9 và ngày 21 tháng 10 thì tôi bị cảnh sát Pháp bắt.

Sau đó là một loạt tình huống vô lý theo kiểu Kafka, được tôi ghi lại trong tác phẩm *Căn bã*. Tôi phải ở trong trại giam tại Pirenee bốn tháng trời. Tháng 1 năm 1940 tôi được thả nhưng vẫn nằm dưới sự quản thúc của cảnh sát, tôi tiếp tục viết suốt mấy tháng trời, tuy thường xuyên bị gọi lên thẩm vấn và tôi sợ rằng nếu bị bắt một lần nữa thì tác phẩm coi như hỏng.

Nhưng có lẽ một vị thần tốt bụng đã hộ mệnh cho nó. Trong một vụ khám xét vào tháng 3, cảnh sát đã lấy của tôi khá nhiều giấy tờ, nhưng không hiểu sao họ lại bỏ qua bản thảo *Đêm giữa ban ngày* (hay *Vòng tròn ma thuật*). Một bản nằm ngay trên bàn viết, tôi để ở đấy là theo lời khuyên của Alan Edgar Poe: để vật cần giấu ở chỗ dễ nhìn thấy nhất, đồng thời, trái ngược với lời khuyên đó, tôi nhét một bản ở ngăn trên cùng của tủ sách. Tôi lại bị bắt một lần nữa, bản thảo tiếng Đức vì thế mà bị mất. May là lúc đó bản dịch tiếng Anh đã xong và đã được gửi đến London, mười ngày sau Đức tấn công Pháp. Như vậy nghĩa là cuốn sách đã lọt qua một kẽ hở rất nhỏ.

Nửa năm sau tôi cũng đến Anh, cuốn sách đang ở giai đoạn in thử. Tôi bị tống vào tù ngay khi bước lên đất Anh. Lại có một trở ngại vì tù nhân không được quyền nhận sách từ ngoài đưa vào, nhưng vì có bằng chứng không thể chối cãi được là tù nhân chính là tác giả cuốn sách nên giám đốc nhà tù đã đồng ý cho tôi nhận bản in thử. Đây là lần đầu tiên tôi biết tên tác phẩm của mình bằng tiếng Anh.

Nó được lấy cảm hứng từ câu thơ của Milton: “Bóng tối, bóng tối giữa đêm trắng” và do Daphne Hardy, một nữ phiên dịch viên trẻ đặt, cô vốn không phải là phiên dịch viên mà là nhà điêu khắc (trong *Căn bã* có mang biệt danh X). Daphne trốn khỏi Pháp trước tôi và sau thời gian xa cách chúng tôi lại được gặp nhau nhà tù ở London và nói chuyện với nhau qua song sắt ngay trước mặt giám thị. Khi đưa tôi quay lại buồng giam, người giám thị đã hỏi tôi sao lại nói chuyện với bạn gái lâu như thế về một cuốn sách. Tôi bảo đây là cuốn sách của tôi, viết về một người tù bị biệt giam. “Thế thì ông đúng là một nhà tiên tri,” anh ta nói thế rồi đóng sầm cửa lại.

Cuốn sách ra đời khi tôi vẫn còn ở trong tù.

(*Báo Văn học*, 3 tháng 8 năm 1988. Phạm Minh Ngọc dịch theo bản tiếng Nga tại địa chỉ: <http://lib.ru/INPROZ/KESTLER/tma.txt>)

Mời bạn ghé thăm blog: [Đào Tiểu Vũ](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.





BOOK

**Free Downloads**

<http://daotieu.vu.blogspot.com>